

CỎ THƠM

THÁNG 06, NĂM 2014

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

<dathphan1@gmail.com>

CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN

<littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐỖ BÌNH.

ĐINH CƯỜNG. NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

NGÔ TĂNG GIAO. VŨ HỐI.

NGUYỄN QUỐC KHẢI. PHAN KHÂM.

HUY LÂM. NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

ĐẶNG NGUYỄN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ.

TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.

HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯỜNG ANH THỤY. BÙI THANH TIỀN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

NGUYỄN BẠCH: Lake Wood, WA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH HỘI VIÊN

B. Lê Anh Dillard , Ô. Hồ Trường An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh,
TS Võ Hùng Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá, B. Nguyễn Bạch, Ô.B. Nguyễn Ngọc Bích,
Ô.B. Phạm Hữu Bình, Ô. Đỗ Bình, Ô. Nguyễn Bông, Ô.B. La Trung Chánh,
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lê Văn Chính, B. Lê Thị Ngọc Dung,
B. Dzung Senser, Ô. B. Phan Anh Dũng, ÔB. Đại Dương-Phạm Thị Nhung,
Ô.B. Nguyễn Quý Đại, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Văn Đoàn,
ÔB. BS Nguyễn Anh Dũng & Phương Liên, Ô.B. BS Hoàng Giang, B. Đỗ Thị Minh Giang,
B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Nguyễn T. Song Hà, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Ô. Lý Thy Hiểu,
B. Tô Diễm Hồng, Ô. Trương Hùng, Ô.B. Nguyễn Mậu Hưng, Ô. Nguyễn Quốc Khải,
Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Phấn,
Ô.B. Nguyễn Lâm, Ô.B. Nguyễn Khoa Lâm, Ô. Đoàn Thanh Liêm, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. Vũ Nam, Ô.B. Nguyễn Phú Long, Ô.B. Phạm Bá Luân,
B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Nguyễn T. Phương Nga, B. Trần Tuệ Nga,
Ô. Cao Nguyên, Ô. Đăng Nguyên, B. Phan Thi Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm, Ô. Lê Xuân Nhuận,
B. Phạm Thị Nhung, Ô.B. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt,
Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Lê Quang Phùng, B. Kim Phụng, Ô.B. Lưu Quang,
B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương, Ô. B. Đèo Văn Sách,
Ô. Trần Bích San, Ô.B. Nguyễn Sơn, Ô. Hồ Công Tâm, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, B. Phong Thu, Ô. Mỹ Phước Nguyễn Thanh,
Ô. B. Nguyễn Văn Thành, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu,
B. Nguyễn Mây Thu, Ô. Lê Văn Trạch, B. Nguyễn Hồng Thủy, Ô. Bùi Thanh Tiên,
Ô. Nguyễn Toàn, B. Sarah Liên Trang, B. Diễm Trân Kratzke, Ô. Nguyễn Đình Trân,
B. Tô Bạch Tuyết, ÔB. Phạm Văn Tuấn, BS Phan Khắc Tường, Ô.B. Phạm M. Xuân,
Ô. Đoàn Ngọc-Xuân.

MẠNH THƯỜNG QUÂN

Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung,
BS. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty Inc, Harvest Moon Restaurant.



MỤC LỤC

BIÊN KHẢO	Trang	PHAN ANH DŨNG: Hoàng Sa...	184
TRẦN BÍCH SAN: Chữ Việt...	10	NGUYỄN HOA: Dòng nhạc Trần Trí Phúc, Buổi Hẹn Mặt Cỏ thơm	190
NGUYỄN VĂN NHIỆM:	20	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	193
ĐÀO ĐỨC CHUỖNG: Sơ Lược...	29	Chào Mừng Quan Khách	
PHẠM VĂN TUẤN: Charles Darwin	47	NGUYỄN LÂN: Giới thiệu	
PHẠM TRỌNG LÊ: Câu chuyện ...	58	Chủ Nhiệm Cỏ Ghơm	195
VĂN DUY TÙNG: Đức Giáo Hoàng	65		
ĐINH CƯỜNG: Modigliani...	87		
MỸ PHƯỚC Nguyễn Thanh:			
Bến Chương Dương	94	THƠ	
PHẠM THỊ NHUNG:	152	PHAN KHÂM: Hẹn Mặt Thủ Đức	28
Thi Phẩm Dòng Cỏ Nguyệt		NGÔ VĂN GIAI: Mừng Sinh Nhật ...	20
		LÝ HIẾU: Mây Nắng Hạ	20
		HẠ THÁI TQP: Hoàng Sa	39
		NGUYỄN PHÚ LONG: Truyền Kiếp	39
		NGUYỄN VÔ CÙNG: Hùng Khí Việt	39
		MOTTHOI: Quốc Nạn	39
		HỒ CÔNG TÂM: Gọi Nhau Xuống...	42
		BÙI THANH TIÊN: Nửa Ngày Mộng Mị	57
		MẠC PHƯƠNG ĐÌNH: Món Quà...	101
		VŨ ĐỨC NGHIÊM: Tù Oán	110
		ĐT MINH GIANG: Thoáng Băng Khuâng	110
		DUY AN ĐÔNG: Tình Quê	110
		CAO NGUYỄN: Đồng Hành	112
		UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	115
		Áo Trắng Học Trò	
		Ý ANH : Con Đường	121
		HỒNG THUỶ: Về Lại Chốn Xưa	121
		PHƯƠNG DU NBH: Nhớ Thi Nhân	132
		ĐẶNG NGUYỄN: Thương Trận Địa	134
		XUÂN BÍCH: Ca Dao Vạt Áo	136
		NGUYỄN MÂY THU: Cho tôi tìm lại	141
		DIỆM TRẦN: Tưởng Nhớ	146
		LUÂN TÂM: Anh Ru Em Ngủ Mộng...	150

GIAO ĐIỂM

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH: Món quà	101
THANH THAN LXN: My Vu Lan...	101
DIỂM HOA: Aux Deux Cloches	107
TÂM MINH: Lo Lắng Làm Chi	129

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

NGUYỄN VĂN NHIỆM	27
PHẠM VĂN TUẤN	55
BÙI THANH TIỀN	57
NGÔ TĂNG GIAO	86
NGUYỄN LÂN	108
CAO NGUYÊN:	112
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT	115
Ỡ NGUYỄN	120
Ý ANH	121
DIỆM TRÂN	146
PHẠM THỊ NHUNG	157
PHAN ANH DŨNG	186

TRANH - HÌNH

CÁT ĐƠN SA: Bồ Câu	01
CÁT ĐƠN SA: Giác ngấn	164
HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM	187
VI VI: Tiếng Sáo Hè	210

GIỚI THIỆU

HA NGUYEN & ASSOCIATES	02
MỘT THỜI LƯU VONG: Hồ Công Tâm	19
NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM:	56
Phạm Văn Tuấn	
BIỂN TÌNH: Phương Duy	81
HƯƠNG ÁO: Luân Tâm	93
PM BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	109
THAO THỨC: Cao Nguyên	114
SOVEREIGN REALTY, INC.	180
PM BS NGUYỄN THỊ Kim Dung	196
HARVEST MOON RESTAURANT	207
PHIẾU MUA BÁO	208



Biểu tình tại Washington, DC. phản đối Trung Quốc lấn chiếm quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và tàu Trung Cộng tấn công tàu Việt Nam . (Hình Câu Lạc Bộ Thơ Ảnh HTĐ)

MÙA HÈ BIỂN ĐỘNG

Tháng 5 vừa qua là tháng dầu sôi lửa bỏng ở Việt Nam. Trung Cộng đã đem giàn khoan dầu đặt vào vùng biển Hoàng Sa thuộc hải phận Việt Nam. Tàu Trung Cộng trang bị vũ khí đã phun vòi nước mạnh và đâm vào tàu tuần phòng của Việt Nam. Hành động ngang ngược xâm lăng này đã khiến những biển người biểu tình khắp trong nước và hải ngoại. Ở đâu có cộng đồng người Việt ở đó có biểu tình phản đối Trung Cộng. Ngày 5/23, 2014, một phụ nữ trung niên đã tự tử bằng tự thiêu và từ trần trước Hội Trường Thống Nhất Sài Gòn, để phản đối sự gây hấn, ngạo ngược của Tàu cộng. *Giặc đến nhà đàn bà phải đánh* là vậy.

Lịch sử đã cho biết cái nước khổng lồ phía Bắc biên giới Việt từ 4000 năm nay vẫn không ngơi nghĩ ý đồ buông tha nước Việt nhỏ bé miền Nam. Từ thời Hùng Vương, Trưng, Triệu, Lý, Lê, Trần, Quang Trung Nguyễn Huệ, bao nhiêu anh hùng, nhi nữ đã đứng mãnh chống quân xâm lăng, lấy lại giang sơn bị quân Tàu Bắc Phương đô hộ, để bảo vệ dân tộc Việt trường tồn.

Nhưng quân Trung Cộng ngày nay vẫn không ngừng lấn chiếm đất đai Việt Nam. Nước mình nhỏ bé, thiếu quân, thiếu khí giới không thể đơn phương đối đầu với Trung Cộng. Chỉ còn cách chính đốn lại cái chính phủ nhu nhược, tham nhũng, độc ác, bóc lột dân, thay đổi một chính quyền có tự do dân chủ, bảo vệ nhân quyền, nhân bản cho người dân thì các nước khác mới giúp chống ý đồ xâm lược của Trung cộng. Người Việt phải tự ý thức, phản đối Trung cộng bằng cách: Không nghe, không mua hàng hóa sản phẩm Trung Quốc. Dân Trung cộng không coi người mình ra gì, tại sao chúng ta lại rủ nhau leo Vạn Lý Trường Thành để tỏ lòng thần phục và củng cố kinh tế của chúng. Nhưng cũng phải nhấn mạnh ở đây, chúng ta chống và căm thù Trung Quốc, không có nghĩa chúng ta ghét bỏ cả những người gốc Hoa đã thoát khỏi Trung Hoa địa ngục và đến với thế giới văn minh, tự do, dân chủ, nhân đạo. Chúng ta vẫn thân thiện với người gốc Hoa sinh sống, và làm ăn lương thiện bên cạnh chúng ta như chúng ta đã tha thứ và thân thiện với Việt cộng bỏ hàng ngũ Công sản, hồi chánh trở về phía Quốc Gia.

Các tác giả Cổ Thơm cũng như những người Việt yêu nước khác có những bài thơ, văn sôi sục khí tiết phản kháng sự hống hách của Trung cộng đối với Việt Nam. Xin mời quý độc giả xem bài “Việt Nam Sẽ Làm Tất Cả Những Gì Cần Làm Để Bảo Vệ Đất Nước” của Nhà Văn Văn Quang, trang 40. Bài “Gọi Nhau Xuống Đường” của thi sĩ Hồ Công Tâm, trang 42. Không ngày nào là ngày Cổ Thơm không nhận được những bài thơ rửa sả Tàu Cộng của Thi Sĩ ta. Nhà thơ Nguyễn Kinh Bắc cũng hô hào dân chúng Việt Nam nổi dậy đòi lại sông núi, “Vang Khúc Hợp Đoàn”, trang 45. Trang 184, Nhạc sĩ Phan Anh Dũng giới thiệu bản nhạc “Hoàng Sa, Trường Sa Quần Đảo Quê Ta” của Nhạc Sĩ Trần Chí Phúc và bản nhạc “Trường Sa, Lương Tri Thế Giới” của Nhạc Sĩ Nguyễn Văn

Đông, cùng ôn lại trận hải chiến quyết tử bi hùng của Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa với Tàu cộng tại Quần Đảo Hoàng Sa, tháng giêng 1974.

Chúng ta cũng mong Trung Quốc chỉ dọa nước láng giềng nhỏ bé, nhưng còn nể các cường quốc Âu Mỹ, không dám muối mặt ào ạt xô quân xâm lấn Việt Nam như trong lịch sử Việt chúng ta đã học từ thuở cấp sách đến trường. Nhưng nếu chúng gây chiến thì dân tộc ta sẽ phải quyết chiến đến giọt máu cuối cùng.

Tình hình nước nhà phiền nhiễu như vậy, nhưng tình hình vườn hoa văn học Cỏ Thơm rất sáng sủa, tương bình. Chúng ta được sống trong một nước tự do mà! Trong số báo này quý vị sẽ xem nhiều hình ảnh người Cỏ Thơm vì chúng tôi vừa có buổi Kỷ Niệm Sinh Nhật Cỏ Thơm Thứ 19, tại Nhà Hàng Harvest Moon, Falls Church, trưa ngày 30 tháng 3, 2014. Lần đầu chúng tôi tổ chức họp mặt vào buổi trưa, những tưởng không có khiêu vũ thì ít người tham dự nên hạ giá \$25 một vé. Nhiều vị đã lo Cỏ Thơm sẽ bị lỗ vốn to. Nhưng không, Cỏ Thơm chưa bao giờ tổ chức chuyện gì mà lời nhiều nhưng cũng không bao giờ lỗ vốn cả. Ngày họp mặt này thật đông đảo, gần 300 người đến tham dự. Có lẽ một phần quan khách cũng muốn xem mặt nhạc sĩ trẻ tuổi Trần Chí Phúc từ California sang tham dự. Cỏ Thơm nhân dịp này đã giới thiệu Trần Chí Phúc với chương trình ca nhạc chọn lọc, xuất sắc của anh do các nghệ sĩ tài tử nhưng thượng thặng của vùng Thủ Đô Hoa Kỳ trình bày. Tưởng rằng thời tiết cuối tháng ba không còn tuyết, nhưng đến giữa chương trình, trời làm ngạc nhiên, cho một trận vừa mưa vừa tuyết mịt mù. Một nửa số quan khách phải về sớm. Chủ nhiệm Cỏ Thơm nhất định là phải ở đến giờ phút chót mới ra về, vừa lái xe vừa cầu nguyện bình an cho quan khách, thân hữu và cả cho riêng mình. Mời quý vị xem bài tường thuật về buổi họp mặt Cỏ Thơm 30 tháng 3, 2014 của Nguyễn Hoa trang 190.

Quý độc giả chắc cũng để ý thấy trong số báo này chúng tôi có đăng tiểu sử và hình của nhiều tác giả. Bởi vì chúng tôi muốn Tam Cá Nguyệt San sẽ là tủ sách ghi lại tài liệu về các cây bút đã từng cộng tác và viết cho Cỏ Thơm, mặc dầu các cây viết có nhiều hay ít tác phẩm hay chưa có tác phẩm nào. Nhưng biết đâu Cỏ Thơm sẽ là bước đầu và sau này các cây viết mới sẽ trở thành các cây viết kỳ cựu của giới văn học Việt Nam hải ngoại và sẽ có tác phẩm đáng kể như ai.

Nói tới tác giả Việt lại nghĩ tới một tác giả tên tuổi Mỹ vừa bật ra trên ngón tay gõ computer của chúng tôi, đó là Maya Angelou. Bà vừa qua đời ngày 28 tháng 5, 2014, hưởng thọ 86 tuổi. Maya Angelou sinh năm 1928. Bố mẹ ly dị năm cô bé mới 3 tuổi. Maya hết bị gửi đến ở với bà nội, lại về với bố và rồi về lại với mẹ. Năm 8 tuổi Maya bị người bồ của mẹ hãm hiếp. Maya bị mất tiếng nói trong tình trạng sợ hãi, nhưng được một bà giáo bạn của gia đình chỉ dẫn tập nói lại với những quyển sách của các tác giả nổi tiếng như Charles Dickens, Williams Shakespeare, Edgar Allan Poe v.v. và vài nữ tác giả người da đen khác. Năm 14 tuổi Maya được đến một trường học nghề lao động. Năm 17 tuổi Maya đã có một con trai, không học hết High School. Maya đã trải qua nhiều nghề lao động, gái điếm, vũ nữ, ca sĩ. Sau cùng Maya đến New York, giao thiệp với một nhóm nghệ sĩ, nhà văn, nhà thơ người da đen. Maya theo đuổi nghề ca sĩ, nhảy

múa, kịch sĩ và bắt đầu làm thơ, viết văn. Maya Angelou du lịch nhiều nước và gặp nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới. Đi đến đâu Maya học tiếng nước đó và được cấp bằng. Bà Angelou đã cho xuất bản 7 tập hồi ký. Tập hồi ký thứ nhất “I Know Why the Caged Bird Sings” (Tôi Biết Tại Sao Chim Hót Trong Lồng), 1969, viết về cuộc đời từ thuở thơ ấu đến năm 17 tuổi. Maya Angelou đã là nữ tác giả da đen đầu tiên viết về đời tư của mình. Tập thứ ba “Singin’ and Swingin’ and Gettin’ Merry Like Christmas”, (1976), (Hát và Vui Như Lễ Giáng Sinh) đã làm nổi danh Maya Angelou khắp hoàn cầu. Với tập thơ “Just Give Me a Cool Drink of Water Before I Die” (1971), Bà Maya Angelou được đề nghị giải Pulitzer. Bà trở thành nghệ sĩ diễn xuất, kịch tác gia, giám đốc sân khấu và màn ảnh. Bà đã hoạt động trong Phong Trào Chống Kỳ Thị Da Đen và Phong Trào Tranh Đấu Cho Quyền Công Dân của Martin Luther King, Jr. Tổng Thống Clinton mời Maya Angelou đọc bài thơ 668 chữ của bà “On the Pulse of Morning” (Mạch Sống Ban Mai) trong buổi dâng quang của ông, tháng 1 năm 1993. Nữ sĩ Maya Angelou đã được cấp 40 bằng Tiến Sĩ Danh Dự của nhiều trường đại học. Cuộc đời của Bà Maya Angelou rất phong phú, từ đất đen lên đài danh vọng. Giới hạn của lá thư Toà Soạn chỉ vắn tắt vài dòng ngưỡng mộ mà thôi. Maya Angelou không cần xuất thân dòng dõi quý phái, học thức cao xa, nhưng với khả năng thiên phú bà đã trở thành một nữ sĩ nổi tiếng văn học Hoa Kỳ và toàn cầu. Giới văn học Việt Nam có học hỏi và thay đổi thành kiến được chút nào về cuộc đời và sự nghiệp của Thi Hào Maya Angelou không?

Sau đây xin trở lại vấn đề Cỏ Thơm. Ông Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm và Tổng Thư Ký Đỗ Tràng Mỹ Hạnh là hai hội viên cùng chủ nhiệm lo việc gửi báo. Hai vị này cứ thúc giục Cỏ Thơm phải tăng giá báo hằng năm vì tiền in cũng tăng, cước phí cũng tăng kinh khủng. Nên chúng tôi buộc lòng phải tăng giá báo gửi trong nội địa Hoa kỳ là \$40 Mỹ kim từ số báo này. Chúng tôi mong rằng quý vị độc giả yêu văn học, quý Cỏ Thơm vẫn không quản ngại ủng hộ thêm \$5 một năm. Giá báo gửi đi Âu Châu và Canada vẫn là US \$50, vì chúng tôi không muốn độc giả phải trả nhiều hơn, ngoại trừ sự tình nguyện.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm xin cảm ơn quý văn thi hữu Cao Nguyên, Hồ Công Tâm, Luân Tâm, Phạm Văn Tuấn, Ngô Tăng Giao đã tặng sách và xin chúc mừng quý vị đã cho xuất bản những đứa con tâm hồn quý báu.

Chúng tôi cũng thành thật xin lỗi quý độc giả, số báo này có nhiều bài vở nên Cỏ Thơm lại phải dùng chữ nhỏ. Đặc biệt những bài viết công phu của BKG Trần Bích San “Chữ Việt Thời Thượng Cổ”, trang 10, bài viết của Họa Sĩ Đinh Cường, *Modigliani*, *Người Họa Sĩ Lầy Lìng...* trang 87, và bài viết *Bến Chương Dương* của BKG Mỹ Phước Nguyễn Thanh, trang 94, có nhiều hình ảnh phụ bản rất quý không thể bỏ được.

Xin chúc quý độc giả, quý tác giả và quý thân chủ quảng cáo được nhiều sức khoẻ và một mùa hè thoải mái, hạnh phúc.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

CHỮ VIỆT THỜI THƯỢNG CỔ

TRẦN BÍCH SAN

Trước khi *Chữ Quốc Ngữ*ⁱ xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ 16 do các giáo sĩ người Âu Châu sang Việt Nam truyền đạo, *Chữ Nôm*ⁱⁱ là thứ chữ riêng của nước ta dùng để ghi lại tiếng nói của người mình. Chữ Nôm có phải là văn tự đầu tiên hay trước đó chúng ta đã có một thứ chữ khác? Đề tài về cổ văn tự được các nhà ngữ học, khảo cổ, học giả bàn thảo từ nhiều năm qua.

Theo Dương Quảng Hàmⁱⁱⁱ “*Dân tộc ta trước khi nội thuộc nước Tàu, có thứ chữ riêng để viết tiếng Nam hay không; đó là một vấn đề, hiện nay vì không có di tích và thiếu tài liệu, không thể giải quyết được*”^{iv}. Nghiêm Toàn^v cũng cho rằng “*Trước hồi Bắc Thuộc ta vẫn có tiếng nói riêng, còn chữ viết thì không biết ta đã có hay chưa?*”^{vi}.

Không bỏ lửng như Dương Quảng Hàm và Nghiêm Toàn, các tác giả khác khác tiếp tục tìm tòi về cổ văn tự Việt. Kết quả các công trình nghiên cứu cho đến nay có 2 khuynh hướng trái ngược.

THỜI CỔ VIỆT NAM KHÔNG CÓ CHỮ VIỆT

Một cách gián tiếp, Lê Văn Siêu,^{vii} khi luận về văn tự đã khẳng định vào đời Hùng

Vương, trước khi bị Tàu xâm chiếm, nước ta chưa có chữ viết: “*Sử có chép là nhà vua (Hùng Vương^{viii}) đã một lần đi đánh miền Nam đến cửa bể Thân Phù, tức là đến Thanh Hóa nơi gốc cũ, thuyền bị gió cản không đi được, sau có một đạo sĩ xưng là La Viện xin cỡi thuyền đi trước dẫn đường để tam quân đi sau. Tự nhiên không có sóng gió gì nữa. Khi tầu khai trở về, La Viện mất. Vua truy phong là Áp Lăng Chân Nhân, lập đền thờ ở bờ sông để thờ. Lại cũng theo tục truyền, khi vua Hùng Vương Nam chinh đóng quân ở núi Khả Lao (Thanh Hóa), có nằm mơ thấy thần báo rằng “Xin có cái trống đồng và dùi đồng giúp nhà vua thắng trận”. Đến lúc ra trận thì thấy trên không vắng vắng có tiếng trống đồng rồi quả nhiên được toàn thắng. Vua bèn sắc phong thần núi xã Đam Mê là Đồng Cổ Đại Vương, và đền thờ từ đấy gọi là Đồng Cổ Thần Từ (trong còn một cái trống bằng đồng cổ)*”.

Trong phần chú thích, Lê Văn Siêu ghi: “*Xin lưu ý: hồi này chữ Hán chưa được truyền vào Giao Chi, làm sao mà vua Hùng Vương có thể có chữ để phong cho thần là những Áp Lăng Chân Nhân với Đồng Cổ Đại Vương? Vậy việc đi đánh miền Nam có thể có thực, nhưng đặt duệ hiệu theo những tiếng Nôm nào đó, còn sự phong tặng chỉ là những thêm thắt của đời sau*”^{ix}.

Cùng quan điểm Việt Nam chưa có chữ viết riêng cho tới khi bị người Tàu đô hộ và chữ Hán là văn tự đầu tiên chúng ta sử dụng, Vũ Thế Ngọc^x, với nhãn quan khoa học, không chấp nhận lý luận nặng về tình cảm, nhẹ về khảo chứng: “*Tự hào là con dân một nước văn hiến lâu đời, chắc chắn chúng ta đều hãnh diện khi chứng minh được rằng người Việt đã có chữ viết từ thời lập quốc. Tuy nhiên sự thật là cho đến nay (1987), chưa có một chứng kiện nào cho thấy ta có văn tự trước thời Bắc thuộc. Có lẽ chứng kiện còn đang chôn sâu dưới lòng đất hoặc ở ngay trên hàng ngàn trống đồng nhưng vì ta chưa tìm được cách đọc chăng? Sự việc không có một văn tự ở thời cổ đại không chứng minh một điều nào hết. Việc có chữ viết dù có là một chứng chỉ đánh dấu trình độ văn minh của một dân tộc nào đó, nhưng điều đó không bao hàm logic trái ngược.*”^{xi}

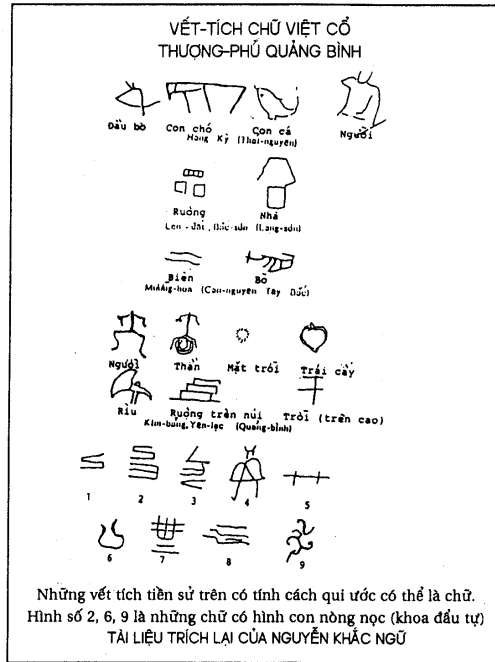
CÓ MỘT THỨ CHỮ VIẾT THỜI THUỘNG CỔ

Đa số các nhà biên khảo, học giả, sử gia đều cho rằng trước thời Bắc thuộc, khi chưa tiếp xúc với người Tàu và biết chữ Hán, dân tộc ta đã có một thứ chữ riêng để ghi tả tiếng nói của mình.

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục của Quốc Sử Quán triều Nguyễn có ghi lời chú: “*Dựa theo sách Thông Chí của Trịnh Tiều và sách Cương Mục Tiên Biên của Lý Kim Tường thì đời Đào Đường (2357-2258 TTL) ở phương Nam có họ Việt Thường qua 2 lần sứ dịch sang châu dâng rùa thân. Rùa này có lẽ đã sống đến ngàn năm, mình nó đến hơn 3 thước (96 cm),*

SỐ 67

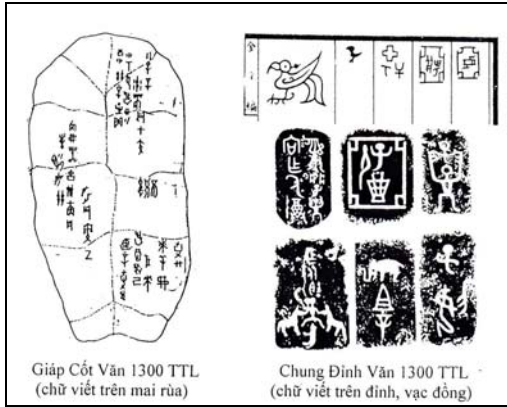
trên lưng có chữ Khoa Đầu ghi chép việc từ khi mới mở mang về sau. Vua Nghiêu sai chép lấy gọi là Qui Lịch”^{xii}



Hoàng Đạo Thành,^{xiii} tác giả Việt Sử Tân Ước Toàn Thư, tin rằng nước ta đã có chữ viết riêng từ trước thời Bắc thuộc: “*Nước Nam đời xưa đáng lý phải có chữ, nếu không thì những việc cũ theo đầu mà ghi nhớ? Lúc Sĩ Thử Sử (Sĩ Nhiếp) dạy chữ thì khi ấy mới học văn Hán, dùng chữ Hán vậy. Vì văn Hán thông dụng đã lâu nên quốc tự không còn truyền, không thể khảo ở đâu được. Thử xem dân miền núi thượng du đều có chữ dân cùng dùng với nhau, há lại riêng nước ta không có chữ ru?”^{xiv}*

Nguyễn Đông Chi^{xv} và Lương Đức Thiệp^{xvi} cố xúy cho lập luận trên, quả quyết trước thời vay mượn chữ Hán, Việt Nam đã có

văn tự riêng nhưng vì trải hơn 1000 năm Bắc thuộc những dấu tích đã bị người Tàu tàn phá hết.



Lương Đức Thiệp đưa ra ức thuyết “về thời cổ dù mức sinh hoạt dân chúng Việt Nam còn thấp kém, nhưng khi xã hội đã bành trướng, có tổ chức, có một số dân khá đông, xã hội Việt Nam ngay từ buổi đầu bắt buộc phải tạo ra một thứ chữ để ghi chép những chuyện quan hệ xảy ra trong xã hội, trong gia đình, trong thôn xóm, hoặc ghi chép những thể lệ một đoàn thể. Thứ chữ ấy sau vì không tiện hoặc vì ảnh hưởng chính trị văn hóa Trung Quốc mà bị đào thải, nên ngày nay ta không còn thấy vết tích nào về thứ chữ đó cả”^{xvii}.

Nguyễn Đông Chi lý luận: “Một dân tộc đông và tiến hóa như dân tộc Việt Nam lẽ nào lại không có một văn tự riêng trong khi ba bề bốn bên người Tàu, Lào, Chàm ai nấy đều có cả”.

Thực tế thì người Lào, Chàm, Mường, Thổ kém văn minh hơn Việt Nam mà họ đều có

chữ viết riêng để sử dụng từ thời xưa. Ngay như người Mường ở Phủ Tương, Phủ Quý thuộc tỉnh Nghệ An nằm sát cạnh nhau mà cũng có tới 2 thứ chữ khác nhau. Vương Duy Trinh^{xviii} xác định trong sách Thanh Hóa Quan Phong “*Tỉnh Thanh Hóa một châu quan có chữ là lối chữ thập châu. Người ta thường nói “Nước ta không có chữ”. Ta nghĩ rằng không phải vậy. Thập châu vốn là đất nước ta, trên châu còn có chữ, lẽ nào dưới chợ lại không? Lối chữ châu là lối chữ nước ta đó*”. Nhận định này khả tín vì người Mường hầu như không bị ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và là di duệ chính của người Việt Thường. Lối chữ châu gần với chữ của người Lào hoặc người Miên, có tổng cộng 35 chữ cái^{xix}.

VẾT-TÍCH CHỮ VIỆT ĐỒ ĐỒNG ĐÔNG-SƠN

ĐỒ TÍCH	CHỮ	SỐ LƯỢNG	SỐ TỶ	CHỮ	SỐ LƯỢNG
1		1	11		1
2		1	12		1
3		1	13		1
4		1	14		1
5		1	15		1
6		2	16		1
7		2	17		1
8		9	18		1
9		3	19		1
10		1	20		1

Các dấu hiệu trên những lưỡi cày và khí giới tìm được ở Thanh Hóa

(Tài liệu của Hà Văn Tấn)
TRÍCH LẠI CỦA NGUYỄN KHẮC NGŨ

Kim Định^{xx} giải thích lý do tại sao không có dấu vết chữ viết trên trống đồng Đông Sơn: “*Không thể thấy vắng bóng chữ viết trên trống đồng mà cho rằng Lạc Việt chưa có chữ bởi không viết có thể vì chữ chưa hình thành xong, hoặc tại lý do hay tin tưởng nào đó, chẳng hạn tin rằng đồ xài lâu năm có hơi hướng người chủ dính dáng chày ngày sẽ thành ma quỷ phá phách người sống, nên người không dám viết chữ. Chính vì thế đồ sứ xưa không hề có chữ. Có chữ ký vào mới xảy ra về sau, từ khi giao thiệp với Tây Phương đòi ghi chú, cũng như nhiều đồ đồng nhà Thương không có chữ...(Creel, trang 118)*”.

Tiếp theo, căn cứ vào các dữ kiện của những học giả Tây Phương liên quan tới chữ cổ, Kim Định khẳng định Việt Nam đã có văn tự trước cả người Trung Hoa “*Nhiều học giả nhắc tới thứ chữ cổ xưa và gọi là Điều Tự^{xxi}, và nơi khác có nói đến con rùa Việt Thường cống vua Nghiêu trên lưng có cổ tự^{xxii}. Hai điểm trên hợp với lưu truyền xưa nói rằng chữ ban đầu viết theo lối chân chim hay con quặng. Đó là hình dáng rất hợp cho chữ VÁN ban đầu chỉ nét rần rì*



Chữ khắc trên phiến đá lớn nhất Cẩm Tang.



Phiến đá có khắc chữ Cẩm Tang.

trên gỗ, đá, ngọc... Vì thế tôi cho rằng Lạc Việt đã có công đầu trong việc đặt nền tảng cả cho chữ viết, và để ghi công đầu đó, tổ tiên đã đặt danh hiệu nước là Văn Lang. Đặt danh hiệu đó để nhớ bước đầu nhưng vẫn tiến và đã tới đợt “TỰ” (thanh), nhưng chưa kịp tiến sang đợt “THU” thì bị nạn xâm lăng, đành bỏ dở việc kiến tạo lại cho người xâm lăng tiếp nối”^{xxiii} (Khởi thủy chữ dựa trên hình dáng sự vật, giai đoạn bắt đầu này gọi là VÁN. Đây là chữ tượng hình (pictographique) tức là vẽ ra hình sự vật. Đợt sơ khởi này còn rất mộc mạc vì hình mới chỉ gọi ra một tượng hình lơ mơ, chưa gọi tên ra được nên thiếu rõ rệt. Nhiều giống dân như Indiens hay Mexicains kẹt lại ở giai đoạn này, không tiến lên được đợt TỰ (thanh âm). Với ý niệm rõ rệt đi theo

từng hình cho nên chữ chỉ là tượng hình (pictogramme) mà chưa là tượng ý (Ideogramme). Tuy nhiên, vì đóng vai trò khai mở quan trọng trên đường bước vào văn hóa nên được gọi là VĂN mang ý nghĩa bao trùm cả các giai đoạn sau. Dần dần thêm âm vào hình thì thành đợt TỰ. Từ đó âm và hình nương nhau đẻ ra nhiều chữ và được viết trên thẻ tre hoặc lụa thì gọi là THU) ^{xxiv}

Gần đây, trong khi nghiên cứu các đồ đồng Đông Sơn, Hà Văn Tấn đã phát hiện một số các hình nét là những dấu vết của chữ Việt cổ. Trên lưỡi cày và khí giới tìm được ở Thanh Hóa, các nhà khảo cổ cũng thấy một số dấu hiệu có tính cách qui ước mà theo Hà Văn Tấn thì những chữ này tương tự như các chữ khắc trên chiếc qua tìm thấy ở tỉnh Hồ Nam, Trung Hoa ^{xxv}



Phiến đá có khắc chữ Chăm Tang.

Những hình khắc có tính cách qui ước tìm thấy trên vách đá ở Thượng Phú và Yên Lạc tỉnh Quảng Bình, Hang Kỳ tỉnh Thái Nguyên, Len Đất tỉnh Lạng Sơn, Mường Hoa (cao nguyên Tây Bắc) là những chứng tích tượng hình cụ thể của chữ Việt cổ ^{xxvi}.



Một phiến đá khắc chữ Lạc Việt Chăm Tang

Tháng 10 năm 2011 các chuyên gia của Hội Nghiên Cứu Văn Hóa Lạc Việt tỉnh Quảng Tây đã phát hiện mấy chục khối mảnh vỡ “xẻng đá lớn” và tám đá có khắc đầy chữ Việt cổ tại di chỉ cúng tế “xẻng đá lớn” **Chăm Tang** thuộc thị trấn Mã Đầu, huyện Bình Quả, thành phố Bách Sắc. Ngày 19 tháng 12, 2011 chuyên gia lại đến hiện trường tiến hành khảo sát, nghiên cứu phát hiện khối đá có chữ viết lớn nhất dài 103 cm, rộng 55 cm, trên bề mặt khắc trên 1000 tự phù, phần lớn là chữ cúng tế và lời chiêm bói. Căn cứ vào sự phân bố “xẻng đá lớn” hoàn chỉnh ở bên cạnh phiến đá có khắc chữ thì thời kỳ xuất hiện của phiến đá có khắc chữ cũng cùng thời kỳ với “xẻng đá lớn”

Ngoài ra, vào tháng 11, 2011, hội nghiên cứu trên cũng phát hiện đàn cúng tế loại lớn của người Lạc Việt cổ trên núi Đại Minh, tỉnh Quảng Tây và tìm thấy được phù hiệu và bản vẽ. Theo Trương Đình Du, Chủ Nhiệm hội Giám Định Văn Vật Quảng Tây, thì phù hiệu và bản vẽ này khắc về cúng tế của người Lạc Việt vào “thời đại đồ đá mới”. Sau đó các chuyên gia cũng phát hiện một số lượng lớn phù hiệu chữ viết cổ khắc

trên mảnh xương, đồ ngọc, đồ đá tại vùng đất có phân bố di chỉ cúng tế của người Lạc Việt tại huyện Vũ Minh và huyện Long An của thành phố Nam Ninh, huyện Diên Đông, thành phố Bách Sắc, thuộc tỉnh Quảng Tây. Những phù hiệu (câu bùa) này rõ ràng là câu đơn hoặc đơn biệt được chuyên gia cho là chữ viết của thời kỳ đầu ^{xxvii}.



Phiến đá có khắc chữ Chăm Tang

Trong quá trình tìm hiểu về chữ Việt cổ, Hà Văn Thùy đã thu thập được những dữ kiện sau đây:

1. Văn bản chữ tượng hình của người Việt Cổ trên bình gốm tại di chỉ **Bán Pha 2** ^{xxviii}, gần thủ phủ Tây An, tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc, có tuổi 12,000 năm.
2. Chữ tượng hình khắc trên yếm rùa tại di chỉ **Giả Hồ**, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, có tuổi 9,000 năm.
3. Một số chữ tượng hình cổ phát hiện ở Sơn Đông, nơi cư trú trước đây của người Việt cổ.
4. Chữ tượng hình được gọi là chữ Thùy của người Thùy tộc, một bộ lạc Việt

xưa, hiện có khoảng 250,000 người sống ở Quý Châu.

So sánh tự dạng thì chữ tìm thấy mới đây ở Chăm Tang phức tạp hơn chữ tượng hình ở di chỉ Bán Pha 2 và ở Giả Hồ, nhưng lại đơn giản hơn chữ trên Giáp Cốt Văn ^{xxix} và Kim Văn ^{xxx}. Điều này cho phép giả định, hệ thống chữ Lạc Việt có thể bắt đầu từ Bãi Đá Sapa đi lên. Vì ở thời kỳ sớm nên chữ ở Bán Pha 2 và ở Giả Hồ còn đơn giản. Do có tuổi muộn hơn nên chữ ở Chăm Tang phức tạp hơn. Phải chăng chữ trên giáp cốt và đồ đồng Ân Khư là sự phát triển sau cùng của chữ tượng hình Lạc Việt.

Theo lịch sử sự hình thành của dân cư Trung Quốc thì trong thời gian này trên địa bàn Trung Hoa chỉ có người Việt sinh sống, người Hoa Hạ chưa hiện diện, chứng tỏ rằng đó là thứ chữ của người Lạc Việt ^{xxxi}.

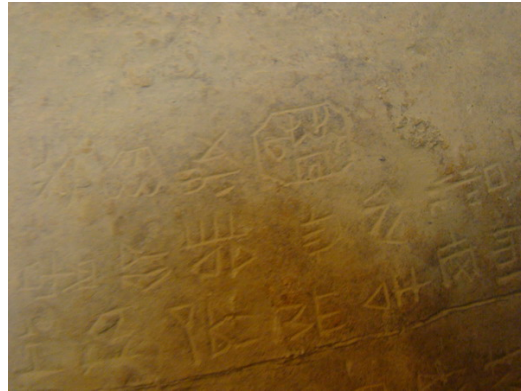
KẾT LUẬN

Sự phát hiện chữ Lạc Việt ở Chăm Tang tỉnh Quảng Tây năm 2011 là chứng tích rõ ràng cho thấy người Việt đã sáng tạo ra chữ viết từ hơn 4000 năm trước. Sự kiện này phá bỏ hoàn toàn quan niệm người Lạc Việt không có chữ viết và lịch sử chữ Hán phải được viết lại.

Chúng ta đã có văn tự riêng từ thời thượng cổ trước khi bị người Tàu xâm chiếm. Chữ Lạc Việt xuất hiện vào đầu thời đại “đồ đá mới” và hình thành vào thời kỳ đỉnh cao của “văn hóa xeng đá lớn” (từ thế kỷ 40 TTL đến thế kỷ 20 TTL). Tuy nhiên thứ chữ tối cổ đó còn rất thô sơ mới đang phát triển và ở trong thời kỳ “Tự” thì phải bỏ dở vì ách thống trị

của Tàu hơn 1000 năm. Cổ tự của Việt Nam đã mai một và bị hủy diệt bởi thế lực đô hộ của người Tàu (khi Sĩ Nhiếp đem chữ Hán vào nước ta đã cấm người Việt viết chữ tượng thanh đã quen dùng cho tới ngày đó)^{xxxiii}. Chính những thành đạt về chữ viết của Lạc Việt đã được người Tàu tiếp nối, dùng thứ chữ khắc trên Giáp Cốt Vần và Chung Đinh Vần của ta làm cơ sở phát triển và kiện toàn chữ Hán của họ sau này.

TRẦN BÍCH SAN



Phiến đá có khắc chữ tự phù của người Lạc Việt Cầm Tang



Phiến đá có khắc chữ tự phù của người Lạc Việt Cầm Tang



Chữ khắc trên xương thú mộ táng vách động ở huyện Vũ Minh



Chiếc qua đá của người Lạc Việt ở sông Tả

CHÚ THÍCH

ⁱ **Chữ Quốc Ngữ** (chữ Việt chúng ta sử dụng ngày nay) do các mẫu tự La Tinh ghép thành, xuất phát từ nhu cầu truyền đạo Thiên Chúa của các giáo sĩ người Âu Châu. Giáo sĩ có công lớn nhất trong việc sáng chế ra Chữ Quốc Ngữ là các cố Gaspard de Amaral, Antonio de Barbosa người Bồ Đào Nha, Linh Mục dòng Tên Alexandre de Rhodes người Pháp.

ⁱⁱ **Chữ Nôm** do chữ Hán (còn gọi là chữ Nho) của Tàu biến thể bằng cách dùng nguyên hình chữ Nho, hoặc lấy 2, 3 chữ Nho ghép lại. Chữ Nôm rất khó, muốn đọc và viết chữ Nôm phải tinh thông chữ Hán.

ⁱⁱⁱ **Dương Quảng Hàm (1898-1946)**: giáo sư, nhà nghiên cứu văn học, hiệu Hải Lương, sinh ngày 15 tháng 01, 1898, mất tích tại Hà Nội năm 1946, quê làng Phú Thị, tổng Mễ Sở, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương (1920), giáo sư trường Trung Học Bảo Hộ (Lycée de Protectorat thường gọi là trường Bưởi). Anh ruột là Dương Bá Trạc (trong ban biên tập Nam Phong Tạp Chí), em ruột là Dương Tự Quán (sáng lập tạp chí Tri Tân).

^{iv} **Việt Nam Văn Học Sử Yếu** (Dương Quảng Hàm) trang 113.

^v **Nghiêm Toản (1907-1975)**: giáo sư, nhà nghiên cứu văn học, bút hiệu Hạo Nhiên, sinh ngày 05 tháng 03, 1907, mất tại nhà riêng ở Sài Gòn năm 1995, quê ở Nam Định, tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Đông Dương., giáo sư Đại Học Văn Khoa (Hà Nội & Sài Gòn), Đại Học Sư Phạm (Sài Gòn)

^{vi} **Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu** (Nghiêm Toản) trang 41.

^{vii} **Lê Văn Siêu (1911-1995)**: tốt nghiệp trường Công Nghệ Thực Hành ở Hải Phòng, đốc công

nhà máy gạch Đập Cầu thuộc sở Công Chánh Hà Nội (từ 1932), những năm 1940 hợp tác với nhóm Hàn Thuyên của Nguyễn Đức Quỳnh, Trương Tửu, Đặng Thái Mai...

^{viii} **Hùng Vương**: sử ghi 18 đời Hùng Vương trị vì từ năm 2879 TTL đến 258 TTL. Niên biểu này không được chính xác vì một đời vua không thể dài trên 100 năm.

^{ix} **Việt Nam Văn Minh Sử Cương** (Lê Văn Siêu) trang 68.

^x **Vũ Thế Ngọc**: tốt nghiệp Cao Học Văn Học Việt Nam, trong nhóm sáng lập và chủ biên nhật báo Sóng Thần (Sài Gòn), chủ trương nhà xuất bản Eastwest Institute (California, Hoa Kỳ từ 1980).

^{xi} **Nghiên Cứu Chữ Hán và tiếng Hán Việt** (Vũ Thế Ngọc) trang 27.

^{xii} **Quốc Sử Quán**, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Bộ Văn Hóa Giáo Dục, Sài Gòn 1965, trang 31.

^{xiii} **Hoàng Đạo Thành**, sử gia, nguyên họ Cung, khi đi thi Hương đổi ra họ Hoàng, hiệu Cúc Lữ, quê làng Kim Lũ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, đỗ Cử Nhân năm Giáp Thân 1884, làm quan Đông Tri Phủ, sau xin từ nhiệm về quê, cùng Đào Nguyên Phổ và các trí sĩ khác hoạt động trong phong trào Duy Tân.

^{xiv} **Việt Sử Tân Ước Toàn Thư**, nguyên văn: *“Việt quốc từng cổ đương tự hữu văn tự. Bất nhiên từng tiền sự duyên hà ký ức? Sĩ Thứ Sử văn tự chi giáo tắc chí thị thủy học Hán văn. Dụng Hán tự nhĩ. Hán văn thông hành ký cứu. Quốc tự toại bất phục truyền vô phục khả khảo. Thị quan, thượng du sơn đồng chi dân các hữu văn tự tương vi hành dụng khởi ung quốc trung độc vô hồ?”*

^{xv} **Nguyễn Đông Chi (1915-1984)**: nhà nghiên cứu văn học, sinh ngày 06 tháng 01, 1915, mất ngày 20 tháng 07, 1984, quê xã Hậu Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, viện trưởng Viện Hán Nôm. Trong thời gian làm việc ở Viện Sử Học đã phát hiện di chỉ đồ đá Núi Đọ năm 1960.

^{xvi} **Lương Đức Thiệp (? – 1946)**: nhà nghiên cứu xã hội học, thành viên của nhóm Hán Thuyên và tạp chí Văn Mới gồm có Nguyễn Xuân Tái, Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh, Lê Văn Siêu, Đặng Thái Mai, Nguyễn Hải Âu, Phạm Ngọc Khuê... cộng tác với các báo Tri Tân, Tao Đàn, Thanh Nghị chuyên về văn học, xã hội học VN từ cổ đại đến hiện đại.

^{xvii} **Xã Hội Việt Nam** (Lương Đức Thiệp), nxb Hàn Thuyên, Hà Nội, 1942.

^{xviii} **Vương Duy Trinh**: tự Từ Cán, hiệu Đạm Trai, Hương Trì, quê làng Phú Diễn, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông, đỗ Cử Nhân năm Canh Ngọ 1870, làm quan đến Bộ Chánh, sau được thăng Tổng Đốc Thanh Hóa.

^{xix} **Việt Nam Cổ Văn Học Sử** (Nguyễn Đông Chi): lục đăng và phiên âm 35 chữ cái của người Mường.

^{xx} **Kim Định (1915-1997)**: tên thật Lương Kim Định, sinh tại Nam Định ngày 15 tháng 06, 1915, mất ngày 25 tháng 03, 1997 tại tiểu bang Missouri, linh mục, triết gia (tác giả triết thuyết Việt Nho), nhà nghiên cứu văn học, giáo sư Đại Học Văn Khoa, di tản sang Hoa Kỳ từ 1975.

^{xxi} **Điều Tự** (trong quyển Histoire Général de la Chine, Cordier, trang 68): theo cổ sử Trung Hoa, sử thần Thương Hiệt đời Hiên Viên Hoàng Đế nhìn vết chân chim nghĩ ra chữ viết.

^{xxii} **Khoa Đậu**: chữ viết trên lưng rùa của Việt Thường tiến cống vua Nghiêu vào khoảng thế

kỷ thứ 23 TTL. Chữ có hình giống con nòng nọc (lăng quăng) đầu to, đuôi nhỏ.

^{xxiii} **Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam** (Kim Định) trang 122, 123.

^{xxiv} **Thuyết Giải Văn Tự** (Hứa Thân): tự điển lâu đời nhất của Tàu, khoảng 100 STL. Giải nghĩa các giai đoạn cấu tạo chữ viết phỏng theo sách này.

^{xxv} **Hà Văn Tấn**, *Một số vấn đề văn hóa phùng nguyên*, Nghiên Cứu Lịch Sử, số 112, 1968.

^{xxvi} **Nguyễn Khắc Ngữ**, *Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam*, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, 1985, trang 138-164.

^{xxvii} **Website**: news.xinhuanet.com (bản tin của Lý Nhĩ Chân đăng ngày 03 tháng 01, 2012). Tin này được dịch và công bố trên mạng Việt Học và trang Lý Học Đông Phương:
<http://diendan.lyhocdongphuong.org.vn/bai-viet/23954-chu-viet-co-o-nam-duong-tu>

^{xxviii} **Thôn Bán Pha**: di chỉ cổ vào bậc nhất ở Trung Quốc, được gọi chung là nền “Văn Hóa Ngưỡng Triều”, một nền văn hóa 4000 năm TTL. Trong một số đồ đất có một số hình vẽ và ký hiệu có thể là cơ sở cho những chữ tượng hình nguyên thủy.

^{xxix} **Giáp Cốt Văn**: loại chữ viết trên xương thú vật.

^{xxx} **Kim Văn**: còn gọi là Chung Đinh Văn, là loại chữ viết trên chuông (chung), đỉnh (vạc) và các đồ đồng khác, vì vậy gọi là Kim Văn. Loại chữ này xuất hiện vào cuối đời nhà Thương (khoảng 1300 TTL).

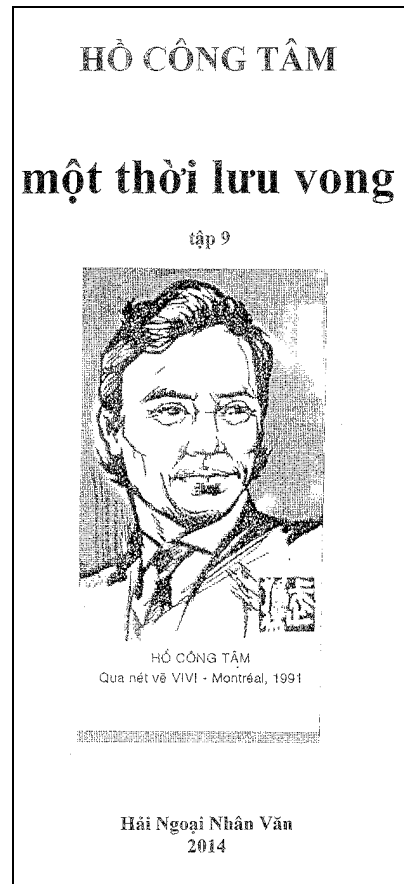
^{xxxi} **Hà Văn Thủy**, *Phát Hiện Chữ Việt Cổ ở Quảng Tây*, website Việt Thức, ngày 16 tháng 02, 2012 www.vietthuc.org

xxxiii **Terrien de Lacouperie**, *The Languages of China before the Chinese*, tái bản ở Đài Loan năm 1970, page.54.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Hà Nội, 1944, Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1968.
- Hà Văn Tấn, *Một Số Vấn Đề Văn Hóa Phùng Nguyên*, Nghiên Cứu Lịch Sử, số 112, Hà Nội, 1968.
- Hà Văn Thùy, *Phát hiện Chữ Việt Cổ ở Quảng Tây*, website Việt Thức, www.vietthuc.org February 16, 2012.
- Kim Định, *Nguồn Gốc Văn Hóa Việt Nam*, Dân Chúa, Hoa Kỳ, 1982.
- Lê Văn Siêu, *Việt Nam Văn Minh Sử Cương*, La Bối, Sài Gòn, 1967.
- Lê Văn Siêu, *Văn Học Sử Việt Nam*, Văn Học, Hà Nội, 2006.
- Lương Đức Thiệp, *Xã Hội Việt Nam*, Hàn Thuyên, Hà Nội, 1942.
- Nghiêm Toàn, *Việt Nam Văn Học Sử Trích Yếu*, Hà Nội, 1949.
- Nguyễn Đồng Chi, *Việt Nam Cổ Văn Học Sử*, Hàn Thuyên, Hà Nội, 1942.
- Nguyễn Khắc Ngữ, *Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam*, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Canada, 1985.
- Nguyễn Q. Thắng, *Từ Điển Tác Gia Việt Nam*, Văn Hóa, Hà Nội, 1999.
- Quốc Sử Quán, *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, Bộ VHGD, Sài Gòn, 1965.
- Vũ Thế Ngọc, *Nghiên Cứu Chữ Hán và Tiếng Hán Việt*, Eastwest Institute, Hoa Kỳ, 1998.

SỐ 67



Trân trọng cảm tạ
Thi Sĩ Hồ Công Tâm đã gửi tặng
tập thơ MỘT THỜI LƯU VONG - 9
Xin hân hạnh giới thiệu cùng
độc giả yêu thơ Hồ Công Tâm.



TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

19

Quê hương giàu đẹp qua ca dao Danh lam - Thắng cảnh

NGUYỄN VĂN NHIỆM

Triết lý lưỡng hợp thái hòa *vuông tròn* đã thấm sâu vào tiềm thức cộng đồng dân tộc được biểu hiện qua ca dao, là tiếng nói văn học bình dân. Nếu hình tròn biểu tượng cho thời gian thì hình vuông là biểu tượng cho không gian. Hai hình ảnh này đi đôi với nhau như hình với bóng, tạo thành cặp lưỡng nhất quyện lấy nhau, tuy hai mà là một, là biểu tượng cho sự hoàn hảo. Hai hình ảnh này giao thoa cho ra nét cong vừa đẹp hài hòa (mỹ), vừa đúng thực tại (chân) biến động như hình *sin* của toán lượng giác, mà nếu xét trong một chu kỳ thì lại tương tự như chữ **S** của hình thể nước Việt Nam . Nếu chữ **S** đó được đặt trong vòng tròn thì lại có hình ảnh của đôi thái cực, cũng là hình ảnh bọc trăm trứng . Ý nghĩa sự hoàn hảo của hình ảnh vuông tròn, ngoài mỹ, chân đương nhiên cũng bao hàm thiện như trong ý nghĩa của triết lý *bánh dày bánh chưng*.

Nếu ca dao đã thể hiện phong phú quan niệm thời gian của người bình dân thì về không gian, ca dao cũng cho thấy qua hình thể có hình cong như chữ **S**, có bờ biển chạy dài trên ba ngàn cây số, một quê hương Việt Nam mến yêu vừa đẹp vừa trù phú với biết bao hứa hẹn. Những

địa danh chứa đựng ý nghĩa của tên gọi từng vùng đất, từng làng đã nói lên tính cách triết lý nhân sinh hướng vọng về một quê hương giàu, đẹp, ấm no, hạnh phúc :

*“Đất Phú Mỹ, chữ Mỹ là đẹp,
Đất Đa Lộc, chữ Lộc là giàu,
Em đến đây muốn cho đẹp trước giàu sau.
Lúa hương càng đượm, càng lâu càng bền.”*

Cái đẹp và giàu đó lại được tô điểm bằng văn hóa có truyền thống hàng ngàn năm, biểu hiện rõ nét qua Thăng Long, Hà Nội là đô thành *ngàn năm văn vật*:

*“Thăng Long Hà Nội đô thành,
Nước non ai vẽ nên tranh họa đồ.
Có đô rồi lại tân đô,
Ngàn năm văn vật bây giờ vẫn đây.”*

Cái tên Thăng Long có ý nghĩa lịch sử: Tháng bảy năm Thuận Thiên (1010), vua Lý Thái Tổ dời kinh đô về La Thành, vì đất Hoa Lư chật hẹp. Khi tới La Thành, nhà vua nói thấy rồng vàng xuất hiện, nên mới đổi tên ra Thăng Long. Trong kinh Dịch, quẻ Kiền , hào cửu ngũ có viết: “*Phi long tại Thiên, lợi kiến đại nhân*”: Rồng bay trên trời, ra mắt kẻ đại nhân thì lợi (Theo Kinh Dịch, Đạo của người quân

từ, Nguyễn Hiến Lê). Quê Kiền tượng trưng cho người quân tử với bốn đức nhân, lễ, nghĩa, trí đi với nguyên, hanh, lợi, trinh. Rồng là biểu tượng cho sức cường kiện của quê Kiền, đồng thời cũng là biểu tượng quyền lực của nhà vua.

Vì thành đô là chốn nghìn năm văn vật , cho nên Thăng Long chẳng những đẹp đất, đẹp người mà còn là nơi có kiến trúc tuyệt vời:

“Đền đô kiến trúc tuyệt vời,
Thăng Long đẹp đất, đẹp người ngàn năm.”

Đất Thăng Long và các vùng phụ cận có nhiều đền đài cổ tích, lịch sử ghi nhớ công ơn dựng nước, giữ nước của tổ tiên:

“Ai lên Phú Thọ thì lên,
Lên non cổ tích, lên đền Hùng Vương.
Đền này thờ tổ Nam phương,
Qui mô trước đã sửa sang rõ ràng...”
“Bàn Cờ, Trảm Tướng, Cao Tung,
Mũi Cà, Đụn Rạ trùng trùng non cao.
Sóc Sơn là ngọn núi nào,
Có ông Thánh Gióng bay vào trời xanh.
Sông Cà Lô phía Nam quanh,
Uốn quanh trăm khúc như tình đôi ta.”
“Cổ Loa là đất đế kinh,
Trông ra lại thấy tòa thành Tiên xây.”
“Ai về thăm huyện Đông Ngàn,
Ghé thăm thành ốc rùa vàng Tiên xây.
Cắm hờn Giếng Ngọc tràn đầy,
Máu pha thành lũy ngàn cây bóng tà.”

Đền thờ các bậc anh hùng dân tộc rất được trân trọng, đó là một phần di sản lịch sử, văn hóa nên được xây cất phối hợp hài hòa giữa công trình kiến trúc với

phong cảnh đẹp của địa phương:

“Đống Đa ghi để lại đây,
Bên kia Thanh Miếu, bên này Bộc Am.”
(Đống Đa là địa danh lịch sử, nơi vua Quang Trung Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh)

Phong cảnh của những đền lăng thờ được các nhà thi sĩ bình dân tô điểm qua những hình ảnh, biểu tượng mang đầy tính cách triết lý như *con rồng... uốn cong* , *con thiên mã đang lồng về Nam* :
“Non xanh nước biếc hữu tình,
Lúa đồng bát ngát rung rinh bốn mùa.
Đền lăng thờ đức vua Lê,
Ngắm nhìn núi Côi khác chi con rồng.
Vờn thêm một dải uốn cong,
Kìa con thiên mã đang lồng về Nam.
Một dòng nước nhỏ xanh lam,
Một ngôi chùa nhỏ nằm ngang lưng đồi.”

Khung cảnh của bức tranh quê hương sống động, ngoài cái vẻ đẹp *non xanh nước biếc hữu tình*, sự trù phú của vùng đất phì nhiêu *lúa đồng bát ngát rung rinh bốn mùa* , lại còn được tô điểm thêm *một ngôi chùa nhỏ nằm ngang lưng đồi* . Điều này đã biểu lộ rõ bản sắc văn hóa dân tộc là triết lý lưỡng hợp thái hòa, luôn luôn có sự quân bình giữa đời sống vật chất và tâm linh, giữa đời và đạo.

Bản sắc của kinh kỳ Thăng Long bao hàm trong sự tương phản giữa cảnh núi non hùng vĩ và cánh đồng xanh bát ngát của sông Nhị, làm nổi bật lên tính *nhất lịch, nhất sắc* một kinh đô của dân tộc có hàng ngàn năm văn hóa:

“Đòng xanh sông Nhị chạy dài,
Mây quang non Tân chiếu ngời Thăng Long.”
“Nhất cao là núi Ba Vì,

Nhất lịch, nhất sắc kinh kỳ Thăng Long.”

Danh lam thắng cảnh chốn kinh kỳ là sự tổng hợp sáng tạo giữa tặng vật của thiên nhiên và công trình kiến trúc của con người, cho nên toàn cảnh hiện ra như một bức dư đồ:

*“Khen ai khéo họa dư đồ
Trước sông Nhị Thủy, sau hồ Hoàn Kiếm”*

Cảnh đẹp Hồ Gươm, Tháp Rùa là di tích lịch sử giải phóng dân tộc, hài hòa với mái chùa Ngọc Sơn thanh tịnh. Điều này nói lên cái tính của dân tộc Việt vừa anh dũng trong quyết tâm bảo vệ đất nước, vừa chăm lo đời sống tâm linh, hướng vọng về cuộc sống thanh bình, an lạc, thái hòa :

*“Hồ Gươm in bóng Tháp Rùa,
Ánh đèn soi tỏ mái chùa Ngọc Sơn.”*

Người người nô nức đi viếng cảnh đẹp, đồng thời tưởng nhớ đến công đức của tiền nhân:

*“Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn*

*Đài Nghiên Tháp Bút chưa mòn
Hỡi ai xây dựng nên non nước này.”*

Cảnh Tây Hồ thơ mộng:
*“Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói tỏa làn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.”*

Những hình ảnh *cành trúc la đà* , *mặt gương*, âm thanh *tiếng chuông* , *canh gà*, *nhịp chày* đều hòa hợp với nhau.

Nhiều phong cảnh đẹp miền Việt Bắc khiến mọi người say mê, cho nên *mảng vui quên hết lời em dặn dò* , cũng giống như trong truyện *Hồng Bàng Thị* có ghi: *“Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thể, trông thấy kỳ hoa dị thảo, trân cầm dị thú...ái mộ quá, nên quên cả ngày về”:*

*“Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh. Em lên xứ Lạng cùng anh,
Tiết công bác mẹ sinh thành ra em.
Tay cầm bầu rượu nắm nem,
Mảng vui quên hết lời em dặn dò. Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm đêm mơ tưởng đi mò sông Tương.
Vào chùa thắp một tuần hương,
Miệng khấn, tay vái bốn phương chùa này.”*

Từ Hà Nội vào Nghệ An hay ngược lại, đường đi *loanh quanh* , uốn khúc *như tranh vẽ rồng* , cái vẻ đẹp nghệ thuật mang màu sắc triết lý lưỡng hợp hài hòa giữa vuông và tròn như đã nói:

*“Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,
Đường ra Hà Nội như tranh vẽ rồng.”*

Cảnh vật hiện ra với màu sắc *“ như tranh họa đồ”*:

*“Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,
Non xanh nước biết như tranh họa đồ.
Ai vô xứ Nghệ thì vô.”*

Càng tiến sâu vào Đàng Trong thì càng có nhiều điều mới lạ (Từ ngữ *“Đàng Trong, Đàng Ngoài”* chỉ hai miền thời Trịnh-Nguyễn phân tranh). Lời khuyên quý báu của nhà Hiền triết Nguyễn Bình Khiêm:

“Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân”
“ngụ ý nói rằng nên vào lập nghiệp ở
Đàng Trong, bên kia dãy Hoành Sơn thì
sẽ yên thân muôn đời. Mặc dầu cuộc Nam
tiến đầy hứa hẹn, nhưng buổi ban đầu
cũng có nhiều trở ngại, cam go, mà cần
phải nỗ lực, phấn đấu không ngừng mới
vượt qua:

“Đường vô xứ Huế loanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.
Yêu em anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.
Phá Tam Giang ngày rày đã cạn,
Truông nhà Hồ Nội Tân phá tan.
Đường vô muôn dặm quan san,
Anh vô anh được bình an em mừng.”

(Truông: Rừng thưa. Phá: Đầm nước đọng
bờ biển. Truông nhà Hồ có nhiều trộm
cướp, phá Tam Giang có nước xoáy, rất
nguy hiểm cho thuyền bè qua lại. Người
phá rừng nhà Hồ là Nội Tân Nguyễn
Đặng Khoa, một quan võ.)

Bây giờ thử so sánh hai bài ca dao sau đây:

Bài 1:

“Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Võ canh gà Thọ
Xương. Mịt mù khói tỏa làn sương,
Nhịp chày Yên Thái mặt gương Tây Hồ.”

Bài 2:

“Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mục canh gà Thọ
Xương. Thuyền về xuôi mái sông Hương,
Có nghe tâm sự đôi đường đắng cay.”

Thăng Long ở Đàng Ngoài, Huế ở
Đàng Trong. Nếu ở Thăng Long có *tiếng*

chuông Trấn Võ, *nhịp chày An Thái*,
mặt gương Tây Hồ thì ở Huế lại có *tiếng*
chuông Thiên Mục, *sông Hương*. Nhưng
bên cạnh những khác biệt đó, hai bài ca
dao nói trên cũng có những cái giống
nhau như *canh gà Thọ Xương* và nhất là
câu mở đầu *gió đưa cành trúc la đà* rất
ấn tượng. Dầu là Đàng Trong hay Đàng
Ngoài đều nổi bật lên ở hàng đầu hai bài
ca dao một hình ảnh rất hàm xúc là *cành*
trúc la đà mềm mại lay động nhẹ nhàng
trước gió. Trúc là biểu tượng cho người
quân tử, mẫu người lý tưởng, nho nhã,
của làng Nho

Xét theo Việt lý thì bản chất của cuộc
đời là động, động từ thế giới vật chất cho
đến tinh thần, từ ngoại cảnh, ngoại vật
cho đến nội tâm. Nếu động cực độ, *mát*
hắn quân bình như những trận cuồng
phong, bão tố thì sẽ gây ra cảnh đổ nát,
con người lâm vào vòng đau khổ; còn
động chừng mực *trong vòng quân bình*
thì rất bình thường, như cơn gió mát giữa
trưa hè mang lại sự dễ chịu, thoải mái cho
con người. Đó là ý nghĩa của triết lý thái
hòa trong văn hóa Việt.

Trong nền văn học bình dân, có một số
câu ca dao trở thành mẫu mực, được
nhiều người ưa thích ngâm nga, có khi
được sửa đổi, sáng tạo tùy theo tâm trạng,
hoàn cảnh, địa phương. Bài ca dao trước
cho thấy một quang cảnh thanh bình ở cố
đô Hà Nội so với kinh đô Huế thời nhà
Nguyễn vào thời Cần Vương chống thực
dân Pháp ở bài ca dao sau.

Miền Trung (Đàng Trong) cũng có
nhiều danh thắng cảnh, trước hết phải
kể đến Huế hay Thừa Thiên:

“Đất Thừa Thiên trai tài, gái lịch
Non sông nước biếc, điện ngọc, đền rồng
Tháp bảy tầng, Thánh Miếu, chùa Ông
Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam Tòa
Cầu Trường Tiền mười hai nhịp bắc qua.”

Cảnh đất Thừa Thiên là địa bàn tỉnh
Quảng Nam:

“Hòn Tàu, Hòn Kẽm, Hòn Vung
Ba Hòn xúm lại đỡ vừng Quảng Nam
Non sông ai dựng, ai làm
Dòng sông Sài Giang lượn khúc
Cù lao Chàm xanh um.”

(Sài Giang: hạ lưu sông Thu Bồn)

“Quảng Nam có núi Ngũ Hành
Có sông Chợ Cui, có thành Đồng
Dương.”

(Sông Chợ Cui là nhánh sông Thu Bồn.
Thành Đồng Dương là kinh đô cũ của
Chiêm Thành)

“Cây da mô cao bằng cây da Bàn Lãnh
Đất mô thanh cảnh bằng đất Bảo An
Chỗ mô vui bằng chỗ Phố, chỗ Hàn
Dưới sông tàu chạy, trên đàng ngựa đưa”

(Bàn Lãnh, Bảo An thuộc Điện Bàn,
Quảng Nam)

“Sông Thu Bồn chảy vào Cửa Đại
Lạch Bình Long chảy mãi ra Hòn Sa
Ai về Đà Nẵng, Hội An
Cho tôi nhắn gửi vài hàng tâm tư.”

Ca dao luôn kêu gọi, mời mọc con
người tiến sâu vào Đàng Trong để khám
phá cái mới, cái lạ của đất nước, mặc
dầu chẳng lịch bằng đất kinh đô:

“Mãng vui Hương Thủy, Ngự Bình
Ai vô Bình Định với mình thì vô Chẳng
lịch bằng đất kinh đô

Nhưng Đình Định không đồng khô cỏ cháy
Hai dòng sông chảy
Ba dãy non cao
Biển Đông sóng vỗ dạt dào
Tháp xưa làm bút ghi tiếng anh hào vào
mây xanh.”

(Hương Thủy, Ngự Bình thuộc Huế)

“An Nhơn có tháp Mò O
Có chùa Tháp Tháp, có đò Trường Thi”

(Mò O là tháp Chàm ở Bình Định.
Trường Thi: năm Tân Hợi, 1851, nhà
Nguyễn mở khoa thi hương ở đây)

“Bình Định có núi Vọng Phu
Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh”

“Gió Cầu Tân trưa chiều thổi mát
Đường Qui Nhơn mịn cát dễ đi
Phương Mai, Gành Ráng tương tri
Ngâm câu “thủy tú sơn kỳ” thánh thời.”
(Phương Mai, Gành Ráng: hai núi bên
cửa Thị Nại)

Rời Bình Định để đi thăm Khánh Hòa-
Nha Trang:

“Khánh Hòa là xứ trầm hương
Non cao biển rộng người thương đi về
Yến sào mang đậm tình quê
Sông sâu đá tạc lời thề nước non.”

“Đi đâu cũng nhớ Khánh Hòa
Nhớ biển Nha Trang gió mát
Nhớ Ninh Hòa nhiều nem.”

Rời đến Phú Yên:

“Quận Tuy Hòa có hòn Tháp Nhạn
Chón Sông Cầu dĩa mát bóng râm
Phú Yên lắm cảnh danh lam
Sơn Hòa có suối, Đồng Xuân có rừng

Tuy An nước lặng, mây dừng

*Đất vườn màu mỡ nên xuân xứ này
Thương chàng tỏ thật nơi đây
Phú Yên trừ phú tháng ngày thong dong.”*

Đất nước chẳng những có *lắm cảnh danh lam* mà còn *trù phú* nữa và từ đây đi sâu xuống miền Nam, tính cách *trù phú* đó của quê hương lại càng phong phú, đa dạng hơn.

Đã rời Hương Thủy, Ngự Bình để vào Bình Định thì những người trai lịch lãm cũng không quên tạm giã từ Phú Xuân để vào chốn Đồng Nai một phen:

*“Làm trai cho đáng nên trai
Phú Xuân đã trái, Đồng Nai đã từng.”*

Địa hình miền Nam không hẹp như miền Trung, đất đai mở rộng ra cả chiều dọc lẫn chiều ngang cho nên có nhiều ngã đường, ngã sông dẫn dắt, ai muốn đi ngã nào tùy thích:

*“Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.”*

Đồng Nai thuộc miền Đông Nam Bộ, chưa phải là vựa lúa chính của miền Nam, mà đã có danh hiệu là *nơi có gạo trắng như cò*, khiến có kẻ *trốn cha trốn mẹ, xuống đò theo anh* mà về miền đất ấm no, hạnh phúc này:

*“Đồng Nai gạo trắng như cò
Trốn cha, trốn mẹ xuống đò theo anh.”*

Không biết Đồng Nai có sức hấp dẫn đến mức nào, mà đã trở thành đề tài cho các nhà thơ bình dân chiếu cố tận tình qua

chủ đề mỗi duyên tình *Rồng châu ngoài Huế, ngựa té Đồng Nai* đã để lại nhiều bài ca dao trữ tình:

*“Rồng châu ngoài Huế, ngựa té Đồng Nai
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài
Thương người xa xứ lạc loài tới đây
Rượu nằm trong nhạo chờ nem
Anh nằm phòng vắng chờ em đôi ngày.”*

*“Rồng châu ngoài Huế, ngựa té Đồng Nai
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài
Thương người quân tử lạc loài tới đây
Tới đây thì ở lại đây
Bao giờ bến rẽ xanh cây sẽ về.”*

*“Rồng châu ngoài Huế
Ngựa té Đồng Nai
Nước sông trong sao lại chảy hoài
Thương người xa xứ lạc loài tới đây.”*

Câu *Nước sông trong sao lại chảy hoài* cho thấy mỗi tình *Rồng châu ngoài Huế, ngựa té Đồng Nai* luôn trường tồn như dòng nước trong trẻo cứ chảy liên tục. Rồng- ngựa cặp hình ảnh, biểu tượng của nguyên lý âm dương, nguồn gốc của mọi sự vật trên đời, mà cái thú vị, lôi cuốn bất tận vẫn là tình yêu nam nữ.

Từ *Nhà Bè nước chảy chia hai* nếu ai đó xuôi theo hướng Gia Định thì sẽ đến thành phố Sài Gòn, mà đã có thời được mệnh danh là *Hòn Ngọc Viễn Đông*. Sài Gòn đi liền với Chợ Lớn, khu thương mại phồn vinh:

*“Đường Sài Gòn cây to bóng mát
Đường Chợ Lớn hạt cát nhỏ để đi.”*

Nói đến Sài Gòn là phải nói đến chợ

Bến Thành và các chợ khác trong thành phố với sinh hoạt nhộn nhịp:

*“Chợ Bến Thành kẻ lui người tới
Chợ Cầu Muối người tới kẻ lui.”*

Để được ban tặng danh xưng Hòn Ngọc Viễn Đông, Sài Gòn đã sớm tiếp nhận văn minh kỹ thuật mới để từng bước xây dựng thành phố:

*“Mười giờ tàu chạy Bến Thành
Xúp lê vội thổi bộ hành xông xáo*

Trên đường hướng đó, Sài Gòn đã sớm trở thành một thành phố ánh sáng nổi trội:

*“Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ
Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu...”*

Ngoài ra Sài Gòn còn là nơi mở mang việc học hành để tiếp thu văn minh và phát huy văn hóa, cho nên là nơi thu hút giới thanh niên nam nữ hiếu học:

*“Tiếng anh ăn học Sài Gòn
Về đây em hỏi trắng tròn mấy niên?
-Em về giờ sách học thêm
Trắng rằm mười sáu, hai đêm trắng tròn.”*

Có lẽ vì Sài Gòn nổi tiếng và phát triển như vậy, cho nên người ta tin tưởng rằng Sài Gòn là biểu tượng cho sự vững bền và từ đó mới có những lời thề nguyện:

*“Chùng nào cầu sắt gãy hai
Sông Sài Gòn lấp cạn, anh mới sai
lời Nguyễn.”*

Sài Gòn là hòn ngọc quý, là thành phố của ánh sáng hứa hẹn tương lai tốt đẹp cho nên có lực thu hút mạnh mẽ con người từ mọi hướng, mọi ngã đường tìm đến:

*“Lên Sài Gòn phải qua cầu Mỹ Thuận
Có thương không sao em lụng khụng
không chịu trả lời
Năm đợi năm, tháng đợi tháng, anh hỏi
ông Trời, ông làm thỉnh!”*

Cũng có những người do nhu cầu làm ăn sinh sống của mình nên không nhận Gia Định, Sài Gòn là quê hương, mà đi dần xuống phía Nam. Địa danh đáng kể mà họ có thể gặp trước hết là Mỹ Tho:

*“Ở chợ Thủ xuống cầu Mỹ Tho buôn bán
Gia Định, Sài Gòn Không phải quê quán
của anh.”*

*“Rạch Gầm, Xoài Mút tắm tắm
Xê xuống chút nữa tới Vàm Mỹ Tho.”*

Miền Tây Nam phân trừ phú là nhờ sông Cửu Long với hai nhánh chánh là Tiền Giang, Hậu Giang và chảy ra biển qua các cửa sông như : cửa Tiểu, cửa Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu. Chỉ có sáu cửa sông mà con sông vẫn được gọi là Cửu Long, tức chín con rồng, vì số chín (9) là huyền số của Việt lý. Số chín rất có thể được tính từ sáu cửa sông, hai nhánh Tiền Giang, Hậu Giang và ngay cả chính con sông Cửu Long nữa, cũng tương tự như Cửu Trù liên hệ đến Bát Quái và thái Cực vậy. Các danh xưng về con sông nổi tiếng này đã lưu lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người bình dân địa phương, cho nên chúng thường xuất hiện với biết bao tình tự qua câu hò, câu ca dao hay đệp:

*“Sông Cửu Long có dòng nước bạc
Không thương em, anh nở gạt chi em.”
“Năm con ngựa cột cồn Ngũ Mã*

*Chín con rồng nằm Cửu Long Giang
 Chàng mà đôi đũa, có lạng vàng em trao.”
 “Sông Tiền, sông Hậu cùng nguồn
 Thuyền bè tấp nập bán buôn đập diều.”
 “Hò ơ, sông Vàm Cỏ nước trong thấy đáy
 Dòng Cửu Long xuôi chảy dịu dàng
 Ai về Mỹ Thuận, Tiền Giang
 Có thương nhớ gã đánh đàn năm xưa.”
 “Nước sông Cửu Long sóng cồn cuộn cuộn
 Cửa Hàm Luông mây cuốn cánh buồm xuôi.”
 “Sông Ba Lai bên bồi, bên hãm
 Đất Ba Lai đỏ thẫm phù sa.”
 “Củi lao An Bình vườn cây xanh ngắt
 Dòng Cổ Chiên dào dạt mệnh mông
 Thương em chỉ để trong lòng
 Biết bao ngày đợi, tháng trông mỗi mòn.”
 “Kinh Ngang nó nhớ Kinh Xuôi
 Anh biết em chòm xóm lâu rồi
 Như con sông Cổ Chiên thâm lặng
 Cảm thương người có chồng xa xứ
 biệt tăm.”*

Các địa danh như Mỹ Tho, Bến Tre,
 Cần Thơ, Đồng Tháp... đều nằm trên các
 lưu vực của sông Cửu Long:

*“Bến Tre ruộng đất phì nhiêu
 Nơi đây giàu lúa lại nhiều dừa khô.”
 “Cần Thơ là tỉnh, Cao Lãnh là quê*

NGUYỄN VĂN NHIỆM
 (Germany)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Nguyễn Văn Nhiệm:

Ngày sinh: 25- 01- 1943

Nơi sinh: Long Điền, tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa) Cựu học sinh Trường Tiểu Học Bà Rịa (1951-1956)



Cựu học sinh Trường Trung Học Châu Văn Tiếp- Bà Rịa (1956- 1963)
 Cựu sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn (1963- 1967)
 Cựu giáo viên Trung Học Đệ Nhị Cấp Bán Công Huỳnh Tịnh Của- Bà Rịa (1967- 1969)
 Cựu sinh viên Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (Khóa 3/69)
 Cựu Sĩ Quan Quân Lực VNCH (1969- 1975)
 Tập trung lao tù Việt Cộng tại Xuân Lộc, Long Bình, Văn Chấn, Yên Bái, Tân kỳ (1975- 1981)
 Định cư tại Cộng Hòa Liên Bang Đức từ 1982 đến nay.
 Tác phẩm đã xuất bản:
 - Đường vào Triết học Việt Nam (2008)
 - Ca Dao- Con đường văn hóa Việt (2013)
 Hiện tại đang cộng tác với Cỏ Thom

HỌP MẶT KHÓA 22 SĨ QUAN THỦ ĐỨC

Đồng khóa bây giờ vẫn nhớ nhau
Dấu mòn vết tích lún rất sâu
Bao nhiêu? Còn lại bao nhiêu nhỉ?
Mình cứ tìm nhau, vẫn nguyện cầu

Đồng khóa bây giờ đang gọi nhau
Bốn mươi năm nước chảy qua cầu
Bèo trôi lưu lạc về muôn ngả
Tiếng thét kinh hồn cuộc bể dâu

Đồng khóa bây giờ muốn gặp nhau
Thời gian thấm thoát đã qua mau
Dù nay tóc đã pha màu bạc
Khói súng sa trường nổ tới đâu?

Phan Khâm

**Khóa 22 muốn nối kết bạn cùng
khóa để tổ chức hội ngộ.**

Liên lạc: Nguyễn Văn Đoàn
703-237-3773.

Lê Minh Thiệp 240-645-7806.
thieple2002@yahoo.com
Phan Khâm 301-592-8608.
phanvyle@yahoo.com

MỪNG SINH NHẬT CỎ THƠM LẦN THỨ 19

(Kính tặng Anh Chị Em
Thi Văn Nghệ Sĩ Cỏ Thơm)

Hân hoan chào đón khách xa gần
Hội ngộ về đây mừng “CỎ THƠM”
Mười chín mùa xuân vui sáng tác
Tuổi đời nghệ sĩ cứ tăng dần
Văn chương mỹ ngữ lời thanh thoát
Thi phú ngọt từ ý đẹp tân
Tạp chí phát hành tam cá nguyệt
Điểm tô văn học sáng vô ngần.

Ngô Văn Giai

Richmond, VA Mar 30/2014

MÂY NẮNG HẠ

Ngày về lòng cảm thấy bơ vơ
Lạc lõng nhân gian cát bụi mờ
Vắng bóng đò đưa trăng bến cỏ
Không đàn để hát nắng tình mơ
Sông khô than thở sầu ngăn đập
Dấu tích lãng quên hận xóa bờ
Biết thế thà rằng đừng trở lại
Tìm mây nắng hạ trắng phơ phơ

Lý Hiểu

Va 03.31.2014

SƠ LƯỢC VỀ HÁT CẢI LƯƠNG

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Căn cứ vào ngữ nghĩa, chữ "cải lương" là sửa đổi cho tốt hơn, nói cách khác, làm sao cho những cái dở, kém, thiếu sót trở thành hoàn hảo và thích hợp hơn. Cho nên hát cải lương, không phải là một nghệ thuật trình diễn hoàn toàn sáng tạo, mà trái lại được thoát thai và cải tiến từ bộ môn hát bội. Nói rộng ra, cải lương đã tổng hợp những tinh hoa nghệ thuật của các bộ môn khác như: ca, kịch, nhạc, thi, vũ. Vậy hát cải lương là gì, quá trình hình thành phát triển ra sao, sự khác nhau giữa hát bội và cải lương, tính chất điệu hát, sự phân chia dòng phái, đặc điểm nhạc cụ, các tác gia kịch bản, và vai trò của bộ môn nghệ thuật này như thế nào?

I - HÁT CẢI LƯƠNG LÀ GÌ?

Cải lương là bộ môn nghệ thuật vừa diễn, vừa ca ra bộ, tức điệu bộ phù hợp với lời ca. Từ trước, nước ta đã có hát chèo và hát bội, đến năm 1917, một mô hình nghệ thuật nữa ra đời, đúng hơn biến thể từ hát bội và theo âm nhạc miền Nam, với màu sắc mới mẻ, điệu hát tân tiến, giọng ca mùi mẫn, tạo sự hấp dẫn hơn hai bộ môn trước, nên đặt tên là Cải lương.

Nghệ thuật cải lương hướng về tả thực, diễn xuất giống như ngoài đời, người nghệ sĩ cần phải từng trải để thấu hiểu tâm lý nhân vật mà nhập vai, từ cách ăn nói, phong thái, xử sự. Vì vậy, điệu bộ và màu mè lấy về tự nhiên làm yếu tố quan trọng,

không nên gia tăng, cường điệu và cao giọng hét lớn như hát bội.

Về kỹ thuật trình diễn lại khác xa, hát bội hướng về tượng trưng và ước lệ, trong lúc cải lương là tả chân. Cho nên, lối dàn cảnh ở cải lương thật công phu, phải giống hệt khung cảnh ngoài thiên nhiên, cần nhiều phong màn tranh cảnh khác nhau, thay đổi cho hợp tình tiết vở diễn. Y phục, hóa trang không cần lộng lẫy mà phải ăn mặc y như cách sống nhân vật, đúng vào thời đại nhân vật. Chẳng hạn, diễn tuồng Mông Cổ nhà Nguyên, không thể dùng y phục của triều đại Mãn Thanh.

Về điệu hát, cải lương và hát bội đều sử dụng loại nhạc tuồng, nhưng cải lương không có xướng, bạch, hường, tán, ban...; các giọng khác vay mượn từ hát bội cũng biến thể rất nhiều và cải lương còn phát triển những điệu ca mới hợp với tiếng đàn tài tử. Như vậy, cải lương lấy âm nhạc làm chủ, diễn viên nhả chữ nhả câu phải hòa với tiếng đàn, giọng ca theo sát từng giai điệu và tiết tấu của điệu nhạc. Trong khi hát bội câu ca không gò bó bởi âm nhạc, miễn sao đúng với nhịp chính là được, nên diễn viên có thể tự do phôi bày hết sở trường của mình.

II - SỰ HÌNH THÀNH VÀ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1 - Giai đoạn tiền thân: Đờn ca tài tử

Từ khi Nguyễn Hoàng di cư vào miền Trung, lập nên triều đại ở Thuận Hóa, những đợt Nam tiến không ngừng đưa người dân Xứ Đàng Trong vượt đèo Cù

Mông lẩn chiếm Champa rồi Thủy Chân Lạp. Định cư ở miền đất Lục tỉnh xa xôi, từ nỗi buồn ly hương, những nghệ sĩ với ít nhiều vốn liếng Nhã nhạc cung đình, đã phát sinh ra dòng nhạc Đờn ca Tài tử Miền Nam, thể hiện một nỗi nhớ nhung vơi vợi. Họ tụ họp lại từng nhóm, lập thành các ban đờn ca tài tử ở rải rác khắp miền Lục tỉnh và sinh hoạt trong các cuộc lễ tại tư gia như hôn quan tang tế. Các tài tử ca độc thoại, những bản như: *Bình bán chầu, Lưu thủy trường, Nam ai, Nam xuân, Tứ đại cảnh, Xuân tình...*

Theo Trần Văn Khải, *Nghệ Thuật Sân Khấu Việt Nam*, ông tổ của dòng nhạc này là Nguyễn Quang Đại, thường gọi là ông Ba Đợi, hiện dân chúng còn thờ phượng ở đình làng Vạn Phước, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

2 - Giai đoạn phôi thai: Ca trên sân khấu

Lúc bấy giờ, năm 1910, nhóm đờn ca tài tử nổi tiếng nhất miền Lục tỉnh có Ban hát của Nguyễn Tổng Triều, người xứ Cái Thia, từng được mời đi Pháp trình diễn ca cổ nhạc. Tư Triều phụ trách đờn kim, Chín Quán khảy độc huyền cầm, Bảy Võ đờn cò, cô Hai Nhiều đờn tranh (đàn thập lục), Mười Lý thổi tiêu, cô Ba Đắc chánh ca và cô Hai Nhiều phụ ca.

Nguyễn Tổng Triều là người đầu tiên có sáng kiến trình diễn ban ca nhạc trước công chúng. Năm 1911, Trần Chánh Chiêu chủ nhà hàng Minh Tân ở Mỹ Tho (nay là thành phố của tỉnh Tiền Giang) mời ban nhạc của Tư Triều ra mắt thực khách, được hoan nghênh nồng nhiệt. Thấy thế, ông Hộ, chủ rạp hát bóng Casino, cũng ở Mỹ Tho, mời ban nhạc Tư Triều phụ diễn hằng tuần vào tối thứ tư và thứ bảy, trước khi chiếu phim. Diễn hình có bản *Tứ Đại Oán* (kể truyện

tích *Lục Vân Tiên*, đoạn Bùi Kiệm thi hỏng) được khán giả ưa chuộng, tuy đã có đối đáp giữa Bùi Ông và Bùi Kiệm, nhưng chỉ một người diễn ca và chưa ra bộ.



H 1: Tài tử Nguyễn Tổng Triều.

Ảnh từ Trần Văn Khải,

"*Nghệ Thuật Sân Khấu VN*", trang 82.

Nguyễn Tổng Triều là người mở màn cho nền ca kịch cải lương vì đã đưa đờn ca cổ điển lên sân khấu, và có thể nói ông là vị tổ thứ hai của bộ môn nghệ thuật này.

3-Giai đoạn hình thành: Ca kịch cải lương

Tiến trình này có những dấu ấn đáng ghi nhớ:

a/ Bước mở đầu: Ca ra bộ

Năm 1915, Tống Hữu Định (1869- 1932) thường gọi là Phó Mười Hai, Trần Quang Quờn (hay Huờn, Huyền ?) quen gọi Kinh lịch Quờn và Phạm Đăng Đàng (gốc miền Trung), cả ba đều ở Vĩnh Long, lập ban ca kịch tài tử, trình diễn bản *Tứ Đại Oán* trên sân khấu, có đào kép đóng vai Bùi Ông, Bùi Kiệm, Nguyệt Nga, vừa ca vừa ra bộ.

Năm 1916, ở thị xã Sadec (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), có gánh xiếc của ông Lê Văn Thận (André Thận), kèm theo phụ diễn vài tiết mục ca ra bộ do kép Bảy Thông, Tám Cang, đào Hai Cúc đảm nhận.

Nghệ thuật ca ra bộ là lối trình diễn trên sân khấu mà điệu bộ phù hợp với lời ca; nhưng còn ảnh hưởng nhiều lối đờn ca tài tử, vì thế hát là chánh, ra bộ là phụ. Diễn viên cần giọng hát cho thật mùi để diễn đạt tình cảm của bài ca, còn bộ tịch chỉ là để minh họa cho lời ca.

b/ Điểm mốc định hình:

Năm 1917, ông Pierre Châu Văn Tú, tên thường gọi là Thầy Năm Tú, người Mỹ Tho, sang lại gánh hát của André Thận, lập ra gánh cải lương đầu tiên, có nhà hát riêng, đào kép được hóa trang, sắm y phục thích hợp với nhân vật, sân khấu có phong màn, có vẽ cảnh và trang trí phù hợp với nội dung vở diễn như *Hạnh Nguyên Cống Hồ* (dựa vào truyện *Nhị Độ Mai*), *Trang Tử Cổ Bồn Ca* (từ *Nam Hoa Kinh*).

Xét về nghệ thuật, hát cải lương mang tính ca diễn nên giọng hát và điệu bộ trong không gian sân khấu phải được coi trọng như nhau. Ở ca ra bộ đòi hỏi diễn viên có giọng hát thật hay, thì với hát cải lương nếu giọng ca tương đối nhưng diễn xuất hay vẫn được liệt vào hạng đào kép giỏi.

c/ Quê hương của cải lương:

Mỹ Tho còn là chiếc nôi của cải lương, liền sau đó cũng tại nơi đây, ba ban hát nữa đua nhau thành lập, đó là Đồng Bào Ban của cô Tư Sự, Nam Đồng Ban của thợ kim hoàn Hai Cu, và Tái Đồng Ban cũng của ông bầu Hai Cu. Có thể nói, đây là bốn gánh hát cải lương đầu tiên, quy tụ nhiều diễn viên danh tiếng, về đào có các cô Ba Liên, Ba Nhân, Hai Quờn (kết hôn với Ba Du), Năm Phi, Tư Sang; kép như Ba Du (Phan Văn Hai), Hai Bông, Hai Giỏi, Năm Châu, Năm Long, Năm Ty, Tám Mèo, Tư Chơi, Tư Út, Từ Anh... Soạn giả lớp tiên

phong, sau Trương Duy Toàn có: Giáo Hiên, Nguyễn Công Mạnh, và Trần Phong Sắc.

Theo Trần Văn Khải, *Nghệ Thuật Sân Khấu Việt Nam*, nhà văn Trương Duy Toàn đã soạn những kịch bản cải lương cho gánh hát Thầy Năm Tú. Nếu vậy, năm 1917, bộ môn cải lương mới thực sự chào đời và Mỹ Tho là nơi chôn nhau cắt rốn. Từ đây, cải lương trình diễn độc lập, không còn mang tính phụ diễn nữa và Trương Duy Toàn là người đầu tiên soạn thành kịch bản.

d/ Nghệ sĩ tiêu biểu:

Năm Phi (1907- 1954), tên thật Lê Thị Phi; người làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, nay là tỉnh Tiền Giang. Năm 1917, bà bắt đầu diễn xuất cho gánh Đồng Bào Ban, sau đó lập gia đình với nghệ sĩ Hai Giỏi. Năm 1924, chồng mất, bà hát cho gánh Phước Cương, rồi tái giá với Nguyễn Ngọc Cương, tức ông bầu Cương, chủ nhân của đoàn hát này. Từ đó tên tuổi bà càng ngày càng vang dội qua tài diễn xuất độc đáo. Vương Hồng Sển viết: Cô đã tạo được nhiều kịch phẩm bất hủ. Về ai oán nã nùng, trong *Tơ Vương Đén Thác, Lan Và Diệp, Bàng Quý Phi*; đường bệ, trang hoàng, đài các, như *Túy Hoa Vương Nữ*, bà huyện trong *Vì Đâu Nên Nôi?*; lả lướt quyền rũ, đắm say như trong *Sắc Giết Người, Phụng Nghi Đình*; và thông minh ngớ ngẩn như vai Mọi trong *Đóa Hoa Rừng* [1]. Bà được tuyển đi trình diễn ở Pháp, Thái Lan.

4-Giai đoạn phát triển, từ 1917 đến 1922

Ca kịch cải lương không những được trình diễn ở Mỹ Tho và Sài Gòn, mà nhanh chóng được phổ biến khắp miền Lục tỉnh. Ở Sài Gòn có gánh Tân Thịnh của Trương Văn Thông, lập năm 1920, dùng danh hiệu Đoàn hát cải lương. Chợ Lớn có gánh Văn Hí Ban của Huỳnh Kim Vui, và gánh Tập Ích Ban (1921) chuyên diễn tuồng Tàu.

Long Xuyên có gánh Sĩ Đồng Ban của ông Bảy Sô. Vĩnh Long có gánh Kỳ Lân Ban của bà Huyện Xây ở Vũng Liêm. Sóc Trăng có gánh Tân Phước Nam của Bác sĩ Trần Văn Minh.

a/ Soạn giả và kịch bản:

Các kịch tác gia nổi tiếng có Đào Châu, Ngô Vĩnh Khang, Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, Trần Phong Sắc, Trương Duy Toàn... Số lượng tuồng hát tăng khá nhanh, nhưng các đề tài vẫn còn ảnh hưởng hát bội, nên không thoát khỏi các truyện, tích xưa và lịch sử ; tạm chia làm hai nhóm:

- Nguồn gốc Việt có: *Cao Hoàng Phục Quốc, Kim Vân Kiều, Lâm Sanh Xuân Nương, Lê Lai Cứu Chúa, Lê Lợi Khởi Nghĩa, Nữ Vương Trưng Trắc, Thạch Sanh Lý Thông, Thoại Khanh Châu Tuấn, Trần Đại Lang Xương Tử Ca, Triệu Ai Vương với bà Cù Thị, Trọng Thủy Mỵ Châu, Văn Tiên Nguyệt Nga...*

- Nguồn gốc Tàu có các kịch bản tiêu biểu như: *Anh Hùng Náo, Đơn Hùng Tín, Hoàng Phi Hồ Đâu Châu* (của Nguyễn Công Mạnh), *Phụng Nghi Đình* của Trương Quang Tiền [2], *Thôi Tử Thi Tê Quân, Tống Tửu, Xử Bá Đạo Từ Hải Thọ...*

b/ Đội ngũ nghệ sĩ:

Ngoài các diễn viên xuất hiện ngay thuở đầu tiên (1917) đang sung sức, còn có nhiều nghệ sĩ mới gia nhập.

- Về đào có các cô: Ba Hui, Ba Nhân, Bảy Ngọc, Hai Cúc, Hai Vui, Hai Phụng, Hai Xiêm, Mười Nhưông, Tư Mão...

- Về kép có Bảy Thông, Bộ Thế, Hai Bông, Hai Quán, Mười Mùi, Sáu Cụt, Tám Cang, Tư Thạch...

5-Giai đoạn cực thịnh, từ 1923 đến 1945.

Thấy bộ môn cải lương thu hút nhiều khán giả, các gánh hát đều khăm khá, nhiều

người đầu tư vào bộ môn này. Thời ấy có những gánh hát nổi tiếng như: Hậu Tấn, Hè Lập, Huỳnh Kỳ, Kim Thoa, Mộng Vân, Nam Phi, Nhạn Trắng, Năm Châu, Phụng Hào, Phước Cương, Sao Mai, Tân Hí Ban, Tân Thịnh, Tập Ích Ban, Trần Đắc, Việt Kịch, Võ Hí Ban... Cải lương không chỉ phổ biến ở Nam Kỳ, mà còn có triển vọng lan rộng đến Trung và Bắc Kỳ.

a/**Kịch tác gia:** nổi tiếng có Đặng Công Danh, Huỳnh Thư Trung (thường gọi là Tư Chơi), Lê Hoài Nở, Lê Văn Tiếng, Mộng Vân, Ngô Vĩnh Khang, Nguyễn Công Mạnh, Nguyễn Thành Châu, Trần Duy Lân, Trần Hữu Trang (1906- 1966, người Mỹ Tho).

b/**Về kịch bản,** giai đoạn này rất phong phú cả lượng và phẩm, có đủ 5 loại đề tài:

- Tuồng lịch sử: *Gia Long Tàu Quốc, Gương Liệt Nữ* (Bà Triệu), *Hận Nước Thủ Chông* (Trung Vương), *Tam Đồng Trưng Liệt* (1925, của Trương Ngọc Thới), *Võ Tánh Tử Tiết...*

- Tuồng truyện: *Giọt Máu Chung Tình* (truyện Võ Đông Sơ và Bạch Thu Hà)...

- Tuồng Tàu: *Dự Nhượng Đả Long Bào* (của Nguyễn Thành Long), *Đường Hoài Ân Bị Tình Trù, Huê Dung Đạo, Lưu Kim Đỉnh Giải Giá Thọ Châu* (của Lâm Hoài Nghĩa), *Mạnh Lệ Quân Thoát Hải, Mộc Quế Anh Dâng Cây, Quan Công Tàu Mịch Thành, Quân Anh Kiệt, Tranh Châu Mộng Hồ Điệp, Trường Hận* (tuồng Dương Quý Phi), *Xử Án Bàng Quý Phi* (của Lê Văn Tiếng), *Xử Án Quách Què.*

- Tuồng tôn giáo, hầu hết là Phật giáo: *Bồ Thi Bất Nghịch Ý, Quan Âm Thị Kính, Thích Ca Đắc Đạo, Tiên Thân Phật Tổ, Trần Huyền Trang (Tây Du Ký)...*

- Tuồng xã hội, còn gọi là tuồng Tây xuất hiện và phát triển nhanh chóng, tiêu

biểu có: *Áo Người Quân Tử, Cánh Lan Phương Tử, Duyên Chị Tình Em, Đoàn Tuyệt, Đồi Cô Lựu, Giá Trị Và Danh Dự, Giác Mộng Cô Đào; Gió Ngược Chiều* (phóng tác theo Ruy Blas), *Hai Khối Tình Hàm Lê, Hôn Bướm Mơ Tiên; Khi Người Diên Biệt Yêu* (Lê Hoài Nở, Nguyễn Thành Châu, Trần Hữu Trang hợp soạn), *Khúc Oan Vô Lượng và Tội Của Ai* (đều của Huỳnh Thủ Trung, tức Tư Chơi), *Lan Và Điệp, Lỡ Tay Trót Đã Nhúng Chàm, Men Rượu Hương Tình, Tham Phú Phụ Bần; Tiếng Nhạn Kêu Sương* (của Lê Hoài Nở), *Tiếng Nói Trái Tim, Tình Trường Nham Hiêm, Tô Ánh Nguyệt; Tơ Vương Đến Thác* (tức Trà Hoa Nữ, soạn giả Ngô Vĩnh Khang), *Trọn Tiết Với Chồng; Túy Hoa Vương Nữ* (phóng tác theo Marie Tudor của Victor Hugo), *Tứ Đỗ Tường* (của Đặng Công Danh), *Vì Nghĩa Liễu Minh; Vô Ngạ Truy Phong* (của Lê Hoài Nở)...

c/ Diễn viên tiêu biểu: Đội ngũ nghệ sĩ phát triển khá nhanh

- Về đào có Bảy Lựu, Bảy Nam (1913-2004, người làng Điều Hạ, tỉnh Mỹ Tho), Bích Thuận, Chín Bìa, Chín Lê, Hai Đàng, Kim Cúc, Kim Lan, Kim Thoa, Mười Truyền, Năm Phi, Năm Sadec, Ngọc Xứng, Phùng Há (tên thật là Trương Phụng Hảo, thường gọi là Cô Bảy Phùng Há, sinh ngày 30- 4-1911 tại làng Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, vào nghề từ lúc 13 tuổi, mất ngày 5- 7- 2009, thọ 99 tuổi, an táng tại chùa Nghệ Sĩ ở Gò Vấp), Thanh Loan, Thanh Tùng, Tư Kỳ, Tư Sặng...

- Các kép có Ba Vân (tên thật Lê Long Vân; sinh năm 1908, tại làng An Bình Đông, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; mất ngày 24- 8- 1988, thọ 80 tuổi), Ba Thâu, Bảy Nhiều, Duy Lân, Hai Hoàn, Hai Thiêng,

Hai Tiên, Mười Bửu, Năm Định, Năm Nở, Năm Châu, Tám Danh, Tám Mẹo, Tư Chơi, Tư Út, Từ Anh, Văn Ngân...



H 2: Từ trái sang phải có Từ Anh, Năm Châu, Tư Út, Phùng Há, Ba Liên diễn vở *Khúc Oan Vô Lượng* [3], năm 1931. Ảnh từ *Bách Khoa Toàn Thư Mở* [4].

6 - Giai đoạn bão hòa, từ 1946 đến 1975.

Cuộc chiến lan tràn trên đất nước ta, ban đêm thường giới nghiêm, việc hát xướng cũng bị ảnh hưởng. Nhiều đoàn cải lương được thành lập, trong sự cạnh tranh không ít gánh hát tầm tiếng vẫn bị tan rã, như đoàn Hoa Sen. Tuy vậy, cũng có những đoàn hát vượt qua sự khó khăn để tồn tại và phát triển. Ngoài ra, cải lương còn sinh sôi nảy nở ngoài miền Lục tỉnh, hoặc lập căn cứ vững chắc ở Bắc Kỳ, rồi biến cố năm 1954, theo một triệu người di cư vào Nam tìm tự do, đó là đoàn Kim Chung.

Tuy có những trở ngại trên, nhưng sân khấu cải lương trong giai đoạn này, nhất là những năm từ 1954 đến 1975, là thời vàng son qua tính đa dạng và phong phú.

a/ Về kịch đoàn:

Các gánh Cải lương nổi tiếng trong giai đoạn này có: Ánh Chiêu Dương, Bạch

Lan Thành Đước, Dạ Lý Hương, Hoa Sen, Hoa Thủy Tiên, Hương Mùa Thu, Kim Chung, Kim Chương, Phước Chung, Sao Ngân Phương, Thanh Hương, Thanh Minh Thanh Nga, Thanh Tao, Thống Nhất, Thủ Đô, Trăng Mùa Thu, Tuấn Kiệt... Ngoài ra còn những gánh nhỏ lưu diễn ở các tỉnh, không tính hết.



H3: Phùng Há (1911- 2009), nghệ sĩ nổi danh [5].

b/ Về tác gia và kịch bản:

01/ Anh Tuấn có vở *Trăng Rụng Bến Từ Châu* (tuồng Tàu, hợp soạn với Nhị Kiều).

02/ Anh Phương có kịch bản *Vó Ngựa Đêm Trăng* (hợp soạn với Thu An).

03/ Bá Chi có *Bích Vân Cung Kỳ Án* (tuồng Tàu, hợp soạn với Phương Hà).

04/ Bạch Diệp có vở *Chiều Con Non Thái* (tuồng xã hội, hợp soạn với Minh Nguyên).

05/ Châu Sơn Dũng có tuồng *Đồng Xanh Cát Trắng* (hợp soạn với Quy Sắc).

06/ Hà Triều Hoa Phượng là hai người. Hà Triều (1931- ?), tên thật là Đặng Ngươn Chúc, người xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Rạch Giá nhưng sống ở Sài Gòn từ năm 1955. Hoa Phượng (1933- 1984), tên thật là Lương Kế Nghiệp, sinh tại núi Sập,

huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Sau năm 1954, ông lên Sài Gòn sinh sống, gặp Hà Triều và kết thân.

Hai người hợp soạn vở đầu tay là *Vì Quê Hương*, tiếp đến vở *Con Gió Lốc*, vẫn chưa gây được tiếng vang. Vở thứ ba là *Lối Vào Cung Cấm*, đổi tên *Khi Hoa Anh Đào Nở*, đoàn Thanh Minh Thanh Nga trình diễn liên tục bốn tuần mà vẫn có người xem, làm chấn động kịch trường ở thủ đô Sài Gòn lúc bấy giờ. Hà Triều Hoa Phượng đóng góp rất lớn cho bộ môn cải lương với trên 60 kịch bản, gồm các loại:

Tuồng xã hội có: *Bụi Mờ Ái Nhạn* (hợp soạn với Tuấn Khanh), *Con Gái Chị Hằng*, *Đêm Vĩnh Biệt*, *Nỗi Buồn Con Gái*, *Nửa Đời Hương Phấn*, *Rồi 30 Năm Sau*, *Sương Mù Trên Non*, *Tám Lòng Cửa Biển*.

Tuồng Tàu có: *Anh hùng Xạ Diêu*, *Cô Gái Đồ Long*, *Khởi Sóng Tiêu Tương* (soạn chung với Cô Nguyệt), *Vô Kỵ Triệu Minh*.

Tuồng Nhứt có *Nỗi Buồn Thu Thảo*, *Khi Hoa Anh Đào Nở*.

Tuồng hương xa có *Mưa Rừng*.

07/ Hoài Hương với kịch bản *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đào* (hợp soạn cùng Ngọc Vãn).

08/ Hoài Nhân với vở *Nỗi Quãng Đường Tình*.

09/ Hoài Sơn soạn *Thuyền Về Bến Ngự*.

10/ Hoài Thanh có *Đồ Long Đao*

11/ Hoàng Khâm soạn các tuồng xã hội như: *Bông Hồng Cài Áo*, *Cô Giáo Hiền*, *Hắc Y Nữ Hiệp*, *Lỡ Bước Sang Ngang* (hợp soạn với Thu An), *Vàng Sáu Bạc Mười*, *Vụ Án Song Hôn*. Ông cũng soạn tuồng Tàu như: *Người Đẹp Bạch Hoa Thôn*, *Một Trang Tình Sử*.

12/ Hoàng Quân có kịch bản *Qua Mùa Phượng Vĩ* (tuồng xã hội, hợp soạn với Phượng Hà).

13/ Hoàng Tiên Thúy có vở *Mây Trái Hường* (tuồng xã hội, hợp soạn với Thái Thụy Phong).

14/ Kiên Giang, tên thật là Trương Khương Trinh, sinh năm 1927, tại Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Ông vừa là nhà thơ, nhà báo, soạn giả với các kịch bản *Áo Cưới Trước Cổng Chùa*, *Mây Chiều Xuyên Nguyệt Thôn* (hợp soạn với Hà Triều Hoa Phượng), *Người Đẹp Bán Tơ* (tuồng dã sử), *Ngư Lang Chức Nữ*, *Sơn Nữ Pha Trà...*

15/ Mộc Linh với kịch bản *Tiếng Sét Nửa Đêm* (tuồng xã hội).

16/ Lê Khanh có kịch bản *Bên Hào Lạc Thủy* (tuồng dã sử, hợp soạn với Lê Minh Hùng và Thái Sơn).

17/ Lê Minh Hùng có vở *Bên Hào Lạc Thủy* (tuồng dã sử, hợp soạn với Lê Khanh và Thái Sơn).

18/ Lê Tri có 2 vở tuồng: *Guom Ngũ Đế* và *Trống Hoàng Hôn* (đều hợp soạn với Thu An).

19/ Minh Nguyên, tuồng xã hội có *Chiều Con Non Thái* (hợp soạn với Bạch Diệp).

20/ Mộc Linh với các kịch bản *Người Gọi Đò Bên Sông*, *Quỹ Bảo*, *Nhà Sư Và Tướng Cướp*.

21/ Ngọc Diệp có vở *Hoa Thơm Phong Nhụy* (hợp soạn với Trần Hà).

22/ Ngọc Huyền Lan, các tuồng Tàu có *Tình Nở Đào Hoa Thôn* và tuồng *Hoa Mộc Lan* (đều hợp soạn với Viễn Châu).

23/ Ngọc Huyền Quân có kịch bản *Đêm Buồn Tân Thu* (hợp soạn với Vạn Lý), *Tiếng Hát Trên Sông Loa* (hợp soạn với Thanh Cao).

24/ Ngọc Văn có kịch bản *Anh Hùng Lã Phụng Tiên*, *Nụ Cười Bao Tự*, *Rừng Thẳm Giao Duyên*; *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài* (hợp soạn với Hoài Hương).

25/ Nguyễn Huỳnh soạn vở *Hoa Đào Trước Gió*.

26/ Nguyễn Phương, tên thật là Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1922 tại Mỹ Tho. Ông là nhà soạn tuồng cải lương, theo lời tác giả, có 13 năm cộng tác với đoàn Thanh Minh Thanh Nga và 8 năm với đoàn Dạ Lý Hương, tốc độ viết trung bình 3 tháng xong một vở. Vào khoảng năm 1955- 1956, đoàn trả lương soạn tuồng mỗi tháng 6000 đồng, trong lúc giá vàng 3800 đồng 1 lượng, ngoài ra còn được hưởng tác quyền 6% tiền lợi tức của mỗi xuất hát. Ông là tác giả hơn 100 kịch bản, về tuồng xã hội tiêu biểu có *Bóng Chim Tắm Cá*, *Bọt Biển*, *Đôi Mắt Người Xưa*, *Ngã Rẽ Tâm Tình*, *Người Tình Của Biển*, *Tiền Rừng Bạc Biển...*; tuồng hương xa có *Mộng Đẹp Nửa Đời Hoa...* Ra hải ngoại, ông còn soạn tuồng *Giấc Mộng Trường Sinh*, trình diễn tại Toronto năm 1990.

27/ Nguyễn Thành Châu, trong giai đoạn này có các vở tiêu biểu: *Sân Khấu Về Khuya*, *Chàng Đi Theo Nước*, *Người Kép Hát Già...*

28/ Nhị Kiều: loại tuồng Tàu có *Tình Nở Hoa Xuân* (hợp soạn với Thanh Xuân), *Trần Thế Mỹ*, *Trăng Rụng Bên Từ Châu* (hợp soạn với Anh Tuấn); tuồng Nhựt có *Giấc Mộng Vương Phi*; tuồng hương xa có *Phương Dung Hoàng Hậu* (hợp soạn với Trường Xuân Trúc).

29/ Phan Khương viết kịch bản *Người Anh Khác Mẹ* (hợp soạn với Thu An).

30/ Phong Anh có vở *Thuyền Ra Cửa Biển* (hợp soạn với Yên Trang).

31/ Phương Hà có *Bích Vân Cung Kỳ Án* (tuồng Tàu, hợp soạn với Bá Chi), *Trăng Rừng Vãn Sáng* (tuồng hương xa, hợp soạn với Trang Khanh),



H 4: Nguyễn Thành Châu: soạn giả, đạo diễn, diễn viên, bầu hát *Ánh Chiêu Dương*. Ảnh từ "Nghệ Thuật Sân Khấu VN", trang 227.

32/ Phương Ngọc với kịch bản *Võ Tắc Thiên* (tuồng Tàu).

33/ Phương Hà viết vở *Qua Mùa Phượng Vĩ* (tuồng xã hội, hợp soạn với Hoàng Quân).

34/ Quy Sắc có các tuồng: *Đồng Xanh Cát Trắng* (hợp soạn với Châu Sơn Dũng), *Hoa Nở Cuối Mùa*, *Khi Rừng Núi Mới Sang Thu*.

35/ Thái Sơn có vở *Bên Hào Lạc Thủy* (tuồng dã sử, hợp soạn với Lê Khanh và Lê Minh Hùng).

36/ Thái Thụy Phong soạn các tuồng xã hội như: *Hai Nàng Dâu Trẻ* (hợp soạn với Trần Đình), *Mây Trái Hướng* (hợp soạn với Hoàng Tiên Thúy), *Hai Chuyến Xe Hoa...*

37/ Thanh Cao có kịch bản *Lối Mộng Vào Tim*, *Sầu Qua Máy Nhịp Cầu Duyên*, *Tiếng Hát Trên Sông Loa* (hợp soạn với Ngọc Huyền Quân).

38/ Thanh Xuân có vở *Tình Nở Hoa Xuân* (tuồng Tàu, hợp soạn với Nhị Kiều).

39/ Thiều Linh soạn các tuồng: *Người Dao Phủ*, *Người Không Mẹ*, *Sầu Quan Ái*

(hợp soạn với Thu An), *Thành Cát Tư Hãn*, *Võ Tông Sát Tầu*.

40/ Thu An có các kịch bản: *Bà Chúa Ân Mây*, *Châu Bích Lệ*, *Chiều Lạnh Tuyết Băng Sơn*, *Guom Ngũ Đế* (hợp soạn với Lê Tri), *Hai Chiêu Ly Biệt*, *Lá Cửa Rừng Xanh*, *Lỡ Bước Sang Ngang* (hợp soạn với Hoàng Khâm), *Người Anh Khác Mẹ* (hợp soạn với Phan Khương), *Nước Ngược Dòng*, *Quán Ma*, *Sầu Quan Ái* (hợp soạn với Thiều Linh), *Tiếng Súng Một Giờ Khuya*, *Tiếng Trống Sang Canh*, *Trống Hoàng Hôn* (hợp soạn với Lê Tri), *Vỏ Ngựa Đêm Trăng* (hợp soạn với Anh Phương), *Xác Áo Bên Cầu Gổ*.

41/ Trang Khanh với vở *Trăng Rừng Vãn Sáng* (tuồng hương xa).

42/ Trần Duy Lô đã soạn *Đoạn Tuyệt* (tuồng xã hội).

43/ Trần Đình có vở *Hai Nàng Dâu Trẻ* (tuồng xã hội, hợp soạn với Thái Thụy Phong).

44/ Trần Hà với kịch bản *Hoa Thơm Phong Nhụy* (hợp soạn với Ngọc Diệp).

45/ Trọng Diệp soạn vở *Mộng Giai Nhân* (tuồng Tàu).

46/ Trương Vũ có vở *Dương Quý Phi* (tuồng Tàu).

47/ Trường Xuân Trúc viết *Phương Dung Hoàng Hậu* (tuồng hương xa, hợp soạn với Nhị Kiều).

48/ Tuấn Khanh soạn *Hận Tình Vương Nữ* (tuồng hương xa), *Mặt Trời Đêm*.

49/ Vạn Lý có kịch bản: *Cánh Hồng Tả Toi*, *Đêm Buồn Tàn Thu* (hợp soạn với Ngọc Huyền Quân), *Thượng Phương Bảo Kiếm*.

50/ Viễn Châu, tên thật Huỳnh Trí Bá, thường gọi là Bảy Bá. Ông sinh năm 1924, người xã Đôn Châu (có tài liệu viết là xã Đôn Hậu), huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; hiện ở Sài Gòn. Về sự nghiệp sáng tác, ông

đã đóng góp cho bộ môn cải lương hơn 70 kịch bản, tiêu biểu có vở: *Nát Cánh Hoa Rừng* (tác phẩm đầu tay), *Duyên Nợ Của Ai*, *Đời Cô Nga*, *Đường Ra Biên Ái*, *Người Mẹ Mù*, *Tình Mẫu Tử*, *Viên Ngọc Rắn Thân*; *Tình Nở Đào Hoa Thôn* và *Hoa Mộc Lan* (là hai tuồng Tàu và hợp soạn với Ngọc Huyền Lan), *Con Gái Hoa Mộc Lan*... Và hơn 2000 bản vọng cổ, người đời tặng danh hiệu "Vua soạn Vọng Cổ", bản *Tình Anh Bán Chiếu* (soạn năm 1961) là tác phẩm để đời. Năm 1959, ông cho ra đời loại vọng cổ hài và tỏ ra sở trường với hình thức này, tiêu biểu có bản: *Ba Chàng Rể Quý*, *Ba Râu Đi Chợ Lớn*, *Tâm Sự Văn Hường*, *Tôi Đi Làm Rể*, *Tư Ếch Đi Sài Gòn*, *Văn Hường Nể Vợ*, *Vợ Tôi Nói Tiếng Tây*, *Vợ Tôi Tôi Sợ*...

Ông còn là cha đẻ của Tân Cổ Giao Duyên, là một thể hát pha trộn tân nhạc vào bản vọng cổ, được khai sinh năm 1964; dường như có phép lạ tạo cuộc hôn nhân êm đẹp giữa hai loại hình âm nhạc tưởng chừng đối nghịch nhau. Và ông cũng là người tạo danh cho các nghệ sĩ như Mỹ Châu ca bản *Hòn Vọng Phu*, Út Trà Ôn nổi tiếng qua bản *Tình Anh Bán Chiếu*.

51/ Yên Lang có kịch bản *Mảnh Áo Quê Nghèo*, *Tình Hận Trên Băng Hồ*, *Trời Lạnh Swong Khuya*.

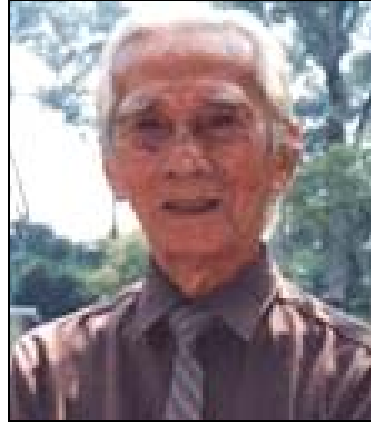
52/ Yên Trang có vở *Thuyền Ra Cửa Biển* (hợp soạn với Phong Anh).

53/ Yên Linh Hoa Phượng có soạn *Mây Bốn Phương Trời* (tuồng dã sử).

c/ **Đội ngũ nghệ sĩ và các đoàn hát nổi tiếng:**

Các nghệ sĩ có thể thay đổi đoàn hát khi mãn hợp đồng, như cô Ngọc Giàu đầu tiên hát cho đoàn Kim Chương, rồi sang đoàn Thanh Minh Thanh Nga, xong lại cộng tác với đoàn Bạch Lan Thành Được. Tuy

nhien, vẫn có trường hợp chuyển đổi bất thường như Đệ Nhất danh ca Út Trà Ôn đang thời hạn với đoàn Thanh Minh, nhưng buồn lòng với bà bầu Nguyễn Thị Thơ, đã bồi hoàn tiền hợp đồng, về với bầu Ba Bản để lập ra đoàn Thủ Đô (1959).



H 5: Viễn Châu, soạn giả kịch bản Cải lương và Vọng cổ nhiều nhất [6].

Thời kỳ này, tiêu biểu có các đoàn hát với những nghệ sĩ cộng tác sau đây:

- **Đoàn Dạ lý Hương**, nguyên có tên là Hoa Mùa Xuân, năm 1964 đổi tên. Thành phần diễn viên, về đào có: Bạch Tuyết (giải Thanh Tâm triển vọng năm 1963, HCV năm 1965), Hồng Nga, Kim Ngọc, Mai Lan, Như Ngọc...; về kép có Ba Xây, Hoàng Long, Minh Đức, Minh Tấn, Tấn Tài (Huy chương vàng, giải Thanh Tâm năm 1963), Thanh Sang (HCV giải Thanh Tâm năm 1964), Tư Rọm...

- **Đoàn Hương Mùa Thu**, về đào có: Bạch Lê, Bạch Liên, Bo Bo Hoàng, Hoài Mỹ, Ngọc Hương (HCV giải Thanh Tâm năm 1962)...; về kép có: Bảy Xê, Công

Khanh, Hè Minh, Hoàng Kim Bằng, Huỳnh Minh (HCV giải Thanh Tâm năm 1959), Minh Đạt, Thanh An, Út Hiền, Văn Khoe... Đặc biệt Hương Mùa Thu chỉ trình diễn các kịch bản của Thu An, ông vừa soạn giả hữu danh, vừa là Giám đốc của đoàn, vừa là đạo diễn có tài, nên đoàn có nhiều khởi sắc.

- **Đoàn Kim Chung** được tổ chức quy mô thành một công ty kinh doanh ngành Cải Lương, quy tụ nhiều nghệ sĩ nổi tiếng, lập nên bốn đoàn hát. Thành phần diễn viên, về đào có: Ái Lan, Ánh Hồng (HCV giải Thanh Tâm năm 1962), Bích Hợp, Diêu Hiền, Hà Mỹ Xuân, Kiều Lễ Tâm, Kim Chung, Lệ Thủy (HCV giải Thanh Tâm năm 1964), Mỹ Châu, Thu Hương, Thúy Liễu; về kép có: Hè Ba Hội, Hè Văn Hường, Hè Tư Vững, Hùng Cường, Huỳnh Thái, Kim Nguyên, Minh Cảnh, Ngọc Ân, Phước Hậu, Quan Hữu, Thanh Hải, Thanh Nhân, Thanh Phương, Út Hậu...

- **Kim Chương** là đoàn hát hàng đầu về địa bàn lưu diễn và có tuổi đời cao nhất của giai đoạn này. Thành phần diễn viên, về đào có: Kim Nền, Mộng Thu, Phượng Liên, Thanh Nguyệt, Thanh Nhân, Trương Ánh Loan (HCV giải Thanh Tâm năm 1963)...; về kép có: Diệp Lang (HCV giải Thanh Tâm năm 1962), Dũng Thanh Lâm (1944-2004), Hè Chon Tâm, Hè Vui, Hữu Nhiêu, Phi Hùng, Phương Quang, Trường Xuân, Vũ Phương Giang...

- **Bạch Lan - Thành Được** là đoàn cải lương hợp lực của hai nghệ sĩ lừng danh là Thành Được (giải Diễn Viên Xuất Sắc năm 1967) và Út Bạch Lan, lại thêm các diễn viên, về đào có: Hoàng Vân, Kim Huệ, Ngọc Giàu (HCV giải Thanh Tâm năm 1960), Thanh Thanh Hoa (HCV giải Thanh Tâm năm 1961), Thanh Thanh Nga...; về

kép có: Ba Vân, Nam Hùng, Thanh Kỳ, Thanh Sơn, Út Nhi, Văn Chung, Văn Nga, Văn Sa...

- **Đoàn Thanh Minh Thanh Nga:** Về đào có Bé Hương Lan, Kim Giác, Kim Loan (HCV giải Thanh Tâm năm 1963), Kim Nga, Ngọc Nuôi (kết hôn với Việt Hùng), Phương Ánh, Thanh Lệ, Thanh Nga (HCV giải Thanh Tâm đầu tiên, năm 1958).



H 6: Nghệ sĩ Thanh Nga (1942- 1978) được mệnh danh là "Nữ Hoàng Sân Khấu." [7]

Thanh Nga tên thật là Juliette Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 31- 7- 1942 ở Tây Ninh, pháp danh Diêu Minh, mất ngày 26- 11- 1978 tại Sài Gòn, hưởng dương 36 tuổi, an táng ở Chùa Nghệ Sĩ, quận Gò Vấp). Về kép có Ba Nghĩa, Bảo Quốc, Chí Hiếu, Hoàng Đức, Hoàng Giang, Hương Huyền, Hữu Phước (người Sóc Trăng, HCV giải Thanh Tâm năm 1960), Kim Quang, Minh Điển, Tám Vân, Thanh Tú (HCV giải Thanh Tâm năm 1963), Việt Hùng (1923-2001, tên thật là Nguyễn Hữu Hùng).

HOÀNG SA

Bài xướng

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

Thao thức đêm trường nhớ biển đông
Xót con nước bạc rẽ chia dòng
Giận quân gian xảo bày mưu kế
Ghét kẻ nông công tiếp nội công
Lau mặt lệ nhòa đau xót đảo
Trông mây tim thất tái tê lòng
Thương con sóng vỗ than hồn nước
Giữa chôn ngàn trùng réo núi sông!
San Jose Ca, 2013

TRUYỀN KIẾP

Bài họa

Nguyễn-Phú-Long

Một giải sơn hà ở phía đông
Cò bay thẳng cánh, nước xuôi dòng.
Hiền lương làng xóm lo xây-đắp,
Hung hãn quân thù mãi tấn công.
Biên giới tan hoang thêm xót dạ,
Hoàng Sa ngơ ngác thật đau lòng.
Nghìn năm mối hận còn nung nấu
Xác giặc có ngày lại kín sông.

HÙNG KHÍ VIỆT NAM

(bài họa)

Nguyễn Vô Cùng

Minh châu đất Việt sáng trời đông(*)
Lịch sử từng trang hã ngược dòng
Hàm Tử bao lần truy bại tướng
Bạch Đằng mấy độ chói kỳ công
Biên thù ngấm lại mà cay mắt
Hải đảo nhìn ra chột đắng lòng
Hùng khí cha ông ngàn ngụt đờ
Ai người chẳng thẹn với non sông?

(*) Dựa theo tựa đề nhạc phẩm Việt Nam Minh
Châu Trời Đông của nhạc sĩ Hùng Lô

QUỐC NẠN

Nương vận

motthoi

Quê hương yêu dấu, góc trời đông
Vi Cộng... tang thương, lệ chảy dòng
Rước giặc, dâng thành* mong tiến chức
Theo Tàu, bán biển để dâng công
Dân tình chao đảo càng đau ruột
Đất nước ngã nghiêng thêm xót lòng
Ta hãy đứng lên trừ quỷ đờ
Đánh tan Hán tặc, cứu non sông.

May 27TH. 2014

*Ai Nam Quan

Việt Nam sẽ làm tất cả những gì cần làm để bảo vệ đất nước

VĂN QUANG

Đến nay cả thế giới đều biết ngày 2-5-2014 vừa qua, Trung Quốc (TQ) đã đưa giàn khoan Hải Dương HD-981 vào định vị khoan tại vị trí có tọa độ 15 độ 29' vĩ độ bắc, 111 độ 12' độ kinh đông, cách đảo Lý Sơn, bờ biển Việt Nam khoảng 120 hải lý (tương đương khoảng 221 km), nằm trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam. Và ai cũng thừa biết đó là hành động xâm lăng trắng trợn của một nước tự coi mình là “ông lớn” trong vùng, dùng đủ mọi thủ đoạn để chiếm lãnh tài nguyên của nước láng giềng, thực hiện ước mơ làm “bá chủ thiên hạ”. Bây giờ hầu như TQ không cần che giấu giấc mơ ăn cướp đó nữa.

Thật ra hành động này của Trung Quốc là kết quả logic của một chuỗi các hoạt động của TQ như xua tàu đánh cá tràn xuống biển Đông, tổ chức tuần tra, mở rộng hoạt động của lực lượng hải giám, công bố đấu thầu 9 lô dầu khí, tiến hành các hoạt động có tính chất dùng sức mạnh để đe dọa...

Dư luận cho rằng lúc này, cả thế giới đang dồn sự chú ý vào Ukraine, những căng thẳng Nga - Mỹ. Khả năng can thiệp của Mỹ là thấp, mặc dù Tổng thống Obama vừa đi thăm một số nước châu Á vào ngày 23 đến 29-4 vừa qua và có tuyên bố mạnh mẽ. Vì thế, TQ lợi dụng thời điểm này để tránh búa rìu dư luận.

Hoặc cũng có thể đây là sự thách thức của TQ sau những hứa hẹn của ông Obama với các nước châu Á tỏ rõ thái độ sẵn sàng bênh vực các nước nhỏ như Philippines nếu bị TQ bắt nạt.

Bộ Ngoại Giao VN họp báo quốc tế tố cáo hành động ngang ngược của TQ

Cuộc họp báo diễn ra vào Vào 16h ngày 7-5 tại Nhà khách Chính phủ, số 12 Ngô Quyền, Hà Nội. Đại diện các cơ quan báo chí Việt Nam, đại diện các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài thường trú tại Hà Nội, các cơ quan đại diện Ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam đã tham dự họp báo. Ủy ban biên giới Quốc gia; Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam và Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam chủ trì.

Cuộc họp báo khá dài, tôi chỉ xin tóm tắt những diễn biến chính.

Tại buổi Họp báo quốc tế này, ông Ngô Ngọc Thu, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Cảnh sát biển VN cho biết các tàu bảo vệ của TQ có hành động hung hăng, chủ động đâm thẳng vào các tàu Việt Nam. Ông Ngô Ngọc Thu, cho biết cụ thể:

- Đối với Trung Quốc, lực lượng tham gia bảo vệ giàn khoan HD 981 trong các ngày 2 và 3-5 là khoảng 40 tàu các loại. Đến thời điểm hiện nay TQ đã huy động, lúc cao nhất là 80 tàu các loại, trong đó có 7 tàu quân sự gồm: Tàu hộ vệ tên lửa 534 (Giang Hồ II) và tàu tuần tiễu tấn công nhanh số hiệu 753; cùng 33 tàu Hải cảnh, Hải Giám, Ngư Chính và các tàu vận tải, tàu cá. Ngoài ra hàng ngày còn có hàng chục tốp máy bay hoạt động trên khu vực.

- Cũng theo ông Ngô Ngọc Thu, khi các tàu thực thi pháp luật của Việt Nam ra kiểm tra, ngăn chặn việc xâm phạm trái phép của giàn khoan HD 981, các tàu bảo vệ của Trung Quốc, được sự yểm trợ của máy bay, có hành động hung hăng, chủ động đâm thẳng vào các tàu, dùng vòi rồng có công suất lớn phun nước vào các tàu của Việt Nam nhằm làm hư hỏng tàu thuyền và các trang thiết bị trên tàu, gây thương tích cho thủy thủ trên tàu.

Sáng 7-5: tàu hải cảnh TQ tiếp tục đâm tàu Việt Nam

Cụ thể, lúc 8g10 phút ngày 3-5, tại tọa độ 15o31'N-111o02'E (cách giàn khoan HD 981 khoảng 10 hải lý), tàu

SỐ 67

Hải Cảnh 44044 chủ động đâm thẳng vào mạn phải tàu CSB-4033, hậu quả làm cho tàu 4033 bị rách mạn phải chiều dài 3m, rộng 1m, làm hư hỏng máy phải và các trang thiết bị khác.

- Lúc 8g30 ngày 4-5, tàu Hải Cảnh 44103 chủ động đâm thẳng vào mạn trái tàu CSB-2012. Do tàu 2012 đã tăng tốc vòng tránh, nên việc đâm chỉ bị rách ở chính góc đuôi tàu mạn phải diện tích khoảng 1m², làm hư hỏng một số trang thiết bị khác trên tàu.

- Ngoài các tàu cảnh sát biển thì các tàu Trung Quốc còn chủ động đâm va, phun nước vào hàng chục tàu kiểm ngư và các tàu thực thi pháp luật khác của Việt Nam. Hậu quả làm hư hỏng các trang thiết bị trên tàu và làm bị thương cho một số thủy thủ Việt Nam.

- Lúc 12g00 ngày 7-5, tàu Hải cảnh 3411 tiếp tục có hành động đâm vào tàu CSB-8003. Trung Quốc sử dụng đồng thời máy bay có số hiệu 8321 bay trên không phận tàu CSB-8003, nhằm uy hiếp các tàu Việt Nam.

- Đối với các tàu Trung Quốc được trang bị vũ khí đều mở bạt che súng, pháo để sẵn sàng sử dụng bất cứ lúc nào, gây nên tình trạng hết sức căng thẳng.

Trung Quốc ngang ngược - Việt Nam đã làm gì

Về phía các lực lượng thực thi pháp luật Việt Nam, ông Ngô Ngọc Thu cho biết đã có mặt kịp thời tại hiện trường, tiến hành thực hiện quyền kiểm tra, ngăn chặn hành động xâm phạm trái phép của

GỌI NHAU XUỐNG ĐƯỜNG

**Bắt người yêu nước bỏ tù
Đảng nay làm chuyện ruồi bu phản thù!
Đảng khoe thành tích “hiếu trung” (!)
Trung gì cái đảng khật khùng phản dân!**

**Đảng Việt Cộng vô thần bán nước
Thờ quan thầy Trung Quốc sài lang
Vâng theo “16 chữ vàng”
Phương châm “4 tốt” mở trang sử hèn!**

**Đảng xua đuổi dân đen ly tán
Cướp ruộng vườn đem bán cho Tàu
Lang thang xó chợ chân cầu
Con sâu cái kiến kêu đau thấu trời?!**

**Thềm lục địa ngoài khơi biển động
Khấp ba miền lửa bỏng dầu sôi
Đình công bãi khóa tới hồi
Lòng dân ai oán đứng ngồi không yên**

**Hỡi tuổi trẻ thanh niên yêu nước
Nắm tay nhau kẻ trước người sau
Nhất tề đã đảo giặc Tàu
Trừ gian diệt bạo gọi nhau xuống đường!
17/5/2014**

HỒ CÔNG TÂM

giàn khoan và lực lượng tàu bảo vệ của Trung Quốc trong vùng biển Việt Nam. Tàu Việt Nam đã phát tín hiệu yêu cầu

giàn khoan và các tàu của Trung Quốc rời khỏi vùng biển của Việt Nam.

Trong thời gian thực thi pháp luật trên biển, lực lượng thực thi pháp luật của Việt Nam đã kiên trì, kiềm chế trước hành động hung hăng, ngang ngược của các tàu Trung Quốc. Tới đây, lực lượng thực thi pháp luật của Việt Nam tiếp tục đấu tranh kiên quyết bảo vệ chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam.

Ông Ngô Ngọc Thu đưa ra nhận định, đánh giá việc giàn khoan HD 981 và các tàu của Trung Quốc xâm phạm trái phép vùng biển Việt Nam là hành động hung hăng, ngang ngược của Trung Quốc đối với các tàu Việt Nam là việc làm vi phạm quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa Việt Nam. Hành vi này vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế, vi phạm thoả thuận giải quyết các vấn đề trên biển Đông giữa các nước ASEAN và Trung Quốc (DOC).

Việc làm sai trái trên của Trung Quốc làm ảnh hưởng đến mối quan hệ và thoả thuận cấp cao giữa Việt Nam - Trung Quốc gây mất lòng tin của hai nước và quốc tế.

“Mọi sự chịu đựng có giới hạn”

Sau đây là một số câu trả lời tại buổi họp báo:

- *Đại diện của hãng NHK hỏi: Trung Quốc đã thực sự khoan thăm dò dưới đáy*

CỔ THƠM

biển của VN hay chưa? Nếu TQ không chịu rút giàn khoan ra khỏi biển VN thì VN sẽ có hành động gì tiếp theo?

Ông Ngô Ngọc Thu (Phó tư lệnh tham mưu trưởng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam) trả lời: Cho đến thời điểm này giàn khoan 981 đã được định vị ở các vị trí như đã xác định trên bản đồ. Hiện nay, sau định vị, giàn khoan đang tiến hành tác nghiệp chuẩn bị để tiến tới khoan thăm dò.

Như chúng tôi đã khẳng định Việt Nam chủ trương thông qua các biện pháp hòa bình để giải quyết các tranh chấp liên quan. Hiện nay và sắp tới, chúng ta sẽ tiếp tục kiên trì trao đổi với TQ để xử lý các vấn đề ở Biển Đông. Nhưng một lần nữa, tôi khẳng định với các bạn rằng vì các quyền và lợi ích chính đáng của chúng ta ở Biển Đông, chúng ta sẽ sử dụng tất cả các biện pháp hòa bình quy định bởi Luật Biển, bởi Luật Pháp quốc tế cũng như hiến chương Liên Hợp Quốc để bảo vệ các quyền và lợi ích của VN.

Nếu TQ tiếp tục đâm tàu, Việt Nam sẽ tự vệ tương tự!

- Hãng AP: Cần khẳng định chưa có người chết? Tôi thấy các tàu TQ chủ động đâm vào các tàu VN, thế tàu VN có tiến hành đâm tàu TQ để bảo vệ tàu của mình không?

Ông Ngô Ngọc Thu: Mặc dù những ngày vừa qua, tình hình trên thực địa rất căng thẳng. TQ chủ động đâm va và sử dụng các loại trang bị trên tàu để bắn,

phun nước vào tàu VN. Nhưng cho đến thời điểm này chưa có người nào chết trên biển. Chỉ có khoảng 6 kiểm ngư viên VN bị mảnh kính vỡ văng vào gây thương ở các phần mềm. Như quý vị xem clip, các tàu hải cảnh và tàu bảo vệ của TQ chủ động đâm va vào các tàu VN gây hư hỏng và ảnh hưởng đến trang thiết bị của VN. Vừa qua, lực lượng Cảnh sát biển và kiểm ngư hết sức kiềm chế. Chúng tôi tiếp tục bám trụ và giải quyết mọi việc trên biển. Nhưng mọi sự chịu đựng đều có giới hạn. Nếu tiếp tục đâm vào chúng tôi thì chúng tôi cũng có những tự vệ tương tự để đáp lại”.

Dur luận thế giới về tình hình ở biển Đông

Tình hình Biển Đông đang trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của thế giới. Ngày 07-5, hàng loạt hãng tin thế giới đã đưa tin về việc tàu Trung Quốc hung hăng tấn công tàu Việt Nam sau khi Bắc Kinh đưa giàn khoan vào vùng biển Việt Nam, gây thêm căng thẳng cho tình hình trong khu vực.

- Mỹ phản đối hành động khiêu khích và đơn phương trên Biển Đông.

Bộ Ngoại giao Mỹ ngày 7/5 đã tuyên bố như trên và bày tỏ quan ngại sâu sắc về các hành động đơn phương, nguy hiểm và khiêu khích của Trung Quốc tại Biển Đông.

Phát biểu trước báo giới tại Washington, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Mỹ Jen Psaki một lần nữa khẳng định việc Trung Quốc đơn phương đưa

giàn khoan vào khu vực tranh chấp trên Biển Đông là hành động khiêu khích và không giúp ích cho việc duy trì hoà bình và ổn định trong khu vực.

Trả lời câu hỏi về phản ứng của Mỹ trước việc tàu Trung Quốc cố tình đâm tàu Việt Nam tại Biển Đông, bà Psaki cho biết: "Chúng tôi vô cùng quan ngại về hành động nguy hiểm và hăm dọa bằng tàu thuyền tại khu vực tranh chấp. Chúng tôi kêu gọi tất cả các bên kiềm chế, có cách hành xử an toàn và phù hợp, và giải quyết các đòi hỏi chủ quyền một cách hoà bình, bằng đường ngoại giao và phù hợp với luật pháp quốc tế.... Mỹ phản đối các hành động khiêu khích và đơn phương, gây nguy hiểm đối với hoà bình và an ninh trên Biển Đông".

Cùng ngày, Thượng Nghị sỹ Mỹ John McCain đã ra tuyên bố nêu rõ, việc Trung Quốc quyết định khoan dầu ngoài khơi vùng biển Việt Nam cũng như triển khai hàng chục tàu hải quân để hỗ trợ hành động khiêu khích này là vô cùng đáng quan ngại và chỉ gây gia tăng căng thẳng tại Biển Đông.

Theo ông McCain, việc tàu Trung Quốc tập trung lại và đâm thủng tàu cảnh sát biển Việt Nam là hành động gây hấn trên biển, Trung Quốc phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành động đơn phương nhằm thay đổi hiện trạng tại Biển Đông, đồng thời khẳng định hành động của Trung Quốc dựa trên những yêu sách lãnh thổ không hề có cơ sở luật pháp quốc tế.

Thượng nghị sỹ Mỹ McCain nêu rõ, hoạt động khoan dầu của Trung Quốc diễn ra hoàn toàn trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, một khu vực được xác định rõ theo luật pháp quốc tế.

Các hãng tin lớn như: BBC, CNN, Reuters cũng đồng loạt đăng tải những tin tức mới nhất về tình hình Biển Đông.

Nói về phản ứng của Việt Nam trước những động thái khiêu khích của Trung Quốc, các hãng tin như BBC, Reuters đã trích dẫn bài phát biểu của ông Trần Duy Hải, Phó chủ nhiệm Ủy ban biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao khẳng định: "Chúng tôi là một quốc gia yêu chuộng hòa bình và đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh... Nếu tình trạng này đi quá xa, chúng tôi sẽ sử dụng tất cả các biện pháp phù hợp với luật pháp quốc tế để bảo vệ lãnh thổ của chúng tôi".

- Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ họp báo về giàn khoan TQ

Trợ lý Ngoại trưởng Hoa Kỳ Daniel Russel chiều 8-5 đã có cuộc họp báo tại Hà Nội. Ông nói: Vụ TQ đưa giàn khoan dầu lớn HD 981 vào vùng đặc quyền kinh tế VN ở Biển Đông để thăm dò dầu khí được báo chí đề cập với những câu hỏi nêu quan điểm từ phía Mỹ. "Mỹ cho rằng vấn đề phải được giải quyết hòa bình".

Ông Daniel Russel dẫn đầu phái đoàn Hoa Kỳ thăm Hà Nội gặp các quan chức cấp cao của Chính phủ, dẫn đầu phái đoàn Hoa Kỳ tại Đối thoại Hoa Kỳ - Việt Nam vùng châu Á - TBD. Chuyên thăm diễn ra trong hai ngày 7-8/5.

Trước khi đến Hà Nội, khi ở thăm Hồng Kông, ông Daniel Russel nói với báo chí rằng Mỹ đang theo dõi các diễn biến ở Biển Đông và thúc giục các bên thận trọng.

"Chúng tôi tin rằng, điều quan trọng là mỗi bên cần thận trọng và kiềm chế", ông nói đồng thời nhấn mạnh: "Kinh tế toàn cầu quá mong manh và sự ổn định khu vực là điều sống còn chứ không phải các lợi ích kinh tế ngắn hạn".

Bộ Ngoại Giao VN kiên quyết phản đối

Ngay sau khi TQ đặt giàn khoan trái phép, phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Việt Nam Lê Hải Bình đã lên tiếng: "Mọi hoạt động của nước ngoài trên các vùng biển của Việt Nam khi chưa được phép của Việt Nam đều là bất hợp pháp và vô giá trị, Việt Nam kiên quyết phản đối".

- Ngày 4.5.2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã có thư gửi Chủ tịch và Tổng giám đốc của Tổng công ty Dầu khí Hải Dương Trung Quốc cực lực phản đối hành động này và kiên quyết yêu cầu Tổng công ty Dầu khí Hải Dương Trung Quốc dừng ngay lập tức các hoạt động bất hợp pháp và rút giàn khoan HD-981 ra khỏi vùng biển của Việt Nam.

- Ngày 6-5, Phó thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh đã điện đàm với Ủy viên Quốc vụ Trung Quốc Dương Khiết Trì, phản đối việc giàn khoan HD-981 và nhiều tàu Trung Quốc hoạt động tại khu vực thuộc thềm lục địa Việt Nam.

SỐ 67

VANG KHÚC HỢP ĐOÀN

**Đã chiếm Hoàng Sa lẫn ài quan
Giặc Tàu lấn tới hạ giàn khoan
Biên cương buổi ấy từng xơ xác
Lãnh hải ngày nay khó vẹn toàn
Hàng triệu nhân dân còn thống khổ
Một bày ưng khuyến vãn gian ngoan
Hãy mau đứng dậy đòi sông núi
Cả nước rền vang khúc hợp đoàn**

Nguyễn Kinh Bắc

5-19-14

Trong cuộc điện đàm, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Phạm Bình Minh nhấn mạnh việc Trung Quốc đơn phương đưa giàn khoan HD-981 và một lượng lớn tàu các loại, kể cả tàu quân sự vào hoạt động tại khu vực thuộc lô dầu khí 143 thuộc thềm lục địa Việt Nam từ ngày 1/5 đến nay là bất hợp pháp.

Việt Nam không thể chấp nhận và kiên quyết phản đối việc làm này của Trung Quốc; yêu cầu Trung Quốc rút hết giàn khoan HD-981 và các tàu hộ tống ra khỏi khu vực và cùng đàm phán để xử lý những bất đồng xung quanh vấn đề này.

Việt Nam sẽ áp dụng mọi biện pháp phù hợp cần thiết để bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của mình.

Tuy nhiên Ông Dương Khiết Trì Ủy viên Quốc vụ Trung Quốc ngang ngược "kêu gọi phía Việt Nam không nên can thiệp các hoạt động của các công ty

Trung Quốc ở khu vực quần đảo Tây Sa” (tức quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam). Ông Dương trắng trợn nói Việt Nam “vi phạm nghiêm trọng chủ quyền Trung Quốc khi can thiệp vào các hoạt động bình thường của công ty Trung Quốc” ở quần đảo Hoàng Sa...”.

Đúng là “gái đĩ già mồm”.

- Cùng ngày, Đại diện Bộ Ngoại giao Việt Nam đã gặp Đại biện Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội trao Công hàm của Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi Bộ Ngoại giao TQ.

Công hàm nhấn mạnh hoạt động của giàn khoan HD-981 và tàu Trung Quốc đã "xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, cũng như đã vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận giữa Lãnh đạo hai nước, tinh thần và lời văn của Tuyên bố DOC, các quy định có liên quan của luật pháp quốc tế", yêu cầu Trung Quốc "rút ngay giàn khoan nói trên cùng các tàu, thiết bị, nhân sự có liên quan ra khỏi khu vực lô 143 thuộc thềm lục địa Việt Nam và không để tái diễn các hành động tương tự..."

Người dân Việt Nam nghĩ gì

Đến nay bất cứ người VN nào cũng không còn tin vào bất kỳ cái gì của TQ nữa. Từ cái ôm hôn thắm thiết đến 4 chữ vàng, và 16 tốt đều là hàng giả, hàng “đều”. Nhiều năm nay, người nông dân VN đã điêu đứng vì sự lừa lọc

của bọn lái buôn TQ làm hàng triệu nông dân khốn đốn. Gần 20 năm qua, khi Việt Nam - Trung Quốc nối lại quan hệ bị gián đoạn, nhiều đoàn thương lái người Trung Quốc đã vào VN mua những mặt hàng nông sản quái dị. Từ ốc bươu vàng, mua gỗ sưa, gỗ trắc non, đến dưa, dứa non; từ phân trâu đến đuôi trâu; từ rễ sim đến hoa ngâu, lá cây phong ba; từ hạt chè đến xơ dừa. Và mới đây là lá khoai lang non, mua ớt non làm náo loạn các vùng quê từ Nam chí Bắc. Nông dân thấy lợi là bán, không biết đến những mưu toan phá hoại có hệ thống của TQ. Những xe đưa hấu xếp hàng dài ở cửa khẩu sang TQ đến nỗi dưa hư chỉ còn nước vắt đi. Rồi các loại hóa chất tẩy thịt thối thành thị tươi, đồ chơi trẻ em cũng có chất độc, ướp hoa quả bằng chất hóa học độc gây nguy hại cho cơ thể vẫn rao bán tràn lan... Còn hàng trăm chuyện đều như thế này nữa rải rác khắp các nơi từ thành thị đến thôn quê ngõ hẹp.

Đến nay, trước hành động xâm lấn trắng trợn với những hành động gây hấn ngày càng gia tăng của TQ, tất cả người VN đều công phẫn và sẵn sàng đứng lên bảo vệ tổ quốc. Dù biết rằng ở thế yếu nhưng cũng quyết đánh trả đến cùng, noi gương các chiến sĩ VNCH trong trận chiến ở Hoàng Sa năm 1974.

Những tin tức về hành động ngang ngược này của TQ chắc chắn sẽ còn nhiều, nếu có biến chuyển mới, tôi sẽ tường thuật trong một bài khác.

Văn Quang (9-5-2014)

CỔ THƠM

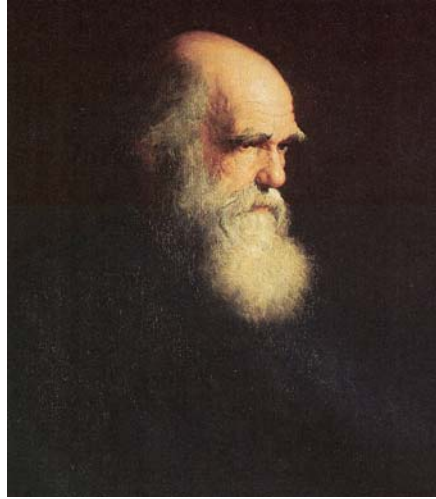
CHARLES DARWIN

(1809–1882)

và Tác Phẩm “Nguồn Gốc của các Chủng Loại”

1809 là năm chào đời của các danh nhân trên thế giới như Abraham Lincoln, Tổng Thống Hoa Kỳ kiêm vĩ nhân giải phóng nô lệ, Charles Darwin, nhà sinh vật học lừng danh, William Gladstone, Thủ Tướng của nước Anh, Felix Mendelssohn, nhạc sĩ tài hoa, các thi nhân như Edgar Allen Poe, Elizabeth Barnett Browning, Alfred Tennyson.

Trong số các danh nhân kể trên và trong số hàng triệu người ra đời trong thế kỷ 19, ngoại trừ Karl Marx, Charles Darwin đã làm thay đổi các khuynh hướng tư tưởng của Nhân Loại, tạo nên một hướng nhìn mới. Cuốn sách “Về Nguồn Gốc của các Chủng Loại do Cách Chọn Lựa Tự Nhiên” (On the Origin of Species by Means of Natural Selection) của Charles Darwin đã là một khúc quanh của nền Khoa Học mới, tạo nên một lý thuyết gây chấn động cho tới thời gian gần đây, ảnh hưởng sâu đậm không chỉ vào phạm vi



suy nghĩ khoa học mà còn tới các địa hạt Triết Học, Tôn Giáo và các ngành tư tưởng khác.

Ngày nay, các nguyên tắc căn bản của lý thuyết Darwin hầu như được toàn thể giới khoa học chấp nhận nhưng khởi đầu, lý thuyết này đã gây nên sóng gió trong gần một thế kỷ. Khởi

đầu vào năm 1860 là vụ tranh luận tại thành phố Oxford, với rất nhiều cuộc tranh cãi khác rồi tới năm 1925 là “vụ kiện con khỉ” (Monkey trial) tại tiểu bang Tennessee, Hoa Kỳ, và các tranh luận chỉ nguôi dần qua thời gian.

1/ Vụ kiện “Con Khỉ”.

Vào năm 1925, tiểu bang Tennessee của Hoa Kỳ thông qua Đạo Luật Butler (the Butler Act) cấm đoán việc giảng dạy Thuyết Tiến Hóa tại các trường học trong tiểu bang. Các chống đối đã diễn ra và một vụ kiện được đưa ra trước Công Lý. Bị lôi ra trước Tòa là ông John T. Scopes, 24 tuổi, giáo sư

Khoa Học kiêm ông bầu của đội banh bầu dục. Ông Scopes thú nhận rằng mình đã vi phạm luật do giảng dạy lý thuyết của Charles Darwin. Vì vậy vào tháng 7 năm đó đã xảy ra “vụ kiện Scopes con khỉ” (Scopes Monkey Trial) mà các nhà sử học về Luật Pháp coi đây là vụ án của thế kỷ.

Vụ án này là tiêu đề lớn nhất trên toàn quốc Hoa Kỳ, đã chế ngự mọi loại thông tin, các báo chí, các hệ thống truyền thanh, đã làm sáng tỏ các lý lẽ liên quan tới Hiến Pháp Hoa Kỳ, tương tự như vấn đề ngăn cách Nhà Thờ và Quốc Gia (separation of church and state), như nền tự do học vấn (academic freedom) cũng như việc diễn đạt Tu Chính Án Thứ Nhất (the First Amendment). Nhưng chính các nhân vật trong vụ tranh cãi đã khiến cho vụ án trở nên một màn kịch.

Luật sư bên bị là ông Clarence Darrow, đã đối đầu với một nhân vật đã từng ba lần làm ứng viên Tổng Thống và cũng là một tín đồ Thiên Chúa Giáo thuần thành, đây cũng là nhà hùng biện danh tiếng William Jennings Bryan. Sau khi quan tòa ngăn cản việc đưa ra nhân chứng là các chuyên gia khoa học, luật sư Darrow đã kêu gọi công tố viên Bryan đứng làm chuyên gia về Thánh Kinh. Trong sức nóng bức của tháng 7, ông Darrow không ngừng đặt các câu hỏi về Thánh Kinh khiến cho cuối cùng ông Bryan phải thú nhận rằng “sự sáng tạo ra con người có thể cần tới hàng triệu năm” mà không phải chỉ trong 6 ngày, theo như Sách Sáng Thế (Genesis).

Như vậy nhiều người đã tin rằng luật sư bên bị đã thắng vẻ vang về lý thuyết Tiến Hóa. Chiến thuật của bên bị là đặt vấn đề bất hợp hiến của Đạo Luật Butler, còn bên nguyên truy tố ông Scopes đã vi phạm luật. Cuối cùng bồi thẩm đoàn kết luận rằng ông Scopes “phạm tội” (guilty), đây chính là điều bên bị mong muốn! Bản án “phạm tội” này được chống án lên Tòa trên, là nơi sẽ tiêu hủy Đạo Luật Butler chống Thuyết Tiến Hóa. Tuy nhiên việc chống án chỉ được xét xử vào năm 1967 trong khi các hội đồng giáo dục của vài tiểu bang Hoa Kỳ đã bỏ thăm không đề cập tới Thuyết Tiến Hóa trong các câu hỏi thi trắc nghiệm khi mà việc giảng dạy lý thuyết này còn trong vòng tranh cãi.

2/ Thời kỳ đi học và đi khảo sát của Charles Darwin.

Charles Robert Darwin là cháu của hai người ông danh tiếng và giàu có sống trong thời đại Victoria của nước Anh. Ông nội Erasmus Darwin là một vị thầy thuốc và nhà tư tưởng phóng khoáng, còn ông ngoại Josiah Wedgwood là nhà sáng lập lò gốm Wedgwood và cũng là một nhân vật hàng đầu trong cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ tại nước Anh. Cha của Charles Darwin là ông Robert Darwin, một bác sĩ tài giỏi còn mẹ là bà Susannah Wedgwood. Charles Darwin chào đời vào ngày 12 tháng 2 năm 1809 trong gia đình có người anh Erasmus lớn hơn 4 tuổi. Gia đình này sống trong một tòa nhà lớn bên ngoài thị xã Shrewsbury.

Khi còn nhỏ tuổi, Darwin không tỏ lộ một hứa hẹn nào rằng sau này sẽ trở

nên một nhà khoa học lừng danh trên thế giới. Tuy xuất thân từ một gia đình gồm các học giả và nhà chuyên môn nhưng Darwin không phải là một học sinh xuất sắc. Tại trường tiểu học, cậu Charles chán nản trước tiếng La Tinh và chương trình giáo dục cổ điển kém uyển chuyển. Cậu bị vị hiệu trưởng trách mắng vì đã phí thời giờ vào các thí nghiệm hóa học hay vào công việc thu thập các côn trùng, các mẫu đá. Theo bước chân của cha, Charles được gửi tới trường Đại Học Edinburg vào tuổi 16 để theo học Y Khoa. Sau hai năm học tại trường này, cậu nhất định rằng ngành Y không thích hợp nên được chuyển sang Đại Học Cambridge để sau này phục vụ cho Nhà Thờ Anh Cát Giáo.

Charles Darwin đã coi ba năm dài tại trường đại học sau này là phí phạm thời gian nhưng dù thế, Darwin đã hưởng lợi to lớn nhờ quen biết hai vị thầy nhiều ảnh hưởng, đó là ông John Stevens Henslow, giáo sư môn Thực Vật, và ông Adam Sedgwick, giáo sư môn Địa Chất. Nhờ hai vị thầy này chỉ dẫn, Darwin đã trải qua nhiều thời giờ trong các cuộc du khảo, thu lượm các loại côn trùng và thực tập cách quan sát thiên nhiên.

Nhờ sự giới thiệu của Giáo Sư Sedgwick, Darwin được đề nghị đảm nhận chức vụ nhà tự nhiên học (naturalist) trên con tàu hải quân Beagle đi thực hiện một chuyến khảo sát kỹ càng miền nam bán cầu. Tàu H.M.S. Beagle là một con tàu nhỏ, dài 90 ft, rộng 24 ft nên căn phòng dành cho Darwin rất chật hẹp. Nhiều năm về sau khi nhìn lại cuộc hành trình này,

Darwin đã coi đây là “một biến cố quan trọng nhất trong đời của tôi”.

Trong 5 năm trường từ 1831 tới 1836, con tàu biển Beagle đã ghé vào hầu như tất cả các lục địa và các hòn đảo chính khi nó chạy vòng quanh trái đất. Darwin đã phục vụ bằng các công việc của nhà địa chất, nhà thực vật, nhà động vật và một nhà khoa học tổng quát, đây là một chuẩn bị đầy đủ dành cho cuộc đời khảo cứu và viết sách của ông sau này. Tại mỗi nơi đi qua, Darwin đều thu lượm thật nhiều cây cỏ và thú vật, các vật hóa thạch và các sinh vật, các hình thức sống trên mặt đất hay dưới biển. Ông đã nghiên cứu bằng con mắt của một nhà tự nhiên học các hệ thực vật và hệ động vật (the flora and fauna) của nhiều miền đất và miền biển, tìm kiếm thật nhiều mẫu vật trên các cánh đồng hoang của xứ Argentina, trên sườn núi khô cằn của rặng núi Andes, nơi có các hồ muối hay các sa mạc của xứ Chile và Australia, trong rừng rậm của xứ Brazil, Tierra del Fuego và Tahiti, trên hòn đảo Cape Verde trợ trụ. Các nơi khảo sát của Darwin còn là các cấu tạo địa chất của bờ biển và miền núi Nam Mỹ, các ngọn núi lửa đang hoạt động hay đã tắt trên các hòn đảo hay đất liền, các đảo san hô, các hóa thạch của động vật có vú nơi miền Patagonia, các dấu vết suy tàn của con người tại Peru và cả các thổ dân của miền Tierra del Fuego và Patagonia.

Nhưng qua tất cả các miền đã từng thăm viếng và khảo cứu, không nơi nào gây ấn tượng mạnh tới Darwin hơn quần đảo Galapagos, nằm cách bờ biển Nam Mỹ 500 dặm về phía tây.

Trên hòn đảo cô lập, không người cư ngụ này, chỉ gồm các ngọn núi lửa trơ trụi, Charles Darwin đã nhìn thấy các con rùa khổng lồ, các con thằn lằn thực to lớn chưa từng thấy trên thế giới, các con cua và sư tử biển quá cỡ. Ông cũng đặc biệt nhận thấy rằng các con chim tại nơi đây tương tự như thú chim trên các hòn đảo bên cạnh nhưng không giống hệt. Ngoài ra đã có sự thay đổi trong các loại chim khác nhau từ hòn đảo này sang hòn đảo khác.

Hiện tượng lạ lùng của các sinh vật trên quần đảo Galapagos cộng với các sự kiện chắc chắn đã được ghi nhận trước kia tại miền Nam Mỹ đã tăng cường các ý tưởng về tiến hóa bắt đầu hình thành trong đầu óc của Darwin. Ông Darwin đã ghi trong sổ tay như sau: “tôi đặc biệt ngạc nhiên thứ nhất vì các hóa thạch của động vật có vẩy như loại armadillo hiện có, thứ hai vì cách thức các động vật liên hệ gần đã thay thế nhau trên lục địa khi đi dần về phía nam và thứ ba, các sinh vật đổi thay khác nhau đôi chút trên các hòn đảo Galapagos dù cho các đảo này không rất cổ theo ý nghĩa địa chất”. Charles Darwin đã không hiểu ngay ý nghĩa của sự thay đổi hình thức bên ngoài của các sinh vật, ông đã ghi chép tất cả nhận xét để sau này nghiên cứu khi trở về nước Anh. Ông không chấp nhận các giáo điều trong Sách Sáng Thế (Genesis) theo đó mọi chủng loại đã được tạo nên cùng một lúc và không thay đổi qua thời gian.

Sau khi trở về nước Anh, Charles Darwin cho xuất bản vào năm 1839 cuốn “Tập Chí Khảo Cứu Địa Chất và

Khoa Học Tự Nhiên của các Quốc Gia khác nhau do chuyến đi trên con tàu Beagle” (Journal of Researches into the Geology and Natural History of the Various Countries Visited by H.M.S. Beagle) và ông bắt đầu suy nghĩ về lý thuyết của sự tiến hóa hữu cơ (organic evolution) theo đó các chủng loại thay đổi không chỉ từ nơi này sang nơi khác mà còn qua các thời đại địa chất, ông muốn khám phá ra lý do của các thay đổi và đồng thời, Darwin viết cuốn sách “Nguồn Gốc của các Chủng Loại” (The Origin of Species). Bản phác thảo đầu tiên gồm 35 trang viết vào năm 1842, qua năm 1844 đã được nới rộng thành 230 trang. Từ đầu, bài toán bí ẩn là làm sao cất nghĩa đời sống hữu cơ (organic life) đã bắt đầu phát triển kể từ thời khởi đầu của trái đất, cất nghĩa sự xuất hiện và biến đổi của các loài vật. Tại sao các loài vật đã sinh ra, bị thay đổi qua thời gian, phân chia thành các ngành khác nhau và thường khi biến mất hoàn toàn?

3/ Lập gia đình và nghiên cứu Khoa Học.

Vào ngày 19/1/1839, Charles Darwin kết hôn với cô em họ gần tên là Emma Wedgwood. Cặp vợ chồng này cư ngụ tại Bloomsbury trong một căn nhà chứa nhiều mẫu vật giống như một viện bảo tàng rồi 3 năm sau, họ dọn qua làng Downe thuộc hạt Kent, một miền quê hẻo lánh. Ông bà Darwin đã có 10 người con, 2 đứa trẻ đã bị chết yểu, một người con gái tên là Annie được yêu thương nhất đã qua đời năm lên 10 tuổi, còn lại 7 người con khác đều có cơ thể yếu đuối.

Trong 20 năm trường, Charles Darwin đã biên soạn cuốn sách “Nguồn Gốc” kể trên, cụ thể hóa các lý thuyết của mình. Ông đã đọc vô số tài liệu: tạp chí, sách du lịch, sách thể thao, sách dạy trồng hoa, sách dạy nuôi súc vật và sách lịch sử tự nhiên. Ông đã nói chuyện với nhiều nhà gây giống cây và thú vật, đã gửi câu hỏi tới nhiều người hiểu biết. Ông sưu tầm các bộ xương của các con vật đã được thuần hóa, so sánh chúng với xương của các con vật hoang dã. Ông đã khảo cứu các trái cây và hạt giống nổi và di chuyển trên mặt nước biển. Ông đã dùng các dữ kiện thu lượm được trong cuộc hành trình trên con tàu biển Beagle để giải đáp nhiều bài toán liên quan tới thực vật học, động vật học, địa chất học, cổ sinh vật học...

Charles Darwin đã dùng cách chọn lựa nhân tạo (artificial selection) của các con vật và cây cối thuần hóa: chó, mèo, ngựa, lúa mì, lúa mạch, các loại hoa vườn... mà con người đã lai tạo để có được thứ giống vật có lợi cho nhu cầu. Như vậy nhiều chủng loại mới đã được phát triển do chọn lựa. Ông đã lý luận rằng nếu sự tiến hóa được thực hiện do cách chọn lựa nhân tạo thì thiên nhiên cũng có thể hoạt động theo cùng một phương thức do cách chọn lựa tự nhiên (natural selection)? Tuy nhiên, trong hoàn cảnh thiên nhiên, đã xảy ra cuộc tranh đấu để sống còn. Ông đã quan sát thấy một số lớn chủng loại đã bị chết đi, chỉ một phần nhỏ sống sót. Vài loại động vật là thức ăn của các loại động vật khác. Sự tranh đấu tiếp tục không ngừng và cuộc cạnh

tranh dữ dội đã diệt đi chủng loại nào không thích hợp với sự sống còn. Các thay đổi về chủng loại đã xảy ra để đáp ứng các điều kiện cần thiết vì sự sống còn (survival).

4/ Lý thuyết Tiến Hóa ra đời.

Chìa khóa của lời bí ẩn đối với Darwin do đọc cuốn sách “Khảo Luận về Dân Số” (Essay on Population) của Thomas Robert Malthus. Malthus đã cho biết sự việc cung cấp thực phẩm đã kiểm soát mức độ gia tăng dân số và số tăng thêm của con người trên trái đất bị chặn lại vì các hạn chế tích cực như tai nạn, bệnh tật, chiến tranh và nạn đói kém. Như vậy các yếu tố tương tự có thể áp dụng vào các sinh vật và thực vật. Darwin đã viết: “Từ sự quan sát lâu dài các thói quen của sinh vật và thực vật, tôi nhận ra rằng trong các hoàn cảnh sống, các chủng loại thích nghi thường được duy trì và các chủng loại không biết thích nghi sẽ bị tiêu diệt. Kết quả của sự kiện này là các chủng loại mới được sinh ra”.

Như vậy đã ra đời Chủ Thuyết Darwin danh tiếng về “chọn lựa tự nhiên” (natural selection), “tranh đấu để sống còn” (struggle for existence) hay “sự sống còn của kẻ thích hợp nhất” (survival of the fittest), và đây là nền móng của cuốn sách “Nguồn Gốc của các Chủng Loại”. Charles Darwin đã cố gắng thiết lập các chứng cứ rất đồ sộ khiến cho ông không vội phổ biến công trình nghiên cứu cho tới thập niên 1850 bởi vì bà vợ Emma của ông là một người rất sùng đạo Thiên Chúa, bà đã khiến chồng thường xuyên phải đóng

góp cho nhà thờ, giúp đỡ các kẻ nghèo khó và biểu lộ tấm lòng mộ đạo.

Nhưng rồi do sự thúc dục của các bạn thân, Darwin chuẩn bị một tác phẩm nhiều tập. Công trình được nửa chừng thì một tiếng sấm lớn vọng tới. Charles Darwin nhận được một bức thư từ Alfred Russel Wallace, một nhà khoa học thâm niên, hiện đang thám hiểm về sinh học tại quần đảo Mã Lai. Wallace cho biết rằng ông ta đang suy nghĩ về nguồn gốc của các loài vật và giống như Darwin, cũng bị ảnh hưởng khi đọc tác phẩm của Malthus. Bức thư của ông Wallace có đi kèm với một khảo sát có tên là “Khảo luận về chiều hướng biến đổi vĩnh viễn xuất phát từ loài gốc” (Essay on the Tendency of Varieties to Depart Indefinitely from the Original Type). Đây cũng chính là lời minh xác của Darwin.

Charles Darwin hiện đang ở trong tình trạng khó xử. Rõ ràng là cả hai nhân vật này do nghiên cứu độc lập với nhau, đã đi tới cùng các câu kết luận giống nhau, trong khi Darwin đã bỏ ra nhiều năm suy nghĩ và tìm kiếm, còn ý tưởng của Wallace được dẫn tới do trực giác. Nhiều nhà khoa học có cảm tình với Darwin muốn ông được ghi công do các nghiên cứu lâu dài đã qua, nên đã xếp đặt một buổi công bố các công trình của hai nhà khoa học tự nhiên. Darwin và Wallace được mời trình bày các tìm kiếm của mình trước Hội Khoa Học Linnaean (the Linnaean Society) và văn bản đầu tiên về Lý Thuyết Tiến Hóa (the theory of evolution) được phổ biến vào buổi chiều ngày 01 tháng 7 năm 1858. Sau

đó cả hai bài khảo sát được đăng trên Tạp Chí của Hội Khoa Học Linnaean.

Do sự việc tìm kiếm của ông Wallace, Charles Darwin ngưng việc soạn thảo một tác phẩm thật lớn mà viết một sách khảo cứu tóm lược. Vào cuối năm 1859, tác phẩm của Charles Darwin đã trở nên một cái mốc của Lịch Sử Khoa Học và được ông John Murray xuất bản tại thành phố London. Ấn bản đầu tiên gồm 1,200 cuốn đã bán hết trong vài ngày đầu. Các ấn bản khác chỉ bán tại nước Anh đã lên tới 24,000 cuốn và đã được dịch sang hầu hết các ngôn ngữ chính. Bản gốc của tác phẩm của Charles Darwin có tên là: “Về Nguồn Gốc của các Chủng Loại do Cách Chọn Lựa Tự Nhiên” (On the Origin of Species by Means of Natural Selection), hay “Sự Duy Trì các Dòng Giống thích ứng trong cuộc Tranh Đấu vì Lẽ Sống” (The Preservation of Favoured Races in the Struggle for Life). Nhan đề dài của cuốn sách đã được rút gọn thành: “Nguồn Gốc của các Chủng Loại” (Origin of Species).

Các căn bản của lý thuyết của Darwin đã được thảo luận trong 4 chương đầu của tác phẩm “Nguồn Gốc”. Các chương sau đề cập tới ngành địa chất học, việc phân phối thực vật và sinh vật, các sự kiện thích hợp với sự phân loại, hình thái học và phôi thai học, và cuối cùng dẫn tới phần kết luận.

Tác phẩm “Nguồn Gốc của các Chủng Loại” từ phần đầu đã mô tả các thay đổi nơi thú vật và cây cỏ do con người kiểm soát, các biến đổi do “chọn lựa nhân tạo” so với các thay đổi trong

thiên nhiên hay “chọn lựa tự nhiên” và chủ thuyết Darwin đã kết luận rằng mỗi khi có đời sống, đều có đổi thay và không có hai cá nhân nào hoàn toàn giống nhau. Trong sự biến đổi, còn có sự tranh đấu để sinh tồn và tốc độ gia tăng theo cấp số nhân.

Tác phẩm “Nguồn Gốc” còn cho thấy nguyên tắc “chọn lựa tự nhiên” đã hoạt động để kiểm soát độ gia tăng của số lượng sinh vật. Một số cá nhân trong một chủng loại sẽ có sức mạnh hơn, chạy nhanh hơn, thông minh hơn, ít bị bệnh tật hơn, có khả năng chịu đựng các khắc nghiệt về thời tiết. Các cá nhân này sẽ sống còn và các sinh vật yếu đuối hơn sẽ suy tàn. Loại thỏ trắng trường tồn trên miền bắc cực còn loại thỏ nâu sẽ bị loại chôn, sói ăn thịt. Các con hươu cao cổ nhờ cổ dài, sẽ sống còn do ăn các lá cao trên ngọn cây trong khi loại hươu cổ ngắn bị chết đói. Như vậy các hoàn cảnh thay đổi đã chi phối sự sống còn của các sinh vật có khả năng nhất. Charles Darwin cũng đề cập tới sự chọn lựa truyền giống (sexual selection) với các con đực thích nghi được nhiều nhất trong môi trường sống, sẽ để lại nhiều hậu duệ nhất.

Khí hậu cũng là một yếu tố quan trọng. Các sinh vật chịu đựng nổi sức nóng và độ lạnh, lại có khả năng kiếm ăn, sẽ trường tồn. Tất cả các hình thức phức tạp của cuộc sống phải theo đúng với các định luật tự nhiên và tác phẩm “Nguồn Gốc” đã trình bày cuộc tiến hóa không ngừng.

5/ Tranh cãi về Thuyết Tiến Hóa.

Trái ngược với điều mà mọi người hằng tin tưởng, Charles Darwin không phải là nhân vật đầu tiên tìm ra lý

thuyết Tiến Hóa. Các nhà khoa học xuất sắc như Buffon, Goethe, Erasmus Darwin (ông nội của Charles Darwin), Lamarck và Herbert Spencer đã ủng hộ lý thuyết này. Nhưng công trình đóng góp của Charles Darwin là ông đã thu lượm đầy đủ các dữ kiện để chứng minh sự tiến hóa và ông cũng đi xa hơn trong lý thuyết chọn lựa tự nhiên do cách cắt nghĩa phương pháp tiến hóa.

Tác phẩm “Nguồn Gốc các Chủng Loại” đã xuất hiện như một tia chớp đánh vào vựa rơm. Nếu lý thuyết mới và mang tính cách mạng này có giá trị, thì câu chuyện trong Thánh Kinh về Chúa tạo ra con người sẽ không còn được chấp nhận. Giáo Hội Thiên Chúa vì thế đã coi luận đề của Charles Darwin là nguy hiểm cho tôn giáo, nên đã gây ra một trận bão tố phản đối. Dù cho Charles Darwin đã cẩn thận tránh né việc áp dụng lý thuyết của ông vào nhân loại nhưng lời buộc tội đã coi tác giả cho rằng con người bắt nguồn từ con khỉ. Nhiều lời diễu cợt đã được dùng làm cách bác bỏ lý thuyết của Charles Darwin. Tạp chí Quarterly Review đã gọi Darwin là một con người nông nổi, làm ô danh Khoa Học. Ông Darwin còn bị tố cáo là đã thu thập nhiều dữ kiện để cụ thể hóa một “nguyên tắc sai”. Tại ngôi trường cũ, Đại Học Trinity ở Cambridge, ông William Whewell đã không cho phép một ấn bản nào của tác phẩm “Nguồn Gốc” được đặt trong thư viện của nhà trường.

Trong số các nhân vật bảo thủ chống đối, có ông Robert Owen, nhà xã hội và kỹ nghệ tại nước Anh và ông Louis Agassiz, nhà động vật học và địa chất học người Hoa Kỳ, cả hai đều cho rằng lý thuyết của Charles Darwin là

một tà thuyết khoa học, chẳng bao lâu sẽ bị quên lãng. Nhà thiên văn lừng danh người Anh Sir John Herschel đã mô tả lý thuyết này là “một định luật bừa bãi”. Vị giáo sư địa chất cũ của Darwin là ông Sedgwick, đã coi chủ thuyết Darwin là sai lầm nặng nề.

Tuy nhiên Charles Darwin đã không thiếu người bênh vực đầy can đảm. Đứng hàng đầu trong số nhân vật này là Sir Charles Lyell, nhà địa chất, Thomas Huxley, nhà sinh học, Sir Joseph Hooker, nhà thực vật học và Asa Gray, nhà thực vật học danh tiếng của Hoa Kỳ. Trong số các vị uy tín này, Darwin nhờ tới ông Huxley nhiều nhất. Darwin đã không xuất hiện trước công chúng để bênh vực lý thuyết của mình. Phần lớn sự bảo vệ là do khả năng của ông Huxley và đấu trường là buổi họp của Hội Anh Quốc (the British Association) tại thành phố Oxford vào năm 1860 với chủ đề là Chủ Thuyết Darwin (Darwinism).

Đứng đầu phe đả phá là Tổng Giám Mục Wilberforce của miền Oxford. Trong bài diễn văn kết luận, vị Tổng Giám Mục này tin rằng có thể đê bẹp lý thuyết Darwin nên đã hướng về ông Huxley và hỏi một cách châm biếm: “Tôi hỏi Giáo Sư Huxley, liệu có phải phía ông nội hay bà nội của ngài có nguồn gốc từ loài khỉ phải không?”. Ông Huxley quay sang một người bạn và nói nhỏ: “Chúa đã giao ông ta vào tay tôi rồi!”. Ông Huxley bèn đứng lên và phát biểu: “Một người không có lý do gì phải xấu hổ khi có một con khỉ là ông nội. Nếu tôi xấu hổ chỉ vì có một ông tổ trí thức gặp một câu hỏi không biết rõ, làm mờ tối câu hỏi này vì lời hùng biện không chủ đích, làm lãng trí các người

nghe bằng các lời lẽ lạc đề lại khéo léo dùng tới thành kiến tôn giáo”.

Trên đây chỉ là một vụ trong các đụng độ diễn ra trong nhiều thập niên giữa Nhà Thờ và Khoa Học về chủ thuyết Darwin. Qua tác phẩm “Nguồn Gốc”, Charles Darwin đã đề cập một cách nhẹ nhàng về nguồn gốc của con người nhưng về sau, qua cuốn sách “Đòng dôi của Con Người” (The Descent of Man), một khối lượng lớn dữ kiện của Darwin đã chứng minh rằng con người cũng là sản phẩm của định luật Tiến Hóa, từ các hình thức thấp kém hơn.

Định luật Tiến Hóa của Charles Darwin dần dần được coi là chính xác, đã ảnh hưởng tới rất nhiều phạm vi học thuật chính. Chủ thuyết Tiến Hóa Hữu Cơ (the organic evolution) đã được chấp nhận bởi các nhà sinh học, địa chất, hóa học, vật lý, nhân chủng, tâm lý, giáo dục, triết học, xã hội học và ngay cả các nhà sử học, khoa học chính trị, ngữ văn (philologists). Charles Darwin đã làm cách mạng không chỉ đối với bộ môn Sinh Học, mà còn ảnh hưởng sâu rộng tới các phạm vi Khoa Học khác, từ Thiên Văn tới Lịch Sử, từ môn Cổ Sinh Vật tới Tâm Lý Học, từ ngành Phôi Thai Học tới Tôn Giáo. Vì vậy ông Charles Ellwood đã tuyên bố rằng Charles Darwin xứng đáng với hàng danh dự cao nhất dành cho Nhà Tư Tưởng đã mang lại các kết quả sâu rộng nhất trong Thế Kỷ 19.

Qua thế kỷ 20, Chủ Thuyết Darwin với ý tưởng chọn lựa tự nhiên, đã bị chế độ Đức Quốc Xã dùng vào việc tuyên truyền và tiêu diệt một số dân tộc thiểu số. Các cuộc chiến tranh giữa các quốc gia đã được biện hộ một cách sai

lạc rằng đây là một phương tiện để diệt trừ các kẻ yếu, và về sau khi tranh giành quyền lực, các người Cộng Sản Mác Xít cũng áp dụng lý thuyết tranh đấu để sống còn vào chủ trương “đấu tranh giai cấp” của họ.

Charles Darwin qua đời vào ngày 19/4/1882 vì bệnh tim. Tin buồn này được nhiều tờ báo đăng tải bởi vì vào thời kỳ này, lý thuyết của ông đã được nhiều người công nhận. Nhật báo London Standard đã viết rằng: “Các tín đồ Thiên Chúa Giáo chân chính có thể chấp nhận các sự kiện của Luật Tiến Hóa giống như họ đã làm đối với ngành Thiên Văn và ngành Địa Chất, không vì các thành kiến do các niềm tin lâu đời và được ưa thích”.

Charles Darwin mong muốn được an táng trong ngôi làng Downe, hạt Kent, nhưng giới Khoa Học của nước Anh đã đặt di cốt của ông tại Tu Viện Westminster danh tiếng, bên cạnh ngôi mộ của một nhà khoa học khác lừng danh trên Thế Giới, là Sir Isaac Newton./.

PHẠM VĂN TUẤN

Tiểu Sử Nhà Văn Phạm Văn Tuấn
Trong Nhóm Chủ Bút và Ban Biên Tập của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm
NĂM SINH: 1936

- Sinh viên vĩ cầm Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn và Phân Khoa Âm Nhạc Đại Học Ohio, Hoa Kỳ.
- Giáo Sư Toán trường Trung Học Công Lập Trần Lục, Saigon.
- Sĩ Quan Khóa 14 - Trường Sĩ Quan Bộ Binh Thủ Đức.
- Sĩ Quan Pháo Binh - Trường Pháo Binh Dục Mỹ.



- B.S. (1970) và M.S. (1971) Đại Học Ohio, Hoa Kỳ.
- Giáo Sư Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn.
- Giáo Sư Nhiếp Ảnh Hội Việt Mỹ Cần Thơ.
- Giáo Sư Toán (tự thực) (Virginia).
- Hội viên Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật Vũng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn.
- Hội viên Cơ Sở Văn Học Cổ Thơm (VA).

ĐÃ CỘNG TÁC VỚI:

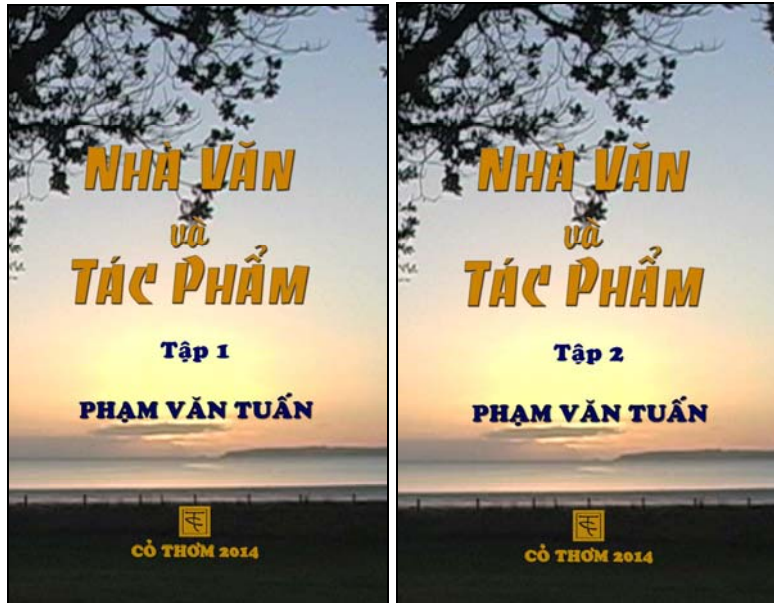
- Các báo: Người Việt (CA), Việt Nam Mới (WA), Việt Nam Nhật Báo (CA), Diễn Đàn Tự Do (VA), Gió Mới (VA), Sóng Thần (VA), Văn Nghệ (VA).
- Các Nguyệt San: Hương Quê (TX), Việt Báo (BNS - TX), Thế Giới (TX), Văn Phong (VA), Kỷ Nguyên Mới (VA), Thời Đại (BNS -VA), Cỏ Thơm (VA).

CÁC TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1/ Danh Nhân và Sự Nghiệp, 3 tập I, II, III.
- 2/ Khoa Học và Thám Hiểm. (Nhà X.B. Tân An – HTĐ, 2003).
- 3/ Nhà Văn và Tác Phẩm (Nhà X.B. Cỏ Thơm - 2014).

TÁC PHẨM SẼ XUẤT BẢN:

- 4/ Danh Nhân trong Lịch Sử.



NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM - Tập 1 - Giá sách: US\$20 kể cả cước phí nội địa

(1) PLATO, (2) ARISTOTLE, (3) HOMER, (4) WILLIAM SHAKESPEARE, (5) ALIGHIERI DANTE, (6) THOMAS MALTHUS, (7) NICCOLO MACHIAVELLI, (8) ADAM SMITH, (9) MIGUEL DE CERVANTES, (10) VOLTAIRE, (11) JEAN JACQUES ROUSSEAU, (12) KARL MARX, (13) CHARLES DICKENS, (14) LEO TOLSTOY, (15) FYODOR DOSTOEVSKY, (16) VICTOR HUGO, (17) Chị Em nhà văn BRONTE, (18) HONORE DE BALZAC, (19) WASHINGTON IRVING, (20) STEPHEN CRANE, (21) CHRISTIAN ANDERSEN, (22) GEORGE ELIOT, (23) GUSTAVE FLAUBERT, (24) EMILE ZOLA, (25) CONAN DOYLE.

NHÀ VĂN VÀ TÁC PHẨM - Tập 2 - Giá sách: US\$20 kể cả cước phí nội địa.

(1) MARK TWAIN, (2) WILLA CARTER, (3) JACK LONDON, (4) FREDERICK NIETZSCHE, (5) SOMERSET MAUGHAM, (6) VLADIMIR NABOKOV, (7) ROBERT FROST, (8) MARGARET MITCHELL, (9) GEORGE ORWELL, (10) HARPER LEE, (11) THOMAS MANN, (12) PEARL BUCK, (13) ERNEST HEMINGWAY, (14) ANNE FRANK, (15) ALBERT CAMUS, (16) BORIS PASTERNAK, (17) JOHN STEINBECK, (18) JEAN PAUL SARTRE, (19) YUSUNARI KAWABATA, (20) ALEXANDER SOLZHENITSYN, (21) GARCIA MARQUEZ, (22) WILLIAM GOLDING, (23) NAGUIB MAHFOUZ, (24) TONI MORRISON, (25) MAYA ANGELOU, (26) GUNTER GRASS, (27) CAO HÀNH KIẾN, (28) ORHAN PAMUK, (29) TOMAS TRANSTROMER, (30) Các Văn Hào Mỹ đoạt Giải Thưởng Nobel trong Thế Kỷ 20.

Mua Sách – Xin liên lạc: <email tuanpham13870@hotmail.com>

NỬA NGÀY MỘNG MỊ

1-

*Em từ lục bát bước ra
Hàng hàng lớp lớp phù hoa cuộc đời
Hư hư thực thực đầy vơi
Nửa ngày mộng mị, nửa khơi đêm dài..*

2-

*Em từ lục bát bước ra
Bằng đôi mắt lệ khóc oà thế gian
Vườn tình hoa nở..vôi tàn
Nhớ thương thương nhớ.. hanh vàng ái ân..*

3-

*Em từ lục bát bước ra
Cô liêu khơi dậy tình ta muộn phiền
Khởi nguồn âm vọng , chiều nghiêng
Nửa vòng trái đất.. triền miên nghẹn ngào..*

4-

*Em từ lục bát bước ra
Thương em từ độ mưa sa giọt buồn
Tương tư từ độ.. đêm buồn
Hồn xưa cỏ mọc.. từ đường vào yêu..*

tháng 12/15/13

BÙI THANH TIÊN



Tiểu Sử Nhà Thơ **BÙI THANH TIÊN**

- Sinh quán: Châu Đốc
 - Bút hiệu: Bui Thanh Tiên; Nguyên Hậu
 - Tốt nghiệp khóa 19 SQ/TB/ Thủ Đức
 - Đi tù Cộng Sản 6 năm
 - Định cư tại Virginia từ cuối 1992.
 - Ban Biên Tập Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thom Virginia.
 - Hội viên Hội Thơ Tài Tử Việt Nam Hải Ngoại.
 - Ban Đại Diện Văn Bút Vùng Đông Bắc Hoa Kỳ.
- Đã xuất bản:*
- Trăng Nhớ Đêm Rằm (thơ), Cỏ Thom, 2000.
 - Giấc Mơ Đời (thơ), Cỏ Thom, 2004.
 - Khúc Vô Thanh (thơ), Cỏ Thom, 2007.
- Sắp xuất bản:*
- Nghe Tiếng Dòng Sông (thơ), 2014

CÂU CHUYỆN CHỮ NGHĨA

Cần Hiểu Đặc Ngữ và Tiếng Lóng Trong Tiếng Mỹ

Phạm Trọng Lê

Một Tiếng Lóng Quan Trọng

Freeze. Có lẽ vì không hiểu nghĩa tiếng lóng thường dùng trong tiếng Mỹ của cảnh sát và quân đội mà một học sinh Nhật bị chết oan. Chuyện xảy ra cách đây gần 22 năm. Báo Washington Post ra ngày 20 tháng 10, 1992, trang nhất, trong một bài tường thuật mang tít “Hình Ảnh Xứ Mỹ (Là Một Xứ Đầy Bạo Lực) Được Xác Nhận Sau Cái Chết Của Một Học Sinh,” thuật lại rằng một học sinh Nhật, cậu Yoshihiro Hattari, 16 tuổi, học lớp 11 trung học tại tỉnh Nagoya, mới qua thăm Mỹ trong chương trình trao đổi học sinh, tại tỉnh Baton Rouge, tiểu bang Louisiana, được hai tháng.

Tối thứ bảy, 17 tháng 10, 1992, cậu cùng người bạn Mỹ đi dự tiệc Halloween, chẳng may đi lạc vào vườn sau nhà một người Mỹ. Ông này tên là Rodney Peairs, tưởng là trộm, chĩa khẩu súng lục .544 Magnum của ông vào cậu học sinh và hô: “Freeze!” Theo tin các báo, cậu Hattori, có lẽ vì không hiểu nghĩa tiếng “Freeze” (Đứng yên không bắn!), nên vẫn bước tới, và người chủ căn nhà (cách nơi liên hoan chừng vài nhà) bóp cò súng, đạn trúng ngực cậu Hattori, và một lúc sau thì cậu thiếu niên chết. Cũng theo tin các báo thuật lại thì tối hôm đó, cậu Hattori mặc đồ dạ tiệc, áo

jacket màu trắng, cùng người bạn Mỹ đi bộ từ nhà chủ nơi cậu tạm trú đến một dạ tiệc hoá trang Các Thánh Halloween. Cậu đi nhầm nhà, và bạn cậu sau khi nghe tiếng hô thì đứng lại, còn cậu Hattori vẫn tiếp tục bước tới. Báo chí Nhật nhân dịp này nêu lên vấn đề tự do mang súng và bạo hành ở Mỹ. Báo chí Nhật cũng đăng nhiều trang trong tự điển Nhật-Mỹ nhưng không thấy tự điển nào chua nghĩa chữ “Freeze” là “don’t move or I’ll shoot.” Để kiểm chứng, người viết bài này cũng liệt các từ điển để bàn sau đây:

1. Webster Ninth New Collegiate Dictionary
1. Webster New World Dictionary Fourth Edition
2. The American Heritage Dictionary, fourth edition (yes)
3. The Random House College Dictionary
4. Oxford Advanced Learner’s Dictionary of Current English (A.S. Hornby)
5. Longman Advanced American Dictionary New Edition (yes)
6. Webster’s Third International Dictionary (yes)
7. Free Online Dictionary (yes)
8. Urban Dictionary (yes) www.urbanictionary.com/
9. Shorter Oxford English Dictionary (Vol. I, A – M) (yes)
10. Partridge’s Concise Dictionary of Slang and Unconventional English (yes)

Trong 10 tự điển kể trên, có 7 cuốn giải nghĩa Freeze là “become motionless or fixed”. Khi lật từ điển Dictionary of American Slang của Harold Wentworth và Stuart Berg Flexner, second Supplement Edition (New York: Thomas Y. Crowell Company, 1975) mới thấy chữ “freeze” được giải thích là “to remain motionless or still” (đứng yên không động đậy).

Đĩ nhiên những uân khúc trong vụ trên có phải là một tai nạn hay ngộ sát hay vì lý do nào khác, Rodney Peairs ra tòa bị bồi thường \$650,000 cho cha mẹ cậu Hattori. Họ dùng tiền này làm học bổng cho học sinh trao đổi và dùng vào việc chống dùng vũ khí). Nhưng sự kiện trên cho thấy tầm quan trọng của đặc ngữ và tiếng lóng trong vấn đề truyền đạt tại xứ Mỹ càng ngày càng trở nên cần thiết, nhất là đối với người di dân trong một xứ hợp chủng và một nền văn hóa đa diện, mà ngôn ngữ dùng hàng ngày phản ảnh nếp sống của người dân trong xứ đó.

Về phương diện ngôn ngữ, một số không nhỏ các từ ngữ thường dùng hàng ngày trên vô tuyến truyền thanh, truyền hình, báo chí, phim ảnh và âm nhạc, là những tiếng lóng hay đặc ngữ mà người mới đến Mỹ khó hiểu. Theo nhận xét riêng của người viết bài này, người Nhật học tiếng Mỹ tương đối lâu hơn người Việt vì có nhiều dị biệt giữa hai hệ thống ngữ âm, cấu trúc văn phạm Mỹ-Nhật và nhiều dị biệt giữa hai hệ thống chữ viết. Hơn nữa, chương trình dạy Anh ngữ của xứ Nhật quá chú trọng vào đọc, phiên dịch, và văn phạm hơn là nghe và nói hàng ngày. Tuy rằng có một số phim Mỹ hay đĩa nhạc Mỹ phổ biến ở Nhật, nhưng phim đã chuyển âm sang tiếng Nhật nên người nghe không có lợi gì trong việc học

thêm Anh ngữ. Các tiểu thuyết viết bằng tiếng Anh lại được chuyển dịch rất nhanh sang tiếng Nhật nên học sinh và sinh viên Nhật không cảm thấy có một nhu cầu khẩn thiết phải nói và hiểu tiếng Anh như một số học sinh các nước Á châu khác. Ai sang Nhật cũng ngỡ thấy đường phố, ngoại trừ vài khu danh tiếng như Ginza, đều viết bằng tiếng Nhật. Bước vào tiệm ăn, ta thấy các món ăn đều viết bằng tiếng Nhật (may là ngoài tủ kính có bày những món ăn giả làm mẫu để khách chọn).

Nhưng vấn đề đặt ra là tầm quan trọng của đặc ngữ trong đời sống hàng ngày của người Mỹ. Theo Stuart Breg Flexner (sách viết năm 1960) thì người Mỹ trung bình hiểu được chừng 10 đến 20 ngàn chữ, trong đó có chừng 2 ngàn đặc ngữ và tiếng lóng. Tiếng Anh, vẫn theo Flexner, hiện có chừng 600 ngàn từ ngữ nghĩa là tăng gấp 4 lần số từ ngữ từ thời Shakespeare (cuối thế kỷ 16 - đầu thế kỷ 17) và mỗi ngày số từ ngữ mỗi tăng do tiến triển của khoa học, âm nhạc, đời sống học sinh, sinh viên, hippie (thập niên 1960s) và bây giờ thuật ngữ của thế giới điện tử, điện toán, giới những người dùng ma túy, giới thể thao, cảnh sát, quân đội, và thế giới của những người sống ngoài vòng pháp luật mà tiếng lóng giữ một vai trò bảo mật và an ninh cho kẻ cùng nhóm, vì họ cùng chia sẻ một đặc ngữ riêng.

Tại Sao Cần Hiểu Đặc Ngữ Và Tiếng Lóng

1. Để hiểu người khác nói gì;
2. Để mình không bị mặc cảm là kẻ ngoại cuộc;
3. Để, tùy hoàn cảnh thích hợp, ngôn ngữ mình dùng vẫn tất và văn vẻ hơn. Thay vì nói, “Cô ấy tuyệt đẹp, “she’s beautiful,” ta dùng “She’s a real knockout.”

4. Để tránh dùng những tiếng chạm tự ái người nghe và bị mang tiếng là người có đầu óc kỳ thị phái tính. Thí dụ: Ở sở làm quý ông chớ gọi đồng nghiệp nữ giới là “honey” (“cung”); hãy dùng “humankind” thay vì “mankind” (nhân loại); workers’ compensation” thay vì “workmen’s compensation” (phụ cấp tai nạn nghề nghiệp); tránh dùng “he” hay “everyone” trong đó ý gồm cả phái nữ. Thay vì nói, “Everyone plays his part in the game” (Trong cuộc chơi ai cũng dự phần), ta đổi sang số nhiều thành “All play their parts in the game”.

5. Khi xem báo hay nghe vô tuyến truyền hình hay xem phim ảnh, nếu nghe thấy một đặc ngữ mình không hiểu, có thể hỏi con cái đã học trung học hay đại học là những người có một số vốn đặc ngữ khá. Bây giờ có thể dùng Google.

William Haney, trong cuốn sách COMMUNICATION AND ORGANIZATION (Homewood, Ill.: Richard D. Irwin, 1975) kể chuyện một sinh viên Ấn Độ mới sang Mỹ học. Ngày đầu sau khi được người bạn Mỹ đưa đi thăm khắp khuôn viên đại học, và làm thủ tục ghi danh, anh sinh viên Ấn Độ được đưa về cư xá sinh viên. Rồi nghe người bạn Mỹ nói, “See you later.” Tối hôm đó, người sinh viên Ấn Độ thức đến hai giờ sáng chờ người bạn Mỹ, định ninh anh ta hẹn sẽ trở lại, có biết đâu câu đó chỉ có nghĩa “Thôi, tôi về nhé!” Một sinh viên Thái Lan, khi vào thăm vị viện trưởng đại học, nghe danh ông là một học giả uyên thâm, nói rằng, “I’m very honored to see you. I heard that you are a wise guy.” (Tôi rất hân hạnh được ngài. Tôi nghe nói ngài là một nhà thông thái (a sage). Nhưng thay vì dùng chữ “wise man”, người

sinh viên Thái lại dùng chữ “wise guy” tiếng chi là một kẻ tự đắc, cho mình là giỏi hơn người cái gì cũng biết (smart aleck). Wise guy còn có nghĩa là một tên liên hệ với đảng cướp Mafia.

Như vậy, hiểu tiếng lóng là một chuyện cần, nhưng dùng tiếng lóng cho đúng là một chuyện khác. Cần thận khi dùng tiếng lóng, vì dùng tiếng của kẻ hạ cấp hay thô tục sẽ dễ bị hiểu nhầm. Ngược lại, trong một đám đông bạn bè thân mật mà dùng tiếng Anh nghiêm túc làm cho người nghe tưởng mình trịnh trọng, trịch thượng, đạo đức giả.

Trong các đặc ngữ được dùng nhiều trong dân gian có một số trở thành sáo ngữ mà các thầy cô dạy viết văn khuyên sinh viên nên tránh (cliché), nhưng đôi khi, trong khi đàm thoại, để tránh nói dài dòng, cũng nên biết để dùng, và nhất là biết để hiểu khi người khác dùng những sáo ngữ này. Ngoài các đặc ngữ này còn có những ẩn dụ (metaphors) tức là những tiếng gốc đã được chuyển hóa để thành nghĩa bóng. Chính những tiếng ẩn dụ này gây nhiều hiểu nhầm trong vấn đề truyền đạt. Trong cuốn THE PHILOSOPHY OF RHETORIC (Triết lý của Khoa Tu-Từ Pháp), tác giả I. A. Richards cho rằng khoa tu từ pháp có mục đích giúp ta nhận ra những cách mà các từ ngữ biến nghĩa thế nào. Ta thường quan niệm rằng mỗi chữ có một nghĩa riêng, và nếu dùng đúng chữ thì không thể sai nghĩa được. Giáo sư Richards cho rằng nghĩ như vậy không đúng, và ông giải thích “nghĩa” là gì; khi mình dùng một chữ thì có chắc là người nghe cũng hiểu nghĩa đó như mình không. Trong một cuốn sách tả cuộc đi thăm viếng Việt-Nam, tác giả Neil Sheehan, trong cuốn AFTER THE WAR WAS OVER: HANOI AND SAIGON

(New York: Random House, 1992), khi phóng vấn viên tướng tư lệnh vùng 7 bao quanh thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận Saigon, tả đến nơi ngày xưa là bộ tổng tham mưu VNCH gần Tân Sơn Nhất, có nói đến bộ Chỉ Huy Hành Quân Liên Hợp (Joint Operations Command). Chữ “joint” ngụ ý liên hợp các binh chủng hải lục không quân, nhưng vị tướng Cộng sản tưởng “Joint” là “hợp tác” với ngoại quốc (collaboration) nên cực lực phản đối.

Có nhiều từ ngữ lịch sử ngày nay bị thay thế bởi những từ ngữ khác. Ngày xưa những người da đen bị gọi là “nigger” hay “negro” sau đổi thành “black”. Từ ngày phong trào tìm về nguồn của người da đen lên mạnh nên được gọi là “African-American (người Mỹ gốc Phi-châu). Phong trào pi-xi hay political correct ta gọi là “có thái độ theo thời” đã khiến ta phải dùng chữ thận trọng để tránh hiểu nhầm có đầu óc kỳ thị. Tiểu bang Maryland có luật dùng tiếng “African-American” để chính thức chỉ những người Mỹ gốc Phi-châu. Có những từ ngữ có một lịch sử riêng. Thí dụ chữ “Chink” là tiếng lóng để miệt thị người di dân gốc Trung Hoa. “Chino” để chỉ thứ quần vải ka-ki mà người Tàu làm phu xây đường xe lửa ở California ngày xưa mặc. Ngày nay chữ “chino” để chỉ thứ quần vải bông dày mà sinh viên mấy liên trường đại học danh tiếng Ivy League (vì có cây thường xuân mọc bám trên tường mấy tòa nhà học cổ như các đại học Yale, và Harvard) thường mặc).

Vậy thì mỗi chữ chẳng qua là một tiếng ẩn dụ để chỉ một vật hay một ý niệm, mà người một xứ dùng. Nhà văn hào Jonathan Swift trong cuốn ba của cuốn Gulliver’s Travels tả một dự án của một trường dạy

sinh ngữ tại hàn lâm viện Lagado, mà theo đó, thì thay vì dùng chữ viết, mỗi người khi ra ngoài đường mang theo một túi lớn đựng những món đồ và khi mình muốn tả, muốn nói đến vật gì, thì lấy vật đó trong bao ra, và như vậy tránh khỏi dùng chữ và tránh hiểu nhầm! Đây chỉ là một ý tưởng ngộ nghĩnh và trào lộng, nhưng nói lên sự cần thiết của ý và nghĩa. Một chữ còn có nghĩa khác nhau tùy từng nền văn hóa của xứ đó. Trên đài truyền hình, một cử tri nói tôi thích ông Bill Clinton vì ông trông có vẻ như con chó con (puppy)! Trong một nền văn hóa quý súc vật cưng như Mỹ, được ví như một con chó con cho người nghe một hình ảnh còn non, dễ thương, cần che chở. Nhưng trong một nền văn hóa khác, chó chỉ để nuôi, để giữ nhà (hay làm món dựa mận cho mấy bọm nhậu), thì bị so sánh như một con chó chưa phải là một hình ảnh đẹp. Ta có tiếng mắng “Đồ mặt chó!” Đối với người theo đạo Hồi (Muslims) thì chó là hình ảnh của một con vật hung ác. Khi chuyển dịch từ một tiếng này sang một tiếng khác nghĩa lại bị mất mát đi nhiều. Bạn thử đọc những bài dịch câu thơ của Verlaine “Les sanglots longs des violons de l’automne/Blessent mon coeur d’une langueur monotone (Đàn thu thồn thức giọt sầu/Tim tôi rướm máu một màu tái tẻ), nhưng những câu dịch dường như chưa lột được âm thanh “ô” và “ơ” chậm và dài trong nguyên bản tiếng Pháp. Xem thế thì thấy nghĩa chuyển từ một văn hóa này sang một văn hóa khác có mất đi phần nào ý gốc. Tiếng chửi “son of a bitch” (đồ chó đẻ) sang tiếng Tây Ban Nha dịch là “hijo de puta” (đồ con đẻ của con đĩ) thì mới tả được tiếng chửi đó (theo John Biguenet và Rainer Schulte trong cuốn THE CRAFT OF

TRANSLATION (Chicago: University of Chicago Press, 1989).

Vài Thí Dụ Về Gốc Chữ:

-A-1: nhất hạng. Do cách xếp hạng của hãng bảo hiểm Loyd's Register of Ships áp dụng cho các tàu mà tình trạng còn mới, tốt.

-CAPITAL PUNISHMENT: hình phạt tử hình. Do chữ "caput" gốc tiếng Latin nghĩa là "đầu". Kẻ bị tử hình đáng bị mất đầu. Do gốc nghĩa chữ "caput" mà ta có chữ "captain" (thuyền trưởng, đại úy), "capital" (thủ đô); nhưng phân biệt với "Capitol" tòa nhà lập pháp tiểu bang hay liên bang. "Capitol Hill" (Quốc Hội Hoa Kỳ); "capitalist" (người đầu vốn, tư bản). Bây giờ người Mỹ còn dùng chữ "head" để chỉ "con" như bò, ngựa, như trong câu hai mươi con bò thì nói "twenty head of cattle" vì bò hay ngựa ngày xưa còn là thước đo tài sản của một người. Ta có câu "ruộng sâu trâu nái" để chỉ người có của.

-NOT ABLE TO MAKE HEAD OR TAIL OF IT: không hiểu đầu đuôi ra sao, không hiểu đầu cua tai nheo.

-ACHILLES' HEEL: điểm yếu của người bản lĩnh. Theo thần thoại Hy Lạp, nữ thần Thetis muốn con là Achilles sau này lớn lên sẽ không bị tên đạn bắn vào người, nên đem đưa con ra sông Styx, dúng xuống nước thần làm thân thể thành mình đồng da sắt. Ngờ đâu chỗ tay bà nắm lấy gót chân đứa nhỏ, khiến không dúng gót chân vào nước thần được, nên gót chân thành một chỗ phạm. Về sau Achilles bị tên bắn trúng gót chân mà chết. Ta có câu "có tài mà có tật."

-BE ALL THINGS TO ALL MEN: tỏ nhiều thái độ khác nhau để chiều lòng mọi người. Trong cuộc tranh cử tổng thống, tổng thống Bush cha chỉ trích thống đốc Arkansas Bill Clinton, không có lập trường rõ rệt. Câu này gốc trong kinh thánh.

-CURFEW: giờ giới nghiêm. Do chữ Pháp "couvre feu (tắt lửa) thời trung cổ để tránh hỏa hoạn, ban đêm có chuông rung báo dân phải tắt lửa vì thời đó chưa có sở cứu hỏa! Ngày nay, mấy bậc phụ huynh khắt khe có con gái cùng trong tuổi trung học, cho phép đi chơi tối, nhưng giao hẹn phải về trước giờ nào đó, cũng dùng chữ "curfew", không phải sợ hỏa hoạn, nhưng sợ các cô cậu có bóng đêm đồng lõa, không đập tắt được "lửa lòng" chẳng!

-HANG IN THERE: vẫn kiên trì trong hoàn cảnh khó khăn. Gốc từ tiếng dùng khi các đầu thủ quyền Anh, dù bị đâm đau mà vẫn cố bám lấy đối thủ hay dây chèo quanh sân đấu.

-HOLD THE FORT: Lo mọi chuyện khi chủ hay vị trưởng nhiệm đi vắng. Gốc từ chuyện tướng Sherman trong trận nội chiến Hoa Kỳ ra lệnh cho vị tướng dưới quyền lo trấn giữ núi Kennesaw năm 1864.

-KOWTOW: khúm núm, quỵ lụy ai. Do tiếng Bắc kinh "k'ò tóu" (khẩu đầu).

-KNOW THE ROPES: học biết những điều căn bản, đường đi nước bước. Chỉ người thủy thủ mới lên tàu phải học cho biết các loại thừng nào dùng cho việc gì, nay dùng để chỉ người thợ mới học việc hay người mới tới sở làm, cần học những điều căn bản.

-MELTING POT: nguyên nghĩa là lò luyện kim, nghĩa bóng chỉ nước Mỹ, nơi dân tứ xứ tới hoà đồng với nhau như các thứ kim loại được nung chảy thành loại hợp kim mới, tốt hơn. Đây là nghĩa bóng ngày xưa, và bị một số dân không chấp nhận, vì nghĩ là như vậy mình sẽ phải bỏ cá tính của mình để thành cá tính của người Mỹ. Một số nhà sử học dùng hình ảnh bát rau xà-lát (salad bowl) vừa ngụ ý các thứ rau vẫn giữ nguyên chỉ trộn lại mà thành xà-lát, nghĩa là không mất bản tính gốc, nhưng cũng ngụ ý lộn xộn, thiếu đồng nhất. Bây giờ có người dùng hình ảnh xứ Mỹ như ống kính vạn hoa, khi soi lên và xoay quanh thành muôn màu muôn vẻ (kaleidoscope). Cũng có người dùng hình ảnh một ban hòa tấu (symphony) gồm nhiều nhạc khí. Hay một mosaic là một bức tranh gồm nhiều mảnh màu ghép lại. Xem như thế thì thấy tiếng ẩn dụ metaphor ảnh hưởng đến quan niệm người dân một xứ thế nào!

SOUND AND FURY: âm thanh và cuồng nộ. Chỉ những sự ồn ào, náo động, rỗng tuếch, không đem lại kết quả gì. Macbeth nói trong vở kịch cùng tên của Shakespeare:

Life's but a walking shadow, a poor player
That struts and frets his hour upon the stage
And then is heard no more: it is a tale
Told by an idiot, full of sound and fury,
Signifying nothing.

(Cuộc đời chỉ là một cái bóng đi, một diễn viên tồi)

*Khệnh khạng qua giờ mình đóng trên sân khấu
rồi không ai nghe đến nữa: đời như
một câu truyện
của một tên khùng kể, đầy âm thanh và
cuồng nộ,*

mà chẳng nghĩa lý gì.)

NHỮNG NGUỒN ĐẶC NGỮ TRÊN MẠNG

Sau đây là một số sách hay nguồn mà sinh viên Việt–nhất là những sinh viên không đủ khả năng tài chính để học những lớp luyện sinh ngữ riêng– trước khi du học có thể trau dồi vốn ngoại ngữ.

Sách

-Longman Advanced American Dictionary, 2nd edition. 2007. Price: less than \$40.

-Pears, Richard A. McGraw-Hill's Dictionary of American Idioms and Phrasal Verbs. New York: McGraw-Hill, 2004. Price: \$22.95. Sách dày trên 1,000 trang, 24,000 idioms và nhiều thí dụ. Cuốn sách nên có ở đầu bàn.

Websites

-VOA:

<http://www.voanews.com/Vietnamese>

8 chương trình học tiếng Anh trong đó chú trọng đến slang và idioms là chương trình Từ và Thành Ngữ; World in a Word; EIM (English in a Minute); English at Movies.

-BBC tiếng Việt – Learning English
www.bbc.co.uk/vietnamese/english/

-More than 280 Common American Slang Expressions Sorted Alphabetically

<http://www.manythings.org/slang/>

=> có bài tập và giải nghĩa.

KẾT LUẬN

Xem như thế thì thấy đặc ngữ giữ một vai trò quan trọng trong tiếng Mỹ mà người dân mới tới hay sinh viên ngoại quốc phải một thời gian khá lâu mới nắm vững. Sau

39 năm kể từ 1975 ở Hoa Kỳ, phần lớn người Việt đã có đời sống kinh tế tương đối ổn định, nhưng trong khi đàm thoại hay đọc báo hay xem truyền hình hằng ngày, ta không sao tránh gặp những đặc ngữ, trong đó tiếng lóng và tiếng ẩn dụ giữ một vai trò quan trọng trong việc truyền đạt. Giáo sư E. D. Hirsch tác giả cuốn DICTIONARY OF CULTURAL LITERACY, còn đưa ra một thuyết mạnh hơn, theo đó thì trong việc truyền đạt hiệu quả, bất cứ người Mỹ nào học xong bậc trung học muốn hiểu người khác nói gì thì phải hiểu một số đặc ngữ mà ông gọi là “core vocabulary” (ngữ vựng căn bản). Ông viết: “Learning depends on communication, and effective communication depends on shared background knowledge,” (p. xiii) (“Hiểu biết tùy vào truyền đạt mà muốn truyền đạt hữu hiệu thì phải cùng chia sẻ một kiến thức căn bản.”) Ngoài phần đặc ngữ căn bản rải rác trong tất cả các môn như sử ký, địa lý, khoa học, tục ngữ, thành ngữ, thần thoại, v.v., ta cần phải biết mỗi từ ngữ được dùng như thế nào, ngụ hình ảnh gì, người nói muốn ngụ ý gì, người nghe hiểu ra sao khi dùng một từ ngữ, có như vậy mới tránh được hiểu nhầm khi diễn đạt tư tưởng. Benjamin Lee Whorf trong tập khảo luận LANGUAGE, THOUGHT AND REALITY còn nói rằng mỗi người sinh ra trong một văn hóa nào thì chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hóa đó, trong đó có ngữ vựng, văn phạm, lối lý luận, và suy tưởng, và nếu như vậy thì những chữ dùng của một người xứ này có thể gợi hình ảnh khác biệt cho người dân xứ khác, và chính những dị biệt này gây trở ngại lớn lao cho người nói với người nghe.

Sách Tham Khảo

- Beal, Paul, ed. PARTRIDGE’S CONCISE DICTIONARY OF SLANG AND UNCONVENTIONAL ENGLISH. New York: MacMillan, 1989.
 - Green, Jonathon. CHAMBERS SLANG DICTIONARY. Edinburgh: Chambers Harrap, 2008
 - Hirsch, E. D., Jr., Joseph F. Kett and James Trefill. THE DICTIONARY OF CULTURAL LITERACY. Boston: Houghton Mifflin Company. 1988.
 - Partridge, Eric. PARTRIDGE’S CONCISE DICTIONARY OF SLANG AND UNCONVENTIONAL ENGLISH. New York: Macmillan Publishing Company, 1984.
 - Richards, I. A. THE PHILOSOPHY OF RHETORIC. London: Oxford University Press, 1936, 1965.
 - Rogers, James. THE DICTIONARY OF CLICHÉS. New York: Ballantine Books, 1985. Gồm 2,000 sáo ngữ và giải thích nguồn gốc mà chúng tôi chọn làm thí dụ trong bài viết này.
 - Wentworth, Harold and Stuart Berg Flexner. DICTIONARY OF AMERICAN SLANG. Second Supplement Edition, New York: Crowell, 1960, 1975.
- Đây là một kho thành ngữ và tiếng lóng dùng trước 1970, có rất nhiều tiếng lóng từ thập niên 60 và 70. Có cả những tiếng như “trời” và “xạo” là hai từ ngữ Việt mà binh sĩ Mỹ đã du nhập vào tiếng Mỹ.
- Whorf, Benjamin Lee. LANGUAGE, THOUGHT AND REALITY. John B. Carroll, ed. Cambridge, Mass.: MIT Press, 1956.

(Viết xong tại Virginia 10/2/92; sửa lại 2/25/10, 5/12/2014.– PTL)

Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II TÁC PHẨM, TÁC GIẢ VÀ NGƯỜI DỊCH THƠ

Văn Duy Tùng

Ngày 27 Tháng 04, Năm 2014 sắp tới đây, Hội Thánh sẽ tôn phong hiển thánh cho Đức Thánh Cha Gioan Phaolô Đệ Nhị.

Con người, cuộc sống, lòng đạo đức, thánh thiện, nhân cách, tinh thần làm việc và cách lãnh đạo Giáo hội của ngài... Cả thế giới đã rõ, đã biết, đã tường tận, nhất là lòng kính trọng, khâm phục, ngưỡng mộ và kính mến, không những thế mà còn rung cảm thương cho cuộc đời của ngài từ khi còn là một cậu bé mồ côi mẹ, rồi lớn lên đi lao động, đi quân dịch, cũng mang ba lô, đội nón sắt... hiên ngang bảo vệ quê hương. Hết nghĩa vụ quân ngũ, ngài lên đường theo tiếng gọi lương tâm, vào chủng viện đi tu, làm linh mục, giám mục, hồng y, làm giáo hoàng và giờ đây, ngài đang chuẩn bị làm thánh cho chúng ta. Cả loài người thiên hạ sẽ gọi và tuyên xưng ngài là Thánh Nhân.

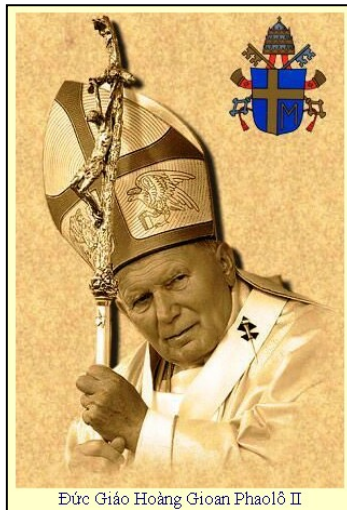
Bắt đầu năm phụng vụ 2015 và mãi đến suốt đời, Hội Thánh Công Giáo sẽ có và dành riêng một ngày đặc biệt trong năm, và Giáo hội khắp nơi trên Hoàn vũ sẽ mừng lễ kính vị Thánh Gioan Phaolô II này trong ngày đó.

Nói và viết về ngài, có lẽ với tôi và cả với bạn nữa sẽ rất dè dặt, vì quả thật ngôn ngữ giới hạn của chúng ta không đủ để diễn đạt trong khi sự nhân đức và thánh thiện của ngài thì quá bao la và cao cả. Có nhiều người đã nói, đã viết về ngài, về vị thánh sống từ khi ngài còn nơi dương thế. Vàng, cả thế giới này đã thực hiện và làm những điều đó mỗi ngày rờng rã suốt gần bốn mươi năm qua bằng nhiều hình thức qua các phương tiện truyền thông và báo chí, trên các trang mạng

kể từ khi ngài được bầu làm giáo hoàng năm 1978 rồi mãi đến khi ngài qua đời, và vẫn còn khơi dậy cho đến hôm nay. Tôi tin tưởng ảnh hưởng của ngài sẽ còn rộng lớn hơn trong tương lai và sẽ mãi mãi trong dòng chảy của kiếp nhân sinh.

Thánh nhân Gioan Phaolô Đệ Nhị đã đi vào lòng lịch sử của Thế giới, của Giáo Hội Công Giáo và bất biến trong lòng kính yêu, trong mỗi trái tim của người tín hữu hiện diện khắp nơi trên quả địa cầu này.

Tuy nhiên, có lẽ bạn và tôi sẽ không biết đến về một lĩnh vực rất riêng của ngài mà theo Đức Cha Giáo Phận Bắc Ninh Cosma Hoàng Văn Đạt nghiên cứu và tìm hiểu rằng, Ngài là một trong bảy nhà thơ lớn của nền văn học nước Ba Lan. Và nếu hôm nay không có Giáo sư Phanxicô Lê Đình Thông, một học giả có tiếng tăm tại Pháp nói riêng và Hải Ngoại nói chung đã



Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II

khô công nghiên cứu, chuyển ngữ, rồi dịch thơ của thánh nhân lại bằng tiếng Việt Nam của chúng ta, một ngôn ngữ mẹ đẻ rất gần gũi bên cạnh như hơi thở, như cơm với cá, như mẹ với con, thì có thể tôi chưa biết tron vẹn đến ngài.

Qua tập thơ của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã được vị giáo sư này dịch lại mà tôi nhận được từ một anh nhạc sĩ bạn. Tôi lắng đọng tâm hồn để đọc từng chữ, từng câu, từng ý tưởng và lần lượt từ bài này qua bài khác. Dòng thơ ấy đã lôi cuốn tôi vào một tri thức của chữ nghĩa và của văn chương, dẫn tôi đến bến bờ không phải là sự trừu tượng mà thực thể cho tôi được cảm, được nhận và biết thêm về cuộc sống đời thường với tình cảm sâu kín rất thật, rất giản dị nơi con người của thánh nhân.

Bài thơ "Mẹ Ơi" (Trích đoạn I) của ngài. Qua một góc nhìn với một lăng kính giới hạn nào đó, tôi thấy được tình cảm của ngài đối với người mẹ của mình, một thứ tình cảm luôn dạt dào nhưng luôn khắc khoải và lắng sâu. Ngài không thể che dấu niềm đau vật vờ và nỗi chua xót thiếu thốn người mẹ trong đời sống.

Chúng ta có thể tưởng tượng và nhìn ra được cuộc đời đơn côi của một đứa bé bị mất mẹ, với những tháng ngày ngổ vằng, đại khờ, với lơ mờ sớm trưa mà ngài phải gánh lấy trong quãng đời thơ dại đó. Tựa đề bài thơ này chỉ vốn vẹn có mỗi hai chữ "Mẹ Ơi". Vâng, chỉ có hai tiếng giản dị đó thôi cũng đủ cho chúng ta thấy được sự khao khát tình mẫu tử nơi ngài, khao khát của một đứa bé luôn cần có mẹ bên cạnh để được chở che và vỗ về, được gọi "mẹ ơi" bất cứ khoảnh khắc nào trong đời sống từ khi bé thơ và thậm chí đến khi đã khôn lớn. Nhưng quả thật, ngài đã bất hạnh vì không được gọi hai tiếng thiêng liêng đó. Hai tiếng gọi đầu đời trên môi của em bé mà không một ai hướng dẫn, không một trường lớp nào dạy dỗ, chỉ bảo. Chỉ có Thượng Đế

mới gắn chặt tình mẫu tử thiêng liêng đó ngay từ những giây phút phôi thai khi đứa bé được thụ thai, rồi nên hình, nên dạng trong dạ lòng của người mẹ.

Tôi nghĩ rằng: hơn ai hết, dịch giả Giáo sư Lê Đình Thông đã thẩm thấu và cảm nhận điều sâu xa về cuộc đời thiếu thốn tình mẫu tử của thánh nhân, để chọn và dịch lại hai tiếng "Mẹ Ơi" rồi đặt tên làm tựa đề cho bài thơ này.

Hãy điểm qua một vài câu thơ của ngài được chuyển ngữ và dịch thơ lại sau đây: "Dòng đời trôi nổi bấp bênh, qua bao năm tháng lênh đênh nổi sầu. Mẹ tôi mất cũng đã lâu, làm sao quên được niềm đau vật vờ...." Thế đó! Ôi tình cảm thật chân thiết đã in sâu vào tâm trí, trong tiềm thức của ngài mà khi đọc qua, có lẽ chúng ta không ngăn chặn được cái nghẹn nghẹn co thắt đầu óc trong tim, và có thể giọt lệ đang làm ta cay mắt và chực ứa trào. Chưa hết, bài thơ "Hoa Trắng" cũng là một kiệt tác về văn chương nhưng cũng rất đậm sâu về tình cảm mà tác giả đã diễn tả như tiếng kêu rên rỉ âm thầm, xót đau trong lòng của một đứa bé mất mẹ.

Bài thơ Hoa Trắng này đã thật sự dẫn đường tôi đến để nhìn thấy ngôi mộ của mẹ thánh nhân. Tôi tin chắc ngôi mộ này rất đơn sơ và có thể lốt đá hoặc quét vôi trắng nằm chênh vênh, đơn độc ở một góc chân trời nào đó mãi tận nước Ba Lan. Bài thơ này đã cho tôi cảm nghiệm thêm nỗi buồn, xót xa, qua những năm tháng trong từng giây phút trống vắng, lạc lõng, đơn côi giữa dòng đời mà thánh nhân đã đối diện và sống trong hoàn cảnh mất mẹ từ khi ngài còn rất nhỏ bé, khoảng tám chín tuổi nếu người viết nhớ không lầm.

Tôi đây cũng đã mất mẹ, mới mất cách đây bốn năm thôi và mất khi tôi đã là năm mươi tuổi. Vâng, năm mươi tuổi mà mất mẹ thì cũng xem như đã vững chân đứng trong dòng đời ngược xuôi, tự lo và xoay xở và tự

sống còn về thể lý. Tuy nhiên và mặc dù thế, trong tôi vẫn luôn cảm nhận được sự đau xót, thương tiếc, đơn cô, bơ vơ, lạc lõng đến thế nào ấy, nhất là khi tôi thất thủ bám sau quan tài để tiễn đưa mẹ tôi xuống lòng huyết. Dòng lệ và dòng suy tư đã làm tôi ý thức được là kể từ nay tôi sẽ không còn mẹ trong cuộc đời, sẽ không bao giờ được gần bên mẹ, được gọi tiếng mẹ ơi khi cần đến, khi đau khổ hay hoạn nạn để được mẹ ủi an, khi hạnh phúc hay khi sướng vui để kể cho mẹ mừng, khi thất bại hay công thành danh toại để chia sẻ với mẹ... Với những cảm nhận chia ly và mất mát của tôi đó, thì hưởng gì sự đau đớn, chua xót và đơn cô đối với một đứa bé mới lên tám tuổi thì niềm đau sâu thẳm đến chừng nào ? Làm sao và có thể đưa bé tự định hướng được trong cuộc đời ?

Những đau xót và thương tiếc của thánh nhân được diễn tả qua các vần thơ trong bài Hoa Trắng, đã thật sự dao động trong tâm hồn tôi, đã làm tôi phải chảy nước mắt khóc thương nhớ đến mẹ của tôi mà giờ đây ngôi mộ và thân xác của mẹ cũng đang nằm cô quạnh dưới lòng đất lạnh: "Mẹ tôi mộ đá trắng ngần, nở bông hoa trắng xoay vần đời con. Vành tang mất mẹ mỗi mòn, bao năm xa cách một lòng nhớ thương. Mẹ tôi mộ trắng xót thương, tình yêu hoa trắng còn vương cõi trần, Mẹ tôi mộ vắng vẫn vương..." (Bài thơ Hoa Trắng).

Hãy dành thời gian để đọc hai mươi lăm bài thơ của ngài, rồi thả dòng suy tư về đời sống và con người của thánh nhân. Ngoài các nhân đức và đời sống thánh thiện, ngài còn có lòng đặc biệt yêu quê hương và đất nước của mình. Có hai câu nói mà ngài đã nói và đã để lại cho chúng ta thấy được lòng yêu nước, yêu quê hương, thương giống nòi thật mãnh liệt ở trong trái tim của ngài.

Trong thời gian làm Giáo hoàng, ngài đã thẳng thắn và can đảm nhưng rất chân thành bày tỏ lòng yêu nước của mình. Ngài nói: "Dù là một vị Giáo hoàng, nhưng tôi vẫn có trái

tim để yêu quê hương và đất nước của tôi". Ngài còn khẳng định lòng yêu quê hương và muốn bảo vệ cho đồng bào dân tộc của mình qua câu nói sau đây: "Tôi sẽ cỡi áo giáo hoàng để về bảo vệ và chiến đấu nếu Liên xô hay một quốc gia nào đó tiến quân xâm lược đất nước tôi".

Ngày đắc cử ngôi vị Giáo hoàng và đứng trên ban lơn, ngài cất tiếng chào mừng và chúc bình an cho mọi tín hữu. Ngoài lời chào mừng và chúc bình an đó, ngài đã dùng một đoạn ngắn của Thánh Mathêu trong Phúc âm để nói với dân chúng: "Các con đừng sợ !" Một câu nói ngắn ngủi ấy thôi, thế mà sau này đã làm tan rã các thế lực tà quyền và những mưu mô của thế tục.

Vì "Các con đừng sợ" nên người dân Đông Đức đã mạnh dạn hiên ngang đứng dậy dùng búa tạng tay phá sập bức tường ô nhục Bá Linh năm 1989 để vượt qua Tây Đức tìm lại bà con, gia đình, tìm lại tự do mà sau bao nhiêu năm nằm sợ sệt vì phải bị bức tường ngăn cách dòng máu lưu thông trong huyết quản từ một người Mẹ chỉ vì ý thức hệ và lòng tham bá chủ của những đứa con cứng đầu, ngỗ nghịch, tham lam và khó dạy ! "Các con đừng sợ", ngài cũng đã lặp lại một lần nữa trong kỳ Đại Hội Giới Trẻ như để nhắc nhở những thế hệ trẻ sau này đừng sợ mà hãy mạnh dạn chiến đấu với nền văn hóa của sự chết, văn hóa của bóng tối và của tội lỗi...

Lòng yêu quê hương và đất nước của ngài có thể diễn tả qua người diễn viên nơi sân khấu cuộc đời "Quanh ta có biết bao người, tác phong chín chắn nói cười thong dong. Ta như thác nước xuôi dòng, mà không hổ thẹn tằm lòng sắt son..." (Bài thơ Diễn Viên).

Dù là một vị Giáo hoàng cao trọng, nhưng tôi nghĩ ngài rất gần gũi với người chân lấm tay bùn, người thấp cổ bé miệng. Từ người lao công của hầm mỏ, đến những công nhân lao động chân tay như: xẻ đá, đục, gỗ, cưa, bào, và những giọt mồ

hôi. "Dùng bàn tay chai đá nứt làn da. Giơ búa cao đập tan bao tảng đá. Đá chẻ ra bao ý nghĩ mặn mà. Nhờ chịu khó ta làm nên tất cả..." Vâng, thơ hay mà người dịch thơ cũng tuyệt vời và khéo léo. Nhưng hình như chúng ta đang nghe có tiếng thở dài mệt mỏi và thấy những giọt mồ hôi nhễ nhãi, lấm tẩm trên khuôn mặt và ướt đẫm trên chiếc áo lao động của ngài. "Người thợ điện nghĩ ngơi cơn gió mát, xẻ non cao đào sông rạch xa gần. Bác nông phu phơi lúa chín ngoài sân, bày con nít nắm tay nhau ca hát..." (Bài thơ Xưởng Thợ).

Gần gũi nhất là tác giả vẽ cho ta một bức tranh, trong đó có hình ảnh sống động của bác nhà nông, con trâu với đồng lúa, với ánh sáng mặt trời đang chiếu rọi trên đồng ruộng. Cho ta thấy bác phu đang cấy cấy mà có thể bác phu đó cũng chính là ngài với những mong ước rất chi là bình thường và giản dị... Sự mong đợi từ những cây mạ non khi vừa ươm xuống lòng ruộng, rồi từng ngày chăm bón ngóng chờ được nảy mầm, niềm sung sướng khi thấy lúa trở đồng đồng, thỏa lòng khi được mùa gặt bội thu, hát ca vang trên con đường đê, khắp khởi hân hoan kê vai quẩy gánh thóc về.

Hãy nhìn vào bức tranh, để thấu và cảm nhận được lòng ngóng trông của bác nhà nông: "Ánh mắt nào con mong còn đợi, mau đến mùa lúa mới đơm bông. Cây cày vất vả nhiều công, mong sao mưa thuận, cầu mong gió hòa..." (Bài thơ Mùa Lúa Mới).

Tôi nghĩ thánh nhân khi đương thời đã có cái nhìn rất thực tế về Nhân Sinh Quan. Ngài không bao giờ bị quan mà luôn có tinh thần lạc quan trong mọi tình huống nơi đời sống. Đặc biệt nơi ngài là sự quan tâm đến những người chung quanh và lòng xót thương khi gặp người bị nạn.

Nếu giả sử ngài không phải là vị giáo hoàng mà tôi chỉ biết và tìm hiểu sau khi đọc các văn thơ, tôi sẽ thấy nơi ngài có

lòng thương người và rất quan tâm những ai bên cạnh dù thời gian eo hẹp và dù có bận rộn trong đời sống. "Tâm trí ta mệt mỏi tim bấn loạn, khu phố đông người qua lại vội vàng. Lời dặn dò nghe đó đây loáng thoáng, chớ bỏ qua rồi ra sẽ muộn màng..." (Bài thơ Tiếng Thầm).

Trong cuộc sống và dòng đời vội vã, có lẽ bạn và tôi không dành thời gian nhiều để quan tâm người bên cạnh, mà thật ra người nào cũng có liên quan trong đời sống của chúng ta bằng cách này hay cách khác. Từ người láng giềng, hàng xóm đến những bạn bè, những người Thầy, người Cô dạy dỗ ta, những người cùng mang một dòng máu đỏ da vàng, thậm chí đến những người thân trong gia đình... thử hỏi có mấy khi ta mở lời chào và thăm hỏi hay quan tâm đến đời sống và sức khỏe của họ thật lòng? Xã hội và môi trường bây giờ có xu hướng về chủ nghĩa cá nhân, họ không còn cái xót thương và lòng trắc ẩn khi gặp người bị hoạn nạn hay thiếu may mắn trong đời sống, thậm chí ngoảnh mặt hay vô tâm để rồi phải xảy ra "những điều trông thấy mà đau đớn lòng" (Nguyễn Du).

Cách đây không lâu bên nước Trung Quốc, có một em bé bị xe cán và bị thương khá nặng khi băng qua đường. Biết bao người qua lại đã nhìn thấy em bé tội nghiệp đang nằm dẫy dựa với các vết thương, nhưng tất cả đều vô tâm mặc dù con phố luôn tấp nập và đông người. Có lẽ vì bận rộn chạy cho kịp cuộc sống để rồi không một ai chịu cúi xuống ra tay giúp đỡ hoặc đưa em bé đi bệnh viện, hoặc băng bó vết thương cho em. Cuối cùng vì kiệt sức bởi máu ra quá nhiều và em đã nhắm mắt lìa trần chết tắt thở một cách thê thảm và oan uổng. Khi chết rồi, xác em cũng nằm trên góc con phố đó đến chiều tối cũng không có một ai mang đến.

Em nhắm mắt lìa trần nhưng có mở được mắt lương tri cho những người dân

cùng mang dòng máu với em trên con phố nào đó ở bên Trung Quốc ? Em nhắm mắt chết tất tưởi, nhưng tôi tin em đã mở mắt loài người trên thế giới để họ nhìn thấu rõ những con người đó đã đánh mất hết lương tâm, chai lì lòng trắc ẩn, coi thường tình người, mất tính nhân bản mà hậu quả là do sự nhồi nhét một thứ chủ nghĩa lạc hậu, lỗi thời, một thứ chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cá nhân.

Nếu bạn lên youtube mà người Việt Nam đã đưa lên. Hãy mở xem những cảnh người lớn đánh nhau trên đường phố, trong trường học với các học sinh, thậm chí các học sinh nữ. Biết bao người đứng xung quanh chỉ để xem mà không hề chịu vào để can ngăn và giúp kẻ yếu được thoát nạn. Họ quá dửng dưng như thể con tim và lương tâm của họ không còn một chút xót thương và rung cảm của đồng loại.

Hãy nghe lời khuyên của thánh nhân: "Đừng nhìn nhau về hời hợt bề ngoài, đến bên nhau trong sâu lắng khôn nguôi..." (Bài thơ Tiếng Thầm)

Vì chủ nghĩa cá nhân đã che lấp cái tình nghĩa con người, xem vật chất là trên hết. Văn hóa của bóng tối và văn hóa của sự chết đã làm tắt nghẽn dòng máu loài người, bóp chết trái tim biết rung cảm và xót thương, đóng cửa và nhốt lý trí lại nơi hàng rào trong bức tường ích kỷ, làm cho kém đi sự nhận thức và lu mờ để không còn có khả năng biết được những "cái đẹp sẽ cứu rỗi thế giới". Hậu quả là biết bao cảnh đau lòng xảy ra trên thế giới từ chiến tranh chết chóc, khủng bố, đánh bom tự sát, nạn bạo hành trong gia đình, học trò đánh thầy, bác sĩ thủ tiêu bệnh nhân xuống sông vì lỡ làm chết để che dấu bởi cách chữa trị hời hợt và thiếu lương tâm. Các tệ nạn, cướp bóc, giành giật, hỗn loạn, đảo lộn mọi thứ trong đời sống. Tất cả điều đó cũng phát xuất từ các chủ nghĩa nói trên và xem thường cung cách giáo dục ở các nhà

trường từ đức dục, trí dục, luân thường đạo lý, nhân lễ nghĩa trí tín, lòng đạo đức, tình thương người...

Có lẽ thánh nhân đã nhìn thấy một xã hội, một thế giới băng hoại đó nên ngài mới viết ra những lời tâm huyết để mời gọi và nhắn gửi đến chúng ta, nhất là nhắn gửi đến các bạn trẻ: "Các bạn trẻ tìm đường bước tới. Đường loanh quanh trăm lối về đâu. Biết chăng muốn bước qua cầu. Con đường chính đạo nhiệm màu trong tâm..." Ôi thật là thâm thúy và nhiệm màu ! (Bài thơ Đường Sáng).

Bạn đọc mền,

Như đã nói từ đầu, tôi chỉ muốn đề cập đến một góc cạnh trong lăng kính rất giới hạn của ngôn ngữ, và chỉ vồn vện những vần thơ mà tôi cho đó là cái nhìn rất Nhân Sinh Quan trong đời sống đời thường của Đức Thánh Cha Gioan Phao lô II. Những bài thơ, vần thơ tôn giáo, đạo đức, tu đức... của thánh nhân mà Giáo sư Lê Đình Thông cũng đã chuyển ngữ và khéo léo dịch thơ lại rất ý nghĩa và thanh thoát... Tôi không dám luận bàn hay phân tích, nhưng sẽ đọc mãi để cảm hóa lòng đạo đức của mình.

Trong tri thức và những gì là của ngài, cũng huyền nhiệm và cao cả. Từ cuộc sống đời thường nơi dương thế, đến khi ngài làm giáo hoàng, bị ám sát với bốn viên đạn xuyên qua ngực nhưng không chết, và thậm chí ngay cả thời gian mà ngài qua đời trong những ngày lễ Phục sinh và kính Lòng Thương Xót Chúa, cũng nằm trong sự huyền nhiệm đó, mà hể điều gì, cái gì đã là huyền nhiệm thì con người và khoa học cũng không thể giải thích và chứng minh được.

Xin bạn hãy nhắm mắt suy luận để thấy rõ hơn những gì tôi vừa đề cập. Vâng, tất cả nơi ngài là huyền nhiệm và cao cả đối với tôi.

Tôi xin mời bạn hãy đọc những vần thơ đó sớm có thể. Khi đọc những vần thơ đó là chính bạn đang thực sự cầu nguyện. Nội

tâm và trí đoán của bạn một cách nào đó đang siêu thoát và có thể đang chạm đến Đấng Thượng Trí.

Trong tri thức và lòng đạo đức của ngài, trong tâm tình và văn chương phong phú, kiệt tác, xuất chúng của ngài trải dài trên những vần thơ đó, đích thật là huyền nhiệm nhưng giải bày, thanh thoát nhưng tình cảm, cao sâu nhưng gần gũi, triết lý nhưng thực tế, có thể sờ mó được, nhất là tấm lòng tình cảm chân chất của ngài đối với mẹ hiền, với quê hương và với nhân thế.

Cuộc đời trải dài tám mươi lăm năm của ngài nơi dương thế, đã để lại biết bao điều thánh đức và gương sáng, về đời sống mục tử và chứng nhân. Nhân thế cũng đã để lại lòng thương mến, kính yêu, trân quý mà người người khắp nơi trên thế giới luôn hướng về Tòa thánh nơi căn phòng có ánh sáng lọt qua cửa sổ trong những đêm ngài hấp hối, rồi tiếng khóc vỡ òa khi tin ngài qua đời. Cuối cùng chiếc quan tài bằng gỗ tạp đơn sơ, giản dị và khiêm hạ như chính con người và đời sống của ngài. Chiếc quan tài đặt xuống mặt đất giữa quảng trường Thánh Phêrô mênh mông biển người, không có đèn nến hoa đăng, không có vải lụa gấm vóc giăng đầy như các chủ tịch của nước Bắc Hàn qua đời, cũng không trầm thơm ngào ngạt, hay khói hương nghi ngút như các vị vua chúa hay các bậc quyền quý, cao sang. Nhưng thay vào đó, ngài có hàng triệu triệu con tim khắp nơi trên thế giới, đủ mọi thành phần đã nhỏ lệ khóc thương tiếc ngài. Ngài đã sống thánh giữa trần gian và đã mang lại cho con người những điều của Chân, Thiện, Mỹ...

Một nhà thơ người Hoa Kỳ mang tên Ralph Waldo Emerson đã nói: "When you were born you were crying and everyone else was smiling. Live your life so at the end, you're the one who is smiling and everyone else is crying." Tạm dịch: Khi bạn sinh ra, bạn khóc mà mọi người đều cười. Hãy sống làm

sao đến cuối đời khi bạn ra đi, bạn cười mà mọi người đều khóc.

Vâng, tất cả mọi tín hữu đều đã khóc thương tiếc ngày ra đi của ngài, mặc dù ai cũng biết ra đi là khởi điểm cho ngày trở về theo quan niệm và tín lý của Ki-tô giáo.

Người khôn ngoan thì luôn xây nhà trên đá, luôn nghĩ để dọn đường cho sự sống vĩnh hằng mai sau, còn dưới thế thì sẽ để lại tiếng thơm tiếng tốt muôn đời mà chính bia miệng của loài người sẽ nhắc mãi qua câu tục ngữ: "Trăm năm bia đá thì mòn, ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ".

Thánh nhân biết rõ điều đó nên đã tự nói và luôn nhắc nhở lòng mình qua bài thơ ngắn ngủi của ngài sau đây: "Đời người ngắn ngủi không bằng, cây đa cổ thụ đầu làng xanh lâu. Hơn nhau cuộc sống đời sau, linh hồn sống mãi nhiệm mầu huyền vi". Hoặc là: "Đời người thân xác mất đi, linh hồn như cánh chim di miệt mài. Sau này cát bụi hình hài, bao nhiêu sự nghiệp một mai còn hoài" (Bài thơ Độc Thoại).

Vâng, giờ đây mọi người sẽ không còn khóc nữa, nhưng sẽ cùng với ngài hân hoan tạ ơn Chúa và rồi cùng cười trong tiếng lòng với nước mắt sung sướng, nước mắt của hạnh phúc để đón nhận ơn thánh cao cả nhất mà ngài được tôn phong là Đấng Hiện Thánh như Thánh Phao lô đã khẳng định: "Qua Thập Giá, sẽ đến được Vinh Quang".

Có lẽ đã có sự linh ứng khi ngài còn đương thời để rồi bài thơ "Bức Tường" mà ngài đã viết từ hôm nào về một vị thánh, và hôm nay vị thánh đó có lẽ chính là ngài: "Tường thẳng đứng hai bên là hốc đá. Tượng Thánh Nhân còn thanh thản nguyện cầu. Luôn mở ra trang sách thánh nhiệm mầu. Ngập tâm trí trầm hương bao điều lạ..." Ôi, thật là huyền nhiệm. Vâng, như tôi đã nói: Tất cả nơi ngài là huyền nhiệm, là cao cả !.

Thưa bạn!

Đến đây có lẽ bạn và tôi sẽ chột nghĩ và sẽ đề cập đến người đã chuyển ngữ và dịch thuật hai mươi lăm bài thơ của thánh nhân, đó là Giáo sư Lê Đình Thông mà tôi có đề cập ở phần đầu.

Tôi nghĩ rằng đây là một ơn thánh đặc biệt đã tác động cho vị giáo sư mũi tẹt da vàng, sống đời tị nạn lưu vong trên phần đất không phải là nơi chôn nhau cắt rốn của quê hương mình. Lại còn không phải khi sinh ra, vị giáo sư này được hấp thụ thứ ngôn ngữ của mẹ đẻ, gần gũi như hơi thở, như mẹ với con, mà rất xa lạ qua các ngôn ngữ Tiếng Tây, Tiếng Tàu, nhất là Tiếng Ba Lan. Nếu bạn có nói một cách rành mạch một thứ tiếng nào mà không phải ngôn ngữ của mẹ đẻ, thì cũng sẽ giới hạn trong một phạm vi nào đó của chuyên môn, trong xã giao, giao dịch hay trong đời sống thường nhật. Nhưng đối vị với vị giáo sư này thì lại khác. Ông ta đã vượt xa điều tôi tưởng. Hai mươi lăm bài thơ của thánh nhân mà ông ta đã dịch lại cũng đủ để chứng minh điều tôi muốn nói. Tôi nghĩ vị giáo sư này không những là một nhà thơ lỗi lạc mà còn là một nhà Ngôn Ngữ Học uyên thâm.

Có lẽ bạn và tôi không thể phủ nhận cách chuyển ngữ và dịch thuật lại, rồi diễn tả cũng chính bằng những vần thơ và tài tình chuyển qua thành các bài thơ Tiếng Việt Nam với các vần điệu, với các thanh âm bằng trắc để hoàn thành trọn vẹn từ các thể loại thơ lục bát, song thất lục bát, thơ đường, thơ tự do qua cách gieo vần thật phong phú và khéo léo, chứa đựng đầy đủ ngữ nghĩa với văn phong lôi cuốn... Nhà dịch thơ này còn lý luận, phân tích những từ của Hán Việt, rồi chọn và áp dụng vào những vần thơ nói trên. Thí dụ chữ "xiển dương" trong bài thơ Magnifica. Đây là văn từ ghép của Hán Tự mà vị giáo sư này đã dịch thuật lại để dùng từ này áp dụng cho thích hợp với cái khung

cảnh, ngữ cảnh cũng như các chủ ngữ trong bài thơ Magnificat.

Trước đây, từ ngữ này đã có một số người đã dùng, trong đó còn có cả nhà thơ, và nhạc sĩ mà một vị nào đó đã dùng từ này để đặt tên cho một bài hát với tựa đề: "Mẹ Triền Dương" có câu hát đầu: "Mẹ triền dương trên núi Li Ba Nô..." Theo Hán Ngữ thì chữ "xiển" nghĩa là "mở ra" chữ "dương" cũng có nghĩa là "rộng, lớn, bao la..." Như vậy: xiển dương có nghĩa là mở ra bao la, trong đại... "Đấng Toàn Năng đã làm cho tôi bao điều trọng đại..." (Một trong đoạn kinh thánh của Thánh Luca 1, 47-55). Vậy, theo ý nghĩa, tôi nghĩ chữ "xiển dương" mới đúng và chính xác như vị giáo sư này đã dùng đến.

Văn chương Tiếng Việt Nam rất phong phú với nhiều nét đặt thù lôi cuốn, có lẽ là nhờ âm điệu vì có các thanh âm năm dấu, sáu giọng nên tiếng Việt Nam "dễ thương" đến thế.

Lần đầu tiên khi đến Việt Nam và nghe Người Việt Nam nói chuyện, các nhà ngoại quốc đã quả quyết và nói rằng: "Người Việt Nam nói chuyện như hát vậy". Phải lắm, vì mỗi tiếng được phát ra là có âm điệu lên xuống bởi các thang âm của mỗi chữ mang các dấu: huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Cũng thế, tiếng Việt Nam là một ngôn ngữ đơn âm và nếu dùng đơn phương hay lẻ loi một từ thì sẽ rất nghèo nàn, chính vì thế mới có các chữ được ghép lại qua sáng kiến của các học giả, nhất là các cụ xưa kia để cho tiếng Việt Nam thêm phần phong phú.

Những thế hệ đi trước đã ảnh hưởng rất nhiều đến chữ Nho và khi các cụ ghép lại, thường là tiếng Nôm, tiếng Hán đi đôi. Thí dụ: dân-chủ, độc-lập, thế-lực, chính-quyền, tà-quyền, v.v... Cũng thế, thiết tưởng hôm nay chúng ta gọi tên nước Việt Nam mà thiếu đi một chữ cũng là điều thiếu sót quan trọng.

Nước Việt Nam không nên gọi tách riêng là Nước Việt, Người Việt Nam không nên nói là Người Việt, Tiếng Nói Việt Nam không phải là Tiếng Nói Việt, Nền Văn Hóa Việt Nam không phải là Nền Văn Hóa Việt, Dân Chủ Việt Nam mà gọi Dân Chủ Việt thì ra thể thống gì. V.v...

Xin đừng chia, đừng cách, đừng xẻ đôi đất nước Việt Nam dù qua những hình thức nào đi nữa, ngay cả cái tên Nước Việt Nam, tên gọi thiêng liêng của đất nước đã có từ ngàn năm mà biết bao xương máu đã đổ xuống để bảo vệ và duy trì. Đừng xem thường rồi một lúc nào đó lâu dần thành quen miệng và cứ tưởng đó là "chân lý".

Tôi chân tình và rất cảm phục cách chuyên ngữ rồi dặt lại và cuối cùng làm cho ra những vần thơ kiệt tác một cách trôi chảy mà bạn đang cầm trên tay. Tôi không có cơ hội đọc các bài thơ nguyên thủy của ngài, mà dẫu có đọc cũng không thể hiểu được vì có thể ngài viết bằng chính ngôn ngữ của ngài. Tuy nhiên, sau khi đọc các bài thơ đã được dịch lại, tôi đã cúi đầu tạ ơn Chúa vì đã thấy và cảm nhận cách dịch thơ rất tài tình và tuyệt vời của Giáo sư Lê Đình Thông. Tôi nghĩ vị giáo sư này góp một bàn tay rất quan trọng để cho chúng ta hiểu thêm một góc cạnh trong đời sống văn chương của ngài, nhất là chấp cánh cho các bài thơ của thánh nhân đến với chúng ta là Người Việt Nam.

Với sự thông thái và uyên bác, vị giáo sư này đã làm cho các bài thơ của thánh nhân ý nghĩa hơn, hay và mượt mà hơn, tô điểm và mặc thêm bộ áo để các bài thơ ấy tươi sáng, rực rỡ và duyên dáng hơn.

Người ta thường nói "dịch" là "diệt". Nhưng với vị giáo sư này thì làm ngược lại, nghĩa là cho nó sống động hơn, đầy cảm xúc hơn qua nghệ thuật văn chương và thơ phú trời ban cho ông ta. Chính vì lẽ đó, các bài thơ ấy đã lôi cuốn trong tôi và tạo cho tôi nguồn cảm hứng lạ thường, điều mà

những người làm công việc của nghệ thuật và của âm nhạc rất cần thiết và cần có. Nguồn cảm hứng ấy đã giúp tôi hoàn thành mười ca khúc phổ từ hai mươi lăm bài thơ kiệt tác đó. Một bài thơ hay và ý vị, ắt phải hội đủ những yếu tố cần thiết về bố cục, ý nghĩa, văn chương, cách gọt chữ, vần điệu, câu cú và điệp từ như tôi đã nói ở trên, nhất là chiều sâu của bài thơ. Tạ ơn Chúa, Giáo sư Lê Đình Thông đã có và đã đạt được những điều đó.

Những thế hệ trước đã có các nhà thơ công giáo để đời như Hàn Mặc Tử. Lời thơ của vị này sâu thẳm, nhưng chúng ta có thể thấy máu và nước mắt trong từng câu thơ qua sự đau đớn về thể xác, nhưng cũng cho chúng ta cảm nghiệm cái tinh thần luôn biết cậy trông và phó thác. Gần đây có nhà thơ Xuân Ly Băng với các nhà thơ tiếng tăm khác, và hôm nay chúng ta có thêm Giáo sư Lê Đình Thông, một nhà thơ và một người dịch thơ tuyệt vời.

Không phải là điều tự nhiên sắp xếp ý định của con người. Sự hiện diện hiếm có của vị giáo sư này trong những bài thơ của thánh nhân, tôi nghĩ là Thiên định. Như tôi đã nói ngay từ đầu và hay lặp lại. Tôi đã nói gì? Tôi đã nói rằng: Tất cả những gì liên quan nơi thánh nhân là huyền nhiệm và cao cả và tôi tin tưởng điều đó, vì: "Một sợi tóc trên đầu rơi xuống, cũng là thánh ý nhiệm mầu của Thiên Chúa".

Trong sách Luận Ngữ có câu mà Đức Khổng Tử khuyên chúng ta rằng: "Hãy lấy Đạo làm Hướng, lấy Đức làm Gốc, lấy Nhân làm Nơi Nương Tựa và lấy Nghệ làm Niềm Vui..." Quả thật, Giáo sư Lê Đình Thông còn làm hơn thế, vì tất cả công việc mà ông đang thực hiện không những chỉ để làm niềm vui cho riêng mình, mà còn lấy Nghệ Thuật để loan báo Tin Mừng giữa thế giới hôm nay.

Văn Duy Tùng, Washington D.C.

Ngày 15 Tháng 02, Năm 2014

Sống, Sự Sống : Vấn đề của mọi Vấn Đề Hiện Hữu-Tồn Tại - Cuộc Sống-Cuộc Đời

Nguyễn Thùy

I.- Sống, vấn đề tiên thiên :

‘**Sống, Sự Sống**’ là gì ? Hầu như chưa có một định nghĩa rõ ràng. Mọi ‘định nghĩa’ nơi các Tự điển, dù về mặt triết học hay khoa học chỉ nói lên những hiện tượng, những sự kiện thể hiện Sự Sống, cho biết ‘**có sự sống**’ chứ không nói rõ ‘**sống, sự sống là gì**’. Những sự kiện nói lên ‘sự sống’, theo khoa học, gồm có : sự tự nuôi dưỡng (nutrition), sự tiêu hóa (assimilation), sự tăng trưởng (croissance), sự thích ứng với môi trường (adaptation) và sự sinh sản (reproduction). Trong ‘*Tự Điển Thân Tình về Trời và các Ngôi Sao*’ (Dictionnaire amoureux du Ciel et des Étoiles), nhà Thiên thể Vật lý Trịnh Xuân Thuận nêu ra những đặc điểm của sinh vật hay vật sống đối chiếu với các vật không có sự sống hay vật vô tình, vô tri (1) nhưng cũng chưa nêu ra định nghĩa về ‘**Sống, Sự Sống**’. Bình thường, chúng ta hiểu hay đúng hơn là ‘nhận biết’ sự sống qua tầm thân xác chúng ta cùng những khả năng chứa đựng nơi nó đang hoạt động : thở hít, ăn uống, cử động, la hét, nói năng, đi đứng, nằm ngò, chạy nhảy, bài tiết,...rồi đến bao hoạt động cao cấp hơn : yêu thương, suy nghĩ,...Khi tất cả những hoạt động đó không còn nữa thì là ‘**hết sống**’ tức ‘**chết**’, xác thân còn đấy nhưng vô tri, trở nên hôi

thối đợi giờ tan rã nếu không đem chôn hay hỏa táng. Như thế, có thể hiểu : ‘**Sống là hoạt động**’ ; ‘**chết là không còn hoạt động nữa**’. Nhưng hoạt động là gì ? Hiểu thế nào là hoạt động ? Do đâu có hoạt động ? Và để làm gì ? Một viên đá lớn nằm bất động trên đường ta đi, chẳng hoạt động gì hết, như vậy nó ‘sống hay chết’ ? Ta đẩy nó, nó lăn đi một khoảng, như thế là nó ‘hoạt động’ (?) và nó ‘sống’ chẳng ? Nước trong chiếc ao tù đọng và nước chảy xuôi trong một khe lạch, thứ nước nào đang chết hay đang sống ? (xin không dông dài thêm)

Cũng đối chiếu những khác nhau giữa ‘**vật sống**’ (êtres vivants) và ‘**vật không sống**’ (êtres non-vivants, êtres inertes), người viết tạm hiểu như sau : ‘**Sống là đem khả năng sẵn có nơi mình để tác động vào bên ngoài và vào chính mình hầu kéo dài hiện hữu và tồn tại của mình được tiếp nối dài lâu và phát triển tốt đẹp hơn qua thời gian**’. Chúng ta biết rằng sinh vật nào cũng có một khả năng tự thân, trước tiên chính nơi thân xác nó, đấy là cái năng lượng của thân xác (énergie musculaire, énergie corporelle), năng lượng vật lý (énergie physique) rồi trên diễn trình phát triển, có thêm những năng lượng tinh thần gồm ‘**năng lượng tri thức hay trí tuệ**’ (énergie intellectuelle) và ‘**năng lượng tâm linh**’ (énergie psychique, énergie spirituelle) vốn có sẵn nơi sinh vật nhưng phải đợi sự tăng trưởng của cấu trúc thân

xác mới phát hiện càng lúc càng phong phú.. Chính những năng lượng này đã tạo nên sự sống nơi sinh vật, rõ rệt nhất nơi con người. Những sản phẩm do con người làm ra như máy móc vốn không có năng lượng trên nên không có sự sống. Những 'người máy tự động' (robot, automate) dù có hoạt động hữu hiệu hơn con người rất nhiều nhưng vì không có sẵn năng lượng nên cũng không có sự sống. Muốn chúng 'sống', ta phải cung cấp năng lượng cho chúng qua những bình điện, những transistors, những thỏi pin hay gì khác (2) để chúng hoạt động, có nghĩa để chúng thể hiện 'sự sống' ra bên ngoài.

Sống là gì ? Do đâu có sự sống ? Tại sao sống ? Sống để làm gì ? Sống có ý nghĩa gì ? Sống như thế nào ? Phải sống ra sao ?...Bao nhiêu câu hỏi, rất nhiều trả lời nhưng tất cả hầu như bất túc. Chỉ biết rằng người nào, dân tộc nào, cả chung nhân loại -nói riêng về con người- cũng đã sống, đang sống, phải sống, muốn sống, kéo dài sự sống dù gian nan, khổ cực đến mấy. Cái ham muốn hay ý chí ham sống đó khiến tất cả đều lo sợ cái Chết.

Sống, Sự Sống là vấn đề có trước mọi vấn đề , làm nảy sinh bao nhiêu vấn đề khác. Sinh ra là để sống, giản dị như thế. Trong vở kịch Hamlet của Shakespeare, chàng Hamlet đã phân vân tự hỏi : **'Sống hay không sống, đây là vấn đề'** (To be or not to be, that is the question – Être ou ne pas être, telle est la question). Đức Khổng đã bảo : **'Đức lớn của Trời Đất là lo cho sự sống'** (Thiên địa đại đức viết sinh) nhưng Ngài chưa nói rõ Trời Đất lo cho Sự Sống như thế nào.

Không sống, không có sự sống thì cũng chẳng có trời đất, vũ trụ, thiên hà, tinh

vân, mặt trời, trái đất, biển sông, núi rừng, cây cối, hoa lá, chim chóc, cá tôm, súc vật, con người,..**Không Sống, Không có Sự Sống** hẳn nhiên không có xã hội, không có vấn đề đạo đức, luân lý, pháp luật, khoa học, chính trị, kinh tế, triết học ; không có 'tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ' ; không có từ bi, bác ái, công lý, hòa bình, tự do, bình đẳng, nhân phẩm, nhân quyền ; không có tiến bộ, văn minh, văn hóa, tiến hóa gì ráo trọi, không có quân tử, tiểu nhân, anh hùng, thần thánh, phàm phu ; không có thiên đường, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh,..

Không Sống thì chẳng có bất cứ thứ gì. Tuy nhiên, con người lại luôn ưu tư, thắc mắc, luôn luôn tra vấn về Nó. Con người luôn băn khoăn đi tìm Nguồn gốc, ý nghĩa và cứu cánh Sự Sống của con người, của vũ trụ. Tôn giáo, Triết học chú tâm đi tìm cái nguyên nhân đầu tiên và cuối cùng tức cái Nguồn gốc, cái Chung cục và ý nghĩa của Sự Sống. Khoa học vì không mấy lưu tâm đến 'ý nghĩa' nên cho rằng 'Sống, Sự Sống, Cuộc sống, Cuộc đời' cùng Lịch sử và Tiến hóa chung quy là những diễn trình theo một thứ 'phi tất định' (indétermination) , một 'ngẫu nhiên' (hasard) nên không giải đáp được những băn khoăn siêu hình của con người. Trong lúc, Đạo học, Tôn giáo, Triết học luôn đi tìm căn nguyên, ý nghĩa và cứu cánh Sự Sống nên thiên về thuyết 'Tất Định' (déterminisme) được xem là 'hiển nhiên' hay một 'giả định tất yếu' của luận lý, khó lòng chứng minh, thử nghiệm. **Nhìn chung, mọi lý luận, biện bác dù thuộc ngành học nào, cũng chỉ là những giải minh, giải trình muôn đời khác nhau về một thứ muôn đời chỉ Một tức Sự Sống.** Chúng ta nhận biết được vận hành của Sự

Sống nơi ta và nơi xã hội nhân loại cùng nơi những loại sinh vật nhưng không (hay chưa) nhận biết đích thực được Sự Sống là gì. Không Sống, không có Sự Sống thì chẳng có vấn đề nào được đặt ra. Sống, Sự Sống là thứ gì cao quý nhất, quan trọng nhất, cần thiết nhất và phải được tôn trọng. Hai Tôn giáo lớn đã từng nhấn mạnh điều đó. Ki-Tô giáo, một trong mười điều răn của Đức Chúa Trời là *'người chớ giết người'* (sách Sáng Thế). Phật giáo còn đi xa hơn, không chỉ bảo 'không được giết người' mà còn bảo không được giết Sự Sống của những loại sinh vật khác. **Sống, Sự Sống là vấn đề tiên thiên, như nhiên có trước mọi vấn đề, vấn đề của mọi vấn đề, vấn đề muôn thưở, một vấn đề hầu như huyền nhiệm.**

(Tập sách này không làm công việc định nghĩa, giải thích Sống hay Sự Sống mà chỉ sơ lược nói lên diễn trình Sự Sống của loài người từ thuở sơ khai đến nay và hình dung cảnh sống của nhân loại trong thời gian tới.)

II.-Hiện hữu/Tồn tại

Về mặt Đạo Học, Triết Học, **Sống, Sự Sống** được hiểu trước tiên là **Hiện Hữu và Tồn Tại**. Để hiểu rõ phần này, xin được thông qua một số từ ngữ được dùng trước nay như : hiện thể, vật thể, vũ trụ, thế giới,...

Hiện Hữu là *tự hiện bày* (paraître), *tự trình xuất* (se présenter) mình ra để hiện diện, để có mặt với thế giới trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại từ lúc được 'sinh ra' đến lúc 'chết' tức không còn hiện hữu nữa. Môi trường thiên nhiên gồm tất cả mọi thứ trong vũ trụ hiện tượng này. Môi trường đồng loại thường gọi là môi trường

xã hội bao gồm tất cả mọi hiện thể cùng loại với mình ; với con người, môi trường đồng loại là môi trường giữa người và người mà Nguyễn Du gọi là *'cõi người ta'*. Kỷ niệm *'Sinh nhật'* là kỷ niệm ngày ta hiện tiền cùng thế giới, nói lên niềm vui của đồng loại (trước tiên là mọi người trong gia đình) thấy ta hiện diện cùng mọi người để tiếp nối gia hệ, dòng họ. Kỷ niệm *'ngày chết'* (từ nhật) là kỷ niệm ngày ta không còn hiện diện cùng đồng loại, nói lên niềm thương tiếc thấy ta không còn bên cạnh mọi người. Theo Bà Hannah Arendt, *'Sống đồng nghĩa với hiện hữu giữa mọi người và Chết đồng nghĩa với không còn hiện hữu giữa mọi người'* (3). Hiện Hữu, tiếng Pháp là **'être'** (động từ, không viết hoa), còn có nghĩa là **'Sống'** (vivre) và 'sự sống' là **'la vie'**. ; tiếng Anh, sống là **to be** (être), **to live** (vivre), **to be alive** (être en vie), sự sống là **'the life'** (la vie). (Người viết không rành ngoại ngữ nên không dám đề cập thêm)

Hiện hữu, như đã nói trên, là tự xuất hiện, tự trình xuất mình hay được sinh ra, được hình thành để cùng góp mặt, cùng hiện diện với mọi thứ khác. Như thế, hiện hữu là hiện hữu trong toàn thể, cái toàn thể đó vừa là những thứ cùng loại và khác loại với mình. Mọi thứ hiện hữu được gọi chung là **Hiện Thể** có nghĩa là hiện diện trong thể thái, cách thức, dạng thức, cấu trúc nào đó của chính nó để hiện bày cùng mọi thứ khác. **Hiện thể**, tiếng pháp là **étant** có nghĩa là **'có đấy'**, có **hữu-tại-thể** (être dans le monde) tức có mặt trong vũ trụ, có mặt trong thế giới, do từ tiếng Đức **Dasein** mà M. Heidegger thường dùng. Từ Hiện Thể chỉ chung mọi thứ hiện hữu nhưng sau này, các Triết gia chỉ dùng để chỉ về con người, còn mọi thứ hiện thể khác được gọi là **Vật**

Thể (choses). **Vật Thể**, theo nghĩa rộng chỉ tất cả các thứ có cuộc sống riêng của nó, theo nghĩa thông dụng là thực tại khách quan, độc lập với ý thức con người, ở ngoài con người, một thực tại vật chất (réalité matérielle), vô tri (inanimée) đối lập với thực tại của hiện thể người. Những công trình do con người tạo nên như nhà cửa, đường sá, máy móc, vật dụng,...kể cả các bộ môn học, kể cả chữ viết, con số cũng được gọi là vật thể.

Từ **Vật Thể**, theo Triết học, được hiểu theo nhiều nghĩa. Theo nghĩa hẹp, Vật Thể chỉ những gì ta sờ mó, nhìn ngắm, nói chung là trong tầm nhìn, trong tầm tay (à portée de la vue, à portée de la main) của ta như cây bút, viên đá, bông hoa, trái đất, mặt trời, dòng sông, ngọn núi, con kiến, ngôi nhà,...Theo nghĩa rộng, Vật Thể còn chỉ những câu chuyện, những việc làm, những sự kiện, những vấn đề, những thái độ, hành vi,..., chẳng hạn trong câu tiếng Pháp: *‘‘Il se passe là des choses étranges’’*, *‘‘C’est chose commune’’*, *‘‘Prendre les choses comme elles viennent’’*. Trong tiếng Việt, ta không thể dịch từ *‘choses’* trong những câu đó là Vật Thể mà dịch là ‘chuyện, điều, sự, sự vật, sự việc, sự kiện,...’. Theo nghĩa rộng hơn nữa, cũng về mặt triết học, từ Vật Thể không nằm trong hai nghĩa vừa nói mà chỉ một cái gì tự thân nơi mỗi vật thể, nơi mỗi sự việc, sự kiện. Chẳng hạn nhà Triết E. Kant đã gọi *‘chose en soi’*, từ *chose* nơi đây không chỉ một vật thể cụ thể trong tầm nhìn, tầm tay của ta, cũng không chỉ một sự kiện, một vấn đề, một thái độ, một trường hợp nào,.. *‘Chose en soi’* tạm dịch sang tiếng Việt là *‘vật tự thân’* hay *‘tự thân vật’*. Cái *‘tự thân vật đó’*, ta không sờ mó, nhìn ngắm mà chỉ hình dung trong ý thức ta thôi,

một hình dung chưa hẳn đã đúng với nó. Trong nghĩa này *‘chose en soi’* (vật tự thân) được hiểu là *‘tinh thể, tự thể’* (essence, noumène, eido,...) của vật đó, điều M. Heidegger gọi là *‘vật thể tinh của vật thể’* (la choséité de la chose) (4), tiếng Việt chúng ta thường gọi là *‘bản chất’*, từ nhà Phật, theo người viết là *‘Tự Tánh’*, là *‘Chân diện mục’*. Xin không dài dòng nơi đây để khỏi rơi vào triết lý, và cũng không nằm trong chủ đề của chương sách này.

Hiện hữu là để thể hiện Sự Sống. Không hiện hữu thì không có sự sống. Nhưng hiện hữu là hiện hữu trong toàn thể. Cái toàn thể đó là hai môi trường thiên nhiên và đồng loại. Hai môi trường này hợp chung lại, ta gọi là **Vũ trụ**, cái vũ trụ hiện tượng mà loài người cùng tất cả mọi thứ đã và đang sống trong nó. **Vũ Trụ** (Univers), theo cách hiểu thông thường bao gồm tất cả mọi thứ hiện hữu trong không gian, thời gian, kể cả khoảng Không bao trùm mọi thứ, từ những vật to lớn, khổng lồ như những dãy thiên hà, những tinh tú đến những gì nhỏ bé, tí hon như hạt bụi, vi tử, vi trùng, vi khuẩn; từ những sự vật có cấu trúc hình thể như quả đất, mặt trời, mặt trăng, cây cối, thú vật, chim chóc, cá tôm, con người hay chỉ có những đặc điểm riêng biệt nào đó chỉ riêng nó có như ánh sáng, lửa, nước, không khí. (5). Mỗi hiện thể, vật thể (hiểu theo nghĩa hẹp nói trên) một khi đã hiện hữu, theo người viết, đã là một không gian lớn nhỏ nào đó và đã mang chở một nguồn năng lượng (énergie) nào đó để vừa duy trì hiện hữu vừa là một năng lực (puissance) tác động vào bên ngoài (những vật thể, hiện thể khác trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại) để vừa bảo toàn mình vừa phát triển hiện hữu bằng cách thu

hút mọi chất liệu bên ngoài. Chính cái năng lượng bản nhiên này và do ‘hiện thể trong toàn thể’ nên các không gian đó tức các vật thể, hiện thể luôn luôn tương tác nhau để phát sinh các hiện tượng làm thay đổi dạng thức hiện hữu của từng vật thể, hiện thể. **Sự tương tác liên tục đó định ra thời gian tức độ dài hiện hữu của mỗi thứ, làm thay đổi dạng thức hiện hữu của mỗi thứ.** Cái năng lượng đã khiến các không gian của từng vật thể, hiện thể tương tác nhau, theo người viết, chính là ‘*sự hấp dẫn*’ (gravitation). « *Lực hấp dẫn này (force de gravité) là chất keo của vũ trụ. Nó cuốn hút mọi vật thể vào nhau. Chính nó đã giữ chúng ta trên mặt đất này, đã giữ mặt trăng trong quỹ đạo quanh địa cầu, những hành tinh quanh mặt trời, những tinh tú trong các dãy quần tinh và các quần tinh trong những tinh đoàn* » (6). Lực Hấp dẫn đó, nhà khoa học Newton nêu thành qui luật ‘*Vạn vật hấp dẫn*’ (gravitation universelle) qua biểu thức toán học được thông diễn như sau : ‘*Hiện tượng bởi đó hai vật thể nào đó thu hút nhau với một lực tỉ lệ thuận với tích số khối lượng của chúng và tỉ lệ nghịch với bình phương của khoảng cách giữa chúng*’. Chính Lực Hấp dẫn bản nhiên này nơi mỗi không gian (mỗi thứ hiện hữu) đã khiến các không gian tương tác thuận nghịch với nhau làm phát sinh thời gian rồi chính thời gian làm biến đổi không gian của từng vật thể để hiện hữu của từng vật thể thay đổi liên tiếp qua từng dạng thức hiện hữu khác nhau. Do cái Lực Hấp dẫn này mà mỗi thứ, theo người viết, một khi đã hiện hữu, tự thân đã là một không gian mang chứa một thời gian bên trong mình để hiện diện với không gian, thời gian bên ngoài mình. Sự tương tác thường trực giữa hai thứ

không gian, thời gian đó khiến mỗi thứ hiện hữu liên tục thay đổi dạng hiện hữu của mình ‘*ở đây và bây giờ*’ (ici et maintenant); những thay đổi dạng thức hiện hữu liên tục đó được con người nhận biết qua giác quan và ý thức, trở thành đối tượng cho các Khoa học thực nghiệm. (7).

Mỗi một hiện bày của không gian (vật thể, hiện thể) qua thời gian được gọi là **Hiện tượng** hay, theo người viết là một ‘**dạng hiện hữu**’ vào mỗi thời điểm hiện hữu của vật thể, hiện thể. Điều ta gọi **Hiện tượng Sống** (phénomène de vie) chính là những **dạng hiện hữu ‘ở đây và bây giờ’** của Không gian Thời gian từng vật thể. Vui buồn, sướng khổ, mạnh khỏe, đau yếu, giận hờn, vũ phu, thô bạo, hiền lành, chất phác, ...là những hiện tượng hay những dạng hiện hữu của con người trong từng lúc. Lạc hậu, chậm tiến, chiến tranh, hòa bình, văn minh, tiến bộ,..., độc lập, nô lệ, phong kiến, dân chủ,...là những hiện tượng, những dạng hiện hữu của xã hội nhân loại qua quá trình hiện hữu tức qua dòng lịch sử của chúng loại người.

Hiện tượng (phénomène), theo nghĩa thông thường là những gì phát xuất từ các Vật thể, Hiện thể, những biểu hiện (manifestation) của nó ra bên ngoài do tương tác giữa chúng được con người nhận biết hoặc trực tiếp do các giác quan hoặc do qua ý thức (conscience). Như thế, **Hiện Tượng là những dữ kiện của kinh nghiệm thông qua giác quan và ý thức con người, làm đối tượng cho các bộ môn khoa học thực nghiệm.** Nhà Phật không dùng từ Hiện Tượng mà dùng từ **Pháp**, có nghĩa rộng hơn từ Hiện Tượng. **Pháp**, tiếng Phạn là Dharma ‘*chi chung hết mọi sự vật, mọi hiện tượng dù là to nhỏ, hữu hình, vô*

hình, chân thực, hư vọng. Sự vật cũng là vật, đạo lý cũng là vật, tất cả đều là pháp cả” (8). Hiểu như thế, tất cả mọi sự vật cùng những biểu hiện của chúng ra bên ngoài - từ những tinh tú, tinh đoàn, đất đá, cỏ cây, con người, không khí, ánh sáng, lửa, nước, âm thanh, hương vị, màu sắc, xã hội, chế độ chính trị, kinh tế, lý thuyết triết lý, khoa học, ngay cả các con số, các biểu thức toán học, chữ viết, đến cả yêu thương, ghen ghét, giận hờn, áp bức, bóc lột, chiến tranh, hòa bình, đoàn kết, chia rẽ, văn minh, tiến bộ, lạc hậu, chậm tiến,... ; **tất cả đều là Pháp, đều là hiện tượng.** Kinh nghiệm và nhận thức con người phân biệt nhiều loại pháp, nhiều loại hiện tượng : pháp hữu vi, pháp vô vi, hiện tượng tự nhiên, hiện tượng vật lý, hóa học, hiện tượng kinh tế, chính trị, hiện tượng sinh lý, tâm lý, hiện tượng xã hội, hiện tượng tâm linh,...

Theo nhà Phật, tất cả những gì hiện hữu đều được gọi là ‘pháp’, là ‘hiện tượng’. Mà đã là hiện tượng thì vô thường nghĩa là luôn luôn biến đổi vì tất cả không ‘*tự nó có*’ mà cái ‘*có*’ đó, cái hiện hữu của vạn pháp đều do qui luật ‘*nhân duyên hòa hợp*’ mà hình thành rồi qua quá trình ‘*sinh, thành, hoại, diệt*’ mà biến đổi không ngừng. Vì thế, vạn pháp, cả vũ trụ không là chắc thật, không trường tồn vĩnh cửu. Tất cả đều ‘*huyễn cấu*’. Cả cảm giác, ý thức, thân thể con người cũng không có thật, cũng là giả huyễn vì không thoát ra khỏi qui luật ‘*nhân duyên sanh*’ và tiến trình ‘*sinh, thành, hoại, diệt*’. Tuy nhiên, nhà Phật lại nhìn nhận có một cái chắc thật, vĩnh viễn trường tồn đã làm phát sinh ra mọi hiện tượng, làm phát sinh cái vũ trụ huyễn cấu vô thường này. Cái chắc thật, cái ‘*thực hữu*’ vĩnh viễn trường tồn đó, theo nhà Phật, được gọi là

Chân Không (le Vide) , cái **Chân Như Thể** , cái **Tánh Không** hay cái **Phật Tính, Phật Tâm** (la bouddhité) nguyên thủy được xem là uyên nguyên sinh thành vũ trụ hiện tượng. Cái Chân Không, cái Thể Chân Như, cái Phật Tánh, Phật Tâm đó không là hiện tượng, không là vật thể, hiện thể nên không thể nhận thức được bằng giác quan, bằng kinh nghiệm, bằng ý thức, không thể dùng tư duy mà biết được vì nó vốn siêu nghiệm, siêu thực, nó vốn vô ngã. Chính cái Chân Không, cái Thể Chân Như, cái Phật Tính, Phật Tâm nguyên sơ này, về mặt vũ trụ học, đã ‘*tự sắc tướng hóa, tự vật chất hóa*’ do tự thân tác động mình để sinh thành **Diệu Hữu** tức tất cả mọi thứ hiện hữu nơi vũ trụ hiện tượng. Về mặt Nhân sinh quan và Xã hội quan, cái Chân Không, cái Chân Như Thể đó, sau khi ‘*tự sắc tướng hóa*’ để sinh thành Diệu Hữu, vẫn cư lưu nơi mỗi Diệu Hữu (mỗi vật thể, hiện thể) làm động lực cho mọi biến đổi của Diệu Hữu theo qui luật ‘*Nhân Duyên hòa hợp*’. Phần cư lưu này của Chân Không, của Chân Như Thể’ nơi mỗi Diệu Hữu được gọi là cái **Tự Thể**, cái **Tự Tánh**, cái **Tánh Không**, cái **Tâm Như, Tâm Không**, cái **Pháp Thân Phật**, thường được gọi ngắn gọn là **cái Tâm**, đồng nghĩa với **Thánh Linh** nơi Ki-Tô giáo, theo người viết nghĩ. Theo người viết, cái **Tự Tánh**, cái **Tâm** nơi nhà Phật, cái **Thánh Linh** nơi Ki-Tô giáo được nhà Triết học Đức E. Kant gọi là ‘**chose en soi**’ (vật tự thân) , M. Heidegger gọi là ‘**la choseité de la chose**’ (vật thể tính của vật thể) , với con người, M. Heidegger gọi là ‘**l’être de l’étant**’ (tính thể của hiện thể)..

Tồn Tại (tiếng Pháp : exister) tức độ dài hiện hữu của một vật thể, hiện thể từ lúc được sinh ra (bắt đầu hiện hữu) đến lúc

không còn hiện hữu nữa. **Tồn Tại là để thể hiện Sự Hiện Hữu trong lúc Hiện hữu là để thể hiện Sự Sống.**

III.- Dạng Hiện Hữu/ Dạng Tồn Tại.

Do tương tác giữa hai thứ Không gian, Thời gian bên trong và bên ngoài mà hiện hữu mỗi vật thể, hiện thể luôn thay đổi cách này, cách khác chứ không tồn tại trong một dạng cố định. Mỗi thay đổi đó được gọi là một dạng hiện hữu tức một dạng thức sống, **một hiện tượng sống ở đây và bây giờ** trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại. Tuy nhiên, dù có thay đổi ‘dạng thức sống ở đây và bây giờ’, mỗi vật thể, hiện thể vẫn luôn luôn được duy trì trong một dạng hiện hữu nhất định nào đó suốt quá trình hiện hữu của mình từ lúc được tự thành đến lúc bị hoại diệt. Cái dạng hiện hữu không thay đổi đó, người viết gọi là **dạng Tồn Tại.**

Theo đó, **Dạng Hiện Hữu** (état d’être) là cách thể hiện bày, biểu hiện ‘ở đây và bây giờ’ của một vật thể, hiện thể hay của cả chủng loại vật thể, hiện thể của từng dạng tồn tại trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại. Mỗi biểu hiện như thế là một hiện tượng được nhận biết qua giác quan và ý thức con người. Chẳng hạn hiện hữu lúc trẻ khác với hiện hữu lúc về già, lúc khỏe mạnh khác với lúc đau yếu, hiện hữu thời bình khác với lúc chiến tranh; hiện hữu trong nếp sống nông dân khác với hiện hữu trong nếp sống công nhân, thương nhân; dạng hiện hữu của nước ở thể lỏng khác với dạng hiện hữu ở thể đặc hay thể hơi,...Vui, buồn, sướng khổ, mạnh khỏe, già nua, giận dữ, hiền lành,...thái bình, ly loạn, lạc hậu, tiến

bộ,...tất cả đều là những dạng hiện hữu của từng người hay của một tập thể, một dân tộc, của cả chủng loại người qua quá trình thời gian. Xin phân biệt Hiện Hữu với Dạng Hiện Hữu. **Hiện Hữu là sự kiện; Dạng Hiện Hữu là từng cách thể hiện bày của sự kiện Hiện Hữu.**

Dạng Tồn Tại (état d’existence) là dòng hiện hữu liên tục qua thời gian trong một dạng thức nhất định nào đó hoặc có cấu trúc hình thể hay chỉ có những đặc điểm riêng biệt nhưng bất di và đồng nhất nơi từng chủng loại từ lúc được sinh ra đến lúc bị hoại diệt. Các vật thể, hiện thể cùng loại có dạng Tồn Tại giống nhau như Cây cối cùng dạng Tồn tại thảo mộc, súc vật cùng dạng Tồn tại súc vật, con người dù khác nhau về màu da, kích thước, giọng nói, ngôn ngữ nhưng cùng thuộc dạng Tồn Tại Người. Nước giếng, nước sông, nước biển dù thể lỏng, thể hơi vẫn là dạng Tồn tại nước...Khoa học thường phân biệt các Dạng Tồn Tại theo từng Giới loại, Chủng loại...**Mỗi vật thể, hiện thể tự nó đã là một dạng Tồn Tại vì mang chở một Không gian, Thời gian để hiện diện trong Không gian, Thời gian bên ngoài nó.** Sự Sống của mỗi dạng Tồn Tại do tác động của Không gian, Thời gian bên trong và bên ngoài được thể hiện qua chuỗi dài dạng Hiện hữu kế tiếp nhau từ lúc được sinh thành đến lúc bị hoại diệt. **Không Hiện Hữu thì không Tồn Tại và Tồn Tại là để thể hiện sự Hiện Hữu qua suốt quá trình Sống của mình.**

Hiện hữu, Tồn tại, cái nào có trước? Theo người viết cả hai cùng có một lúc. **Hiện Hữu nhất thiết phải qua một dạng Tồn Tại nào đó và Tồn Tại là để thể hiện Hiện Hữu vào cuộc sống, cuộc đời.** Với

con người, Sống là cách thể hiện Ta (dạng Tồn tại tức không gian thời gian bên trong ta) vào cuộc Đời (các dạng Tồn Tại trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại tức Không gian, Thời gian bên ngoài ta) và là một thể hiện của cuộc Đời nơi ta. (9)

IV.- Yếu tính của Hiện Hữu và Yêu Cầu của Tồn Tại :

Theo người viết, bất cứ Hiện Hữu và Tồn Tại nào -nhất là đối với các dạng Tồn tại sinh vật- cũng đều có bốn Yếu tính và bốn Yêu cầu căn bản.

a/- Bốn Yếu tính của Hiện Hữu :

1) **Hiện Bày.** Yếu tính đầu tiên của Hiện Hữu là **Hiện Bày** (paraître, se présenter) để có mặt với mọi hiện hữu khác đồng loại và khác loại, để thể hiện sự sống một khi được sinh ra hay được hình thành.

2) **Tiếp Nối.** Yếu tính thứ hai của Hiện hữu là **Tiếp Nối** (continuité) để được hiện hữu dài lâu về mặt cá thể đồng thời chuyển sự tiếp nối đó từ cá thể sang chủng loại.

3) **Siêu Việt.** Yếu tính thứ ba của Hiện Hữu là **Siêu Việt** (transcendance) để đưa Hiện hữu của mình sang từng dạng cao hơn, tốt hơn, tinh tế hơn, trỗi vượt hơn so với trước.

4) **Thăng Hóa.** Yếu tính thứ tư của Hiện Hữu là **Thăng Hóa** (sublimation) có nghĩa thay đổi dạng Hiện hữu và dạng Tồn tại từ thấp lên cao mãi đến lúc Hiện Hữu và Tồn Tại không còn bị chi phối bởi hiện tượng, thoát khỏi mọi buộc ràng của qui luật 'nhân-quả', qui luật 'nhân duyên hòa hợp', tóm lại không bị chi phối bởi Không gian, Thời gian nơi cõi hiện tượng vì

Không gian, Thời gian bên trong và bên ngoài lúc bấy giờ là '**Không gian vô sở tại**' và '**Thời gian vô sở trụ**'. Cảnh giới Sống trong 'không gian vô sở tại' và 'thời gian vô sở trụ' đó là cảnh giới '**phi hiện tượng**' (non phénoménal), cảnh giới không còn một phân biệt nào, không còn 'chủ thể-đối tượng', 'sở y-năng y', 'chủ quan-khách quan',... Sự Sống, sự Hiện Hữu và Tồn Tại lúc bấy giờ hoàn toàn không giống nơi cõi Hiện tượng. Dùng từ ngữ tôn giáo, đây là cảnh giới '**Bờ bên kia**', cảnh giới '**Vô dư Niết Bàn**', '**cảnh giới Phật**' (monde bouddhiste) theo Phật giáo; cảnh giới '**Nước Thiên Đàng, cảnh giới Thượng Đế, cảnh giới Thiên Chúa hóa**' (monde christifié) theo Ki-Tô giáo.

b/- Bốn Yêu Cầu của Tồn Tại :

1) **Tự Nuôi Dưỡng.** Yêu cầu đầu tiên của Tồn Tại là **Tự Nuôi Dưỡng** (nutrition) phục vụ cho Yếu tính Hiện Bày. **Tự Nuôi Dưỡng** là vận dụng khả năng, năng lượng nơi mình để tự tác động và tác động vào bên ngoài để tạo nên những chất lượng, những của cải hầu duy trì hiện hữu, duy trì sự có mặt của mình trong hai môi trường thiên nhiên và đồng loại. Sự Tự Nuôi Dưỡng này thể hiện nơi cuộc Tranh đấu mưu sinh hàng ngày của con người.

2) **Tự Sinh Sản.** Yêu cầu thứ hai của Tồn Tại là **Tự Sinh Sản** (reproduction) phục vụ yếu tính Tiếp Nối hầu kéo dài sự Hiện Hữu của mình, chuyển sự Tiếp Nối từ cá thể sang dòng họ để chủng loại được tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác.

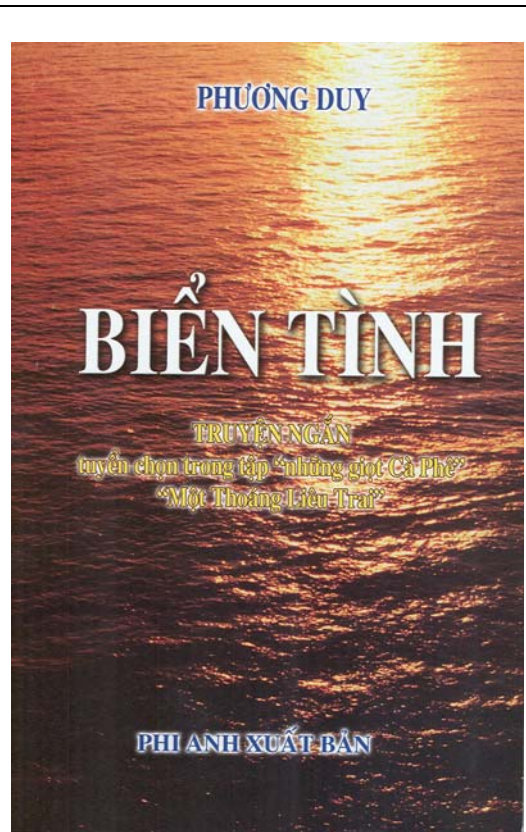
3) **Phát Triển.** Yêu cầu thứ ba của Tồn Tại là **Phát Triển** (développement) phục vụ yếu tính Siêu Việt. **Phát triển** là

phát huy năng lượng nơi mình để khắc phục mọi trở ngại ngăn cản hiện hữu mình cùng cải biến, chinh phục mọi tác động bên ngoài giúp Hiện Hữu càng lúc càng thuận tiện, thoải mái, đầy đủ, phong phú hơn trước.

4) Biến Hóa và Tiến Hóa. Yêu cầu thứ tư của Tồn Tại là **Biến Hóa** (transformation) đưa đến **Tiến Bộ** (progression) dẫn về **Tiến Hóa** (évolution) phục vụ Yêu Tính Thăng Hóa. **Tiến Hóa** là đổi khác dạng Hiện Hữu, nâng Hiện Hữu của mình lên từng trạng thái cao hơn, tốt đẹp hơn, tự làm chủ được mình và làm chủ được mọi tương tác bên ngoài qua mọi chế tác, phát minh đưa Hiện Hữu mình và chúng loại thoát được mọi ràng buộc của vòng hiện tượng. Chính Yêu Cầu Tiến Hóa này đã khiến xã hội nhân loại tiến bộ, văn minh, đưa dạng Hiện Hữu và dạng Tồn Tại lên từng mức độ cao hơn trước. Tiến Hóa là điều kiện và động lực dẫn về Thăng Hóa, giúp đưa dẫn Hiện Hữu từ vòng hiện tượng sang cảnh giới ‘phi hiện tượng’ với Không gian vô sở tại và Thời gian vô sở trụ như đã nói trên.

Hai Yêu Tính ‘Hiện Bày, Tiếp Nói’ cùng hai Yêu Cầu ‘Tự Nuôi Dưỡng, Tự Sinh Sản’ nhằm thỏa mãn Cái Sống Thể Xác (vie corporelle) , trong lúc hai Yêu Tính và hai Yêu Cầu sau nhằm phục vụ cái Sống Tri Thức (vie intellectuelle) và Tâm Linh (vie spirituelle), rõ ràng nhất nơi hiện thể Người.

(Còn tiếp)
NGUYỄN THUY
(Thuy Sĩ)



**Cỏ Thơm xin cảm ơn
NHÀ VĂN PHƯƠNG DUY đã gửi tặng
tập truyện ngắn “BIỂN TÌNH” và xin
hân hạnh giới thiệu cùng độc giả.
Giá sách US \$20 kể cả cước phí nội địa.**

**Liên lạc mua sách:
NHÀ XUẤT BẢN PHI-ANH
1919 Farragut Way
San Jose, CA 95133.
Chi phiếu: Việt Trương**

TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN

LS. Ngô Tăng Giao

Từ ngàn xưa ngàn xưa tình yêu nam nữ luôn luôn là một nguồn cảm hứng bất tận của thơ văn. Khi đã yêu thì nhìn cái cành cây khô cần trợ trụ giữa trời cũng hình như phảng phất đầy hoa thắm, nụ tươi. “Ái tình như ngọn đũa phù thủy biến túp lều tranh thành lâu đài bằng vàng”, tục ngữ nước Đức nói vậy đó. Tục ngữ nước Pháp nói: “Đời không tình yêu như trời không có nắng”. Ông thánh Paul lại hăm he là: “Thiên đường sẽ chẳng mở cửa để đón chào những người cần cỗi, thiếu tình yêu”. Mẹ Theresa thời nói: “Tình yêu là trái chín của mọi mùa. Nằm trong tầm với của mọi bàn tay”.

Tình yêu thường đưa tới hôn nhân. Nhưng ngày nay, hôn nhân và gia đình đang bị công phá bởi một lực lượng ý thức hệ với nhiều ý kiến khiến ta phải suy ngẫm.

Có người nói: “Phải cầu nguyện một lần trước khi ra trận mạc, cầu nguyện hai lần trước khi bước chân xuống tàu ra biển khơi, nhưng phải cầu nguyện đến những lần ba lần trước khi... kết hôn!” Hoặc: “Hôn nhân chẳng khác chi một cuốn tiểu thuyết mà trong đó vị anh hùng... chết ngay từ chương đầu tiên.” Có câu tục ngữ lại ví von rằng người ta lấy vợ lấy chồng “không khác nào thọc tay vào một cái bao trong đó có đựng chín con rắn độc và một con lươn, chắc khó mà bắt được trúng con lươn!”

Ai đó còn nhắc lại câu nói bất hủ của nhà hiền triết cổ Hy Lạp Socrates: “Bằng mọi giá bạn phải cưới vợ. Nếu bạn gặp

được một người vợ tốt thì bạn có hạnh phúc. Còn nếu bạn gặp phải bà chẳng tinh thì bạn sẽ trở nên một triết gia.”

Tình yêu và hôn nhân trở thành đối nghịch trong tư tưởng của nhiều người. Chẳng hạn như Oscar Wilde, văn thi sĩ lừng danh của xứ Ái Nhĩ Lan, đã tuyên bố: “Bạn phải luôn luôn sống trong tình yêu. Đó chính là lý do bạn chớ bao giờ nên kết hôn cả.” Còn đại văn hào George Bernard Shaw lại nói rằng: “Nếu hai kẻ đang yêu nhau mà lại nghĩ đến chuyện kết hôn thì không còn gì thiếu khôn ngoan hơn.” Triết gia Herbert Spencer lại chơi chữ: “Hôn nhân là ‘marriage’, lẽ ra phải đọc là ‘mirage’ (ảo ảnh) mới chính xác.” Và Benjamin Franklin thì khuyên rằng: “Trước khi lấy vợ hãy cố mở mắt ra. Sau khi lấy vợ nên cố mà khép mắt lại.”

Có người hỏi cựu tổng thống George W. Bush bí quyết nào khiến cuộc hôn nhân của ông được lâu dài. Ông trả lời rằng: “Chúng tôi thường thoái mái đi tới nhà hàng hai lần một tuần. Có thấp đèn cày, ăn tối, nhạc nhẹ và khiêu vũ. Bà ấy đi vào những ngày thứ Ba. Còn tôi đi vào những ngày thứ Sáu!”

Thường có những lời khuyên răn là phải thật thận trọng khi quyết định kết hôn nhưng trong thực tế đôi bên nam nữ hình như đôi khi cứ phớt lờ đi và cứ hùng hục lao vào con đường tình yêu này. Thế là mờ cả con mắt. Từ “động phòng” cho tới “động tâm” và cuối cùng đưa tới “động thủ” nhiều khi cũng chẳng lâu la gì cho cam. Thế là... “vác chiếu ra tòa.”

Khi ly dị có một chàng trai tuyên bố: “Trước khi cưới tôi là Hoàng tử. Trong ngày cưới tôi là Vua. Sau ngày cưới tôi là lính hầu, còn hôm nay tôi là thằng hề!”. Còn Sacha Guitry nói: “Lúc đầu đàn bà ở trong vòng tay ta, một ngày kia ở trên cánh tay và sắp sửa ngồi trên lưng.”

Nhìn qua nước Pháp thì thấy đương kim Tổng thống của nước này là François Hollande khôn quá. Chàng không bao giờ chịu ký hôn thú gì hết trơn hết trọi! Chàng đã từng lần lượt đưa mấy em về... “*chân trời tím*”. Sau khi “*gom hết mây hai đũa xôi lâu đài yêu*” tại cung điện Elysée chàng lại chơi trò “có mới nới cũ”. Chàng cho về hưu sớm hai bà vợ không bao giờ cưới của mình nay đã về già là Ségolène Royal, 61 tuổi, từng là lãnh tụ trong đảng Xã Hội Pháp, rồi đến Valérie Trierweiler, 51 tuổi, một nhà báo làm cho tờ báo nổi tiếng của Pháp, Paris Match, để tòm tem với một em sexy hơ hớ xuân xanh là Julie Gayet, 41 tuổi.

Chắc chàng áp dụng câu ngạn ngữ Đức: “Thiếu nữ là nho tươi, gái già là nho khô” hoặc theo mốt Việt Nam ta là “Giàu đổi bạn sang đổi vợ.” Với thành tích tình cảm “sống chung hòa bình” không hôn thú này François Hollande quả thật là một tay *playboy* Phú Lãng Sa thứ thiệt. Vào đầu năm 2014 chuyện của chàng bị tờ báo lá cải Closer phanh phui tùm lum ra hết.

Nhân đó người ta nhớ lại là Vua François 1er từng có một câu nói để đời, có lẽ câu này đã gây ảnh hưởng mạnh đến các vị Tổng thống và chánh khách Pháp trong các thế hệ sau đó. Ông vua này nói: “Cung điện mà không có đàn bà (hoặc tình nhân hay cung phi) thì cũng giống như khu vườn trong hoàng cung mà không có bông có hoa vậy.”

Sau khi ly dị cả hai người hôn phối được trả lại đời sống độc thân và tự do tái hôn làm lại cuộc đời tốt đẹp hơn. Theo như J. Paul Sarte ghi nhận: “Thường người ta nói mỗi tình đầu là mỗi tình đẹp nhất nhưng

mỗi tình cuối cùng mới thực sự là mỗi tình bất diệt.” Rất tiếc sau khi ly dị mà tái hôn thì không rõ lần này có phải là lần cuối bất diệt hay không đây?

Xin nghe chuyện cô nàng Zsa Zsa Gabor, nữ tài tử thượng hạng Mỹ nổi danh thì có tới 9 đời chồng. Chính nàng đã từng nhận xét về giới mày râu như sau: “Một người đàn ông đang yêu sẽ vẫn còn là chưa hoàn hảo mãi cho tới khi đi lập gia đình. Nhưng ngay sau đó thì đời chàng coi như đi đứt luôn.”

Nàng Zsa Zsa Gabor qua mặt nữ tài tử Liz Taylor. Nàng Liz Taylor chỉ mới có 7 người chồng trong 8 cuộc hôn nhân mà thôi. Lấy Richard Burton 2 lần. Lần đầu năm 1964. Ly dị năm 1974. Tái kết hôn với chàng này năm 1975. Rồi lại ly dị năm 1976. Chính nàng Elisabeth Taylor từng lớn tiếng tuyên bố: “Hôn nhân là thời kỳ ngơi nghỉ giữa hai đam mê” và “Ly dị là căn bệnh gây ra bởi hôn nhân.”

*

Theo luật pháp Hoa Kỳ thì ly dị có hai hình thức khác nhau: “*ly dị không lỗi*” (no-fault divorce) và “*ly dị vì lỗi*” (fault divorce).

Nguyên do ly dị vì lỗi thay đổi trong từng tiểu bang ở xứ Hoa Kỳ, nhưng nói chung là: “*Bạo hành, ngược đãi*” (cruelty); “*Bỏ phế gia đình*” hay “*Bỏ cư sở hôn nhân*” (desertion and abandonment); Bị kết án và bị “*giam giữ trong lao tù*” (confinement in prison) thường là về một tội hình sự (crimes); “*Không có khả năng về sinh lý*” (physical inability to engage in sexual intercourse), đây là sự “*bất lực*” (impotency); “*Điên, mất trí*” (insanity) và chính yếu là tội “*Ngoại tình*” (adultery.)

Ngoại tình còn gọi là hành động “*chuyển nhượng tình cảm*” (alienation of affection) là hành động tình dục, sự liên hệ xác thịt giữa một người đang có vợ có chồng với một người khác, khác hơn là người “*phối ngẫu*”

(spouse) tức là chồng hay vợ của chính mình.

Giới bình dân nước Việt ta trước kia không biết có dịp học luật hay không mà cũng giỏi quá chừng chừng, biết tránh né tội gian dâm khi khuyên nhau:

“Trai tân gái góa thì chơi

Đừng nơi có vợ, chớ nơi có chồng.”

Với nguyên tắc “nam nữ bình quyền” nên nếu tại quê nhà có lắm “cỏ non” cho quý ông cao niên nào nghĩ đến việc hưởng thụ, tìm những quan hệ tình cảm mới để tô điểm cho tuổi vàng “golden years” theo đúng câu “trâu già ham cỏ non” thì nghe nói cũng có lắm “phi công trẻ” hành nghề... “lái máy bay bà già” nữa đấy. Các tay trai trẻ này sẵn sàng hầu hạ chiều chuộng quý bà... xồn xồn nhưng lắm bạc! Thôi không đi sâu vào vấn đề này kéo lại nghe các nhà mô phạm mắng cho là “Đồ mèo mả, gà đồng!”

*

Trước tòa án thì chẳng còn chuyện kiện tụng nào mà lại hấp dẫn và gây chú ý như chuyện xin ly hôn, ly dị vì ngoại tình. Thôi thì tên tuổi các “đương sự”, các nhân chứng, ngày giờ, nơi chốn, bằng cứ làm chuyện “tội bại” phải được phanh phui ra hết. Nếu kẻ “phạm tội” chẳng cần giấu giếm gì về chuyện “affair” của mình thì vụ kiện thật dễ dàng. Để có bằng chứng “*quả tang*” (flagrante delicto) mà chẳng cần phải tốn kém nhờ đến thầy kiện và thám tử tư theo dõi đôi “gian phu dâm phụ” để sau này đưa ra bằng chứng trước tòa.

Trong thực tế đa số chuyện “affair” này đều được che đậy rất kỹ. Chuyện “trao gái” lại chỉ xảy ra trong chốn “phòng the” riêng tư kín đáo, khó mà có được bằng cứ. Còn như nếu các đương sự khai rằng chỉ cùng nhau đi ăn tại Mc Donald hay “mồm năm miệng mười” la lối rằng “chỉ dắt nhau đi ăn chè Nhà Bè” chứ... hồng có mần chi tâm bậy tâm bạ hết, như chuyện xưa tích cũ trong làng ca nhạc tại nước nhà, thì đây đã

chỉ rơi vào tình trạng “tiết hạnh... khả nghi” mà thôi, khó có bằng cứ để kết tội lắm.

Thi sĩ La Fontaine đã từng tuyên bố: “Nếu phải trừng phạt tất cả những kẻ phản bội ở trên đời này thì chẳng còn có ai để tha thứ được”. Còn Shakespeare trong tác phẩm Roméo and Juliet lại viết rằng: “Ái tình của bọn trẻ không thực sự nằm ở trong tim chúng, mà là nằm ở đôi mắt chúng.” Trong bài thơ “Kỳ nữ” Đinh Hùng tỏ ý tán đồng quan điểm này:

*“Ôi! Cám dỗ cả mình em bằng tuyết
Rợn xuân tình trên bộ ngực thanh tân
Ta gần em mê từ ngón bàn chân
Mắt nhắm lại để lòng người gió bão.”*

Than ôi! Mấy ai chịu nhắm mắt lại để cho “con lợn lòng” yên ngủ! Thế là gió bão nổi lên! Để đi tới “tan nhà nát cửa”! Tội ngoại tình khó chứng minh được trước tòa án khi “dâm vô tang, đạo vô tích”, khó bắt được quả tang chuyện “trao trên gái dưới”, chuyện... “ma ăn cỗ”, trừ khi chính các con “ma” đó sau khi “ăn cỗ” linh đình cùng nhau xong lại không chịu chùi mép mà còn viết sách, viết hồi ký để hào hứng tường thuật lại nội vụ thì không kể.

Thật vậy! Cứ theo rồi chuyện người đẹp Jennifer Flowers vào năm 1995 viết sách lấy tựa đề giật gân là “Passion & Betrayal” (Đam mê và Phản bội) thì rõ ngay. Nàng viết sách kể lại những chuyện hào hứng của mình với ngài Clinton Tổng Thống xứ Cờ Hoa. Nàng vốn là ca sĩ kiêm ký giả đã yêu chàng từ khi chàng chưa làm Tổng Thống, mà còn là Bộ Trưởng Tư Pháp của tiểu bang mà thôi. Chàng thường hay lân la đến căn phòng của nàng để... “giao du thân mật”, dù chàng “ván đã đóng thuyền” với bà vợ cũng là một thầy kiện!

Thế rồi không rõ chàng đã mở mắt ra “chiêm ngưỡng” thân thể nàng theo kiểu nào mà nàng viết để “diễn tả” về cái nhìn của chàng như sau: “Cái nhìn không những như muốn thoát y em (undress me)... Cái nhìn

như muốn lật ngược em lên và xuyên từ trong ra ngoài (turning me upside down and inside out just by looking at me).” Trong một đoạn khác nàng viết: “Chúng em thèm khát thân xác nhau vì lâu chưa được thỏa mãn. Em thèm khát chàng và rồi chúng em làm tình với nhau hưng phấn như thừa ban đầu gặp gỡ (I was starved for him, and we made love as if it was our first time).”

Chẳng rõ mấy cái “con ma” này có “ăn cỗ” với nhau thật không, có Trời mà biết! Nếu đây là sự thật “trăm phần trăm” thì khỏi cần phải làm thầy bói, thầy tướng số, người ta cũng có thể đoán trúng ngay phúc rãng chàng thì tuổi... “con dê xồm” còn nàng thì cầm tinh con... “ngựa”.

Chưa hết! Lại còn thêm một chuyện nữa: Monica Lewinski. Monica gặp Clinton (lúc này đã là Tổng Thống) lần đầu vào mùa hè 1995, khi đó nàng mới 22 tuổi. Chàng tuổi tác hơn nàng gấp đôi. Nàng được tuyển dụng làm thực tập viên tại Toà Bạch Ốc. Một hôm nàng giáp mặt Clinton khi chàng đứng một mình trong căn phòng của chánh văn phòng. Nàng nói: “Bốn mắt chạm nhau” (intense eye contact) và nàng muốn tắt thở (my breath was taken away). Ngay tối hôm đó hai người chung đụng thể xác lần đầu (blow job) và sau đó tái diễn nhiều lần... Nàng nói chàng có tia nhìn “chết người” như muốn lột trần quần áo trên người nàng, rất ham muốn, rất thèm thuồng và rất đáng yêu (his eyes were very soul-searching, very wanting, very needing, and very loving).

Trong cuốn “Monica’s story” nàng kể lại buổi gặp gỡ đầu tiên: “Ông ôm tôi, hôn tôi trước và thoáng chốc cả hai không còn một mảnh áo che thân. Nhiều người chê cười tôi để mất phẩm giá khi thoả mãn ông như thế. Nhưng ông đã chứng tỏ là người đàn ông tuyệt vời. Thú thật tôi đã đạt tới cực điểm trước ông (I had the first orgasm of the relationship). Lần gặp thứ nhì, cũng tại

thư phòng, trong bồn tắm. Tôi chậm rãi cởi từng nút áo ông. Phản ứng tự nhiên, ông thót bụng lại, bối rối (vì bụng ông hơi to), tôi nói vài câu ve vuốt, trấn an ông. Và trước mặt tôi, là một người đàn ông đời thường, không có vẻ gì là một Tổng Thống Hoa Kỳ.”

Bà Clinton viết, sau khi biết được sự thật trên là bà “điếng người, tâm hồn tan nát và tức giận quá...” “Là một người vợ, tôi chỉ muốn vặn cổ Bill. Những quyết định khó khăn nhất trong đời tôi là cứ tiếp tục ở với Bill và ra tranh cử chức Thượng nghị sĩ New York”. Bà viết trong một cuộc nghỉ hè gia đình chỉ có con chó trong nhà là còn quanh quẩn bên Bill mà thôi. Nhưng sau cùng bà đã nhất quyết yêu ông tha cho ông và hỗ trợ ông trong tư cách tổng thống Hoa Kỳ.

Trong vụ ông chồng lem nhem, bà Hillary Clinton đã quyết tâm ngậm bồ hòn làm ngọt, đóng vai hiền thê tha thứ vì bà hiểu rõ bỏ con thuyền Bill Clinton thì bà cũng sẽ bị chết chìm theo luôn. Chỉ có bám vào đó thì mới còn tương lai. Và bà đã tính toán đúng, cho đến nay tương lai chính trị có vẻ còn rất... “hoành tráng.” Dám ra ứng cử Tổng Thống kế tiếp Obama như chơi!

Ái tình chan chứa ngọt ngào như mật ong nhưng cũng luôn luôn chen lẫn với mật đắng, có lẽ vì thế nên thi sĩ La Fontaine nói: “Ái tình có những lạc thú cũng như có những hình phạt của nó vậy (L’amour a ses plaisirs aussi bien ses peines).” Không biết chàng Clinton hào hoa sau những lạc thú của mình có phải chịu hình phạt gì không nhưng người ta thấy có một chuyện nữa đáng nói là nhân dịp này bà Clinton có tài liệu hấp dẫn để viết “hồi ký” và bỏ túi khoảng 8 triệu đô la tiền bản quyền tại Hoa Kỳ, không kể khi sách xuất bản ở nước ngoài lại có thêm... lợi tức nữa.

Mãi tới tháng 5 năm 2014 Lewinski mới thổ lộ nói rằng mối quan hệ hồi thập niên 1990 với Clinton là sự việc giữa hai người trưởng thành và có sự đồng thuận. Lên

tiếng trên Vanity Fair, nàng tuyên bố: "I, myself, deeply regret what happened between me and President Clinton..." Hồng rõ nàng có hối tiếc mà rên rỉ cất tiếng hát rằng: "Lệ xóa cho em được không những kỷ niệm đắng. Lời nói yêu thương ngày xưa có trở về tìm?..."

À! Lại còn chuyện mấy tay mơ học đánh golf khi mới gia nhập trò chơi này thường nghe khuyên rằng: "Nhắm cho cẩn thận nhé kéo lại giống như Tiger Wood mà đặt vào nhầm lỗ (put in the wrong hole) mà bị vợ đập cho bể mặt đấy!"

Sau đó lại được học thêm bài học nữa là: "A Lewinsky in golf: This is when putting to the cup, the ball runs around the edge of the cup and does not go into the hole." Hoặc "A Monica Lewinsky" all lip and no hole.

Anh em chơi golf nhắc tới khái niệm này khi trái golf chạy vòng quanh miệng lỗ, không chịu rơi xuống lỗ mà lại chạy ra ngoài.

Không hiểu chuyện này có liên quan gì tới những lời khai của ngài Clinton rằng chàng và Lewinsky chỉ "vòng ngoài" mà thôi, chưa hề có sự tiếp xúc trực tiếp giữa hai bộ phận kín đáo của nam và nữ nên về pháp lý thuần túy chưa đủ yếu tố của tội "ngoại tình"?

Một buổi chương trình Talk Show của Oprah Winfrey có đề tài là "oral sex". Một cậu nhỏ tham dự chương trình nói rằng cậu chỉ biết đến trò này sau khi coi tường thuật chi tiết về sự việc lèo tèo giữa Lewinsky và Clinton trong văn phòng Toà Bạch Ốc!

Thật hết nước nói! Thôi xin tạm ngưng bàn chuyện ngoại tình ở đây vậy!

(Tháng 5 năm 2014)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

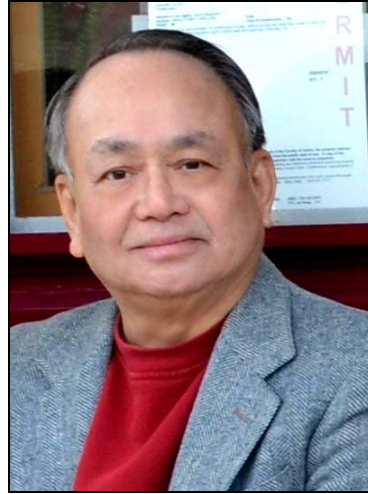
NGÔ TĂNG GIAO, bút hiệu TÂM MINH.

Sinh tại Hà Nội. Trưởng thành tại Sài Gòn. Lập nghiệp tại Đà Lạt.

Luật sư. Gia nhập Luật Sư Đoàn Sài Gòn từ 1962. Tham gia Ban Giảng Huấn Viện Đại Học Đà Lạt từ 1966.

Vượt biên. Định cư tại Hoa Kỳ từ 1989.

Chỉ khởi viết vào năm 2001 tại Virginia.



SÁCH VĂN NGHỆ:

- "Mưa Xuân" (thơ chuyển ngữ Anh-Việt, 2001)
- "Đà Lạt Ngày Tháng Cũ" (hoài niệm, 2010)

SÁCH PHẬT GIÁO:

- "Truyện Cổ Phật Giáo" 3 tập (truyện thơ).
- "Tiền Thân Đức Phật" 4 tập (truyện thơ).
- "Cuộc Đời Đức Phật Thích Ca" (truyện thơ).
- "Kinh Pháp Cú" (chuyển dịch thơ).
- "Tìm Hiểu Kinh Pháp Cú".
- "Kinh Bách Dụ" (chuyển dịch thơ).
- "101 Truyện Thiền" (chuyển ngữ Anh-Việt).
- "Tặng Một Vàng Trắng" (truyện thơ).
- "Quan Âm Thị Kính" (truyện thơ).
- "Mục Liên Thanh Đề" (truyện thơ).
- "Phật Dạy Luyện Tâm Như Chấn Trâu".
- "Phật Pháp Cho Trẻ Em".
- "Mother's Love" (thơ chuyển ngữ Anh-Việt);
- "Niết Bàn" (chuyển ngữ).
- "Mười Đệ Tử Lớn Của Đức Phật" (truyện thơ).

Modigliani, người họa sĩ lấy lòng bi thảm nhất thế kỷ hai mươi

ĐINH CƯỜNG



Modigliani - chân dung tự họa

Còn nhớ, một buổi sáng thật tình cờ, Bạch Thái Quốc, người bạn thời còn làm trưởng ban Việt ngữ đài R.F.I tại Paris gọi qua Virginia hẹn phỏng vấn. Nói là nhân vừa xem triển lãm tranh Modigliani (Triển lãm mang tên *Modigliani, L'Ange au visage grave* tại Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Luxembourg từ 23-10-2002 đến 2-3-

2003) nhớ đến những tranh thiếu nữ của tôi vẽ ngày trước, cũng hai bàn tay dài, chiếc cổ dài, đôi mắt sưng khói. Quả thật vậy, nhớ lại đầu thập niên 1960 ở Saigon, chúng tôi, những họa sĩ trẻ, đang hăng say vẽ, tìm tòi, sáng tạo ... đã tìm thấy ở Chagall, Modigliani, Klee ... một không khí hư thực, thơ mộng, gần thắm mỹ phương đông, với thiếu nữ, ngựa, đôi, và trắng, bàng bạc khói sương, một tình yêu phơi phới :

*"Trong vườn tôi hoa phù dung đã nở
ngày rất hồng và chim hót rất xanh"*

(Nguyễn Xuân Thiệp)

Bức tranh cô gái cổ dài bị Lục Hà (ca sĩ Hà Thanh) cười đầu tiên là *"Biển Nhớ"* theo bản nhạc của Trinh Công Sơn vừa viết xong năm 1963. Cô gái ngồi rủ buồn trước biển, với con dã tràng màu đỏ thắm. Bị mê hoặc lúc nào không hay bởi những chân dung thiếu nữ của Modigliani, với chiếc cổ dài như con thiên nga, mà người họa sĩ đã phát hiện, như tìm được chân lý. Những năm đầu tiên khi đến Mỹ, có dịp đi các viện bảo tàng Mỹ Thuật, tôi đều tìm đến phòng có treo tranh Modigliani mà đứng lặng nhìn, xúc động :

*"... như sáng mai nào trong viện bảo tàng
đứng cạnh những tranh Modigliani
chất sơn dầu cũ kỹ hàng trăm năm
như còn ám ảnh ta
màu đỏ sậm, màu vàng chết
và những đường viền đen run rẩy
những khoả thân nằm ... "*

(Đinh Cường)

Phải chăng, Modigliani người họa sĩ có mái tóc bông, khuôn mặt u buồn, đôi mắt sâu, dáng cao sang, luôn quấn chiếc foulard màu đỏ sậm, quần velours nâu, xuất hiện ở cái xóm nghệ sĩ nổi tiếng Montmartre hồi đầu thế kỷ hai mươi, nơi tụ họp các họa sĩ tứ xứ kéo đến... Cuộc đời mà tôi được đọc qua nhiều sách, một cuộc đời bi thảm, ngăn ngùi. Tranh thường vẽ đơn độc một người. Đến Paris năm 22 tuổi. 36 tuổi chết vì bệnh lao tại một nhà thương thí. Làm nhớ Quách Thoại :

"*Thoại ơi Thoại ơi không biết khóc
nhưng giòng nước mắt ướp mặn môi*"
(Thanh Tâm Tuyền)

Làm nhớ Thạch Lam, cũng chết vì lao phổi năm 33 tuổi tại làng Yên Phụ, ven Hồ Tây Hà Nội :

"*Chiều mưa bụi đã bay
à ơi cơn gió ấm ngày
sao lòng con ấm những ngày năm xưa*"
(Nguyễn Tường Giang)

Ngoài những bài tập và những tranh vẽ khi theo học ở các trường Mỹ Thuật Florence, Venice tại Ý, kể từ 1906 cho đến gần lúc cuối đời, có thể Modigliani đã vẽ hàng ngàn bức , từ dessin chì, mực, đến những tranh nhỏ trên giấy bằng màu nước, sơn dầu. Một số xé bỏ, một số thất lạc khi âm thầm dời nơi trú ngụ. Modigliani vẽ rất nhanh, bất cứ lúc nào, ở đâu, trong cơn đói rã, trong cơn họ rữ rượi. Đôi từng dessin lấy rượu uống, chệnh choáng say... nói chuyện văn chương, triết học. Ông mê Nietzsche. Năm ông sinh ra là năm Nietzsche đã cho in *Ainsi parla Zarathoustra* (1883). Ông còn nói về Oscar Wilde, về Dante ... đọc thơ Baudelaire ... Đầu óc có khi hoang tưởng về một thế giới xa xăm nào.

Năm 1907, gặp bác sĩ Paul Alexandre, là người mê thích, khách hàng đầu tiên mua tranh ông. Năm kế tiếp ông gởi bày 6 bức tại *Salon des Indépendants*. Với chất quý phái , trữ tình. Bắt đầu gây huyền thoại.

Modigliani được nổi tiếng là họa sĩ có sức thu hút bởi đôi mắt rực lửa, dáng dấp hào hoa ... được mấy cô gái giang hồ vây quanh. Nhưng ông đã kính trọng họ chân thật .

"*...một đời em mãi lang thang
lòng lạnh băng giữa đau thương
em về đâu hồi em ?*

*hãy lau khô giòng nước mắt
đời gọi em biết bao lần ..."*
(lời ca Trịnh Công Sơn)

hoặc :

*Ở các quận miền Bắc
Có nhiều nhà điếm và nhiều trại lính
Các cô gái nhà lành được người đời chiều chuộng
Còn gái điếm được người đời khinh khi ...*
(Nguyễn Bắc Sơn)

Khi Modigliani bị đau nặng, kiệt sức, chính những cô gái giang hồ và những người bạn nghệ sĩ nghèo đã góp tiền mua cho ông chiếc vé tàu để về Ý với mẹ, sau 3 năm xa cách. Về lại Livorno, suốt mùa hè năm đó, được mẹ chăm sóc, sức khỏe được hồi phục, Modigliani hăng say vẽ lại. "*Người Hành Khất*", còn gọi là "*Người Hành Khất Ở Livorno*", bức sơn dầu như lột tả được sự cùng khổ của một người ăn xin mù. Trở lại Paris, ông mang theo bức tranh này, vẽ thêm "*Người Chơi Đàn Violoncelle*" mà mẫu chính là người nhạc sĩ bất hạnh, nghèo khổ, với cây đàn cũ, sống cạnh phòng ông tại phố Falguière.

Tháng 3/1910, ông bày 6 bức tại *Salon des Indépendants*, có 2 bức gây xúc động mạnh này. Từ chỗ ở mới, ông kết thân với Brâncusi, nhà điêu khắc người Rumani, qua Paris trước ông 2 năm, sau này được xem là "nhà điêu khắc quan trọng nhất của thời hiện đại" (Jean Couteau). Năm 1911, Modigliani bày 7 tác phẩm điêu khắc và những tranh nhỏ vẽ bột màu, những dessins, tại xưởng vẽ người bạn : Saura Cardoso. Modigliani yêu thích Toulouse Lautrec, ngợi ca Douanier Rousseau, Picasso và Cézanne... trước khi gặp Van Dongen, Vlaminck, Soutine ...



**Modigliani tại studio
Bateau-Lavoir, Montparnasse, 1915-16**

Năm 1915, ngưng làm điêu khắc, tiếp tục vẽ những bức sơn dầu cỡ lớn : những bức khóa thân tuyệt tác còn để lại đến nay. Trữ tình, mãnh liệt, trên những đường lượn ngọt

ngào, giai điệu thần tiên, đôi mắt như không tròng, buồn xa xăm. Chất sơn dầu dày, sẫm, có thể sờ mó đến tận miền xa xôi của xúc cảm.

1914, chiến tranh thế giới làm thứ nhất bùng nổ, cả xóm nghệ sĩ Montmartre, nơi cái nôi được xem là "*Trường Phái Paris*", thất tán, quạnh hiu ... Modigliani bắt đầu tìm cảm hứng từ nghệ thuật Châu Phi. Phác thảo vô số hình vẽ để làm tài liệu ... Thời gian này, Modigliani đã gặp *Beatrice Hastings*, một nữ thi sĩ người Anh. Sống với nhau 2 năm, đầy sóng gió. Vẽ nhiều chân dung. Từ năm 1915 đến 1917, Modigliani gặp thêm nhiều người bạn quý, nhà thơ Max Jacob, nhà thơ người Ba Lan Léopold Zborowski, André Salmon, Jean Couteau ... Có thể nói, vợ chồng Zborowski là những người bạn đã cứu mạng, lo lắng cho Modigliani ân cần nhất. Tìm cách bán tranh, tổ chức bày tranh ... Tháng 12, 1917, Zborowski giúp Modigliani triển lãm tranh tại *Galerie Berthe Weil*. Lần này bày thêm các bức "khỏa thân" lớn, tuyệt đẹp, nhưng lại bị dư luận còn nghiêm khắc lúc bấy giờ chống đối, cảnh sát phải can thiệp, không cho trưng bày trước tủ kính galerie ...

Mùa hè 1917, Modigliani gặp *Jeanne Hébuterne*, 19 tuổi, đang học hội họa tại Académie Colarossi, trẻ hơn Modigliani 14 tuổi. Mối tình mãnh liệt nảy nở. Gia đình Hébuterne ngăn cản không được. Hai người tự làm đám cưới, với hai người bạn ký tên làm chứng : Zborowski và Czechowska. Jeanne Hébuterne đáng người thon thả, dịu dàng, trầm tư, Modigliani đã vẽ rất nhiều tác phẩm đặc sắc về nàng, với nhiều tư thế, với tất cả yêu thương ... Cũng từ đó, hai kẻ thanh xuân trải qua với nhau một cuộc sống lang thang, nghèo đói khắp phố Paris. Dời

từ chỗ ở này đến chỗ ở khác, không có tiền để thuê nơi làm xưởng vẽ. Sống trong "La Ruche", toà nhà xiêu vẹo, đổ nát trên đường Dantzig. Chagall, Kisling, Soutine và nhiều nghệ sĩ nghèo cũng đang ở nơi này.



Jeanne Hébuterne tại studio, 1919

Trong khi ấy bệnh lao không tha. Ngày trước, khi mới đến Paris, trong những cuộc trao đổi, có người đã tỏ vẻ thương xót, nhưng Modigliani nhất định nói : không, tôi hoàn toàn hạnh phúc. Hạnh phúc vì được vẽ, dù chịu đói, nghèo. Ước muốn của Modigliani là đưa Jeanne Hébuterne về thăm mẹ ở Livorno đã không thực hiện được. Sức khỏe suy sụp nhanh chóng. Vẫn lang thang một mình với con ho rũ rượi, uống rượu càng nhiều hơn.

Cuối năm 1918, Modigliani bắt đầu ho ra máu, vợ chồng Zborowski gom góp được

ít tiền, gửi vợ chồng Modigliani về Côtes d'Azur , miền Nam nước Pháp để tịnh dưỡng trong vòng một năm, từ Nice qua Cagnes. Thời gian này có mấy bức nổi tiếng : "*Thiếu Nữ Áo Xanh*", "*Đàn Ông Với Áo Choàng Xanh*", và 4 bức phong cảnh hiếm hoi.

Ngày 29.11.1918 tại nhà bảo sanh Nice, Hébuterne sanh con gái : Jeanne Modigliani, sau này là tác giả cuốn sách đầy đủ, trung thực nhất về người cha: "*Modigliani, sans légende*" (Jeanne Modigliani mất năm 1984). Tháng 5.1919 vợ chồng Modigliani bỗng con trở lại Paris. Thời gian này, tên tuổi ông đã được nhiều người biết đến, có nhiều người tìm mua tranh. Nhưng ngậm ngùi thay, đó là lúc ông đang cảm nhận gần đến cái chết. Tuần cuối 1.1920, Modigliani nằm liệt giường, sốt cao độ. Bác sĩ ký giấy đưa ông vào nhà thương thí . Sáng hôm sau, 24.1.1920 Modigliani trút hơi thở cuối cùng. Trước khi nhắm mắt còn thều thào : "*Cara, cara Italia!*" như nuôi về quê hương nước Ý thân yêu, nuôi về Mẹ ...

Sáng sớm ngày hôm sau, Jeanne Hébuterne, đang có mang đứa con thứ hai, nhảy từ lầu 5 nhà cha mẹ, xuống đất, tự tử chết theo chồng. Còn gì bi thiết hơn, người họa sĩ với cuộc tình chung thủy này đã trở nên huyền thoại ...

Mộ Modigliani và Jeanne Hébuterne sau đó được chôn chung cùng nhau tại nghĩa trang *Père La Chaise* ở Paris. Trên tấm đá bia mộ khắc ghi những giòong chữ : "*Amedeo Modigliani, họa sĩ, sinh tại Livorno ngày 12.7.1884. Chết tại Paris ngày 24.1.1920. Cái chết đã đến vừa khi ông đạt đến đỉnh danh vọng.*"

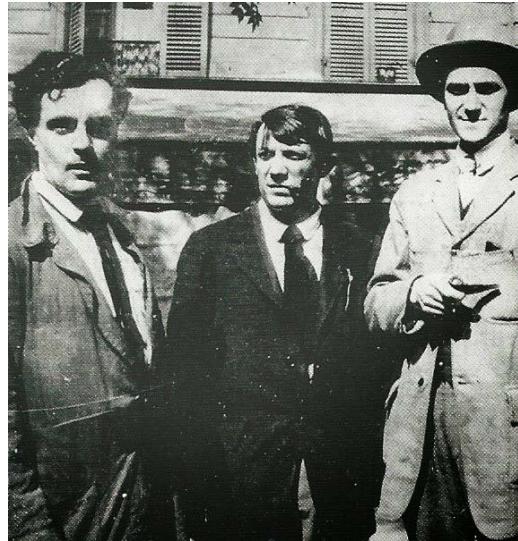
Jeanne Hébuterne , sinh tại Paris ngày 6.4.1898. Chết tại Paris ngày 25.1.1920. Cặp tình nhân này đã chung thủy với nhau ngay cả trong cõi chết."

Năm 1921, Zborowski tổ chức một cuộc triển lãm tại Paris để tưởng nhớ Modigliani. Báo chí đã đăng những bài ca ngợi nồng nhiệt. Các nhà sưu tập bắt đầu tìm đến. Trong số này, có bác sĩ Albert C. Barnes, nhà sưu tập người Mỹ ở Pennsylvania, đã mua rất nhiều tranh của Modigliani. Một bộ sưu tập tranh nổi tiếng, như đã thấy các viện bảo tàng bày tranh gần đây, mượn từ bộ sưu tập của gia đình bác sĩ Barnes.

Khi đã chết, cũng như Van Gogh, tên tuổi của Modigliani mới được trọng vọng. Liên tiếp các cuộc triển lãm tranh ông tại Zurich, London, Geneve, New York , ... Bắt đầu 1950, các viện bảo tàng lớn ở Mỹ, Anh, Pháp , Đức ... đồng loạt tìm mua tranh Modigliani.

Không được may mắn như Picasso, người bạn cùng thời. "*Picasso, tia mặt trời không bao giờ tắt*", tựa đề một quyển sách đẹp khi Picasso vừa qua đời (8.4.1973). Picasso đã ở lâu dài, và chết cũng tại lâu dài của mình.

Modigliani đã chết quá trẻ, buồn thảm trong cảnh đời nghèo, cùng cực , không được nhìn thấy cái hạnh phúc lớn lao sau này khi tranh mình thành vô giá. Và có phải như Modigliani đã thấy trước cái chết và sự bội bạc trên trần gian. Trước đó, trong bức thư viết cho người bạn, bác sĩ Paul Alexandre, ngày 6.5.1913, với câu cuối thư : "*Le bonheur est un ange au visage grave.*" Hạnh phúc là được vẽ tranh, Modigliani luôn khẳng định như vậy. Nhưng phải chăng "*Hạnh phúc là một thiên thần mang vẻ mặt sầu muộn.*"



**Modigliani - Picasso - André Salmon
Montparnasse, 1916**

Đôi mắt muộn sầu trong tranh thiếu nữ của Modigliani còn mãi ám ảnh tôi.

Virginia 2003, chỉnh lại 5, 2014

Đinh Cường

Sách tham khảo

- Modigliani sans légende (Jeanne Modigliani, éd. Grund , 1962)
- Modigliani, Figures (Jean Dalevèze, éd. B. des Arts, 1971)
- Modigliani (Christian Parisot, éd. Terrail, 1992)
- Tout l'oeuvre peint de Modigliani (Ambrogio Ceroni, éd. Flammarion, 1972)
- Amedeo Modigliani, La Poésie du regard (Doris Krystof, éd. Taschen, 2000)

MỘT SỐ TRANH CỦA MODIGLIANI



Chân dung thi sĩ



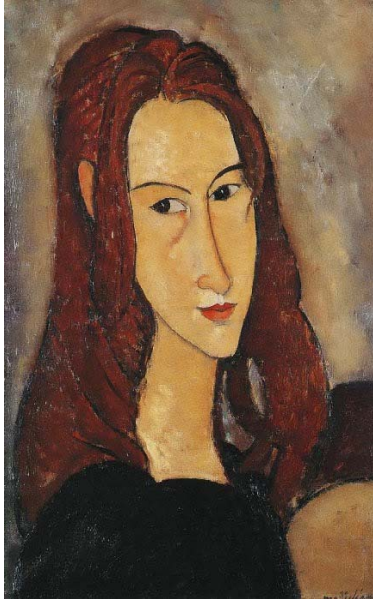
Thiếu nữ với robe đen



Bé gái áo xanh



Người chơi đàn violoncelle



Chân dung Jeanne Hébuterne



Béatrice Hastings



Luân Tâm

GIỚI THIỆU SÁCH

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm
xin cảm tạ

NHÀ THƠ LUÂN TÂM

đã gửi tặng thi phẩm **HƯƠNG ÁO**
gồm có 151 bài thơ. Tranh bìa, thư họa
và cảm đề của Vũ Hối.

Trân trọng giới thiệu cùng
quý văn thi hữu và độc giả.

Địa chỉ liên lạc:

PHAN VĂN TÂM

18504 Denhigh Circle

Olney, MD 20832, USA

Email: luantam@gmail.com

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Bến Chương Dương

Trở lại Cột Cờ Thủ Ngũ, chúng ta bắt đầu chuyến dạo chơi trên Bến Chương Dương, con đường đi dọc theo Rạch Bến Nghé đưa ta đến vùng Cầu Kho, Chợ Quán.

Rạch Bến Nghé là phụ lưu của Sông Bến Nghé tức Sông Sài Gòn hiện nay. Theo Gia Định Thông Chí, ngày xưa nơi đây thường có trâu và nghé đến tắm nên được đặt tên ấy.

Vào đầu thế kỷ XIX, Rạch Bến Nghé được gọi là Sông Sài Gòn (vì chảy qua vùng Sài Gòn tức Chợ Lớn hiện giờ) hoặc Sông Bình Dương (vì chảy qua Huyện Bình Dương).

Trước khi Pháp đánh chiếm Sài Gòn, Rạch Bến Nghé đã là con đường thương mại tấp nập ghe thuyền xuôi ngược. Người Pháp gọi Rạch Bến Nghé là Arroyo Chinois vì là đường thủy chảy qua Chợ Lớn nơi đa số dân cư là thương khách Hoa kiều, họ theo rạch này vận chuyển hàng hóa giữa Chợ Lớn và khu bến cảng tại Xóm Chiếu.



Rạch Bến Nghé, (Khoảng 1950).



Bến chương Dương, Cầu Ông Lãnh, khoảng 1950

Rạch Bến Nghé từng giữ vai trò một giang cảng lớn, liên lạc với hệ thống sông ngòi chằng chịt chảy khắp vùng Lục Tỉnh. Rạch có bề rộng trung bình khoảng 60 mét, đáy không sâu nên mỗi khi nước ròng ghe thuyền thường mắc cạn nằm bất động trên lớp bùn non. Nhiều nhà máy xay lúa nằm dọc hai bên bờ rạch, gạo sản xuất ra một phần dành tiếp tế thị trường địa phương, một phần được xuất cảng. Ghe lớn đậu chen chúc bên các vựa gạo dễ gây trở ngại lưu thông. Để giải tỏa sự tắc nghẽn, nhiều kinh được đào thêm như Kinh Đồi, Kinh Tê. Bờ rạch phía Bắc (Bến Chương Dương) thuộc về nội thành, nhiều làng mạc đông dân nên mở mang, phát triển hơn bờ phía Nam (Bến Vân Đôn).

Bến Chương Dương bắt đầu từ Cột Cờ Thủ Ngũ, nối tiếp với Bến Bạch Đằng, đến ngã ba Đại lộ Cộng Hoà, nối dài qua Bến Hàm Tử. Vào đầu thời Pháp thuộc, đoạn đường từ Cột Cờ Thủ Ngũ đến Cầu Ông Lãnh được đặt tên là Bến Arroyo Chinois.

Từ Cầu Ông Lãnh đến Đại lộ Cộng Hòa là Đường Dưới Sài Gòn - Chợ Lớn (Route Basse de Saigon à Cholon). Từ năm 1914, cả hai đoạn vừa nói cùng mang tên là Bến Belgique, để vinh danh nước Bỉ, một đồng minh của Pháp trong trận Thế Chiến Thứ Nhất. Đến năm 1955, Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đặt tên là Bến Chương Dương, một địa danh thuộc Tỉnh Hà Đông, nơi Tướng Trần Nhật Duật đánh bại quân Mông Cổ vào thế kỷ XIII.

Trước đây chỉ có khu phố bắt đầu từ Cột Cờ Thủ Ngữ đến đầu Đường Công Lý mới là nơi tập trung nhiều công trình kiến trúc tráng lệ theo kiểu Âu Tây. Lùi lại xưa kia dưới thời nhà Nguyễn, nơi đây thuộc vùng Chợ Sỏi, trên bờ nhà cửa khang trang, đường sá nhộn nhịp, người đi mua bán tấp nập, dưới rạch thuyền bè đậu san sát. Người Pháp gọi là Rue du Bazar. Sau ngày Thành Gia Định thất thủ, Chợ Sỏi trở nên tiêu điều như bao làng mạc trong vùng vì dân chúng bỏ đi không ở lại hợp tác với kẻ xâm lăng. Pháp tịch thu đất đai bỏ trống đem bán đấu giá. Các thương gia người Âu thừa thế đến thiết lập các hãng buôn trong khu Chợ Sỏi, sau đó các ngân hàng theo chân mọc lên.

Chúng ta thử tìm lại một vài địa danh và kiến trúc vào đầu thập niên 1970 nằm dọc theo Bến Chương Dương, đồng thời gọi lại một vài di tích của quá khứ có liên quan đến nơi ta đi qua.

Khu phố kinh tế và tài chính

Quãng đường đầu tiên trong chuyến du ngoạn của chúng ta bắt đầu từ Cột Cờ Thủ Ngữ đến Đường Võ Di Nguy. Ngay tại góc giáp với Bến Bạch Đằng là Hãng Descours & Cabaud, hãng này đã có mặt từ năm 1900, là công ty nhập cảng sắt thép, các sản

phẩm bằng kim loại, máy móc, tủ sắt, tủ lạnh, máy may, máy đánh chữ... Cạnh bên là Phòng Du lịch Việt Nam, cơ quan phát huy ngành du lịch, chuyên tổ chức những chuyến ngoạn cảnh, săn bắn... Tại góc Đường Võ Di Nguy, tòa nhà 5 tầng là nơi đặt trụ sở của Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp. Xưa kia, hai công ty xuất nhập cảng và bảo hiểm là Hale của Anh (khoảng 1870) và Engler của Đức (khoảng 1880) đã hiện diện tại đây, sau đó đến Ngân hàng Pháp Hoa (khoảng 1924).

Trên bờ rạch phía đối diện với Bến Nhà Rồng ta thấy tòa nhà Club nautique. Tại vị trí này năm xưa đã từng có một trạm xe tramway đi Chợ Lớn và một nhà kho kiểm soát hàng hóa của Sở Quan thuế.

Ngã tư Võ Di Nguy là cửa ngõ quan trọng đi sang Quận Tư, bên cạnh là Cầu Trịnh Minh Thế (tức Cầu Quay cũ) nối liền khu Thương cảng Khánh Hội với trung tâm Sài Gòn.

Đoạn kế tiếp nằm giữa hai Đường Võ Di Nguy và Tôn Thất Đạm. Kiến trúc đáng kể là Ngân hàng Hương Cảng & Thượng Hải, tòa nhà màu xám với 5 chiếc cột tròn nơi mặt tiền, xây vào khoảng 1870, trụ sở chính đặt tại Hương Cảng. Gần bên là Ngân hàng Trung Quốc, xuất hiện vào thập niên 1950, trụ sở chính đặt tại Đài Bắc.

Chúng ta đi sang đoạn phố tiếp theo, nằm giữa hai Đường Tôn Thất Đạm và Pasteur. Nơi đây duy nhất chỉ thấy tòa nhà hùng vĩ của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, xây vào năm 1930. Ngân hàng Quốc gia do Kiến trúc sư Félix Dumail thực hiện, mặt tiền bằng đá xanh Biên Hòa, trang trí theo phong cách Art Deco pha trộn những nét nghệ thuật Chăm và Khmer. Tên cũ của tòa nhà là Ngân hàng Đông Dương, tổ chức tài

chánh này đã hiện diện tại đây từ năm 1875, nhưng vào thời ấy chỉ là ngôi nhà 2 tầng nằm trong vòng rào bên góc Đường Pasteur, kích thước chỉ to bằng một phần tư ngân hàng hiện tại.

Từ Ngân hàng nhìn ra bờ rạch, phía bên tay phải thẳng trục với Đường Pasteur ta thấy cây Cầu Mống độc đáo, nối qua Đường Nguyễn Trường Tộ bên Quận Tư. Chiếc cầu thép này chỉ có một nhịp, gàm cầu cao cho thuyền bè dễ chui qua lại. Để tránh cho cái dốc cầu quá dài chắn ngang đường trên Bến Chương Dương, người ta xây hai lối đi lên thẳng góc với đầu cầu, chiều dài mỗi dốc lên chiếm cả đoạn đường lân cận.



Cầu Mống nhìn từ Bến Vân Đồn (Khoảng 1950)

Theo bản đồ Sài Gòn năm 1867, ngã ba Pasteur và Bến Chương Dương là cửa một con kinh đào dẫn nước đến Kinh Gallimard (Đại lộ Lê Lợi), liên lạc qua đến Sở Ba Sơn.

Đoạn phố tiếp theo nằm giữa hai đầu Đường Pasteur và Công Lý. Ở góc Pasteur là Ngân hàng Pháp Á. Tòa nhà 3 tầng này ra đời vào năm 1939, thuộc Công ty Diethelm của Thụy Sĩ, đã lập nghiệp tại đây từ cuối thế kỷ XIX, chuyên nhập cảng kim loại, máy móc, đặc biệt là dụng cụ khai thác nông nghiệp, đồn điền cao su... Kề bên là

một cao ốc tân thời 11 tầng, tiêu biểu bên trong có trụ sở trung ương của Ngân hàng Sài Gòn và các công ty kỹ nghệ bột mì. Tại góc Đường Công Lý, tòa nhà 8 tầng của Nhà kinh doanh Lý Long Thân là nơi trú đóng của nhiều xí nghiệp danh tiếng về xuất nhập cảng như Savico, Tân Kiệt Y Oan, hoặc kỹ nghệ dệt như Vinatexco, Vinatefinco...



Hăng Diethelm, góc Đường Pasteur và Bến Chương Dương, (khoảng 1950).

Vào thập niên 1950, ở đoạn giữa Pasteur và Công Lý, dọc lề đường cạnh dốc lên Cầu Mống là bến đậu dành cho xe hơi chờ hàng và xe cá tức là loại xe ngựa bốn bánh, mui trần, thường dùng chở hàng hóa đủ loại cung cấp cho các kho vựa, chợ búa.

Bước sang đoạn đường nằm giữa ngã ba Công Lý và Phó Đức Chính, tòa nhà khiến ta lưu ý tức khắc là Hội trường Diên Hồng, một kiến trúc bề thế chẳng mấy thua kém Ngân hàng Quốc gia. Tòa nhà này được xây vào năm 1924, cũng theo phong cách Art Deco, bên trong có đại sảnh rộng thênh thang và các văn phòng thoáng đãng, dùng làm Phòng Thương mại, nơi hội họp của các kỹ nghệ gia và thương gia. Vào những năm 1944-1945, Quân đội Thiên Hoàng biến nơi đây thành tổng hành dinh.

Đến năm Độc lập 1955, Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đổi thành Hội trường Diên Hồng và Nha Tổng Giám đốc Kế hoạch, cũng là nơi hội họp của Nghiệp đoàn Thương gia và Kỹ nghệ gia. Từ năm 1967 còn là nơi đặt trụ sở của Thượng nghị viện.

Khoảng năm 1865, tại góc Đường Công Lý phía bên phải Hội trường Diên Hồng ngày nay, là nơi thành lập một trong những nhà buôn lớn đầu tiên của Sài Gòn, đó là Hãng Xuất nhập cảng Eymond & Delphin Henry, tòa nhà tường gạch mái ngói cao 2 tầng, kiểu kiến trúc giản dị, một mặt nhà quay ra phía bờ rạch, mặt kia quay ra Đường Impératrice, tức là Đường Công Lý. Ít lâu sau Hãng Speidel của Đức quốc đến thay chân, hoạt động đến Thế Chiến Thứ Nhất thì ngưng. Công ty này chuyên về ngành xuất nhập cảng và bảo hiểm lại còn làm chủ hai nhà máy xay lúa trong Chợ Lớn.



Hội Trường Diên Hồng, (khoảng 1957).

Nằm cùng một dãy với Hội trường Diên Hồng, về hướng Đường Phó Đức Chính, Hãng buôn Ogliastro đã khai trương tại đây từ năm 1875, kinh doanh nhiều ngành như xay xát lúa gạo, khai thác đường xe lửa Sài Gòn - Chợ Lớn, mở tiệm cầm đồ, xuất nhập cảng, bảo hiểm... Công ty này là một trong những cơ sở tồn tại lâu đời nhất tại Việt Nam, người sáng lập là Antoine

Ogliastro, khởi nghiệp bằng nghề trồng hồ tiêu tại Hà Tiên. Trong cùng tòa nhà với công ty trên có trụ sở chính của Ngân hàng và Công ty Bảo hiểm Tín Nghĩa do ông Nguyễn Tấn Đồi làm tổng giám đốc. Ngay tại góc Đường Phó Đức Chính còn có trụ sở của Tổng đoàn Công Kỹ nghệ Việt Nam.

Phía trước Hội trường Diên Hồng là một công viên cùng tên, trên một dải đất hình tam giác nằm giáp với bờ rạch và kéo dài đến chân Cầu Mống, giữa công viên có Đài kỷ niệm Thánh tổ Pháo binh, pho tượng An Dương Vương đứng trên bệ cao đang bắn nỏ thần.

Ngày xưa tại góc giao lộ Bến Chương Dương - Phó Đức Chính có trạm xe tramway thuộc tuyến "đường xe lửa giữa". Tramway từ bên Cột Cờ Thủ Ngữ chạy đến đây quẹo qua ngừng tại trạm, đưa đón khách xong lại tiếp tục lộ trình xuyên qua các khu phố cạnh Kho Dầu lửa, rồi theo hướng Chợ Đũi đi tới trạm cuối trong Chợ Lớn. Cũng tại giao lộ này, chiếc tramway từ Gò Vấp - Bà Chiểu chạy qua Bùng binh Cuniac trước Chợ Bến Thành, đi dọc theo Đường Alsace-Lorraine (Tên cũ của Đường Phó Đức Chính) đến đây quẹo tay phải theo "đường xe lửa mé sông" chạy về Ga Chợ Lớn - Bình Tây.

Cầu Ông Lãnh

Chúng ta vừa rảo bước qua một khu phố kinh tế và tài chính có tầm vóc, nơi những cuộc giao dịch, mua bán diễn ra bên trong các dinh thự sang trọng, kiên cố. Tại khu vực này, đường phố sạch sẽ, lề đường rộng rãi, rợp bóng hàng cây me cổ thụ trồng rải rác từ Cột Cờ Thủ Ngữ đến Công viên Diên Hồng. Nhưng từ ngã ba Phó Đức Chính trở đi, quang cảnh Bến Chương

Dương thay đổi hẳn, ta thường gặp những căn nhà giản dị đan xen với đủ loại cửa hàng tiệm quán bình dân, chỉ có một số ít hãng xưởng và một vài cơ quan công quyền. Nhịp sống tại đây sinh động hơn, cảnh buôn bán bán bưng diễn ra ngày đêm giữa phố xá, trong xóm nhà sàn ven rạch, trên thuyền bè đậu dọc theo bờ.

Đi một chốc ta đến Cầu Calmette, chiếc cầu bê-tông cốt sắt được xây vào giữa thập niên 1960 nối qua Đường Đỗ Thành Nhơn bên Quận Tư. Vào thời trước Đệ Nhị Thế Chiến, dãy phố giữa Phố Đức Chính và Calmette là nơi tập trung khoảng mười tiệm bán đồ cũ, sắt vụn, nằm xen kẽ với đôi ba tiệm hòm. Dọc bờ rạch phía hai bên đầu Cầu Calmette là những vựa gạch ngói và vật liệu xây dựng.

Qua khỏi ngã tư Calmette chừng một chập ta sẽ gặp các Đường Ký Con và Yersin, trong khu vực Chợ Cầu Ông Lãnh. Vài mươi mét trước khi đến Đường Yersin ta thấy một di tích đáng kể là Miếu Thiên Hậu còn gọi là Chùa Bà, nơi trước kia có Quảng Triệu Hội quán của người Quảng Đông. Miếu được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, nhưng bị hỏa hoạn làm hư hại vào năm 1920, toàn thể đã được trùng tu lại như ta thấy hiện nay.



Cầu Ông Lãnh, (khoảng 1950).

Ngày xưa Chợ Cầu Ông Lãnh tụ họp quanh ngã ba đầu Đường Boresse (nay là Yersin) mà trung tâm là ngôi nhà lồng nằm tại góc phố bên trái. Dân số ngày càng đông, khu vực chợ lan rộng qua phố phường chung quanh. Khoảng 1950, thêm hai ngôi chợ dài được xây dọc theo Rạch Bến Nghé, nằm đối xứng hai bên đầu Đường Yersin. Phạm vi chợ bao trùm cả cây Cầu Ông Lãnh, lấn qua Đại lộ Nguyễn Thái Học hòa lẫn với khu Chợ Cầu Muối, lấn cả xuống Rạch Bến Nghé với lớp lớp ghe xuồng đậu chật đến nửa dòng nước.



Chợ họp trên Cầu Ông Lãnh (1989).

Chúng ta đến đầu Đại lộ Nguyễn Thái Học, nơi có nhịp sống tấp nập nhất vì là một giao lộ nằm giáp chân Cầu Ông Lãnh. Cuối thế kỷ XIX tại giao lộ này còn sót lại dấu vết của cửa Rạch Cầu Ông Lãnh xưa. Rạch ấy chảy đến trước mặt Lò heo (chỗ Chợ Cầu Muối gần góc Đường Cô Giang - Nguyễn Thái Học), sau được đào vét lại làm con kinh thẳng tắp mà Pháp gọi là Canal de l'Abattoir, chảy tới Kho dầu lửa (khoảng ngã ba Cô Bắc - Nguyễn Thái Học). Theo Học giả Trương Vĩnh Ký, chiếc Cầu Ông Lãnh xưa xây bằng gỗ bắc ngang rạch vừa nói, cầu này do một ông lãnh binh cư ngụ gần đó cho xây. Tên cầu được dùng

đặt tên cho cả khu vực.

Như vậy chiếc Cầu Ông Lãnh mà chúng ta thấy vào thập niên 1970 mang tên của một địa danh đã có sẵn từ đời nhà Nguyễn. Chiếc cầu bê-tông này xuất hiện từ năm 1929, hình dạng khá đặc biệt, đầu cầu phía bên Quận Nhứt có hai lối đi lên xây theo dạng tương tự như Cầu Mống, còn đầu cầu phía bên Vĩnh Hội chỉ có một đường lên xuống song song với Bến Vân Đồn. Cầu Ông Lãnh dành cho xe hơi lẫn bộ hành, nhưng lúc nào cũng tấp nập người gồng kẻ gánh mua bán qua lại khiến ta có cảm tưởng bên trên chợ nổi đầy đặc ghe thuyền là một chợ treo nhện nhện nằm lơ lửng vắt qua dòng rạch. Đứng trên cầu nhìn về phía Đại lộ Nguyễn Thái Học, ta thấy Chợ Cầu Ông Lãnh nối dài qua Chợ Cầu Muối, rừng người mua bán đông nghịt, tràn xuống cả mặt đường. Dưới bóng hàng cây dầu, mái che sạp chợ tiếp nối nhau phủ kín hai bên lề.

Theo Học giả Trương Vĩnh Ký, từ Cầu Ông Lãnh đi xa thêm một chút sẽ gặp chiếc cầu gọi là Cầu Muối, vì vào thời Minh Mạng, có những chiếc ghe nhỏ đi biển gọi là ghe cửa đến đây bán muối. Một thời gian khá lâu sau ngày Pháp xâm chiếm, người ta còn thấy những đụn muối được che phủ dưới lớp lá cây. Chợ Cầu Muối ngày nay nằm trên Đại lộ Nguyễn Thái Học, tại nền cũ của Lò sát sinh, nơi trước kia từng có một lạch nước nối Rạch Cầu Ông Lãnh với Rạch Cầu Kho.

Cầu Kho

Đoạn Rạch Bến Nghé từ Cầu Ông Lãnh đến Cầu Chữ Y là đoạn rạch chưa được xây cầu, người dân muốn qua lại hai bên bờ phải dùng đò ngang, những con đò chèo tay cặp bến nằm rải rác cả hai bên bờ Bến Vân

Đồn và Bến Chương Dương.

Tiếp theo Cầu Ông Lãnh ta đi về hướng Cầu Kho. Trên khúc đường giữa Đê Thám và Huỳnh Quan Tiên ta còn thấy vài công ty lớn. Cách ngã ba Đê Thám chừng dăm phút tản bộ là tới vị trí cũ của Hãng thuốc lá Mitac, nơi tung ra thị trường những gói thuốc hút nổi tiếng hiệu Melia màu vàng. Tại đây trước kia có Hãng thuốc lá Trung Huê, sản xuất loại thuốc điếu thơm hiệu Mặt Trăng. Hãng thuốc Mitac ăn thông qua đến khu xưởng sản xuất to rộng bên phía Đường Cô Giang. Đi thêm vài bước, gần đây ta thấy xưởng máy của Công ty Eiffel, tên cũ là Levallois Perret, đã xây dựng nhiều công trình bằng sắt thép tại Sài Gòn, có thể kể vài thí dụ như Nhà Bưu điện, Cầu Mống, Tháp nước trên Đường Pasteur, các cầu tàu trên Bến Bạch Đằng... Tiếp tục đi xa hơn, ta đến Công ty Renault, bán và sửa xe hơi. Tại đây vào thập niên 1920 đã có xưởng máy của Công ty Xe điện Đông Dương. Kế bên là con hẻm dẫn đến Chùa Thạnh Đức. Cũng không xa đây trong ngõ hẻm hẹp, còn có Chùa Pháp Bửu.



Bến đò Cầu Kho nhìn sang Vĩnh Hội, (khoảng 1925).

Ngay cạnh ngã ba Bến Chương Dương - Huỳnh Quan Tiên là Cầu Rạch Bàn, chiếc

cầu ngăn ngùn bắc qua Rạch Cầu Kho đang biến thành con lạch cạn dần, chảy song song với Đường Huỳnh Quan Tiên. Vào thời Gia Long, rạch này chảy từ Rạch Bến Nghé đi sâu lên tới Chùa Kim Chương (chỗ Tổng nha Cảnh sát), cặp theo đường Cái Quan (Đường Võ Tánh và Đường Nguyễn Trãi), xuyên qua khu Chợ Đũi rồi chảy thông với hào nước bao quanh Sở Đúc tiền (cạnh Đường Công Lý). Rạch Cầu Kho có nhiều nhánh, nhiều khúc mang tên khác nhau như Rạch Bần, Rạch Bến Chùa, Rạch Cầu Quan...



Đường Huỳnh Quan Tiên, (khoảng 1925).

Ngày xưa tại vùng này có chiếc cầu mang tên là Cầu Kho, và một ngôi chợ là Chợ Kho vì nơi đây có Kho Quân Thảo (hay Cẩm Thảo) do vua Gia Long cho xây để thu nạp thuế bằng hiện vật khắp Xứ Gia Định mang về, thường là lúa gạo chở đến bằng ghe thuyền.

Chợ Cầu Kho ngày nay nằm bên góc tay trái tại đầu Đường Phát Diệm. Gần đây là Nha Lâm vụ. Xa hơn một chút ta sẽ gặp Cầu Bà Tiềm. Tương tự Rạch Cầu Kho, Rạch Bà Tiềm luôn lách sâu vô giữa các xóm nghèo, phần nhiều là nhà sàn nằm cuối những con hẻm chật chội. Dựa theo bản đồ Trần Văn Học 1815, ta có thể phỏng đoán

là xưa kia Rạch Bà Tiềm và Rạch Cầu Kho nối liền nhau, giống như một hào thành bao quanh Kho Quân Thảo và vị trí Nhà thờ Cầu Kho ngày nay chính là trung tâm của kho ấy. Qua khỏi Cầu Bà Tiềm ta đi ngang qua ngõ hẻm thông qua tới Đại lộ Trần Hưng Đạo, hẻm này dẫn vào Chùa Thiên Phước và khu Cư xá Nguyễn Cảnh Chân trong đó đường đi ngang dọc cắt nhau như ô bàn cờ.

Ta đến ngã ba Đường Nguyễn Cảnh Chân, con đường được xây vào khoảng 1950 bên trên vùng đồng lầy chằng chịt mương rạch trải rộng đến Đại lộ Gallieni (Đại lộ Trần Hưng Đạo). Nếu đi tiếp, ta đến Nhà máy BGI chuyên sản xuất nước cam, xá xí hiệu con cọp. Bên cạnh là kho hàng của Công ty Cao su Đất Đỏ. Từ đây đến Đại lộ Cộng Hòa là các cơ sở thuộc Nhà máy điện Cầu Kho.

Đại lộ Cộng Hòa là ranh giới của Quận Nhì Sài Gòn và Quận Năm Chợ Lớn. Từ 1920 đến 1952 đường này mang tên Nancy, để kỷ niệm một thành phố tại vùng Lorraine, trong Thế Chiến Thứ Nhất đã chịu đựng sự tàn phá của đại pháo và phi cơ Đức nhưng đứng vững cho đến ngày chiến tranh chấm dứt. Chợ Nancy nằm trên Đại lộ Cộng Hòa, nếu đi về phía Đại lộ Trần Hưng Đạo, gần đến ngã tư ta thấy ngôi chợ nằm phía bên phải.

Đến đây ta kết thúc chuyến du hành ngắn ngủi trên Bến Chương Dương. Nếu tiến xa hơn ta sang Bến Hàm Tử, bắt đầu một chuyến đi khác, từ Chợ Quán vào Chợ Lớn.

(Còn tiếp)

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH

MÓN QUÀ VU LAN MY VU LAN PRESENT

mở cuốn anbum nhìn thấy mẹ
bóng mẹ năm nào nay đã xa
đêm nằm nghe gió lùa thao thức
mưa gõ vào tim nỗi nhớ nhà

đời sống hôm nay đầy đủ lắm
mà con không mẹ, chẳng còn cha
ngày xưa con sống ngu ngơ vậy
giờ biết thương yêu thiếu mẹ già

mẹ đã ra đi thời khó nhọc
quê nghèo nặng trĩu gánh bôn ba
sắn khoai nuôi mẹ ngày sau cuối
con mắc tù lao phải vắng nhà

gian khó một đời cha mẹ gánh
on dày nghĩa nặng chẳng phôi pha
mẹ ơi sâu tủi đường xa xứ
xin gửi hôm nay một chút quà

tháng bảy Vu Lan mùa báo hiếu
âm dương cách trở mấy đường xa
nén nhang ngọn nến lung linh gió
chẳng khóc mà sao mắt lệ nhòa

MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

I gazed in the album at my dear Mom's picture
And realized that now is so far-off her figure
I listened to the rain as if on my heart flick
The wind blow making me agitatedly nostalgic

Although is abundant my current subsistence
Neither my Mom nor my Dad stays in existence
As a child I was so dull being by Mom kissed
Now that I know whom to love, Mom is missed

Mom departed this life during a difficult time
Scurrying beneath the burden in our poor clime
Until your last days on manioc hand to mouth
While I was in prison as a "puppet" of the South

Such a hard period Dad and Mom bore your part
That feeling of gratitude I bury deep in my heart
Dear Mom please accept from this sad son adrift
On this commemorative day my little humble gift

Vu Lan mid-seventh month, the filial duty event
Between life and death how far to suffer torment
Joss-sticks and candles spark, the wind uprears
I don't cry but why my eyes get wet with tears

Translation by

THANH-THANH

CHI

Phạm Hữu Bình

(Tiếp Theo và hết)

Chi lại đi dạy học với một niềm hân hoan, hãnh diện. Chi vẫn sẵn sàng từng em học sinh trong lớp và vẫn gần gũi với John hơn bất cứ học sinh nào khác. Nhưng Chi nhận thấy rõ ràng là John không nhanh nhẹn, hăng hái như lúc trước. John có vẻ mệt mỏi, đờ đẫn. Một hôm cầm tay John, Chi thấy đầm những mồ hôi. Trán John hâm hẩm nóng. Chi bàn với cô giáo Jennifer rồi gọi điện thoại cho mẹ John. Nửa giờ sau bà Kriege đến đón con về đưa đi bác sĩ.

Ngày hôm sau, John không đến học. Chi đoán John bị cảm, cần nghỉ ở nhà và không bận khoăn gì. Ngày hôm sau nữa, John vẫn vắng mặt, Chi cũng không thắc mắc gì. Nhưng khi John vắng mặt liền ba hôm nữa, thì Chi lo âu ra mặt. Cuối tuần đó Chi gọi điện thoại lại nhà John để hỏi thăm. Bà Kriege trả lời điện thoại và cho Chi biết John vẫn còn sốt; nhưng bác sĩ chưa biết rõ John bệnh gì. Bác sĩ đã lấy máu để thử nghiệm và hai ngày nữa mới có kết quả.” Chi ngỏ lời muốn đến thăm John và bà Kriege ân cần mời Chi đến ngay hôm đó.

Nhà của ông bà Kriege ở trong một khu biệt thự mới xây, mỗi nhà một kiểu riêng biệt. Nhà nào cũng lớn với vườn tược rộng rãi có trồng cây cảnh và sân cỏ xanh tươi bao quanh. Bà Kriege đã đứng sẵn ở cửa để đón Chi. Bà đã không cho John ra cửa đón cô giáo vì sợ gió lạnh; nhưng John đã ra

đứng sẵn ở đầu cầu thang. Khi thấy cô giáo lên đến nơi là nó ôm chầm lấy. Chi cúi xuống ôm lấy John và bỗng nó lên rồi đi theo bà Kriege vào phòng ngủ của John. Chi thấy rõ ràng John gầy và xanh hắc đi, hơi thở nóng hôi, vẻ mệt mỏi hiện ngay trên nét mặt. John nằm ngay xuống giường, đưa mắt nhìn mẹ và cô giáo. Chi lấy ra một con gấu nhồi bông, cúi xuống đưa cho John. rồi mỉm cười nói: “Cô biết em thích gấu nhồi bông. Cô có cái này làm quà cho em đây.” John đỡ lấy con gấu ôm vào lòng và nói khe khẽ: “Cảm ơn cô.” rồi mệt mỏi nhắm mắt lại ngủ. Chi đứng nhìn John vài phút rồi từ biệt bà Kriege ra về. Ra đến cửa bà Kriege nói khe khẽ: “Cảm ơn cô nhiều lắm. Nhưng nếu lần sau cô có đến thăm cháu, xin cô đừng mua quà cho cháu. Cháu có nhiều đồ chơi lắm rồi.”

Ngày Thứ Hai, John vẫn vắng mặt. Chi nóng lòng, gọi điện thoại lại nhà John; nhưng không có ai trả lời. Chi đoán chừng ông bà Kriege đã đưa con đi bác sĩ. Buổi chiều, vừa về tới nhà là Chi lại gọi điện thoại đến nhà John; nhưng vẫn không có ai trả lời.

Sau khi ăn cơm tối xong, Chi lại gọi điện thoại nữa thì có tiếng ông Kriege trả lời. Ông Kriege cho Chi biết bác sĩ nói là John bị ung thư máu và phải ở trong bệnh viện để bác sĩ thử nghiệm thêm và chữa trị. Chi hốt hải muốn vào thăm John ngay; nhưng ông Kriege nói giờ thăm bệnh nhân đã chấm dứt. Chi đành hỏi số điện thoại ở nhà thương và số phòng của John để đi thăm ngày hôm sau. Chi quay qua nói với Khoa: “Ngày mai em sẽ đón bé Văn và cho nó ăn uống rồi anh chịu khó ở nhà trông con để em vào nhà thương thăm một học sinh đang đau nặng.”

Khi đến nhà thương ngày hôm sau, Chi thấy John đang ngủ li bì và bà Krieger đang ngồi bên giường cầm tay con. Bà Krieger ra hiệu cho Chi giữ yên lặng rồi thông thả đứng lên đưa Chi ra bên ngoài cửa phòng và ghé tai Chi nói nhỏ: “Bác sĩ nói cháu bị ung thư máu thuộc loại rất nguy hiểm. Cháu sẽ phải làm chemotherapy ngay ngày mai. Bác sĩ còn phải chờ kết quả cách chữa bằng chemotherapy rồi mới theo đó mà quyết định những phương pháp trị liệu kế tiếp.”

Chi lặng người đi, không nói được một lời, chỉ biết nắm chặt lấy tay bà Krieger. Sau một hồi, Chi cố lấy lại bình tĩnh, nói nhỏ với bà Krieger: “Chắc bà cũng mệt lắm. Bà để tôi ở đây với cháu. Bà nên đi ăn uống và nghỉ ngơi một chút. Tôi có thể ở đây với cháu đến 9 giờ.” Bà Krieger cúi đầu nói: “Nếu vậy thì cảm ơn cô lắm. Tôi chạy đi một lúc rồi sẽ trở lại ngay. Nhà tôi sẽ đến thay thế cho tôi lúc 10 giờ. Nhà thương chỉ cho một người ở trong phòng để trông bệnh nhân thôi.”

Bà Krieger đi rồi, Chi ngồi xuống chiếc ghế nhỏ bên giường, đưa tay nhẹ nhàng cầm lấy tay John, nước mắt ứa ra chảy cả xuống má. Một lúc sau John chợt quậy rồi mở mắt ra. Thấy Chi, nó nở một nụ cười thật tươi. Chi sung sướng cúi xuống hôn lên má nó, hỏi khe khẽ: “Em mệt không?” John nói nhỏ: “Em mệt một chút thôi.” Chi cầm lấy một quyển truyện để ở cuối giường và hỏi John: “Em có muốn cô đọc cho em nghe một truyện không?” John đồng ý ngay: “Vâng, cô đọc cho em nghe một truyện.” Chi vừa đọc truyện vừa đưa mắt nhìn John. Chi mới đọc được hai trang thì John lim dim mắt lại và ngủ thiếp đi.

Những ngày kế tiếp Chi đều đặn vào nhà thương tiếp tay bà Krieger trông nom

John từ 7 giờ rưỡi đến 9 giờ tối mới về. Ông Hiệu Trưởng nghe tin một học sinh đau nặng và cô giáo Chi đã đến thăm em này hàng ngày thì cảm động lắm. Ông lại báo tin cho tờ báo *Gazette*. Một phóng viên đã tìm đến nhà thương để chụp hình John và cô giáo Chi. Một tuần sau trên trang nhất tờ *Gazette* có in một phóng sự dài dưới tiêu đề “MỘT CÔ GIÁO TẬN TÂM” với hình màu cô giáo Chi đang ngồi bên giường bệnh cầm tay John.

Bệnh tình của John càng ngày càng nguy kịch hơn. Sau ba lần làm chemotherapy tóc John đã rụng hết. John hay nôn ọe, ăn rất ít và gầy dộc hẳn đi. Bác sĩ nói cho ông bà Krieger biết là ít có hy vọng gì John có thể qua khỏi được. Ông bà Krieger đã báo tin buồn này cho Chi. Cả ba người cùng đồng ý rằng số phận John đã như vậy thì buồn phiền, khóc than cũng chẳng ích gì. Cách tốt nhất là trong những ngày John còn ở đây, tất cả đều cố gắng đem lại cho John những phút thoải mái, sung sướng. Bà Krieger đã mua sẵn một bịch lớn những đồ chơi đưa cho Chi để Chi mỗi ngày mang lại cho John một món. John hình như đã quen với giờ giấc có cô giáo Chi đến thăm và thường cố thức để chờ Chi. Nó cười và đưa tay đỡ lấy món đồ chơi Chi mang đến và ôm chặt vào lòng. Chi cúi xuống ôm lấy nó và hôn lên má lên môi nó. John đưa tay ra cầm lấy tay Chi và nũng nịu: “Cô đọc một truyện cho em.” Rồi chỉ mấy phút sau là nó ngủ thiếp đi.

John kêu đau đớn khắp người. Bác sĩ phải cho tiêm morphine để John khỏi cảm thấy đau; nhưng thuốc làm John ngủ li bì.

Chi đoán chừng những ngày cuối cùng của John đã tới và xin phép nghỉ luôn ba ngày để ở trong nhà thương với John. Ông

bà Kriege cũng được nhà thương nhân nhượng cho ở luôn bên giường với con. Một buổi sáng, bà Kriege đang bế John trong lòng thì thấy John mở mắt nhìn vòng chung quanh như thể để ghi nhận mọi người thân một lần cuối rồi thân thể John mềm rũ, hai mắt dờ ra và nhắm lại. Bà Kriege kêu lớn tiếng lên: “Con tôi! Con tôi đi rồi!” Bà òa lên khóc. Chi cũng òa lên khóc theo. Ông Kriege đưa tay lên chùi vội nước mắt đang dàn dụa chảy xuống má. Bác sĩ và y tá thường trực đến ngay và sau khi khám nghiệm đã xác nhận là John vừa qua đời.

Lễ cầu nguyện và viếng xác bé John được tổ chức vào 5 giờ chiều ngày Thứ Sáu. Số người đến tham dự rất đông đảo. Người ta đến để chia buồn với gia đình Kriege; nhưng người ta cũng tò mò muốn biết mặt cô giáo Chi mà tờ báo *Gazette* đã có nhiều bài ca tụng. Chi ngồi khiêm nhượng ở hàng ghế gần cuối phòng. Khi mọi người sắp hàng để lên viếng quan tài, Chi cũng thông thả đi lên. Nhưng khi đến bên quan tài thì Chi không ngăn được nổi súc động nữa. Chi cúi xuống ôm lấy quan tài và òa lên khóc làm cho ai nấy đều mũi lòng.

Lễ cầu nguyện chấm dứt. Mục sư đọc lời cầu nguyện cuối cùng. Ông Kriege đứng lên nói vài lời cảm ơn. Mọi người yên lặng ra về. Ông bà Kriege lùi lại sau chờ Chi đi cùng đi ra. Khi đã ra ngoài, ông Kriege ân cần cảm ơn Chi một lần nữa trước khi từ biệt. Bà Kriege đứng lại nhìn theo Chi rồi quay sang nói nhỏ với chồng: “Anh ra xe trước ngồi chờ em. Em muốn nói với cô Chi cái này một chút.”

Ông Kriege bước ra xe. Bà Kriege gọi với theo Chi: “Cô Chi, cô Chi.” Nghe tiếng bà Kriege, Chi đứng lại, chờ đợi. Bà Kriege

đến bên Chi, đưa hai tay nắm lấy tay Chi, rồi nhìn thẳng vào mắt Chi khe khẽ hỏi: “Cô là mẹ ruột John, phải không?” Chi biến sắc mặt, mở rộng mắt nhìn bà Kriege một hồi rồi gật đầu nói: “Vâng. Tôi cũng đoán chừng rồi bà sẽ nhận ra. Bây giờ bà đã biết rồi thì tôi cũng nói cả mọi chuyện để bà biết.”

“Vào năm 1971, tôi đang là giáo viên thì nghe tin chính phủ có chương trình gửi những giáo viên ưu tú và giỏi Anh Ngữ sang Hoa Kỳ tu nghiệp để về dạy ở trường Sư Phạm. Tôi muốn tìm đường tiến thân nên sau giờ dạy học, tôi đi học thêm Anh Ngữ ở Hội Việt Mỹ.

Tôi thường đến lớp Anh Ngữ sớm và cùng một vài người bạn ngồi uống nước ở trong snack bar. Một hôm người bồi bàn bung nước ra đã vấp vào chân ghé làm đổ cả mấy ly nước vào người tôi. Tôi còn đang lúng lúng chưa biết làm sao thì một sĩ quan Hoa Kỳ ngồi bàn gần đó đã nhanh nhẹn đem đến cho tôi một nắm khăn giấy để tôi lau người và quần áo. Ông ta nhìn tôi, thương hại và nói: ‘Tôi có xe Jeep. Nếu cô muốn thì tôi có thể chở cô về nhà thay quần áo rồi lại chở cô về đây cho kịp lớp học.’ Không còn cách nào hơn, tôi bằng lòng làm theo lời ông ấy. Mấy ngày sau ông ấy lại vào snack bar khi chúng tôi đang ngồi uống nước ở đó. Ông ấy ngồi vào bàn nói chuyện với chúng tôi. Ông ấy tự giới thiệu là đại úy thủy quân lục chiến, tên là John Britta, có nhiệm vụ giữ an ninh cho Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ. Chúng tôi vui mừng có dịp thực tập tiếng Anh và nhất là thấy ông ấy rất lịch sự.

Cuối tuần sau đó John mời tôi đi ăn và đi khiêu vũ. Rồi chúng tôi yêu nhau tha thiết. John hứa sẽ đưa tôi về Hoa Kỳ vào kỳ

nghe phép tới để giới thiệu tôi với cha mẹ John và rồi chúng tôi sẽ làm lễ thành hôn.

Một hôm tôi đang dạy học thì nghe một tiếng nổ rất lớn làm rung chuyển cả cửa kính. Sau đó radio loan tin một chiếc xe vận tải đã ngừng lại trước Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ; người tài xế bỏ xe chạy và mấy phút sau thì bom trên xe đã nổ. Bom đã nổ mạnh đến nỗi làm sụp hẳn phía trước Tòa Đại Sứ. Tôi sợ hãi, gọi điện thoại cho John; nhưng lúc đó, mọi liên lạc truyền thông với Tòa Đại Sứ đã hoàn toàn ngưng đọng. Tôi nóng lòng chờ tin John; nhưng không thấy John gọi điện thoại cho tôi. Tôi biết có chuyện chẳng lành. Tôi tìm đến chỗ ở của John và một người lính canh cho tôi biết John đã tử nạn, xác đã được đưa ngay về Hoa Kỳ.

Tôi khóc thương John biết là bao. Một tuần lễ sau thì tôi biết tôi đã có bầu. Tôi lo lắng cho đời tôi và nhất là cho đứa con đang còn nằm trong bụng tôi. Trong xã hội Việt Nam, một người đàn bà có con lai sẽ bị coi là thứ đàn bà hư hỏng. Tôi sẽ phải bỏ việc dạy học; mà rồi tôi có biết làm gì khác để sinh sống đâu. Đứa con lai của tôi sẽ bị dè bieu, chế diễu, sẽ chẳng dám đến trường học. Rồi nó sẽ thành một đứa trẻ bụi đời, lang thang đầu đường, xó chợ. Càng nghĩ tôi càng thấy xót xa, đau đớn. Có lúc tôi đã nghĩ đến chuyện phá thai.

Nhưng mẹ tôi đã khuyên bảo tôi phải tìm giải pháp khác. Mẹ tôi khuyên tôi xin nghỉ việc tạm một thời gian, lên ở với cô tôi ở Đà Lạt cho đến ngày sinh rồi nhờ các bà sơ tìm cha mẹ nuôi người da trắng cho con tôi. Tôi nghe lời mẹ tôi. Tôi đứt lòng đứt ruột khi phải cho nó đi. Nhưng nghĩ đến tương lai của nó, tôi đành chịu đau khổ một mình. Tôi chỉ xin các bà sơ đặt tên nó là John. Tôi nhìn kỹ mặt mũi và thân thể con

tôi một lần cuối Tôi thấy một vết đỏ thẫm to gần bằng đầu ngón tay cái trên mông phải nó.

Năm 1975, tôi theo gia đình di cư sang Hoa Kỳ. Tôi gặp chồng tôi bây giờ ở trong trại tị nạn Fort Chaffee và chúng tôi đã làm lễ cưới ngay trong trại. Chúng tôi được một con trai mười tám tháng. Tôi vẫn nghĩ đến đứa con mà tôi đã phải cho đi, bản khoăn không biết nó đã trôi dạt về đâu. Không ngờ trời run rủi, tôi được gặp lại nó. Tôi đã nhận ra những nét nó giống bố nó và nhất là vết đỏ trên mông nó. Tôi sung sướng như vừa tìm thấy thiên đàng. Tôi cảm ơn ông bà đã thương yêu nó hết lòng. Thôi thì số trời cho nó được sống có bấy lâu. Nhưng nó đã mang lại bao nhiêu là tình thương cho ông bà và cho tôi. Tôi không có gì hối tiếc nữa. Cảm ơn ông bà đã cho tôi được gần gũi với nó trong gần một năm nay.”

Bà Kriege ghen ngào không nói được gì. Mãi một lúc sau, bà mới lấy lại được bình tĩnh, nắm chặt lấy tay Chi, nói: “Chúng tôi cũng cảm ơn cô rất nhiều.”

Hai người đàn bà bịn rịn như không muốn rời nhau ra. Hai người đàn bà đã gặp nhau vì tình yêu một đứa trẻ. Đứa trẻ đó không còn ở trên trần gian này nữa. Nhưng hai người còn quấn quýt với nhau trong một tình thương cho đứa trẻ đã ra đi.

Phút từ biệt đã tới. Hai người mẹ bước đi, mỗi người một ngã. Được một quãng hai người quay đầu nhìn lại nhau một lần cuối, mỗi người mang theo một nỗi niềm riêng..

Hết

PHẠM HỮU BÌNH

NHỮNG QUYẾN RŪ CỦA NỮ GIỚI

Ai mà không mê cái đẹp? Từ thuở thiếu thời, nhìn thấy người đẹp là tôi đã mê man, ngẩn ngơ chiêm ngưỡng. Thoạt đầu là vóc dáng quyến rũ đến náo lòng. Khi mới lớn, người phụ nữ đầu tiên mà tôi ái mộ chính là mẹ tôi. Suốt một thời thơ ấu rồi mấy chục năm ròng sau tôi được thấy dáng cao sang nơi mẹ. Nằm, ngồi, đi, đứng... lúc nào bà cũng uyển chuyển, khoan thai, tha thướt, nhẹ nhàng, cao sang. Tôi thích ngắm những lúc bà nằm nghiêng, tóc xõa sau lưng từng lọn dài như sóng gợn. Thật là bắt mắt!

Quãng tuổi trắng tròn, tôi bắt đầu biết nhìn khuôn mặt. Thoạt đầu tôi chỉ thấy mặt trái soan là dễ ưa. Nhưng sau này mới nhận ra mỗi khuôn mặt có nét hấp dẫn của nó. Từ khuôn mặt tròn phúc hậu, khuôn mặt dài hiền thực đến khuôn mặt vuông cứng rắn – khuôn mặt nào cũng đẹp nếu nó thích hợp với cá tính biểu lộ nơi người phụ nữ. Riêng vàng trán tôi thấy trán phẳng như trán của bà hoàng Grace Kelly hay hơi tròn đầy như trán của nữ tài tử Elizabeth Taylor là tuyệt vời. Phụ nữ Á Đông không thiếu người có vàng trán đẹp, có phần trông gần gũi đáng yêu còn hơn gái Âu Mỹ. Có những khuôn mặt đem phân tích theo ước lệ thì thấy thường có khi hơi kỳ nhưng hòa hợp với cái cảm thon nhọn, sóng mũi thanh thanh, làn môi mọng chín trái sấu, nhếch lên đã đủ rung cảm người đối diện.

Ngoài hai mươi, tôi bắt đầu bị thu hút bởi cặp mắt của nữ lưu. Ôi! Những cặp mắt đẹp! Mắt huyền nhưng mờ rộng với hai

hàng mi dài cong chớp chớp hợp hồn người! Mắt lá dăm dăm thắm đa tình làm sao! Cặp mắt đẹp phải có tròng đen đủ to đủ xanh, nâu hay huyền nhưng. Quý vị có đồng ý không? Thường thì mắt sâu và hai mí trông dễ mê hồn. Ấy thế mà nhiều đôi mắt một mí trông lại đa tình lắm. Lắm khi bối rối chẳng biết chọn cặp mắt nào lý tưởng cho mình! Bây giờ tôi thấy rồi, đôi mắt đẹp không phải chỉ thuần túy ở khuôn mặt, lớn nhỏ như thế nào cho đủ hợp hồn mà đôi mắt đẹp phải là đôi mắt nói lên được những gì ẩn sâu trong tâm hồn, có thể làm ngơ ngẩn người đối diện. Cặp mắt càng u huyền thêm dưới đôi chân mày đều đặn cong cong hay xếch cao tùy theo khuôn mặt, tùy theo ánh mắt đong đưa sóng sánh lửa bình minh rộ rỡ hay nhen nhúm vài tia hoàng hôn buồn đến lịm người. Dù mắt tròn, dù mắt xếch cũng nên có hàng mi rậm làm tôn cặp mắt sâu thêm, thắm thắm ý tình thêm. Thảo nào lông nheo giả được phách yếu chiếu cố!

Thế sóng mũi có cần không? Vừa đủ cao đủ thanh hợp với khuôn mặt, hai cánh mũi thon thon bắt mắt dẫn tia nhìn tha nhân xuống cặp môi hồng phía dưới. Có khi cái mũi hơi hếch trông lại dễ thương một cách tiếu lâm. Còn cặp môi thì sao nhỉ? Đôi môi đầy đặn, hai khóm miệng khẽ nhếch lên để lộ hàm răng ngọc trai trắng đều là đã gọi sự chú bên ngoài. Từ đôi môi mọng đáng yêu đó âm thanh của người đẹp vang nhẹ vào tai là đủ náo lòng các đấng tu mi nam tử. Giọng nói, cung cách nói, với riêng tôi, bền

vững hơn cả những nét đẹp khác của nữ nhi. Tiếng hay có thể là trong như suối chảy, có thể là trầm ấm như như tiếng sáo điều lồng lộng, có thể là nhẹ nhàng như làn gió thoảng qua. Cần nhất là nói sao cho êm lòng người nghe, sao cho người đối diện chú ý. Dễ mà khó. Âm thanh có thể do trời phú mà cũng có thể nhờ luyện tập Giọng nữ giới khiến tôi lắng nghe không cứ tiếng bắc, trung hay nam mà lời lẽ phải ôn nhu, lịch sự hay cách luyện lấy quyền rũ để rung động lòng người.

Trên hết cả, cái đẹp nhất và đáng yêu nhất nơi người phụ nữ là tính tình và tâm hồn. Dù nhan sắc có “chim sa, cá lặn”, sau vài lần trò chuyện nếu lộ ra là người hơi hợ, bề ngoài, ham danh vọng vật chất hoặc gian dối xảo trá thì cũng không thể là người phụ nữ đẹp. Tôi cũng ngại người háo thắng, đáo dề, bướng bỉnh, đốp chát, hẹp hòi, nông cạn, chỉ thấy một đường phía trước như con ngựa có hai miếng che góc mắt thì nhìn thẳng mà đi, không thấy được ngoại cảnh tuyệt vời chung quanh. Những người này dù nhan sắc có nổi đến thế mấy mà sau khi tiếp xúc thấy lộ ra chân tính cũng không thể là người đàn bà quyền rũ.

Những người thiên bẩm thông minh, phản ứng sáng suốt, nhậm lệ chính là những người dễ thu hút tha nhân. Đây là những người đáng nể, đáng trọng.

Về nhút nhát, dụt dè ở người đàn bà nhiều khi dễ chinh phục người khác phái. Nhưng không cần dụt dè quá đáng. E lệ, là tính tự nhiên trời phú. Nhưng phải luyện sao trở thành một nét thu hút dễ tạo tự tin. Chỉ cần tránh đừng đi quá trớn dễ trở thành sỗ sàng, gai góc, kích thích ngoại nhân khiến người ta khó chịu thấy mặt là muốn lảng tránh. Cuộc đời vốn đã nhiều thương đau,

AU DEUX CLOCHES

Si Béjart avait raconté
Dans ses ballets nus de fantasme
La pleine source jaillie de songe
En épousant sa belle nuit profane.
Si Piaf avait regretté
Son étoile filante d'une nuit de rétro
A sa place d'autres font le guet
Et chantent jusqu'au dernier mélo.
Venez boire un verre d'amitié
Aux Deux Cloches comme dans le temps
Certains soirs on est sûr d'être le gagnant
Du grand lots parmi les adieux.
Venez rire et chanter aux Deux Cloches
Même le rideau est déjà tombé
On trouve la chanson pas si moche
Même si l'orchestre a déjà rejoué.
Quand Marilyn était mariée
Avec la cinéma déjà sonore
Elle divorçait de ses films d'été
Des années en scénarios moroses.
Si Lamartine avait songé
Aux lettres d'amour épanouies de rêves
De sa plume naissait un monde
De vie, d'espoir et d'ombre: de l'être cher.

Diễm Hoa

(5/2014)

sống làm sao cho kẻ khác thoải mái, dễ chịu khi gặp mình. Sự cảm mến sẽ để lại khi chia tay trong lưu luyến, và thâm tâm người đối diện còn mong ngày tái ngộ.

Chợt nghĩ đến lòng ghen ghét, ganh tị nơi phụ nữ mà tôi sợ nhất. Tính này cũng rất “người” thôi. Trời sinh ra ai cũng ít nhiều có tính này. Nhưng chiến thắng được lòng ghen ghét mới thấy mình đáng giá. Vì từ ganh tị, ghen ghét đến thù hằn, thành sân hận mấy hồi. Ôi! Với những người này chỉ còn nước quay lưng đi. Bực mình thật khi phải nghĩ “tránh voi chẳng xấu mặt nào”. Ngược lại cái đẹp tuyệt vời của người nữ là biết ái mộ người tài, biết trân quý người giỏi, biết tôn trọng ý kiến của người khác, không nhất nhất bắt thiên hạ phải theo mình.

Học thức có cần không? Với tôi kiến thức và sự hiểu biết quan trọng hơn bằng cấp. Nhiều người bằng cấp cao rất có khả năng trong lãnh vực của mình mà chới với khi ra đời trong cách xử thế. Sự học vô cùng rộng rãi, học hoài trong cuộc đời. Học đi với Hành. Học nhiều mà không xử dụng vốn liếng thâm thập được có khác chi người ít học. Sự học đáng quý không phải chỉ có ích cho riêng mình, cho gia đình mình mà còn phải trải rộng cho tha nhân, những người kém may mắn ít kiến thức, thiếu cơ hội cấp sách đến trường. Cuộc đời đáng trọng là mang sở học của mình giúp đỡ người khác trong khiêm tốn, nhẫn nại. Đó là những người đẹp mà tôi muốn nghiêng mình thành thật ngợi khen.

Nghĩ thế nhưng không thể đòi hỏi tất cả những cái hay nơi người nữ nêu ở trên, chỉ cần vài điểm là đủ vì chính bản thân mình nào có hơn người! “Nhân vô thập toàn”! Thật không có ý định moi móc chỉ trích ai mà chỉ mong được gặp gỡ như đã từng quen biết với những người đẹp khả ái quyến rũ.

NGUYỄN LÂN (12-2013)



Nhà Văn NGUYỄN LÂN

Họ và Tên: Nguyễn Lâm

Năm sinh: 25/11/1937

Nơi sinh: Hà Nội, gốc Hội An (Quảng Nam), sống nhiều tại Sài Gòn.

Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Khoa Học Thiên Nhiên (1962)

Cử Nhân Khoa Học Sinh Vật (1962) – Cao Học Giáo Dục (1965)

Giảng Nghiệm Viên Đại Học Y Khoa và Dược Khoa, Sài Gòn. Giáo sư chuyên khoa Tú Tài ban Khoa Học Thực Nghiệm các trường Trung Học Quốc Gia Nghĩa Tử, Phục Hưng, Huỳnh Thị Ngà và Gia Long, Sài Gòn.

Tới Hoa Kỳ năm 1977.

Giảng Nghiệm Viên, phụ tá khảo cứu Vi Sinh, Ký Sinh Trùng tác động trên não bộ tại Đại Học Georgetown, DC.

Tác giả bộ sách khảo cứu về cây cỏ và sự hỗ tương giữa cây cỏ với môi trường sống của chương trình Đề Nhị cấp Trung Học.

Tác giả cuốn sách về cơ thể con người của chương trình Tú Tài, Việt Nam.

Tác giả tập sách Biology của chương trình song ngữ Indochina Institute tại Đại Học George Mason, Virginia.

Đã cộng tác với tuần báo Tiếng Nói Thủ Đô (DC), tam cá nguyệt san Cổ Thơm (VA), Cau Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ (CA), Đặc San Gia Long và Liên Trường ở khắp nơi.

Tác phẩm văn chương:

- Tập truyện ngắn SÔI NỔI xuất bản năm 2003, gồm 8 truyện ngắn chọn lựa, dài 270 trang

- Truyện dài TÌM MỘT CỖ VỀ xuất bản năm 2008., dài 400 trang với những bài thơ viết theo nhiều thể điệu làm phụ bản cho toàn tập.

- Nhiều bài thơ đăng rải rác trên các báo, các tạp chí tại Virginia và Nam California.

- Địa chỉ gửi thư:

4120 Mangalore Dr. #302

Annandale, VA. 22003

Số điện thoại: 703. 942. 7320 (H),

571. 594. 4818 (C)

E-mail: lanhoa@verizon.net



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN



TÙ OÁN

Mười mấy năm hao gầy ngóng trông,
Mưa khuya trăn trở, gió mênh mông.
Suy tư, dần vật nhàu chần gối,
Hoài bão tan tành, hận núi sông.
Tủi với tiền nhân ca chính khí,
Ngượng cùng hậu thế luận anh hùng.
Tuổi tri thiên mệnh, hờn vong quốc.
Oán Cộng thù, không đập đất chung.

Vũ Đức Nghiêm

THOÁNG BĂNG KHUẢNG

*Người qua êm nhẹ như dòng nước
Mây phủ mơ hồ nổi vấn vương
Màu xanh lá mướt ngày hôm trước
Tô thắm trang đời đượm nét thương.*

*Thoáng hương dạ lý sương chiều lạnh
Huyền ảo canh trường ngõ dáng ai
Trà khuya hơi ấm đêm cô quạnh
Hạnh phúc xa vời sợi tóc mai.*

*Gió ru chiếc lá chiều thu vắng
Rơi chạm hồn tôi trở giấc nồng
Xin người mang lại vàng hanh nắng
Hong nụ cười xưa ửng má hồng.*

*Tờ thư yêu dấu thời thơm mộng
Chờng thoáng dư âm vọng bổng trầm
Tình bay xoải cánh chân trời rộng
Phai bóng cổ nhân lệ nhỏ thấm.*

Đt Minh Giang

TÌNH QUÊ

Xin gửi trọn nỗi niềm về non nước
Mong sống mái nhà xưa phố Hội An
Để chiều chiều ra ngắm cảnh Hoài Giang
Và nhìn cù lao Chàm chim Yến lượn

Các phố bày nhiều loại hàng lưu niệm
Du nhân nhộn nhịp mua tặng người thân
Chùa chiền quanh phố khách tấp nập xin xăm
Đêm rằm, trên phố, trên sông đèn lồng mờ ảo

Trăng sao lóng lánh thêm xinh phố Hội
Du khách xôn xao rộn bến Bạch Đằng
Thuyền con lờ lững gió hiu hiu thổi
Trẻ nhỏ thả đèn bưng giỡn dưới trăng

Hè, biển Cửa Đại sóng vờn vỗ nhẹ
Nước trong xanh, bãi tắm sạch an toàn
Tài tử giai nhân ngắm cảnh đẹp sang
Nhóm nằm phơi nắng, nhóm bơi trong nước

Dân Việt ta luôn một lòng ao ước
Nhà nước cùng dân diệt lũ xâm lăng
Độc lập tự do thật sự muôn phần
Người người hồi hương xóm làng êm ả.

Duy An Đông

Phảng Phất

Cao Nguyên

Đã hết tuần đầu của Tháng Tư/2009. Bầu trời Miền Đông vẫn còn xám xịt, mưa lai rai kéo cái lạnh chạy dài từ Đông vào Xuân. Cây trong rừng muốn thay lá mà nắng chưa chịu. Vườn nhà, mấy khóm hoa tulip cố nhồi lên để khoe màu, mặc nắng mưa. Tội những cọng cây yếu hơn mùa trước vì thiếu nắng, cánh vẫn xòe ra gọi ánh mắt người, chờ nụ cười của hôm nay và ngày mai.

Tiếng cười chưa khẩy lên trong không gian vắng lặng bên ngoài. Tôi đi tìm hương quá khứ trên những trang sách báo cũ tiếc hoài chưa chịu vất đi, sợ khối chữ nghĩa ân tình trở thành bụi thời gian. Có thể đó là sự đồng cảm với một người bạn văn: Mỗi lần dọn nhà, thấy sách báo mà thương, vất đi cũng nhẹ phần khuôn vác, nhưng sợ lòng mình man mác những ưu tư! Sách báo in nhiều cũng tội cho rừng voi màu xanh của lá, nước lũ vượt nguồn xoáy vỡ đất quê!

Còn bao năm nữa ta mài mực viết phóng lên trời những dấu than! Đỡ tốn mực và tốn giấy, thì viết phóng lên trời chắc cũng vui dấu chỉ là những dấu chấm than!! Tiếc là cứ loay hoay mãi với việc người, việc ta mà khất lần bữa viết. Hoặc cảm thấy đã viết đủ điều nên viết, viết thêm chưa chắc đã khá hơn với giòng nghĩ vốn đã trầm cảm.

Nhật tờ Phố Văn số 44 - tháng 10/2004, với chủ đề "Thu nói với người", chợt thấy mệnh mông đời của mông, cho dấu muốn "gọi điều tàn thức dậy".

*Mộng dằng dặc, mộng nặng đầy
kéo hồn trầm ý, đè gầy lời tâm!*

Bật ra được hai câu thăm dòng hoang ngữ giữa chiều vui, lại thấy non nao viết điều gì đó cho ta giữa khoảnh thời gian gác bút niệm đời!

Ấy vậy mà vừa đọc lời Trần Doãn Nho giới thiệu tập truyện của Lâm Chương: "Tôi để ý, càng ngày, Lâm Chương càng viết ngắn đi... càng ngày anh càng kiệm lời hơn". Ngẫm mà hay! Sự kiệm lời của một nhà văn chuẩn mực là muốn nâng niu từng hạt chữ cho nghĩa tỏa hương thơm. Thấy mà ham.

Tôi cũng muốn: *thử xem một tháng thơ không viết/chữ nghĩa dư ra được bao nhiêu.* Nín viết, kiệm lời thế mà mấy tháng qua, chữ dư ra không đủ lấp kín cái dấu hỏi em quăng vào mailbox của tôi: sao im lặng thế?

Giữa thời tress lây lan cùng khắp mặt địa cầu do tiếng vỡ của những đồng tiền rơi vào hố thẳm! Sự im lặng của chữ đồng nghĩa với sự khuất bóng của một nhân sinh. Và em thảng thốt nhìn khung trời vắng bóng chân thơ! Dẫu đã báo trước: *mai anh cùng chữ ẩn cư /rảnh, mời em ghé cội từ thăm anh.* Vậy mà vẫn sợ đóa hồng em chờ đặt vào đúng chỗ, hoặc tôi như chưa từng có mặt trong đời! Mà tôi thì vẫn muốn mình hiện hữu dấu chỉ là phảng phất:

*chẳng thế, thời xưa buồn mất nẻo
bờ bến hồng hoang tự thuở nào
bia đá rêu xanh lời đáy mộ*

*đời lạnh mùa thương những khát khao
trăng đã vì đêm bàng bạc sáng
sao người không vì núi thăm xanh*

Hôm nay viết chừng ấy, để em biết anh còn

có mặt, dấu chân thơ còn trên lối xanh của
một thảo nguyên xưa!

Đồng Hành

xin đừng nói xấu tương lai
dấu trong quá khứ còn nghi hoặc lời
cứ nhìn hướng mặt trời rơi
làm sao cảm được tuyệt vời bình minh

Ô kia. Nước đẹp, Non xinh
màu cờ Tổ Quốc còn lung linh vàng
ba giòng máu Bắc - Trung - Nam
chảy từ huyết thống Văn Lang Lạc Hồng

Hồng Hà - Trà Khúc - Cửu Long
đang chờ khơi sóng xanh trong thuở nào
bùng lên hải đảo, miền cao
nguồn sinh lực mới vẫy chào Tự Do

hãy thôi danh lợi mơ hồ
hãy thôi tàn phá cơ đồ ngàn năm
xin cùng khởi bước đồng hành
góp công tái tạo bức tranh sơn hà

bởi từ hồng thủy can qua
đã làm hoen ố bao tòa sử kinh
Người phân hóa . Đất điêu linh
Nguồn xa . Cội nhạ trong tình cháu con.

Cao Nguyên

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Cao Nguyên là bút hiệu của Võ Tiến.
Sinh năm 1945 tại Phú Yên / Việt Nam.
Cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam
Cộng Hòa.
Sinh hoạt Văn Học:



- Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vùng Đông Bắc Hoa Kỳ
- Hội viên Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật vùng Hoa Thịnh Đốn
- Chủ Nhiệm Câu Lạc Bộ Hùng Sĩ Việt/Miền Đông Hoa Kỳ.



Nhà văn diễn giả Nguyễn Lâm, Nhà thơ tác giả Cao Nguyên và Nhà Văn Phong Thu trong buổi Ra Mắt Thi Phẩm Thao Thức, 5/25/2014 tại Virginia.

VỀ BÀI THƠ “RỪNG ỒI” trong thi phẩm “Thao Thức” của Nhà Thơ Cao Nguyên

(Đọc trong buổi ra mắt tập thơ Thao Thức của Nhà Thơ Cao Nguyên - Lê Mai Lĩnh)

Kính thưa quý vị, quý văn thi hữu,
Tôi xin được nói về một bài thơ trong tập thơ Thao Thức, bài Rừng Ồi .

Tôi đã đọc bài thơ Rừng Ồi từ nhiều năm qua, đọc không biết bao nhiêu lần. Mỗi lần đọc, cảm xúc tôi vẫn trào dâng, đọc đến lạc giọng theo tiếng khóc. Tôi bị lời thơ của Rừng Ồi chế ngự không còn tự chủ được mình, dù tôi cũng là một người làm thơ, biết nặng nhẹ từng câu chữ mình sử dụng. Với bài Rừng Ồi, tôi đã chiêm nghiệm và nhận ra, Cao Nguyên không phải là một thi sĩ. Cao Nguyên là một tín đồ của Thơ Giáo. Cao Nguyên không biết làm thơ, vì bài Rừng Ồi có ngôn từ vượt trên cõi thơ, chữ nghĩa hóa thân vào hồn thiêng lá cỏ của tình rừng núi cuu mang. Bởi Cao Nguyên sống với rừng tây nguyên nhiều năm. Nên khi lửa hận thù bùng lên đốt cháy rừng, không còn chỗ dung thân, Cao Nguyên bay đi như con chim trốn lửa. Bay đi với những ngoáy nhìn quặn thắt lòng đau:

lúc ta đi, rừng sâu còn gún lửa
lửa hận thù, cháy quá nửa đời ta
cháy bỏng màu da, làm sao lành vết sẹo
chung niềm đau, ta chẻ máu nuôi rừng

*nửa máu ta có giúp rừng sống lại
đất có mừng lá biếc nảy chồi xanh
cây có vui khi chim về hái trái
hoa có cười cho hương tỏa vây quanh?*

Ngôn ngữ, hình ảnh, tư tưởng như thế không phải là thơ. Ngay lúc thoát khỏi hoài niệm, trí tưởng gợi lên một chuyến trở về nhìn lại rừng xưa:

*về xem nắng gheo hoa tươi rói mặt
về thăm cây lành hằn vết thương chưa
về ngồi giữa nắng mưa nghe đất hát
khúc đồng dao từ những khát khao xưa!*

Đó không phải là thơ . Đó là lời kinh của một tôn giáo mới mà ngôn ngữ Cao Nguyên vừa sáng lập.

Thưa quý vị và quý văn thi hữu,
Một bài thơ hay như Hữu Loan với Màu Tím Hoa Sim, như Hoàng Cầm với Đêm Liên Hoan, như Phùng Quán với Lời Mẹ Dặn ... Là quà tặng của Thượng Đế dành cho tác giả. Cao Nguyên cũng nhận được quà tặng của Thượng Đế là bài Rừng Ồi. Trong cảm nhận của tôi, ngôn ngữ của Rừng Ồi vượt trên ngôn ngữ của thơ. Bởi đó là hồn của Rừng. Đạt đến điều đó, Cao Nguyên vượt trên danh vị của thi sĩ. Bởi vì anh gọi được hồn của rừng bằng chữ nghĩa, bằng màu sắc, bằng âm thanh ... Những thứ mà một thi sĩ bình thường không thể nào gom đủ cho một tác phẩm. Nếu quý vị có thời gian chiêm nghiệm bài Rừng Ồi, quý vị sẽ nghe niềm đau của Rừng trong lửa đời oan nghiệt. Quý vị sẽ đồng lòng trắc ẩn với Rừng Ồi.

Mỗi khi đọc Rừng Ồi, tôi không nén được tiếng khóc. Cảm xúc tôi hòa nhập vào từng



chữ, từng dòng thơ, tưởng chừng một phần cuộc sống của tôi bị đốt cháy, bị bứt lìa khỏi

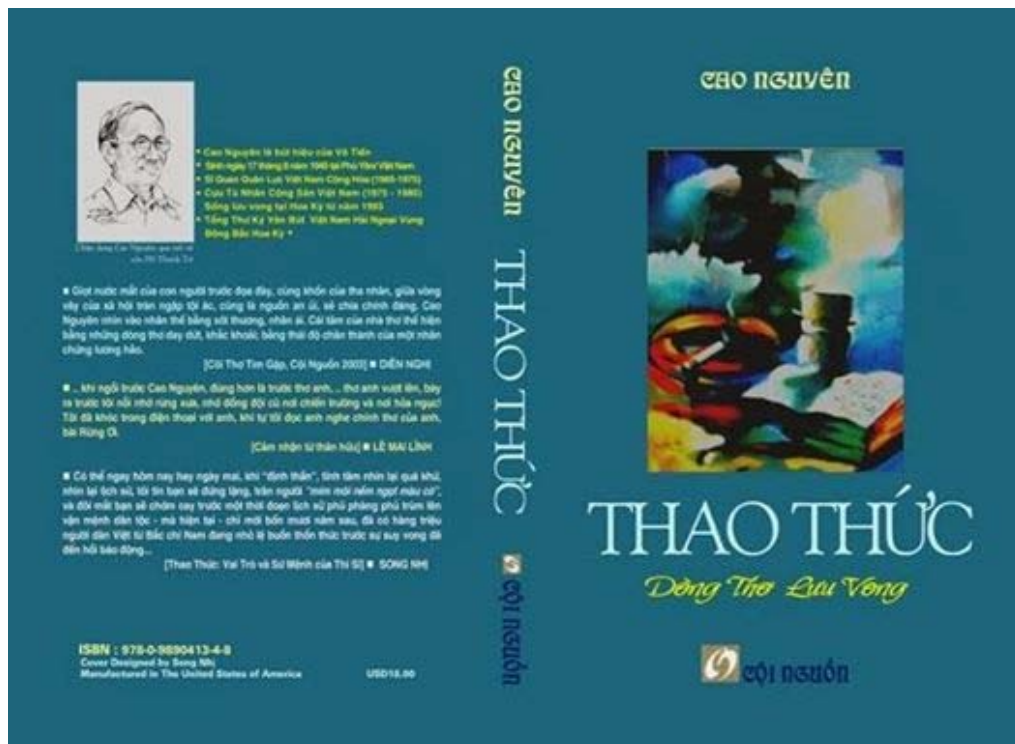
một kiếp người. Rừng và chúng tôi đã cưu mang lẫn nhau như chúng tôi đã cưu mang từng mảnh đất quê hương trong tim mình.

Cảm ơn tiếng gọi tha thiết Rừng Ôi của Cao Nguyên. Tiếng gọi của hồn thiêng sông núi Việt Nam. Tiếng gọi làm nên phẩm giá của một tác phẩm chứa cả chân thiện mỹ. Rừng Ôi là một bài thơ tuyệt vời trong thi ca Việt Nam .

*thơ ta đó, rừng ơi! ru chút nhè
ta chưa về thăm đất mẹ chiều nay
sợ hàng cây còn long lanh ngán lệ
ta với rừng sẽ khóc giữa vòng tay!*

Thân mến chào quý vị, quý văn thi hữu.

Lê Mai Lĩnh



Áo Trắng Học Trò

Áo trắng ngày xưa đã nhạt rồi
Theo dòng đời cuốn tuổi thơ trôi
Còn đây năm tháng sàu xa cách
Kỷ niệm mờ dần mộng ước rơi

Thườ ầy hoa reo lá thắm cành
Đường dài như hiểu giấc mong manh
Ngại ngừng thư ngộ chân chùn bước
Tà áo thẹn thùng giấu mộng xanh

Tình anh theo gió mãi thắm thì
Suối tóc nào hay anh đã si
Gọi nắng về tô hồng má thắm
Để hàng me rục bước em đi

Sỏi đá sân trường cũng có nhau
Còn anh một mối vướng tơ sàu
Trương tư niềm nỗi vẫn thơ lạc
Mực bút than buồn quận nỗi đau

Anh giờ xa mãi tận chân mây
Áo nhạt phong sương vẫn ước đây
Cô bé mi nhon xưa diễm tuyệt
Còn chẳng vóc liễu dáng thon gầy?

Uyên Phương Minh Nguyệt

Uyên Phương Minh Nguyệt:

Sinh quán tại Sài Gòn. Rời Việt Nam năm 1979 và định cư tại Hoa Kỳ năm 1980. Cử nhân học sinh trung học Hùng Vương Sài Gòn VN. Cử nhân kế toán University of Houston (UH). Tác phẩm: Tập thơ *Giữ Mãi Giữ Anh*, do Cơ Sở Văn Học Cỏ Thơm xuất bản, Hoa Kỳ, năm 2011.



Cộng tác với: Văn Học Nghệ Thuật Biên Khảo Cỏ Thơm (VA), Văn Đàn Đông Tâm (TX), Tuyển Tập Văn Học Nghệ Thuật Hải Ngoại CLB TNS, Nguyệt Báo Sóng Thần, Giao Mùa (VA), Tạp Chí Thế Giới Mới (TX), Báo Trẻ(TX). Thơ, ngâm thơ, hát và trình diễn hoạt cảnh đăng ở các websites online: youtube.com, motgocpho.com, vnthuquan.net, cothommagazine.com, vandandongtam.net, phunuviet.org, vantholacviet.net, dac trung.net, vantuyen.net, vietbang.com, hatnang.net, hathaykhongbanghayhat.org, vietnamlibrary.informe.com, v.v.
Những CDs gồm có: Những dòng thơ Uyên Phương Minh Nguyệt(1,2,3) do Uyên Phương Minh Nguyệt diễn ngâm, Những dòng thơ tình của TTKH, VHC, Bùi Giáng v.v. do Uyên Phương Minh Nguyệt diễn ngâm, 12 ca khúc gồm một số bài phổ từ thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt do Uyên Phương Minh Nguyệt và Minh Khoa trình bày.

MÙA XUÂN BỎ LẠI

Ỡ-Nguyên

(Tiếp theo Cỏ Thơm 66)

Viếng Mộ Cậu Em

Trước Tết vài ngày, tôi thuê bao một chuyến xe lam cho cả gia đình đi thăm mộ cậu Khôi. Khi xe vừa tới đầu nghĩa trang, mẹ tôi đã òa lên khóc và kể lể đủ điều ... Mộ mới đắp nhưng đã mọc đầy cỏ dại. Tôi thuê mấy đứa nhỏ dọn cỏ và tưới hoa đắp đất. Đứng trước mộ phần cậu em, tôi lâm râm khấn nguyện trong khi mẹ tôi sai hai anh em Thi và An bày các món ăn, hoa trái lên trên mộ. Mọi người thấp nhang khấn vái dưới sức nóng và ánh nắng chói chan của buổi xế trưa. Ngược nhìn khói nhang mờ ảo cuộn cuộn bay lên, tôi hình dung thấy bóng người em trai út của tôi đang nhìn tôi mỉm cười. Tôi ôm ghi lấy mẹ mà lòng mình thương cảm dâng tràn.

Rời nghĩa trang, chúng tôi đến chùa Giác Ngạn chiêm bái Phật và viếng cốt bó tôi, anh Kỳ và cô Tâm. Anh tôi hy sinh ở mặt trận Đồng Xoài, tháng 6 năm 1965 và được mai táng tại nghĩa trang Quân Đội Gò Vấp, về sau nghĩa trang này bị phá bỏ, mẹ tôi phải bốc mộ và đem thiêu cốt rồi đưa tro về chùa này. Bố tôi đau buồn sau cái chết của anh tôi nên lâm trọng bệnh và ra đi một năm sau đó. Bây giờ cả ba người thân của tôi đều được gửi nằm tro tàn nơi cửa Phật tại chùa Giác Ngạn. Chắc chắn sau này mẹ tôi cũng sẽ đưa đi cốt cậu Khôi về chùa này thôi.

Viếng Thăm Nhà Cũ

Trên đường về, tôi ghé thăm căn nhà cũ ở đường Hùng Vương, Thị Nghè (bây giờ là Xô Viết Nghệ Tĩnh). Vì nhà cửa hai bên đường kiến thiết lại quá nhiều, khó mà nhận diện được căn nhà của mình. Đi tới, đi lui, hỏi thăm vài người quanh đó và sau rồi cũng tìm được căn nhà thân yêu của vợ chồng tôi ngày nào. Căn nhà mặt tiền mang số 3XX mà chúng tôi mua của ông bà Phùng, đang ở ngay trước mắt tôi. Ôi, không sao lý giải được những gì đã xảy ra qua bao năm trường xa vắng. Càng nghĩ càng thấy nhức nhối, càng thấy vô lý.

Tôi đang đứng trước căn nhà có cửa kéo bằng sắt, trước kia chúng tôi sơn màu đen, nay là màu xanh dương bạc màu nhợt nhạt, ri sét và bụi bặm. Trước cửa nhà có treo một bảng hiệu "Hợp Tác Xã" do uỷ ban phường chiếm dụng từ sau năm 75 để dùng làm thí điểm bán gạo. Đây, căn nhà lý tưởng của vợ chồng tôi, với bao công lao đã vất vả, dành dụm, tạo dựng lên, để rồi thời cuộc đổi thay, nó đã thuộc về kẻ khác. Nghĩ mà ngậm ngùi luyến tiếc. Tôi vẫn tưởng như mình đang mơ! Lòng thần thờ, tâm trí miên man...Tôi mừng tượng thấy chị Mười, người giúp việc đang đứng trước cửa nhà đút cơm cho bé Phượng, đứa con gái út của chúng tôi. Ông xã tôi đang rửa chiếc xe Suzuki đen bóng mà ông ấy rất nung niu, cưng chiều vì nó là phương tiện di chuyển chính yếu của gia đình. Và kia, Long, con trai tôi, và Ly, con gái tôi đang chạy nhảy, đùa rờn với mấy đứa bạn lối xóm. Bên cạnh đây, bà nội các cháu đang

phe phẩy chiếc quạt giấy trong tay, ngồi nhai trầu bồm bồm... Ôi, cũng tại nơi này, mà sao hôm nay tôi lại đứng đây một mình!

Thăm Lại Toà Đại Sứ Mỹ

Rời đường Hùng Vương, tôi ghé qua toà Đại Sứ Mỹ trên đại lộ Thống Nhất (nay là đường Lê Duẩn) nơi tôi đã làm việc ngày xưa. Con đường này vẫn thênh thang rộng lớn như ngày nào. Người ta vẫn có thể đứng nhìn thẳng suốt từ đầu đường Nguyễn Bình Khiêm (Số Thứ) tới Dinh Độc Lập qua những hàng cây cao phủ bóng rợp hai bên đường.

Tôi dừng lại trước tòa nhà trắng 6 tầng lầu đã có lần mang tên "US Embassy - Toà Đại Sứ Mỹ". Toà Đại Sứ Mỹ lúc đó bị bỏ trống và được canh gác cẩn mật. Nghe nói chính phủ mới sẽ giữ lại cơ sở này cho người Mỹ trở lại trong nay mai. (bây giờ là Toà Lãnh Sự Mỹ ở Sài Gòn - US Consulate in Sài Gòn) Mọi nơi, mọi chốn, mọi cảnh vật tại đây đã gọi lại trong tôi những kỷ niệm khó mở phai... Tôi đang đứng trước toà cao ốc đồ sộ mà cách đây hơn 30 năm tôi đã dự buổi lễ đặt viên đá đầu tiên dưới sự hiện diện của Thủ Tướng Phan Huy Quát và đại sứ Mỹ Cabot Lodge. Tôi làm việc cho Toà Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn cũng khá lâu, từ năm 1963 tới ngày mất miền Nam tháng Tư năm 1975.

Sau đó tôi viếng thăm công trường Hai Bà Trưng ngay sát bên sông Sài Gòn. Tượng hai Bà nay đã được thay thế bằng tượng Đức Trần Hưng Đạo ngạo nghễ, oai phong. Phía bên này bờ sông là một nhà hàng nổi sang trọng của Úc Đại Lợi. Nhà hàng này hình như dành riêng cho người ngoại quốc hoặc các đại gia vì giá biểu rất cao. Người dân bình thường hay ngay cả

người Việt hồi hương thứ tép riu như tôi chắc không dám bước vào.

Hôm ấy nước sông Sài Gòn vẫn phẳng lặng êm trôi, đẩy đưa những chuyến đò ngang như ngày nào từ bên này Sài Gòn sang bên Thủ Thiêm bên kia sông. Ngay chỗ bến sông này đây, xưa kia ông xã tôi thường chở xe Suzuki đưa bốn mẹ con ra đây hóng gió và ăn khô mực hay khô bò vào những chiều cuối tuần. Bây giờ hàng quán chiếm gần hết chỗ, khách tản bộ đi hóng mát khó mà tìm được một khoảng trống thoải mái cho gia đình. Khách sạn Majestic ngó ra bờ sông Sài Gòn giờ trông vẫn nguy nga ở góc đường Tự Do (Đông Khởi bây giờ) và bến Bạch Đằng. Dưới lê đường, mấy bác xích lô ngồi châu chực đợi khách. Họ bập bẹ ít câu tiếng Anh "bồi" mời chào khách ngoại quốc. Nhìn họ tôi liên tưởng tới câu chuyện được nghe kể lại là đã có nhiều sĩ quan của Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà lúc trước, sau khi đi tù về phải sống vào nghề đạp xích lô, và lóp xe đạp hoặc buôn bán hàng quán bên lề đường để kiếm sống, nếu không sẽ bị đưa đi vùng kinh tế mới, nên mới có câu về thực mĩa mai: "*Đầu đường đại tá và xe, cuối đường trung tá bán chè đậu đen*". Cuộc đời đổi trắng thay đen, lên voi xuống chó là vậy.

Hôm 28 Tết, tôi rủ mấy cô cháu gái đi thăm viếng chùa Vĩnh Nghiêm ở đầu cầu Trương Minh Giảng. Ngôi chùa nổi tiếng của miền Nam một thời, giờ trông vẫn nguy nga và trang nghiêm dưới vòm trời xanh, vậy mà tôi có cảm tưởng như chùa không còn cái sắc thái tôn nghiêm như xưa kia. Một sự vắng vẻ quanh hiu bao trùm. Được biết Hoà Thượng Thích Thanh Kiểm vẫn trụ trì ngôi chùa này nhưng các chư tăng an trú

tại đây bây giờ hầu hết là các sư trẻ mà người Sài Gòn gọi là "Sư Quốc Doanh".

Rời chùa Vĩnh Nghiêm, cô cháu chúng tôi đi ra coi chợ hoa trên đường Nguyễn Huệ. Mọi người tản bộ len giữa những dãy chậu hoa đủ loại, đủ màu sắc bày la liệt hai bên lối đi. Dãy này từng loạt hoa cúc vàng chói, dãy kia hoa hồng tươi thắm như đang cười đón chúa Xuân. Từng chậu quất, chậu kiểng được cắt tỉa rất khéo léo công phu, bày bán ở khắp mọi gian hàng. Trời nắng chói chang, hơi nóng lại được dịp thiêu đốt thiên hạ mà mấy bà người Bắc vẫn phải cầm những cánh mai, cành đào tươi he hé nụ, mời chào khách hàng tại các góc đường. Kê bán nhiều hơn người mua. Thiên hạ dạo chơi chợ Hoa, chụp hình nhiều hơn đi sắm Tết.

Từ chợ hoa, chúng tôi đi sang phía rạp cinema Rex, băng qua một công viên nhỏ ngay trước Tòa Đô Chánh cũ là thấy Vũ trường Queen Bee. Bên kia đường là tòa nhà Quốc Hội của VNCH khi xưa. Dọc theo đường Lê Lợi, mấy cô cháu ghé vào vài tiệm sách mua ít sách dạy Việt ngữ và tự điển. Tự nhiên lúc này tôi chợt nghĩ gia có ông xã đi cùng để ôn lại với nhau những kỷ niệm của hai đứa khi đang còn yêu yêu, giận giận ngày nào thì vui biết mấy. Những đường phố này ngày xưa rất quen thuộc với tôi. Hai đứa tôi thường dung dăng dung dẻ trên khắp các đường phố. Rạp Rex hay rạp Eden là hai nơi chúng tôi thường có mặt mỗi chiều thứ Bảy hay Chủ Nhật cũng như tiệm kem Mai Hương (nay là tiệm kem Bạch Đằng) ở góc đường Pasteur/Lê Lợi, tiệm nước mía Viễn Đông cùng những xe đu đủ khô bò ở góc đường Pasteur sau Bộ Công Chánh là những nơi chúng tôi không thể thiếu xót. Hôm nay nhìn lại dấu tích

xưa, kỷ niệm cũ tôi thấy hồn mình tràn lên một niềm luyến nhớ mông lung khó tả.

Đón Xuân Ất Dậu

Chiều 30 Tết, tôi phụ mẹ và mợ Khôi nấu nướng thức ăn để cúng rước Ông Bà. Những món ăn thuần túy của người Bắc mà mẹ tôi thường nấu lúc xưa vào những ngày Tết nhất là cá thu kho với chân giò và dưa chua. Một nồi thịt kho tàu, vài đĩa thịt đông, giò chả, nem chua và bánh chưng mua ở chợ Dakao. Trước Tết mẹ nén một vài dưa hành thực lớn để dành, ăn hết tháng Giêng vẫn còn.

Ngày trước lúc còn ở nhà với mẹ, mỗi chiều 30 Tết, tôi thường giúp mẹ dọn dẹp nhà cửa, lau chùi lư đồng, bát nhang, sắp xếp hoa trái lên bàn thờ và đợi tới giao thừa cúng vái Tô Tiên xong đưa mẹ đi lễ Lăng Ông, xin lộc đầu năm. Sau khi tôi lập gia đình mẹ cũng ít đi lễ đêm mà thường đợi vợ chồng tôi lên chúc tết rồi sau đó đưa cụ đi lễ Lăng Ông và nhiều ngôi chùa khác. Bây giờ mẹ tôi tuổi đã cao nên cụ chỉ nấu xôi chè, một mâm cơm chay để cúng các cụ, và một mâm ngũ quả để trưng bày trên bàn thờ Phật ba ngày Tết.

Tôi hồi hộp chờ đón giờ phút thiêng liêng của đêm giao thừa, tiễn đưa năm cũ, đón mừng năm mới. Nhìn quanh trong xóm, nhà nào cũng bày hoa quả, đèn nhang, xôi chè, bánh mứt để chờ cúng giao thừa. Những tràng pháo dài hằng thước đã được treo sẵn ở trước hiên nhà. Ngoài đường lộ, thưa thớt vài chiếc xe gắn máy phóng nhanh về nhà cho kịp giờ đón giao thừa. Còn nửa tiếng đồng hồ nữa tới 12 giờ đêm. Pháo bắt đầu nổ rền vang khắp mọi nơi. Lăm lăm tiếng pháo nổ quá lớn làm tôi liên tưởng ngay đến tiếng súng và tiếng đạn

pháo kích trong đêm giao thừa Tết Mậu Thân năm 1968.

Những mùa Xuân xa xưa, người dân đốt pháo mừng đón chúa Xuân. Đêm nay, lần đầu sau cuộc chiến, thành phố Sài Gòn lại được chìm trong tiếng pháo. Nhưng sao tôi vẫn cảm thấy nom nớp lo sợ vì hoạ hoạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đã lâu dân chúng Sài Gòn không được đốt pháo (1975-1993), năm nay được đốt pháo thả dần nên họ có tận hưởng giây phút này, có lẽ vì sợ rằng những năm kế tiếp chẳng biết còn được tự do đốt pháo như vậy nữa không? Pháo nổ vang trời. Mùi thuốc pháo nồng nặc như mùi thuốc súng lọt vào nhà qua các khe hở của vách gỗ, làm tôi sặc sụa, ngọt ngào khó chịu. Tôi phải lấy khăn tay nhúng nước lạnh để che phủ lấy mặt. Nhức đầu vì những tiếng pháo chát chúa liên tục, tôi bịt chặt cả hai tai và đứng sát ngay trước quạt máy để mong hít thở chút ít không khí sạch, không quện mùi khói pháo.

Đúng nửa khuya, khi đồng hồ trên tường vừa buông 12 tiếng... chuông Chùa đầu đó ngân vang, nhà thờ chuông đổ liên hồi như hoà nhịp cùng dân gian đón mừng Năm Mới. Nhà nhà thấp nhang khấn vái dưới mái hiên. Pháo lại nổ rền hơn nữa, tưởng chừng như chẳng bao giờ ngừng. Báo chí ngoại quốc chỉ trích Việt Nam than nghèo mà tiền pháo tiêu cho Tết năm này lên tới hàng tỉ bạc? Sự thực là vậy, nếu bạn được chứng kiến cảnh pháo đốt ở Sài Gòn năm Ất Dậu này, bạn cũng sẽ công nhận điều đó quả không sai. Tiếng pháo vẫn cứ ròn rã liên tục nổ tới 3, 4 giờ sáng.

Sáng ngày Mồng Một Tết, pháo vẫn nổ tung bùng như để đón mừng Xuân mới. Tại nhà mẹ tôi, các cháu, chắt, đầy đủ không thiếu một ai đến chúc tuổi mẹ tôi. Cháu Khánh xông đất bằng một bánh pháo dài, nổ ròn rã trước khi mọi người bước vào

nhà chúc tuổi bà ngoại, bà cố. Hôm nay nhà mẹ tôi chật ních con cháu. Mẹ tôi mừng lắm! Nhìn cụ thực vui và hân hoan trong bộ áo dài lụa màu nâu nhạt điểm những cánh hoa mai trang nhã, vắn tóc trần, chân đi đôi hài cườm nhưng, mà tôi nghĩ đã lâu lắm rồi kể từ khi bố tôi qua đời hơn hai chục năm qua, bây giờ mẹ mới có dịp xỏ chân vào. Vòng vàng xuyên vàng cùng chuỗi ngọc, bông tai mà mẹ cất kỹ từ lâu hôm nay mẹ đem ra đeo vào người hết, tôi thấy mẹ trông sang trọng hẳn lên. Với nước da trắng hồng, hàm răng đen nhánh hạt na, cười nói và chúc mừng con cháu vây quanh bà đã thể hiện nét khoẻ đẹp thanh lịch của một lão bà dù cụ đã ở gần tuổi tám mươi. Ngấm dáng dấp mẹ, tự nhiên lòng tôi bùng lên một niềm vui khôn tả. Mọi người chuyện trò vui vẻ. Các cháu tỏ vẻ thích thú vì có cô từ Mỹ về ăn Tết! Thực hạnh phúc thấy các cháu tề tựu tại nhà mẹ tôi trong ngày đầu Xuân như vậy. Tôi không dám nghĩ tới những điều gì khác hơn là tận hưởng những giây phút yên vui thanh thản này bên mẹ già và bên các cháu.

Ngày Tết có khác, các cửa tiệm đều đóng cửa. Đường phố thưa người, ngoại trừ thiên hạ ăn diện đi lễ nhà thờ, lễ chùa xin xăm, hái lộc hay đi chúc Tết họ hàng. Đây là dịp để mấy xe taxi, xe ôm, xe xích lô đập kiếm tiền trong 3 ngày Tết; những người ăn mày ăn xin nhận được tiền bố thí khá hơn ngày thường tại các cổng chùa, cổng miếu hay cổng nhà thờ. Một cảnh thanh bình đang diễn ra ngoài sức tưởng tượng của tôi. Tôi đang thực sự đón nhận một mùa Xuân yên vui nơi quê hương ... Ngày Xuân với nắng ấm của miền Nam mà tôi đã từng được nuôi dưỡng trong chuỗi ngày thơ ấu giờ như trở lại khiến tôi cảm thấy lâng lâng khó tả. Tôi nhắm mắt lại để

tận hưởng giây phút thiêng liêng này, vì biết rằng mình sẽ mất nó trong nay mai.

Tạm Biệt Sài Gòn

Thế rồi ngày vui cũng qua mau...

Ngày 12 Tết, tôi lên đường trở về Mỹ trong một sáng Xuân còn ngập đầy xác pháo. Lòng nôn nao với buồn vui lẫn lộn. Ngày về tôi háo hức bao nhiêu, ngày lên đường trở lại Mỹ, tâm tư lại bồn chồn bấy nhiêu.

Hôm đó, mẹ tôi và các cháu đều có mặt tại phi trường TSN để tiễn chân tôi. Mẹ khóc sụt sùi như lúc đón tôi, làm tôi mũi lòng rơi lệ. Một tháng trời qua đi quá nhanh, ngày nào tôi hồi hộp thấy lại quê hương mà hôm nay lại sắp phải xa lià mảnh đất thân yêu một lần nữa. Tôi về mẹ mừng, mẹ vui; hôm nay tôi đi mẹ lại nuôi hy vọng, mong đợi ngày về của tôi... Mẹ ôm tôi nức nở, dặn dò khuyên nhủ đủ điều như không muốn rời tôi ra trong vòng tay gầy guộc, run rẩy của người.

...Những bàn tay vẫy những bàn tay

...Những đôi mắt ướt nhìn đôi mắt

...Buồn ở đâu hơn ở chốn này ...

(Bóng Người Trên Sân Ga -Thơ Nguyễn Bính)

Bóng dáng mẹ hiền thân yêu khuất dần, khuất dần trong lớp người bịn rịn, tiễn đưa. Tôi lủi thủi theo sau đoàn du khách bước lên cầu thang ra sân bay. Tâm trạng bần thần. Lúc đi tôi mang theo tất cả những mong ước, để rồi trở về trong sự ước mong.

Ôi! những cuộc chia xa sao muôn-đời-vẫn-thế ...

Ỗ Nguyễn (Maryland)
(Trích "Từ Một Vùng Ký Ức ")

TIỂU SỬ

Nguyễn Thị Yến, biệt hiệu Ỗ Nguyễn . Sinh tại thành phố Cảng Hải Phòng. Nhân viên Toà Đại Sứ Hoa Kỳ (1963-1975) tại

Sài Gòn. Tại thành phố Albuquerque, NM đã làm việc với Chương Trình Định Cư; Phụ Tá Giám Đốc Trung Tâm Cộng Đồng (1975-2005); Asian Outreach Director trong giai đoạn tái tranh cử của Thị Trưởng Martin Chavez. Dạy Việt Ngữ qua chương trình Continuing Education của Viện Đại Học UNM. Phó Chủ Tịch Hội Á Mỹ Tiểu Bang NM. Hiện cư ngụ cùng phu quân Phạm Bá tại North Potomac, Maryland - USA. Đã tham gia trong ban biên tập: - Tập San Hương Việt, Cộng Đồng Người Việt tiểu bang New MexicoHiên đang hợp tác với:- Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm tại Miền Đông Hoa Kỳ- Nguyệt San Kỷ Nguyên Mới tại Miền Đông Hoa Kỳ- Nguyệt San Bút Tre tại tiểu bang Arizona- Đặc San Nguồn Đạo, Chùa Giác Hoàng — Washington DC





Tên thật Đỗ Trảng thị Mỹ Hạnh. Sinh quán Đà Nẵng. Lớn lên ở Sài Gòn và định cư tại Hoa Kỳ từ 04/1985. Hiện cư ngụ và làm việc tại tiểu bang Maryland. Cộng tác với Cơ Sở Cỏ Thơm từ 1996, hiện là Tổng thư ký. Chủ biên Tuyển Tập Thơ Cỏ Thơm "Mùa Tình Yêu", 2000. Viết tùy bút và làm thơ dưới bút hiệu Ý Anh.

Con đường

Sáng bình minh chiều hoàng hôn
Những chuyến xe đi mỗi hồn
Nhìn lên từng con dốc ngược
Mây như sóng đổ dập dồn.

Khô theo nắng trắng theo mưa
Con đường hiu quạnh mùa đưa
Những chuyến xe đi không tới
Nơi người buồn hoài đứng đợi.

Sáng đỏ sương chiều mây khói
Quạnh quơ tìm người để hỏi
Con đường chờ vợ quay lại
Mình tôi thả giấc mơ dài.

Ý Anh

Về Lại CHỖ XƯA

Anh về lại chốn xưa
Em không còn đó nữa.
Những lời hẹn hò truyện đôi lứa
Của hai đứa mình như còn vang vọng
mãi đâu đây.
Nhớ ngày xưa, bên sông nước Hồ Tây
Nắng vàng trải nhẹ trên hàng cây
phượng vĩ.
Đường Cổ Ngư ve sầu kêu rền rĩ
Như tấu dùm mình nhạc khúc chia ly
Anh ngậm ngùi rời Hà Nội ra đi
Nhưng vẫn nghĩ sẽ có ngày tái ngộ
Ai ngờ định mệnh vô tình làm tan vỡ
Mối tình đầu cứ ngỡ đẹp như mơ.
Bao năm qua anh sống với đợi chờ
Ước vọng có ngày trở về quê cũ
Nào ngờ em không chờ gặp anh
được nữa
Mà đã trốn vào giấc ngủ ngàn thu.

Hồng Thủy



MỘNG ĐỜI VÀ THỜI GIAN

Trần Tam Nguyên

Ngồi bên cửa sổ em ngắm nhìn những đám mây bay trên bầu trời ngập tràn ánh nắng, "màu nắng vàng không nồng lắm và trong như lọc, da trời xanh lơ lơ một thứ màu xanh e lệ của một thời tiết muốn đẹp nhưng còn ngập ngừng". Bóng chiều lần lượt chạy từ triền núi xuống đồng ruộng rồi chột mắt, chỉ còn để lại một trạng thái triền miên nửa vời. Chiều xuống dần và đêm đến, những ngôi sao trên trời đã hiện ra. Em nghe đâu đây vang vọng lời ca buồn tình từ: "*Không có em buồn vui với ai, không có em lựa gấm nhạt phai*", Và "*em là phân thơm cho đời chút hương, làm hồng chút môi cho anh nhờ!*". Rồi những lời ca thật buồn: "*Có lẽ nào phó buồn đến thế, để hàng cây ngỡ ngác đèn khuya. Có lẽ nào tôi buồn đến thế, có lẽ nào quãng đường xa thế, để bàn chân không muốn tìm về*". Em chợt cảm thấy những kỷ niệm chạm vào làn da giống như em đi xuyên qua những cánh cửa trong suốt và em nghĩ đến ca sĩ Isabelle Boulay, nàng bông dung nhớ đến người yêu khi đi trên đường phố Montréal bằng lời ca:

*Vào những ngày cuối tháng mười
Sang đầu tháng mười một
Bầu trời Montréal màu hồng
Rồi biến thành màu xanh*

*Em đi vội vã
Một mình giữa đám đông người
Trên đường phố Montréal rộn rã*

*Em bước đi rồi chạy trên con đường dốc
Mont Royal
Những hàng cây đã trụi lá
Những đàn sáo xanh đang chui vào tổ
Con đường đất đi xuống thật dồn dập nhịp nhàng
Em bỗng nhớ đến người yêu!
Người yêu dấu ơi!*

Em đã đọc thuộc lòng những lời kinh cầu nguyện trường cửu mà người ta lặp lại mỗi khi muốn giúp đỡ một trái tim đổ vỡ, nhưng những lời nói đó không làm được gì cả. Không có gì trong lời nói đó và chẳng bao giờ có thể đem lại hạnh phúc cho một người tự cảm thấy đang ở trong một tình trạng đen tối nhất bởi vì người đó đã bị mất người mình yêu. Nếu hy vọng trống rỗng là thế giới bên ngoài thì ngược lại đối với em nó quý giá gấp hai lần ở thế giới bên trong. Địa ngục hiện hữu, và em biết rằng bây giờ sự khủng khiếp của nó nằm ở nơi này và nó chỉ được làm những mảnh vụn của thiên đàng. Và con đường từ thiên đàng trên trời xuống đến địa ngục chấp nối qua em: mưa rơi. Phải có một sự hỗn mang nội tâm để có thể sinh ra một ngôi sao nhảy múa và những nàng thơ là những bóng ma và chuyện đó xảy đến khi những nàng thơ đó bước vào sân khấu cuộc đời mà không được mời.

Người ta không học hỏi được gì cả khi đọc những cuốn sách. Người ta chỉ học hỏi được khi bị va chạm những cú thật đau.

Không có gì bí hiểm hơn là gặp một người ở tận cùng đau khổ, lạc mất trong mê lộ cuộc đời. Jacques Brel đã hát lên lời ca: "mây ơi, mây không phải chỉ một mình, mây đừng khóc nữa đứng trước mọi người chỉ bởi vì một cô bé lỡ cỡ, bởi vì một cô gái tóc hung già, mây hãy thôi đi, tao biết mây có trái tim chan chứa, nhưng mây phải nâng nó lên. Hãy tin tao là cuộc đời không dâng tặng cho mây đâu, nếu muốn có một cuộc đời mây phải đánh cắp lấy nó". Bạn bè là những thiên thần nâng đỡ khi đôi cánh của chúng ta không còn nhớ làm thế nào để bay lên. Một tình yêu lớn là hai giấc mơ gặp nhau và hai người đồng lửa thoát chạy đến chỗ tận cùng của sự thật và chính số phận phân phát những tấm thẻ bài trong cuộc chơi cờ bạc, trong cuộc đời, nhưng chính chúng ta chơi những tấm thẻ bài đó.

Nhìn những hình ảnh ngày cưới, em tự hỏi không biết những gì đã xảy ra và làm thế nào tình yêu này đã có thể biến mất? Và nhất là nó đã biến đi đâu. Phải chăng tình yêu có thể như một cái bóng và một người nào đó dẫn lên và mang nó đi theo? Cũng có thể quá nhiều ánh sáng đã gây nguy hiểm cho tình yêu, hay có lúc ngược lại, không có ánh sáng, cái bóng của tình yêu tự xóa sạch và kết thúc bỏ đi.

Con người không còn thời giờ để hiểu biết gì cả, họ mua nhiều thứ làm sẵn ở các tiệm tạp hóa, nhưng trên đời không có tiệm tạp hóa nào bán tình bạn bè nên nhiều người không có bạn. Và địa ngục nằm tất cả trong hai chữ: cô độc. Cô độc là chỗ sâu tận cùng của thân phận con người. Con người là động vật duy nhất biết tự cảm thấy cô đơn và biết đi tìm người khác. Hạnh phúc là một bong bóng bọt xà-bông, nó thay đổi màu sắc giống như móng cầu vồng và nó vỡ tung khi có người chạm đến. Yêu một người cũng là yêu hạnh phúc của người

đó, tình yêu giống như chất thủy ngân trong bàn tay; hãy giữ cho bàn tay mở ra, nó sẽ lưu lại trong lòng bàn tay, hãy thử nắm chặt bàn tay lại, nó sẽ lọt qua giữa các ngón tay.

Phương đông không khác phương tây, ngày xưa cũng như ngày nay, nội dung của cuộc sống luôn luôn gồm những mâu thuẫn to nhỏ, gồm những điều bất con người phải lựa chọn và thỏa hiệp. Đó là một chuỗi tranh chấp triền miên ở ngoại cảnh và trong nội tâm, mà bất cứ sự thỏa hiệp nào cũng làm đau chính mình. Phải chăng đó chính là bi kịch của con người?

Mâu thuẫn giữa người và người dường như tăng vọt trong một xã hội văn minh, một thế giới toàn cầu hóa này. Hình như chúng ta không nằm trong mùa xuân của loài người, mà ngược lại, ở vào giai đoạn khắc nghiệt của mùa đông đầy sự lạnh buốt của lòng người và giông bão của các vấn đề xã hội của con người. Nhưng cũng như trong thiên nhiên, trong những ngày đầy bóng tối và giá lạnh, sức sống và vẻ đẹp vẫn âm thầm chờ chực để được thể hiện. Xưa nay nhiều người đã cảm nhận điều đó. Có ước mơ và có thiết tha thì sẽ có một ngày, lúc đầy đủ điều kiện, sức sống và vẻ đẹp sẽ trở thành hiện thực như cảnh thông, cảnh đào, cảnh mai đã khoe sắc ngay giữa mùa đông. Con người vẫn sẵn sàng quên những thương tổn của những ngày tháng qua, của một đoạn đời, để sống với khát vọng và theo đuổi mộng đời.

Một người đàn bà gặp một người đàn ông dơ bẩn hư thừa và quyết định làm người đó trở thành một người trong sạch, đôi khi bà ta có thể thành công. Và chuyện thường xảy đến là một người đàn bà gặp một người đàn ông trong sạch và quyết định làm người đó trở thành dơ bẩn hư thừa thì bà ta luôn luôn thành công. Sự thỏa mãn của một người tùy theo hoàn cảnh, tâm

trạng của người đó: một người cỡi ngựa không được ngồi trên lưng ngựa để chạy luôn một mạch mười dặm đường thì thật không thoải mái, một người lái xe hơi không được lái chiếc xe một mạch một trăm cây số thì không thoải mái, một ông vua ngày xưa đi đến biên giới của nước mình mà không được vượt qua biên giới thì thật sự không thoải mái. Những gì người ta gọi là một lý do để sống cũng là một lý do tốt đẹp để chết.

Một loài hoa mọc từ ao hồ, đầm lầy, từ lòng đất ẩm ướt và dơ bẩn, đó là hoa sen, loài sen đã thu nhận cát bùn và chuyển hóa thành một đóa hoa đều đặn, hài hòa, tinh khiết và đầy hương thơm cao quý. Gốc của nó ở trong bùn đất nhưng ngọn của nó đón nắng và gió, tỏa hương sắc cho đời. Người ta nhận thấy những hạt nước nằm trên lá hoa sen đều cuốn tròn lại như những hạt ngọc trai và lăn đi rất nhanh, chúng cuốn theo cát bụi và không để lại chút dấu vết trên lá. Như thế hoa sen có tính chất bất cấu nhiễm, không dính mắc cát bụi thế gian, không có chỗ cho sự ràng buộc. Những tính chất đó khiến hoa sen trở thành biểu tượng của sự giải thoát, của sự thành tựu, là đạo, là con đường của sự chuyển hóa.

Tinh thần của những tiểu thuyết gia là nơi cư ngụ, hay có thể là nơi bị chiếm hữu bởi các nhân vật của họ, tất cả giống như tinh thần của một người đàn bà dân quê tin dị đoan hay tinh thần của một người điên bị ma quỷ ám. Người đọc có thể được xem như là nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết, cũng giống như tác giả, và cuốn tiểu thuyết được làm giàu theo trí tưởng tượng của người đọc, không có người đọc thì chẳng làm được gì cả. Thời gian đọc sách luôn luôn là thời gian bị đánh cắp. Vì vậy không còn ngờ vực lý do tại sao người ta

tim thấy trong đường xe điện ngầm là thư viện lớn nhất của thế giới.

Chuyện những tác phẩm hợp tác sáng tác không có gì là khác thường và đặc biệt gì cả. Thí dụ như truyện vẽ Manga của người Nhật. Tập thể nhóm người đưa ra những ý tưởng và dựng lên một sơ đồ tóm lược, những người vẽ phát họa những nét chính và những người phụ tá thêm vào đó những chi tiết và những màu sắc của hình vẽ. Có rất nhiều thí dụ giống như thế trong việc sản xuất ở cơ xưởng, chẳng hạn như sản xuất những cái đồng hồ báo thức, Trong văn chương cũng thế, đặc biệt là trong tiểu thuyết tình cảm. Phần lớn các nhà văn được thuê trong đó bằng lòng sáng chế những câu chuyện thích ứng với sự "biết như thế nào" được ấn định bởi nhà xuất bản. Đó là một hệ thống chia công việc không hơn không kém. Nếu không, người ta không thể đạt được việc sản xuất số nhiều.

Trong toàn thể vũ trụ với mặt trời mặt trăng và những ngôi sao ở đằng xa, với những dải ngân hà mà chúng ta hầu như không biết gì cả, với lịch sử đầy sôi nổi ở ạt hình như không có ý nghĩa gì, với những hậu quả, với những người họa sĩ, nhạc sĩ của thời gian làm cho chúng ta ngưng ngưng bởi sự tội tệ của chúng ta.

Đây rồi, tất cả thay đổi, tất cả đều giống nhau, đó là sự bí mật của thế giới. Sự bí mật này có một cái tên: thời gian. Thời gian đi qua, thời gian trôi chảy, thời gian chạy trốn, thời gian biến mất và nó luôn luôn ở đó. Nó bỏ đi và nó ở lại đó, nó thay đổi và nó chẳng đổi thay.

Em đã viết nhiều lần về thời gian nhưng vì chẳng có gì tốt hơn và cũng chẳng có chuyện gì khác. Em nghĩ rằng không nói về thời gian thì con người sẽ đi qua dưới sự yên lặng trước cái chìa khóa đời sống của con người và thế giới. Thượng đế hay sự

ngẫu nhiên và sự cần thiết đã thúc đẩy thời gian từ nơi vũ trụ đi ra và để lại cho thời gian thực hiện một mình công trình còn lại.

Con người không biết gì về thời gian, bởi vì không một ai biết nó là gì cả. Chúng ta biết được nguyên liệu bằng cách phân tích thành những yếu tố càng lúc càng nhỏ hơn và đã đặt cho chúng những tên tổng quát mà người ta không biết hay có lẽ hầu như nó không là gì cả, nhưng những điều đó nói lên sự thật và đã làm cho những người trẻ mơ tưởng đến: nào là những nguyên tử, những dương tử, những trung hòa tử, những điện tử, những quang tử, những hạt cơ bản, wimp, neutrino không khối lượng, đang xuyên qua hằng tỉ cơ thể mờ đục nhất.

Chúng ta hiểu biết về ánh sáng, nó đã gây rối rất nhiều cho chúng ta. Pythagore tưởng tượng rằng ánh sáng đến từ mắt hướng về đối tượng vật thể như một ngọn đèn pha hay một ăng-ten dây trời rất mềm mại. Descartes còn tin rằng vận tốc của ánh sáng là vô tận và tiến nhanh tức thời. Người ta đã phải đợi khá lâu để khám phá ra vận tốc của ánh sáng rất lớn và rất nhanh như nó được định rõ: ba trăm ngàn cây số một giây đồng hồ. Sự khám phá này đã thay đổi lịch sử khoa học và biến đổi hình ảnh mà chúng ta có thể tạo dựng thế giới. Bản chất của ánh sáng đã chấm dứt chiều xuyên qua ban ngày. Hai nhà thông thái Newton và Huygens đứng ra chủ trì, thứ nhất, ánh sáng được tạo ra bởi những phân tử, thứ hai, nó được tạo ra bởi những làn sóng. Người ta phải đợi đến Niels Bohr và Louis de Broglie để biết được rằng ánh sáng là những phân tử gợn sóng.

Chính tư tưởng hay ý nghĩ này từ lâu rất huyền bí và gần giống như một linh hồn không thể nào nói được gì ngoài những trừu tượng sùng kính, rồi cuối cùng chúng ta

cũng hiểu biết được nó. Với Einstein và nhóm bạn đồng nghiệp –gia đình Hubble, Planck, Bohr, Heisenberg- nửa đầu thế kỷ thứ 20 là sự thành công của vật lý, toán học, nửa sau của thế kỷ là của sinh vật học. Sinh vật học phân tử chú trọng đến não bộ, thần kinh, những cơ quan tiếp hợp và đến những liên hệ gân gủi, rồi đến toán học. Đến cuối cùng những tiến bộ phi thường được chấm dứt bằng cách tạo ra những phép lạ làm cho mọi người thức tỉnh và sợ sệt. Những nhà thần kinh sinh vật học là những phù thủy toàn năng và phúc đức của thời kỳ chúng ta đang sống. Tư tưởng con người ngày nay là đối tượng của một sự hiểu biết cùng danh nghĩa với nguyên liệu, nước, ánh sáng, không khí và cùng những nguồn gốc của vũ trụ.

Chúng ta không biết gì về thời gian, không ai có thể nói gì với một chút xác định rõ ràng về bản chất của nó. Chúng ta có thể đo lường nó, chia nó ra, sắp đặt theo ý muốn. Sự nắm vững thời gian là một trong những biểu tượng của quyền hành, một cách nào đó là để làm cho quen với thời gian.

Ở La mã vào năm 708 đến năm 46 trước Tây lịch, Jules César đã cải cách sự tổ chức thời gian bị xáo trộn và làm lại cuốn lịch tây phương Julien theo những lời cổ vấn của nhà thiên văn Hy Lạp Alexandrie de Sosigène, theo đó một năm được gọi là một năm hỗn nhập có bốn trăm năm mươi lăm ngày. Vào mùa thu năm 1582, vào những ngày khác nhau tùy theo mỗi quốc gia, giữa ngày 4 và 15 tháng 10 ở nước Ý đại lợi, giữa ngày 9 và 20 tháng 12 ở nước Pháp, Grégoire 13, với sự kính sợ của Montaigne, người nói về những giao dịch trong những bài phê bình đã gạch sổ một đường bằng bút mười ngày trong lịch sử thế giới để tạo dựng cuốn lịch Grégoire như chúng ta còn

sử dụng đến ngày nay. Không ai được sinh ra và cũng không ai chết, không có gì xảy ra giữa ngày 4 và ngày 15 tháng mười năm 1582 ở Ý đại lợi, và giữa ngày 9 và ngày 20 tháng mười hai ở nước Pháp. Mười ngày kỳ lạ này không bao giờ hiện hữu. Vào năm 1792, chừng 10 hay 15 năm một thỏa ước quốc gia sáng chế ra cuốn lịch cộng hòa với những tên mỗi tháng rất thi vị và một chút buồn cười theo sự tưởng tượng của Fabre d'Églantine.

Lưỡng hà địa Mésopotamie là Irak ngày nay, Trung hoa, Ấn độ ngày xưa, Ai cập với những vua cổ Ai cập phụ trách về việc thời gian trôi qua. Chúng ta biết rằng những người Maya thuộc trung Mỹ ám ảnh bởi thời gian đã có một cuốn lịch được nghiên cứu rất kỹ lưỡng, ngay cả có nhiều thứ lịch chồng chất lên nhau.

Chúng ta có thể nói về thời gian, chúng ta có thể cắt nó thành những mảnh vụn và đặt tên những mảnh vụn này. Chúng ta không biết nó đến từ đâu và nó tạo thành bằng những thứ gì. Nó lẫn lộn với chúng ta và với thế giới chung quanh chúng ta. Chúng ta không thể thoát khỏi sự đi ngang qua không định chỗ của nó, bởi vì chúng ta không biết được nó nên chúng ta bỏ mặc nguồn gốc, bản thể và ý nghĩa của nó. Nó là gần nhất, sâu thẳm nhất của những bí mật nằm chung quanh chúng ta.

Theo nguyên tắc, người ta có thể nói được những gì nó không làm. Nó không làm ra những phân tử và nó cũng không làm ra những gợn sóng, nó không cứng ngắt, không phải là chất lỏng, không là chất hơi. Nó không phải là ý tưởng, không là một tình cảm, nó không nằm dưới mắt chúng ta như mặt trời hay mặt trăng. Các nhà vật lý học thường bảo đảm rằng nó có thể đảo ngược hay ngay cả nhiều khi nó không có chút gì là sự thật, nó là một ảo

ảnh và nhỏ hơn nữa trong cái nhỏ vô cùng và có thể nó tự vượt qua chính nó, nhưng con người già nua dần và chết vì thời gian trôi qua. Và lịch sử cứ tiếp tục.

Thời gian trong đời sống hằng ngày không đặt cho chúng ta một vấn đề gì cả, nó tự đi đến, không có đơn giản hơn, cũng không phải là đương nhiên và thật khó tin, nó phức tạp dữ dội khiến người ta nghĩ đến nó gần như ý nghĩ và sự đau khổ.

Thời gian tạo thành ba phần rất quen thuộc ngay cả đối với trẻ con bảy tuổi và những nhà thông thái gọi là ba thực thể: quá khứ, hiện tại và tương lai.

Nếu phải giải thích thế giới của chúng ta trong tinh thần cho là thế giới này đến từ một vũ trụ xa lạ theo một định luật thì có lẽ chúng ta phải định rõ từ bắt đầu bởi dòng chữ: "tương lai còn chưa ở đó, quá khứ không còn ở đó, chúng ta sống trong hiện tại" thì có vẻ đối với chúng ta xuôi chảy từ nguồn gốc và không còn nghi ngờ rất khó hiểu.

Tương lai ở đâu? Không ở đâu cả, nó không hiện hữu, nó không che dấu trong một hang động hay phía sau ngọn núi hay dưới đáy biển. Hãy đừng tìm nó trong những đám mây hay trong một ngân hà khác, không ở trong một vũ trụ thay đổi mà nó lẫn lộn trên chúng ta. Homère đã nói với sự tráng lệ: "tương lai ở trên đầu gối của các thánh thần". Nó nổi lên từ chôn hủ không mà nó không có gì vội vàng hơn là thay đổi hiện tại.

Nó đợi chờ xuất hiện với một sự kiên nhẫn khó chịu, nó vênh vác sốt ruột phía sau vật cản. Nó không thể nào đến trước mà cũng không đến chậm trễ. Tương lai là đúng theo luật lệ, theo nghĩa vụ, không bao giờ lưỡng lự, không bao giờ sai lầm, nó làm ông già Noël để phát những quà tặng mơ ước, nó rơi xuống với lưỡi hái trong ác mộng quỷ quái trong thế giới đầy kinh ngạc.

Tương lai không gì khác hơn là một quá khứ bị tù treo. Quá khứ ở đâu? Quá khứ ở trong đầu ta, mẹ của ta cũng ở trong đầu ta, Talleyrang và Jules César cũng cho là thế. Và rồi trận nổ lớn khởi nguồn vũ trụ cũng ở trong đầu ta, ta thế nó không ở chỗ nào khác. Quá khứ là một kỷ niệm nằm trong đầu óc chúng ta. Tất cả vũ trụ và tất cả những biến cố được sắp đặt ở trong đó, dưới hình thức những cuốn sách, những chữ, những số, những màn ảnh, những tài liệu hay những dấu vết.

Hiện tại là một thứ nhỏ nhắn bị mắc kẹt giữa quá khứ và tương lai, đến độ hầu như không hiện hữu. Khi tương lai lao đầu trên chúng ta, nó thật sự vội vã tự thay đổi thành quá khứ, nó chỉ mất một chút thời giờ để thở than, một nháy mắt, một ánh chớp dưới hình thức mỏng manh của hiện tại. Người ta có thể hầu như cho rằng thời gian chỉ là một ý tưởng nhảy vượt qua giai đoạn của hiện tại. Tất cả thi sĩ làm thơ thời gian, tất cả những người yêu khai thác nó: hiện tại không lâu dài, nhanh hơn mũi tên, trôn chạy, chóng tàn nhanh hơn đời con phù du, nhưng nó không bao giờ được sinh ra để chỉ chết lập tức. Đó là sự hão huyền vô lối mà Faust de Goethe cầu xin nó chậm trở lại. Và lúc ta nói đây thì nó đã quá xa ta rồi.

Một trong những mâu chốt tất nhiên và những bí mật của thế giới mà chúng ta đang sống là thời gian đi qua trong một hiện tại vĩnh viễn luôn luôn đang hôn mê bất tỉnh. Giữa một tương lai chưa hiện hữu và một quá khứ chỉ hiện hữu chui vào trong một thứ mơ hồ trong suốt, một loại giấc mơ không thể có được. Đó là một thứ vắng mặt đợi chờ hồi hộp mà chúng ta gọi là hiện tại. Không một ai sống nơi khác ngoài cái giới hạn chập chờn mơ hồ giữa quá khứ và tương lai. Trong một hiện tại này đã vắng mặt không có một bề dày nào cả nhưng nó cùng một

lúc, tự lo liệu như nó muốn như chỉ có một sự thật duy nhất.

Thời gian là một sự đảo ngược vĩnh viễn, đầy đối nghịch, một tội lỗi và một từ bỏ không giải thích khiến người ta buồn cười. Đối lại, vĩnh cửu là sự giản dị, không phải là sự kéo dài vô tận của thời gian mà là sự vắng mặt của thời gian. Nhưng chúng ta thường lụy lạc dưới thời gian, thường đặt những sắc lệnh, thường đóng kín trong những bức tường không thấy được của nó khiến chúng ta phải nuốt chửng tất cả. Sự độc tài hình như khiến chúng ta luôn luôn đến với nó và khiến chúng ta không thể nào nghĩ đến thứ gì khác ngoài sự cai trị của nó.

Chúng ta là những người chiến thắng không gian với hình thức sức mạnh của chúng ta, và bị thất bại trước thời gian bằng hình thức bất lực của chúng ta. Chúng ta không thể phản ứng trên tương lai bắt đầu từ hiện tại, không thể nhớ được hay lập lại sự kiện được bắt đầu từ hiện tại vì chúng ta là những tù nhân của một hiện tại hầu như không hiện hữu.

Tương lai không chỉ là tầm thăm nằm ở đâu đó trước mặt chúng ta, luôn luôn sẵn sàng trải ra trên thế giới, mà nó cũng còn là quá khứ kéo dài và làm việc bởi thời gian.

Dĩ nhiên thời gian có một thứ gì mới mẻ, nó tưởng tượng, nó sáng chế, nó đem đến cho chúng ta sự không biết, và một thứ sáng tạo liên tục, nhưng nó không thể làm những gì nó muốn. Nó phải theo đòi hỏi của quá khứ nắm chắc và thắt chặt đầu nó. Quá khứ là những gì cản trở tương lai trở thành bất cứ gì.

Khi đời sống và con người còn chưa hiện hữu, tương lai ở gần sát quá khứ và ngoại trừ ở lúc bắt đầu khởi thủy, lúc đó tất cả thay đổi với vận tốc nhanh chóng, nhưng nó tiến đến rất chậm chạp. Từ khi con người xuất hiện đã cho nó một xiềng cổ

chắc chắn, nghiêm trọng, con người khuyến khích nó, thúc đẩy nó và cho phép nó thay thế sự cần thiết mù quáng ngự trị trước nó trên nọ tính, không cử động của sự vật.

Nhờ vào tư tưởng, tương lai càng lúc càng sáng tạo hơn. Trước tiên nó tham gia, hành động bằng sự hoan hỉ ngẫu nhiên dày vò, nó ném quá khứ vào bóng tối với một sự nghi ngờ. Nó lấy sự nối tiếp của thượng đế và đầu của nó cũng quay cuộn một chút.

Cuộc chơi của quá khứ này đang cung ứng cho tương lai và tương lai này đang đến lượt thay đổi thành quá khứ, chỉ còn một thứ để nói: điều nó đến mà người ta không biết từ đâu và cứ tiếp tục tốt đẹp hơn nữa.

Điều thường xuyên nhất là chúng ta quên thời gian. Chúng ta thường hỏi với dáng điệu mơ hồ là mấy giờ? Ngày mấy? và chúng ta thấy nó đi bằng vận tốc rất nhanh càng lúc càng nhanh so với sự già nua của chúng ta. Nó bỏ đi, nó biến mất, nó bỏ rơi chúng ta và nó không bao giờ rời khỏi chúng ta.

Chúng ta đi vào cuộc đời nhờ người mẹ của chúng ta và lên bờ trong những trận bão tố của thế giới này để trở thành lính cứu hỏa, chưởng khế, thợ hớt tóc, người chăn trừu hay người nuôi trẻ con... Ít nhất cho đến ngày nay, chúng ta còn phương tiện duy nhất để đi xuống trong bóng tối của chúng ta nhờ vào sự soi sáng của mặt trời và chúng ta đi ra khỏi nơi đó bằng cái chết của chúng ta.

Chúng ta đến từ đâu? Có giống đực, giống cái, có sự ham muốn, có tình yêu, có phôi thai học, có sinh vật học, có phổ hệ học lạc mất trong đêm tối. Chúng ta đi đâu? Chúng ta quay trở lại thành cát bụi và những con trùn đi dạo trên nắm xương tàn và trong da thịt tan rã mà chúng ta đã từng chăm sóc. Có thể chúng ta đi về phía bên

này hay bên kia, một nơi khác? Chúng ta có thể nào thỏa mãn về những giải thích máy móc để làm nhỏ lại thế giới, cuộc đời, lịch sử, của những con người xa lạ to lớn như những giấc mơ của họ – chính là chúng ta của một trò chơi phi lý và ngẫu nhiên được làm bởi luật lệ? Phải nhớ một điều là ở con người có một tình cảm mờ ảo và cảm hứng đến một thứ khác.

Con người trước tiên muốn sống còn và tiếp theo sau là những người tài ba đã làm lay chuyển thứ tự được thiết lập và để lại đằng sau họ những dấu vết của họ đi ngang qua, vô vọng thấy được đời sống của họ lạc mất trong cát bụi và rơi vào lãng quên. Họ muốn cuộc đời xem đó giống như một ý nghĩa. Lúc đó họ ca hát, họ chải chuốt, họ sử dụng đất hay gỗ hay đá hay vải tơ lụa hay giấy để sáng chế ra những đồ vật, họ làm cách mạng hay sáng tạo những cuốn sách, họ để lại phía sau họ những lâu đài. Họ đau khổ và hy vọng. Và họ ngắm nhìn những đám mây trên bầu trời, nước chảy, biển đẹp, những ngôi sao sáng tỏ ban đêm. Họ muốn biết những gì xảy ra hay những gì được làm ở những ngôi sao đó. Họ nhìn những người khác chết. Họ sẽ trở thành những người chết. Họ nhận thức rằng những ngày, những mùa nối liền nhau. Ở mọi nơi đều có sự bắt đầu rất đẹp và những từ giả, những rời bỏ rất buồn. Họ không nghĩ nhiều đến thời gian là một trò phức tạp nhưng họ cảm thấy rằng tất cả đi qua và chấm dứt vì thời gian trôi qua. Và họ thích kéo lâu dài cuộc đời. Giấc mơ và mộng đời của con người được cố bền giữ trong một con người mà họ không biết gì cả.

Trần Tam Nguyên
(Paris)

WHY WORRY?

There are two things to worry about.
Either you are well, or you are sick.
If you are well, then there is nothing to worry about.
But if you are sick, there are two things to worry about.
Either you will get well, or you will die.
If you get well, then there is nothing to worry about.
But if you die, there are only two things to worry about.
Either you go to heaven or to hell.
If you go to heaven, there is nothing to worry about.
If you go to hell, you will be so darn busy shaking hands
with old friends, you won't have time to worry.

(From: California Retired Teacher Association Newsletter)

LO LẮNG LÀM CHI?

*Hai điều lo lắng trong ta:
Một là mạnh khỏe, hai là ốm đau.
Nếu mà khỏe, lo gì đâu
Nếu mà đau ốm, lo mau hai điều.
Hoặc bình phục, hoặc chết tiêu
Nếu mà bình phục, vui nhiều, lo chi.
Nếu mà lỡ phải chết đi.
Hai điều lo lắng: "Ta về nơi đâu,
Thiên đàng hay địa ngục sâu?"
Lên thiên đàng được, vui mau, lo gì.
Nếu mà xuống địa ngục kia
Bạn cùng bạn cũ lia chia đón chào
Bắt tay đấu hót ồn ào
Hết lo với lắng, có nào rảnh rang!*

(Tâm Minh chuyển ngữ - April 2014)

Tản Mạn Garage Sale

Nguyễn-Phú-Long

"Con Sáu-Cân vừa ăn hết một bát cơm đầy, nó đưa tay chia chiếc bát không, gào thêm cơm. Đang bực mình, mẹ Bảy-Cân sẵn tay cầm đũa, bèn đập luôn con bé một cái vào khoảng giữa hai trái đào và hét lớn, "Con mẹ mày!". Có tiếng kêu "Đốp", chiếc bát không, từ tay con Sáu-Cân rớt xuống trúng ngay hòn đá lớn, thành mẻ một miếng to tướng, tiếp theo là cái tát làm con nhỏ ngã lộn nhào."

"Phong-tục thôn này có chỗ đặc-biệt là các bà sinh nở thường thích đặt tên tục cho con theo cái số cân lượng của đứa bé lúc mới lọt lòng. Lão Bảy-Cân cầm chiếc bát vỡ về ngồi trên bậc cửa hút thuốc, nhưng vì lo buồn quá thành quên cả rít, ánh lửa trong cái nõ đồng của cây điếu dọc trục Trương-Phi cứ yếu dần rồi tắt ngấm. Sáng sớm hôm sau lão Bảy-Cân lại như cũ, từ thôn Lỗ-Trần, lão bơi thuyền lên tỉnh xé chiếu mới trở về với cái bát đã chấp."

"Trong bữa cơm chiều hôm đó, lão nói với mẹ, bà cụ Chín-Cân, bảy mươi chín tuổi, rằng, chiếc bát đã đem lên tỉnh chấp, vì chỗ mẻ lớn quá, cho nên phải bắt tới mười sáu cái đinh đồng, mỗi cái ba đồng tiền vị chi hết bốn mươi tám đồng tiền tất cả."

Trên đây là đoạn kể trong truyện Sóng Gió của đại văn-hào Lỗ-Tấn, nói về thời-gian Hồng-Tú-Toàn khởi-nghĩa cuối đời Mãn-Thanh, bên Tàu, Giản-Chi dịch, Xuân-Thu ở Cali xuất-bản đã phơi bày cái hoang-mang, lo sợ trước cảnh loạn-ly với cuộc sống nghèo-nàn, thấp kém của gia-đình lão Bảy-Cân ở thôn Lỗ-Trần ven sông, nghèo đến nỗi có một cái bát ăn cơm đã mẻ cũng phải bơi thuyền mang lên tỉnh chấp lại mất

bốn mươi tám đồng tiền. Vậy thì làm sao ở đây có hiện-tượng garage sale như nhiều nơi chúng ta hiện đang sống bây giờ!

Bây giờ, mùa hè, vào những ngày cuối tuần thỉnh-thoảng hay thấy cửa garage một hai nhà mở rộng, ở đó người ta bày la-liệt, ngổn ngang đồ cũ với tấm giấy lớn, viết nguyệt-ch-ngoạc, sơ-sài, nét đậm "Garage sale" để tại nơi dễ nhìn ngõ-hầu lưu ý, mời gọi khách qua đường dừng chân mua bán.

Chủ nhà làm vậy để thải ra mớ đồ không còn dùng tới nữa, dọn-dẹp nhà cửa cho sạch- sẽ thoáng-đăng, mà ngược lại khách đến tham-quan thì có khi loanh-quanh lại nhìn thấy thứ còn cần. Người bán kẻ mua đều có lợi do giá-cả so với thương-trường thì cách-biệt một trời một vực.

Đôi khi "bảng hiệu" lại viết Yard sale. Bởi vì gia chủ có sẵn miếng đất trống bên nhà nên đã bày hàng ra đó cho rộng rãi, đi lại dễ dàng. Tương-tự ta còn thấy moving sale nữa và dù ai cũng hiểu tất cả chỉ là nơi bán đồ cũ, giá rẻ. Nghe moving sale có vẻ hơi đồ-sộ, to tát. Á nhà này sắp move đi nơi khác đây! Như thế hi vọng ở đó bán nhiều đồ hấp-dẫn hơn, xịn hơn, dễ deal hơn.

Thật sáng-sủa, rõ-ràng... mua bán hàng trong garage thì gọi là garage sale, ngoài vườn thì viết yard sale...cái tiếng Ấng-Lê quả là minh-bạch chặt-chẽ, tuy nhiên đôi khi nó cũng bị lụng-khụng phải dài dòng như trường-hợp diễn-tả khuôn, vác, đội, mang, xách, cầm, bưng...

Đạo qua những tư-gia bán garage sale chúng ta thường gặp nhiều nhất là loại hàng của trẻ em: Đồ chơi bằng nhựa xanh đỏ, xe đạp ba bánh, xe tập đi, bánh tròn, bóng bầu dục... nhưng nói chung thì ta có thể tìm thấy nhiều thứ khác nữa, thượng vàng hạ cám thôi thì đủ cả, như giày dép,

quần áo, ghê da, bàn gỗ, nồi niêu xoong chảo, bình thủy tinh cắm hoa, khung hình... lẽ dĩ nhiên toàn là second hand thôi!

"Ra đường thấy cánh hoa rơi.. cũ người mới ta " nhiều thứ sai rồi dùng lại cũng tốt chán tí như máy đồ làm vườn chẳng hạn. Có gã thanh niên vừa nhanh tay mua được cái cuốc, cái xẻng vác trên vai, nghênh-ngang, khiến vài "kẻ đến sau" nhìn theo tiếc hùi-hụi. Kia lại một vị lớn tuổi, tóc bạc phơ, cứ đứng ngấm khối cement đúc hình ngôi chùa cổ kiểu Nhật-Bản. Như thế là trong nhà này chắc có cụ cao niên cũng ưa thích nét đẹp phảng-phất Á-Đông, bây giờ chán rồi hay đã quy tiên rồi? Người đứng làm sao rõ được, mà chuyện đó ăn nhằm gì, bèn mua về tô-điểm vườn cảnh ở sau nhà cho "Có cây có đá sẵn sàng."

Mua bán kiểu garage sale không phải là một nghề-nghiệp thường-xuyên, chẳng chú trọng đến lời lỗ, nên chủ nhà phụ-trách điều-hành với tinh-thần luôn cởi-mở, dễ-dàng, bà kê cái bàn, cái ghế ngồi làm việc với ly cà-phê trên tay, ngó lảng-xãng chỗ nọ chỗ kia...một cụ già chống gậy lượm cái đồng-hồ để bàn, chạy pin tiến đến, bà đứng dậy, liếc nhanh vào miếng giấy nhỏ đề giá 2 đồng, cụ già cười cười, trả một đồng, rồi quay đi chẳng thiết-tha, làm bà chủ phải gọi lại, bằng lòng...vừa bán vừa cho ấy mà, giữ chỉ chặt nhà, có sai tới nữa đâu! Mới mấy mùa hè trước bà đã mở garage bán sale một lần. Tưởng vậy là yên ngơi đâu chỉ sau vài năm, đồ bất khiển-dụng lại ùn ùn chả biết từ đâu kéo về, nay phải làm thêm lần nữa...

Nói "đồ cũ chả biết từ đâu kéo về..." là bà chủ đưa-đẩy cho vui thôi, thì ngay như cái đồng-hồ nhỏ có chuông báo thức vừa bán với giá một đồng bà còn nhớ rành-rành chứ dù mấy năm cũng đã làm sao quên được. Hồi ấy con trai bà, đang ngồi lớp cuối bậc trung học, buổi sáng cứ ngủ li- bì, chẳng lo dậy sửa soạn tới trường, nên bà phải ra Sears tìm mua với giá 9\$99 (chưa

tới mười đồng!) để cậu ám bớt rời nhà quá trễ. Giấy biên lai còn ở trong kia. Thời-gian trôi mau quá, mới thoáng cái mà nay chẳng còn bao lâu nữa "thằng bé" đã sắp tốt-nghiệp đại học rồi!

Già và trẻ thật khác biệt, người nằm hoài ngủ chẳng được, kẻ thì mặt trời lên cao còn mê-mán đầu "ke" tới giờ xe bus vàng đang chờ ở bến-đợi. Lại nữa, người thì mới nghĩ đến chuyện đem đồ ra garage bán đã ngại, lũ nhỏ biết thì mừng. Hôm nay có em trong gia-đình thấy việc mua bán lạ lạ, vui vui bèn nhân dịp nghỉ học nên cũng chạy loanh- quanh giúp đỡ, đôi khi các em còn có sáng-kiến cũng kê cái bàn nhỏ, pha bình nước chanh, thả mấy cục đá bồng-bềnh để kiếm thêm chút tiền bỏ túi.

Nhiều người ngừng xe đến với garage sale thực sự không cần-thiết mua bán chi. Họ đi vòng vòng như tản-bộ gặp thứ gì hay mới "động não", nên mua chẳng? Mua về để chỗ nào? Đang tư-lự, thấy em nhỏ tập buôn bán thật hào-húng, mặt trời mùa hè, lên cao, nhiệt-độ hơi nóng, bèn lấy ra mấy đồng tiền cắc mua một ly nước vừa uống từ từ vừa nói nho nhỏ, một mình: "Bên kia hàng mẹ, bên này hàng con..."

Đảo mắt qua góc đường đối diện, một dây máng nhiều bộ đồ lớn từ gốc cây dogwood sang tới cảnh xồi la-đà kia, bộ nào màu sắc cũng đẹp, cũng mới, dư dật thăm cô xanh mượt-mà, lại xếp hàng ngay-ngắn nhiều đôi giày đàn-bà còn để nguyên trong hộp như chưa dùng tới làm ai cũng nghĩ ông bà chủ nhà đây phải là người giàu có, sang-trọng, quý-phái, dù không thể bằng phu-nhơn cựu tổng-thống Macos của Phi-Luật-Tân xưa, nghe nói bà Macos đã để lại khoảng hai ngàn đôi giày đủ loại mà chẳng nghe nói hai ngàn đôi giày ấy về sau ra sao!

Đôi khi đi trên đường, do những miếng giấy với mũi tên hướng dẫn gắn trên cột đèn, gốc cây, bãi cỏ cứ lần theo queo trái queo phải một lát là sẽ thấy nơi bán garage

sale. Cả con phố thường chỉ gặp một hai nhà mở garage sale âm-thầm lặng-lẽ. Nhưng có lúc dân cư-ngụ một vùng gần nhau cũng tổ chức khuôn đồ ra bán cùng một ngày gây nên cảnh nhộn-nhip đông-đúc người qua kẻ lại cười nói, xe đậu nối đuôi dài như con rắn hai bên lề. Cái nhộn-nhip đông-đúc ấy cũng hay diễn ra ở nơi khuôn-viên nhà thờ do các members tổ-chức. Họ chờ hàng tới, đứng bán, cuối ngày kiếm được bao nhiêu thường tình-nguyện cúng vào nhà thờ để dùng cho những ích lợi chung, một hành-động công-quả rất đáng khuyến-khích.

Nhớ hồi xưa, ở đất Nghìn Năm Văn Vật, trước cuộc đổi đời 1954, cũng thấy quang-cảnh như thế. Đứng ra còn sâm-uất hơn thế nhiều. Ngay cuối đường Khâm-Thiên cùng những con phố gần hồ Thiên-Quông, trường Anh-Văn Ziên-Hồng... mấy bác phu xích-lô dùng xe đậu rải-rác, miệng ngâm điệu thuốc rê phi phèo, mát ruột, ngắm những tà áo Lemur đủ màu sắc phơi diễn hấp-dẫn máng toòng-teng trên tàng cây phượng-vĩ, trong khi dân ta thì đầu tắt mặt tối tuôn ra vỉa hè bán đồ bán tháo mọi thứ có thể bán được với tinh-thần bỏ của chạy lấy người, trước khi hối hả xuống Hải-Phòng lên tàu há mồm đi cư vào Nam. Nhưng tại đó chỉ xảy ra một lần duy-nhất, không phải là garage sale, dù sau này, hàng năm "Phượng Vấn Nở Bên Trời Hà-Nội."

Chủ nhà Garage sale rất tự-do, thoải-mái, không sợ xóm-giềng than-phiền, không cần patent, chẳng phải đóng thuế, thường bắt đầu làm việc từ sáng sớm, đến khoảng hai ba giờ chiều lúc khách qua lại đã thưa là ngưng. Nhưng ngoài việc móc túi đếm xem tiền bạc kiếm được bao nhiêu, một vấn-đề nhỏ sau cùng cũng cần giải-quyết, là, cuối ngày mấy món ế-ảm chẳng bán được phải gọi cơ-quan thiện-nguyện, cho người, cho xe đến chở tới trụ-sở mới xong.

NHỚ THI NHÂN

Ngâm vịnh xong lòng buồn man mác
Nhớ thi nhân tản mác khắp nơi,
Người thi xa lánh cõi đời,
Người đang lưu lạc phương trời xa xăm.

Nhớ thi nhân đau nằm bệnh xá,
Lái thuyền đời sức quá hư hao.
Trải bao sóng cả gió gào,
Trầm luân bể khổ khi nào mới ngưng?

Nhớ thi nhân không ngừng rên xiết
Trong ngục tù thơ viết hăng say,
Quyết tâm tranh đấu tới ngày
Nhân quyền toàn thắng, chung xây tình người.

Nhớ thi nhân than đời gian khổ,
Đường trần đi đầy hố chông gai.
Nỗi niềm biết tỏ cùng ai,
Giải bày tâm sự qua vài vần thơ.

Phượng Du Nguyễn Bá Hậu

(Paris)

Cơ quan thiện-nguyện bèn đem về vuốt-ve, lau chùi, o-bế lại, mã-giá rồi trưng-bày nơi cửa hàng với máy tính tiền, thu-ngân-viên, với tên hiệu Goodwill Store để ai shopping thì đến, khách mua lần này phải trả thuế cho chú Sam đảng-hoàng, hàng-hóa cứ đi lòng vòng hơi giống hai câu thơ trong bài Thẻ Non Nước của Tân-Đà: "Non xanh đã biết hay chưa ? Nước đi ra bể lại mưa về nguồn."

Thời buổi tân-tiến, nay mới phát sinh thêm hình-thức mua bán đồ cũ qua mạng điện-tử từ nhỏ như cây đàn, cái điện-thoại cổ đến lớn thí-dụ những loại xe hơi

đắt tiền còn cáu cạnh. Hình-thức này có lẽ thoát-thai bởi một tờ báo tuần chuyên đăng những quảng-cáo bán đồ cũ, bây giờ chẳng thấy nữa, muốn gì, hỏi đó cứ mua báo về, khoảng 50 xu, dò địa chỉ, số điện-thoại, món đồ mình cần, để rồi người mua kẻ bán hẹn-hò trực tiếp với nhau và như thế thì không thể kể là garage sale được.

Cũng chẳng kể là garage sale được, khi ta tới một nơi thường-xuyên bán những đồ cũ, mà lại cài rặng lược cả những cửa tiệm chuyên bán mấy mặt hàng mới tinh, đó là chợ trời. Vào chợ trời dù mua hay không có chợ bắt phải trả tiền như đi xem chớp-bóng ở rạp ciné vậy. Chợ trời là thương-mại, không mang tính tài-tử, nhất thời như garage sale.

Chắc mọi người đều đồng ý, bây giờ tất cả chúng ta sẽ chẳng ai bị rơi vào hoàn-cảnh sống bi-đát như hai bố con Chủ-Đồng-Tử đời Hùng-Vương thứ Ba! Nhưng cũng không nên nghĩ rằng: Nay ở nhà thì cần có giày đi trong nhà, tập thể-thao thì phải có giày thể-thao, giày đá banh, giày dự tiệc. "Hôm qua anh tới chơi đây, Giày jaune anh diện..." Hôm nay anh lại đến, anh phải mang đôi giày khác chứ!. Xỏ lại giày jaune ư? Quê chết! Thế là, chỉ với đôi giày đi dưới chân thôi, không biết bao nhiêu cho vừa.

Chẳng rõ có phải nhìn thấy cái tình-trạng nhiều-khê quá mức vậy không mà cụ Trần-Trọng-Kim (1883-1953) đã nhận xét qua câu viết trong tác phẩm Nho Giáo in lần đầu vào khoảng 1930, NXB Văn-Học đã tái-bản năm 2003 như sau: "Xét cho kỹ, sự tiến-hóa thái quá về vật-chất vị tất đã hay cho sự sinh hoạt của loài người."

Dù đã có tiếng chuông cảnh báo quý báu ấy, sự sinh-hoạt của loài người cứ thế tiếp diễn mãi. Hết lớp này tới lớp khác và lớp nào thì cũng bận-rộn, hối-hả, mệt-mỏi với thời-gian sống như bị lôi cuốn hết vào trong guồng máy. Guồng máy phát-triển kinh-tế?

Thực sự, thuê trước hoặc ngay cả bây giờ, một số đông-đảo chẳng thích bị bỏ vào cái guồng máy đó. Nguyễn-Bình-khiêm (1491-1585) đã bày tỏ: "Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ, Người khôn người kiếm chốn lao xao." Đọc hai câu thơ rõ ràng quan Trạng không dại, "người khôn" ở đây nhiều kẻ cũng muốn "dại" như Trình-Quốc-Công cho nó nhàn nhã nhưng khôn nổi, cũng còn phải tùy vào hoàn-cảnh, khả năng, tùy vào nhiều lý do này nọ, gia-đình, xã-hội ràng buộc. "Ồ trên trông xuống người ta trông vào". Nên ít kẻ đủ điều-kiện thoát ra để theo được lắm! Và cuộc sống vẫn cứ như dòng nước trôi khó cưỡng lại..

Một điều không chối cãi được, ai cũng biết, lệ thuộc vào vật-chất như thế cũng chẳng thoải-mái gì. Có khi nó làm cho người ta trở thành lẩn-thẩn, khó khăn, mất thì giờ. Nó đi ngược với tinh-thần đa năng, đa hiệu, tiện-lợi. Cuộc sống nhiều khi cũng cần thoải-mái, phiến-phiến đôi chút và nhiều lúc phải biết linh-động sử-dụng những gì có sẵn chứ.

Tỷ dụ, một buổi trưa, tự nhiên thấy sầu đời, có ông lão ôm cái chai ra chợ mua cân rượu đổ vào, mang về. Cái chai dùng để đựng rượu. "Rượu ngon phải có bạn hiền"...bèn ới nhau xếp vòng tròn, rượu vào lời ra, chén chú chén anh, tủy lúy. Rồi đến lúc hết sầu đời, "trời đất lẫn quay", bạn hiền chẳng thấy nữa. Sao "thằng chả" nói ngang quá xá vậy cà! Sẵn cái chai không, bèn choảng lên đầu kẻ bất đồng chánh kiến cho bõ ghét. Cái chai lúc đó chẳng phải để đựng rượu mà trở thành thứ vũ khí. Đấy cũng là sự đa năng đa hiệu của cái chai.

Hình ảnh trên đây thường dẫn đến chuyện gặp phú-lít, đi nhà thương, giấy tờ, tiền bạc rắc-rối. Song phương diện khác nó thể hiện chút bộc-trực, chất-phác, xuề-xòa, vui vui, kỷ-niệm, có thể trở thành giai-thoại biết đâu! Nó đã từng sây ra nhất là ở quê-

THƯƠNG TRẬN ĐỊA

Nước mắt tôi nhỏ xuống phận người
Hồn oan gục ngã chiều Ba Mươi
Tháng Tư mất nước mồ phiêu dạt
Mãi mãi còn nguyên giọt máu tươi.

Ai về Xuân Lộc hư linh cảm
Núi Chứa Chan vùn vũ mây trôi
Chớp mắt thời gian đầu bạc trắng
Giọt sầu, giọt đắng, giọt đầy vơi.

Nước mắt tôi khô cạn không lời
Đường đi xa mãi quê hương ơi !
Tháng ngày màu trắng pha sương đục
Đốt nén hương lòng thương nước tôi.

Lai Khê còn đó rừng xanh thắm
Long Khánh xa xăm cuối nẻo trời
Người lính già nua thương trận địa
Mưa rơi, mưa rơi, chiều mưa rơi.

Đăng Nguyên

Virginia, 5-2014

hương yêu dấu mà giáo-sư Nguyễn-Văn-Trung thuộc trường đại học Huế trước 1975 có lần lấy làm thí-dụ trong một bài nói về tự-do.

Tóm lại garage sale là một hoạt động bình-thường, đại-chúng, nó luôn xảy ra tại những vùng đất người dân tương-đối sung-túc, và nó chắc chắn không là một hiện-tượng đặc-thù. Ở Việt-Nam cũng có một loại hoạt động gần như thế, cũng bán đồ cũ, cũng không hẳn là thương mại.

Trong sách Tìm Về Bản Sắc Văn-Hóa Việt-Nam của Trần-Ngọc-Thêm (Người từ

báo Góc-Nhìn) cho biết "người bán muốn bán nhanh lấy may cho việc làm ăn quanh năm, còn người mua tới chợ ra về không khi nào về tay không, người ta miệt-mài làm-lũi và háo-hức đi hàng chục, hàng trăm cây số... để rồi khi tan chợ lại miệt-mài quay về ." và sự điều-hành chỉ hơi khác thời, chẳng phải ở tư-gia, chỉ mở một năm một lần vào ngày cố-định, nơi cố-định, tên gọi là chợ viêng. Chợ viêng là danh từ chung chẳng có trong từ-điển, không hiểu nghĩa là gì.

Xin trích thêm một đoạn nữa trên báo điện tử của ông Thu-Tứ cho vấn-đề sáng tỏ:

"Chợ viêng Liễu-Đề họp ngày mùng 6 tết. Chợ viêng Lạng mở ngày 7 tháng Giêng. Chợ viêng Nam-Trực mở ngày 8 đầu năm mới. Chợ viêng bán cây giống, cây kiểng, thịt bò thịt bê thui bày la-liệt từ cổng chợ vào dài đến vài cây-số và nhiều nhất là bán đồ cũ. Người ta có thể mang đến chợ bất cứ vật dụng gì trong nhà đã qua sử-dụng, bất kể còn nguyên vẹn hay sút vỡ, từ quý giá như đồ thờ tới đồ thông thường đĩa chén, nồi mâm, bình vôi, bát đĩa..."

Ngẫm kỹ, garage sale ở đâu thì cũng là cách giải quyết một loại nhu cầu cần thiết cho đời sống khỏi tồn đọng. Cách giải quyết này đỡ phí-phạm, nhẹ nhàng, giản-dị, đại chúng, cũng hay, cũng tâm-lý, cũng thành-công. Và quan trọng là kẻ mua người bán hết sức hỉ hả, hài lòng, thân thiện. Lướt qua những hình ảnh trình bày về garage sale trên đây vậy là chúng ta đều biết cả rồi. Vào mùa hè nó còn diễn ra hoài hoài bởi cái lòng ham muốn của con người dư tiền của thôi thúc ưa hưởng thụ, ưa thay đổi, bởi cái cung quá nhiều so với cái cầu và bởi sự cạnh-tranh phục-vụ tìm hết cách lôi cuốn mời gọi triệt để của những nhà chế-tạo, nhà sản-xuất, nhà buôn.

Nguyễn-Phú-Long
(Virginia)

SANG HÈ

Trường Thy

Ngôn ngữ hàng ngày ta thường nói: xuân về, hè đến, thu sang, và đông tới. Ở đây khi có người nói sang hè, hẳn nhiên có mang một ý nghĩa nào đó. Phải chăng muốn nói ta đã từ những ngày mùa hạ quê hương với xóm giềng, phường phố bước sang khung trời hạ ly hương, trong những ngày lưu vong trên xứ người.

Hôm nay đây ngồi trên đất lạ, quê xa nói chuyện mùa hè, thực ra có những phân vân không biết bắt đầu ra sao, từ câu chuyện nào. Trong cái “thực ra” đó, dù bắt đầu bằng tự sự nào, cũng dẫn ta về với khởi đi từ những mùa hè ấu thơ, những ngày còn nằm trên võng nghe tiếng mẹ ru hòa nhịp theo:

- *tiếng võng trong nhà kẽo kẹt đưa*
(Đoàn Văn Cừ)

và Anh Thơ phụ họa thêm:

- *các bà già đưa võng hát, thiu thiu*

Bên cạnh hạnh phúc của mùa hè ấu thơ ấy cũng không xóa đi những mùa hè bất hạnh, thiếu vắng niềm vui, và nhà thơ Đông Hồ đã viết lên tâm sự của trẻ mồ côi:

- ... *em nhớ: một buổi trưa mùa hạ*

- *buổi trưa nắng nê, trời oi ả*

- *tựa cửa lớp học em rầu rầu*

- *nghe tiếng riu rít đàn chim sâu*

- *trước sân bè bạn em nô đùa*

- *riêng em buồn cảm thân bơ vơ!*

Buồn vui gì đi nữa, tuổi thơ cũng tiếp nối một thời cắp sách, ngồi trong lớp học mà lòng bồn chồn, mắt cứ liếc nhìn qua song cửa rồi chợt thấy vui lên vì những bông phượng sân trường đã thấp thoáng báo

tin hè về, trên đường phố hay đầu đó vang khúc nhạc tung bùng với lời ca:

“trời hồng hồng... *sáng trong trong... ngàn phượng rung nắng ngoài song...*”

Những ngày còn trên quê hương, đối với thời tuổi trẻ, nói đến Hè không thể không nói đến mùa thi. Phượng vĩ đã mặc nhiên mang tên “Hoa Học Trò”, chia sẻ niềm vui với học trò trong nắng hạ, trong những ngày tạm xếp sách vở để vui với gió, với trăng, với khúc ca đồng dao, với chiều tắm mát nơi dòng sông, với sáo diều vi vu trên không trung, thì phượng cũng đã là tri kỷ của sỹ tử khi mùa thi bắt đầu:

- *hôm nay ngày thi*

- *bao nhiêu người đi*

và rồi cuối mùa thi cũng chỉ có hoa phượng thầm nói lên tâm sự học trò:

- *thi ơi là thi*

- *sinh mi làm chi?!*

Tuổi học trò là thế, thời học sinh là thế, hồn nhiên, ngây thơ, trong trắng, và nồng nàn như nắng hạ, song cũng nhiều âu lo trong tháng năm đèn sách.

Chu kỳ thời gian vẫn quay đều theo vận nước ố xuân vẫn qua, hè vẫn đến, thu vẫn sang, và đông vẫn về; tuổi trẻ học trò cũng trưởng thành đi vào cuộc sống.

Bao nhiêu thanh niên nam, nữ từ thập niên '50 đến '70 đã đằm đìa mồ hôi nơi các chiến trường qua những mùa hè, đã đẫm máu trên các chiến trường để bảo vệ tự do. Nói đến đây không thể bỏ qua mùa hè khốc liệt 1972 mà nhà văn Phan Nhật Nam đã đặt cho cái tên: “Mùa Hè Đỏ Lửa”. Mùa hè lịch sử ấy đã hùng lên nét kiêu hùng qua những vận tạm coi như là sử thi trong “Bài Ca Cổ Thành”(*)

Muôn năm dòng máu kiêu hùng

Tuyến đầu tổ quốc trùng trùng khói tên

*Cổ Thành đau uất ngày đêm
 Sói lang cộng phỉ làm hoen máu người
 Anh đi giao hẹn cuộc đời
 Thần Trời, Cọp Biển tái hồi vinh quang (**)
 - Giặc Hồ phơi xác ngổn ngang
 - Đem thân làm thú dã hoang bạo tàn
 - Nghe đây ó truyền thống Việt Nam
 - Không dung quý đở, vô thần, ngoại lai
 - Bước chân hùng giữa trần ai
 - Đôi tay dũng sỹ vươn vai phát cờ
 - Xua tan bè lũ cộng nô
 - Vùng lên đập nát ý đồ Mậu Thân
 * Thành Đinh Công Tráng, Quảng Trị
 ** Thiên thần mũ đỏ (Bình chủng nháy dù),
 Thủy Quân Lục Chiến trong QLVNCH.*

Những mùa hè Việt Nam, dù là dĩ vãng trong tâm tưởng hay hiện thực của ngày hôm nay, vẫn là những mùa hè mang nét đặc thù; trong những gì gọi là độc đáo ấy vẫn nổi bật lên bóng dáng quê hương, tình yêu tổ quốc, và tình tự dân tộc.

Ta đã từng nghe tâm sự của người xưa qua những câu thơ:

*- đêm nghe tiếng quốc gọi vào hè
 - cái nóng nung người nóng nóng ghê!*
 và rồi cụ Tú Vị Xuyên cũng một lời than, than cho phận mình và phận đời:
*- trời không chớp bể với mưa nguồn
 - đêm nào đêm nao tở cũng buồn!*

Ngày xưa trên quê hương mỗi khi mùa hạ đến, rộn tiếng ve ngâm trên cành cây, tiếng dế kêu nơi vĩa hè v.v., những thanh âm đó cũng đã đi vào hồn thơ Nguyễn Khuyến trong “Đêm Mùa Hạ”

*- Tháng tư đầu mùa hạ
 - Tiết trời thực oi ả
 - Tiếng dế kêu thiết tha
 - Đàn muỗi bay toại tả
 - Nổi áy biết cùng ai
 - Cảnh này buồn cả dạ*

Ca dao vạt áo

*hè về trang sách ngủ yên
 sân trường hoa phượng lập tuyến ngôn buồn
 phố phường khép muộn hoàng hôn
 vi vu tiếng sáo chon von đỉnh trời
 ngập ngừng hoa nắng chiều rơi
 nhìn em môi tím trên đôi sim xưa
 áo em tà nắng nhạt thưa
 mong manh chiếc võng chiều đưa gió về
 nghiêng buồn lọc đãi đăm mê
 hồi sinh dấu tích môi thề đôi sim
 chân chim cánh vạc đi tìm
 trời khuya đất lạ màu sim ru hời
 một nửa hồn tím lên ngôi
 một nửa hồn xám đem lời đi rao
 đường quê hương kín lối vào
 con thuyền ngôn ngữ nghẹn ngào triều lưu
 tình tự vành nón nghiêng xiêu
 ca dao vạt áo hắt hiu trở mùa
 câu thề lời nói dối xưa
 đong đưa thế hệ lên vừa độ xa.*

xuân bích

- *Biếng nháp năm canh chày*

- *Gà đà sớm giục già*

Trở lại với “tiếng võng đưa” theo điệu ru bằng lời ca dao, Đoàn Văn Cừ đã viết:

- *nghe tiếng võng đưa*

- *ru hồn mơ*

- *trong lời thơ*

- *dân tộc*

- *mơ màng lắng nghe tiếng khóc*

- *của thời mặng sữa xa xôi.*

Và ngày nay những mùa hè nơi xứ người, đã xa rồi những ngày giành nhau chiếc dù trống để liệng quạ bàng nơi sân trường, cũng mất rồi những phút giây mà Jean Leiba (Lê Văn Bái) kể lại bằng thơ:

- *em nhớ năm em mới lên mười*

- *tóc em buông xõa chắm ngang vai*

- *ngây thơ nào biết em xinh đẹp*

- *cùng trẻ bên đường đánh chắt chơi*

- *anh đi qua đó đứng nhìn em*

- *em vút sành đi vội đứng lên*

- *dắt tay cười nói xô nhau chạy*

- *em vấp vào anh ngã xuống thêm*

Mấy ai còn lại những tờ “Lưu Bút Ngày Xanh”, những trang thư tình vụng dại thuở ban đầu, hoặc những lời chia tay trên trang giấy màu ép hoa phượng đỏ tràn đầy tính học trò!

Tất cả chỉ còn là trong tâm tưởng, trong những phút giây hồi ức dưới nồng độ của nắng hè trên miền đất tạm dung này.

Diễn hình như ta thấy, khi có dịp bắt gặp tâm sự của một nhà thơ như Cao Đồng Khánh trong “Uân Tình Kê Xa Xứ”:

Tôi một bữa ngồi yên như bàn ghế

Nắng rọi trong đầu những trắng bao la

Còn đôi mắt tôi ở Nhà Bè, ở Gia Định

ƠU Ngã Tư Bảy Hiền ly nước mía, má, môi

Em đạp xe mini trời gió mềm trong áo

Thành phố bập bênh trôi giữa nắng mênh mông

Sợi tóc chẻ hai gài đường xích đạo

Vạt áo sau lưng khép hở Sài Gòn...

Hè không hẳn chỉ với hoa phượng đỏ mang tinh học trò, rực trời đô thị, mênh mang hè phố xưa như Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Sài Gòn, v.v.; trong cái tung bừng rực rỡ của trời hạ với

“...cành mềm mềm... gió ru êm... lọc màu mây bích lọc qua màu duyên...” mà mùa hè vẫn thấp thoáng dung nhan màu tím, màu của yêu thương thâm kín, của nhẩn nha và l?m nhớ như những vệt môi sim xưa ngày nào.

Và, nếu như tình cờ hay có dịp nào đó lạc vào một công viên đầy hoa phượng tím như ở thành phố Westminster, California, hãy để một mình trên biển hoa màu ấy mà tận hưởng cái buồn man mác đầy thi vị của xa xăm gần như mơ hồ năm tháng trong những ngày xa quê hương nhớ về...

TRƯỜNG THY

(Oklahoma)



Xuân Bích

KHOẢNG CÁCH

Đỗ Bình

Mới sang xuân, mặt trời đã lên cao mà Paris vẫn còn lạnh, những đám sương chưa tan khu chung cư ở phía Bắc ngoại ô Paris vẫn mờ sương, ánh đèn đường vàng vọt nhòa trong sương như vàng trắng tàn khuất mây. Căn hộ tầng trệt của chung cư gia chủ là một người A Châu, căn phòng âm áp được bày biện rất khang trang. Ông muốn ở đây đã lâu và sống một mình nên rất thâm lặng, thỉnh thoảng có ít người Việt Nam đến chơi, mỗi lần như thế căn nhà lại vang lên tiếng cười nói thật sinh động trái hẳn cái trầm mặc cố hữu. Người đàn ông đó có mái tóc bạc phơ, dáng người cao dong dỏng, nước da trắng, vàng trán rộng đã có nhiều nếp gấp. Khuôn mặt của ông tuy gầy nhưng sáng sủa vẫn cân đối với chiếc mũi cao, nhất là cặp kính cận dày càng toát lên vẻ thông minh trí thức. Tính ông rất vui vẻ, lại tử tế, hay giúp đỡ người bất luận là ai, quen lâu hay mới quen, kể cả những người chưa từng gặp mặt đến nhờ ông viết những đơn từ bằng tiếng Pháp hay chỉ dẫn những điều về an sinh xã hội rất phức tạp mà những người ngoại quốc sống trên đất Pháp thường gặp. Do đó ông được mọi người chung quanh yêu mến và nể trọng. Người trong chung cư gọi ông bằng lời rất thân mật là "bố già", những người ngoài phố gọi ông là giáo sư, và những người bạn thân gọi ông là cụ Giáo. Nghe nói hỏi còn ở quê nhà ông là giáo sư Đại học, đã từng du học ở Pháp và Hoa Kỳ và đỗ được hai bằng Tiến sĩ, vì thế đa số

những người trong giới quan chức của Miền Nam trước kia là học trò của ông. Vài ngày trước khi Miền Nam mất, đám học trò cũ có đến mời ông đi nước ngoài nhưng ông từ chối, viện dẫn là già rồi không muốn chết ở xứ người. Hơn nữa, ông cho rằng cả đời chỉ biết dạy học không hề dính dáng đến chính trị thì dù ai nắm chính quyền thì ông cũng thế. Sống ở miền nam suốt mấy chục năm, đã nhiều lần chính quyền Miền Nam mời ông ra tham chính nhưng ông đều từ chối. Ngày CS vào chiếm Sài Gòn, thấy xe tăng bộ đội trên đường phố ông có sợ nhưng không nao núng. Thuở đó với phẩm chất nhà giáo, tâm hồn thuần khiết đạo đức nên trong ý nghĩ của ông rất giản dị: *"Một người không hề dính dáng đến chính trị, lẽ nào người ta lại đi hại một ông già?"* Sau khi chính quyền Miền Nam sụp đổ, ông bị chính quyền địa phương kết án là gián điệp do Mỹ giải lại và bị bắt đi tù! Những năm ở tù đã làm ông sáng mắt, vợ ông ở Sài Gòn bị cướp nhà và bị đuổi lên vùng kinh tế mới! Sống trong cảnh cơ cực nghèo đói, lại không chịu nổi nơi hoang vu như thế, chỉ sau một thời gian ngắn, bà ngã bệnh, do thiếu thuốc men chữa trị nên đã chết! Khi người em dâu lên thăm nuôi báo tin, ông khóc rống lên như đứa trẻ, ông hỏi hận vì một phút quyết định sai lầm không chịu ra đi nên đã để khổ đến người vợ thương yêu nhất! Trở về lán ông than thở với bạn tù: *"Tôi già đến ngàn tuổi này mà còn u mê, anh ạ! Học cho lắm, thế mà vẫn bị chúng lừa! Bà nhà tôi cũng bị chúng lừa vì tin chúng sẽ thả tôi nếu chịu đi kinh tế mới. Vợ tôi chỉ muốn cho tôi được thả sớm nên đã nghe theo lời đường mật mà chết trong tức tưởi!"* Bạn tù thương ông cũng chỉ biết nhìn ông rồi thở dài trong im lặng!Thắm

thoát ông đã trải qua mấy mùa xa nhà, nếm đủ mùi tù và chịu đựng bao nhọc nhằn ; thế mà ông không hề hé răng than vãn, hay vì miếng ăn làm mất nhân cách một nhà giáo trước bao nghịch cảnh đầy ải đói khổ, có lúc ông muốn chết quách cho nhẹ tâm thân già, may mà chỉ là nghĩ vẩn, chỉ thoáng qua mà thôi. Ông làm sao có thể chết ở trong tù được ? Ông cần phải sống để xem đời sẽ ra sao, ai biết được chuyện ngày mai?. Dẫu sao sự sống vẫn quý; Ông chỉ ngậm ngùi cho ý nghĩa của sự tự do. Ở đây tự do đồng nghĩa với sự im lặng, nghĩa là chấp hành những mệnh lệnh của kẻ cai ngục! Ông nghĩ: **"Làm sao hiểu được tận cùng chữ *Biết* ?"** Có nhiều thứ ở trên đời dù cho thông minh và cố gắng học hỏi nghiên cứu nhiều thời gian đến đâu, thì vẫn chẳng bao giờ hiểu hết được! Những bằng cấp mà ông học hỏi và đạt được kể đã hết mức nhưng lại không đủ nhận biết mình bị gạt vì những cụm từ hoa mỹ: «**cải tạo**»?! . Đến khi đã vướng chàm, biết mình bị lừa thì đã quá muộn! **Bài học để đời này không những cho riêng ông, mà còn cho biết bao trí thức khoa bảng đã «mụ» như ông về Thiên Đảng Xã Hội Chủ Nghĩa! Họ đã vô tình tiếp tay với CS để xây dựng thiên đàng mộng mị, mà hôm nay đất nước nghèo đói, chính họ là những kẻ cầm cuốc cặm cuội trên những mảnh đất để bươi xới tìm củ khoai, củ mì để ăn trong các trại tù!** Chẳng cần học vị tiến sĩ, bài học đời quá đau ; cũng đủ để ông sáng mắt, thâm thía về sự độc tài toàn trị, do đó ông không thiết tha học tập để mau tiến bộ trở thành: thành viên xã hội. Cụm từ tiến bộ chỉ là cái bánh vẽ dụ những tâm hồn khờ khạo, những trí thức ngây thơ tin đó là cái «chia khóa» mở cổng tù. Thế rồi đến một ngày

ông vẫn được thả, lý do già yếu, bệnh tật. Họ thả ông và bắt buộc ông phải đi kinh tế mới chịu sự quản thúc của địa phương. Ông chép miệng nghĩ:«*Cái xã hội này ; đâu mà chẳng phải nhà tù! Thật là mỉa mai cho những danh từ trí thức, khoa bảng thường được người đời quý trọng nhưng nhà nước CS có xem ra gì đâu!*»

Không phải họ không biết ông là một giáo sư giỏi nghề, nhưng họ đâu có đào tạo ông, không những thế họ còn xem ông là gián điệp của Mỹ, thì làm sao dùng ông! Ở đất nước này người ta chỉ biết Đảng, người ta đồng hóa yêu đảng là yêu nước nên xúm nhau ca ngợi Đảng, và thích sống với ảo ảnh qua những chiến công chống Tây chống Mỹ, họ hô hào chống đến nỗi nhân dân nheo nhóc thiếu cả manh quần tằm áo mà đất nước nào hề có thật sự được độc lập tự do! Bao xương máu của người dân vô tội bị đổ trong cuộc chiến chỉ làm rạng danh cái thiên đường bịp!

Ông ngậm ngùi cho đất nước đang thiếu từng củ khoai, miếng sắn nhưng «lại thừa» những nhà khoa học, triết học, luật học, nghệ thuật..vv... Đã có Đảng, đảng kiêm hết, kiêm luôn chiếc thòng lọng xiết cổ dân! Khi ông hiểu và thâm thía sự tàn ác của chế độ Cộng sản thì đã muộn! Ông lúi thủi trong nông trường để sống qua ngày, rồi một hôm ông chợt khám phá ra một điều:«*Muốn tồn tại trước bạo lực để chờ cơ hội giải thoát, phải tự biến thành tượng đá.*»

Thật vậy, họ xem ông như loài cỏ mục, đồ phế thải, một người mất trí không còn năng lực lao động! Cũng nhờ thế mà ông lần mò về được Sài Gòn, ông tá túc nhà một người bà con để tìm đường vượt biên. Nếu so với những người bất hạnh khác từ kinh tế mới trốn về ông là một trong số

những người may mắn còn có thân nhân ở lại thành phố. Những người có dính dáng hay thuộc thành phần chế độ cũ muốn ở lại Sài Gòn giữa buổi giao thời không phải dễ, nhưng chẳng phải người nào được ở lại thành phố cũng dính dấp với những người phía kia. Đó là do sự mách bảo, được bà con ngoài Bắc chạy hàng xuôi vào Nam mách bảo: "*Phải thí cho cán bộ địa phương chút vàng, và đừng bao giờ tình nguyện đi kinh tế mới, cứ bám rễ ở lì thành phố rồi mọi việc sẽ qua!*". Do đó ông mới còn chỗ tá túc dù phải gặp những khó khăn về hộ khẩu. Cũng may nhờ có người em dâu rất tháo vát, trước kia bà ấy là dược sĩ, nay đổi nghề bán thuốc tây dạo ở chợ trời, giữa thời buổi củi châu gạo quế này kiếm đủ sống cũng là may! Có thể, bà mới có chút tiền nhét cho công an khu vực, công an phường họ mới làm ngơ cho ông Giáo.

Thời gian ở đây, ông Giáo gặp lại người anh cả, cũng là giáo sư dạy ở đại học Tổng Hợp Hà Nội, nay đã hưu trí. Ông ở ngoài Bắc đi cùng con gái vào thăm các em. Do hoàn cảnh chiến tranh, thâm thoát cũng đã mấy chục năm anh em mới gặp lại nhau, thế mà ngay phút đầu chiến tranh lạnh lại bùng lên. Hai anh em không biểu lộ sự hân hoan, hai người chẳng thèm nhìn nhau, họ tỏ thái độ dửng dưng, nếu trong lòng họ có mềm ra thì cũng chẳng ai biết. Những cặp mắt mờ mịt do thời gian đã làm nhạt tình anh, nhưng khi nhìn nhau vẫn chột lửa, thì làm sao lẫn được một giọt nước mắt!

Không gian trong căn phòng trở nên tĩnh lặng, không khí càng thêm ngột ngạt. Người em dâu thấy vậy vỗn vỗ:

-Anh Cả và cháu Ngọc đi đường xa, chắc mệt?

Người anh cả cười nói:

-Già rồi cũng mệt, thím út ạ!

Ông ngồi xuống ghế nói tiếp:

-Xe hỏa của xít ta còn tệ quá, đã chật chội nóng bức còn chạy chậm như rùa. Đã thế mà bà con ta lại ồn ào như cái chợ! Muốn chọn mất một tí nào có ngủ được!

Ông Giáo đứng bên cửa sổ hưởng mát lên hàng hoa giấy, bỗng nghe anh mình nói liền khẽ hứ giọng mũi không nói một lời, ông tiến lại đưa cháu, nét mặt của ông trở nên tươi sáng. Ông mỉm cười nhẹ đưa tay xoa đầu đưa cháu gái mà lần đầu gặp, sau đó gương mặt của ông lại lạnh toát, rồi bỏ lên lầu. Người em dâu thấy hai anh như vậy nên bối rối, liền mời ông anh cả và người cháu dùng chút bánh và nước ngọt, sau đó bà dẫn bố con họ lên phòng nghỉ, chỉ vào hai phòng. Ngọc nhìn phòng ngủ bày biện khang trang, bức tranh sơn dầu treo ngay trên đầu chiếc giường Hồng Kông trải drap trắng mượt, cạnh là chiếc đèn ngủ. Ngọc nói:

-Nhà thím sang quá Cháu cứ ngỡ mình đang sống trong phim...

Người thím mỉm cười không nói, bà chạnh lòng thương cho Ngọc, con của một cán bộ cao cấp mà lại bối ngỡ trước những thứ vật chất rất tầm thường ở Sài Gòn này. Ngọc chưa dứt bàng hoàng, bỗng ngược nhìn người thím và cảm thấy bà có một nét đẹp rất quý phái và tươi mát dù tuổi đã ngoài ba mươi, bà cũng đang ngắm nhìn mình với ánh mắt đầy tha thiết. Ngọc bên lên mắt hướng về bức tranh nói:

-Sài Gòn lộng lẫy và đẹp quá, thím nhỉ?

Ngày mai thím dẫn cháu đi dạo phố nhé!

-Nghỉ đi cho đỡ mệt, chút ra ăn cơm.

Ngày mai thím sẽ dẫn cháu đi dạo và sắm đồ.

Nói rồi bà khép cửa phòng cho Ngọc và xuống lầu đi thẳng vào phòng ăn làm cơm.

CHO TÔI TÌM LẠI

Cho tôi tìm lại vở học trò
Của người yêu dấu, của tôi xưa,
Ở đầu trang chữ in hai nét,
Ghi chút tình thơ dại đờn sơ.

Cho tôi tìm lại những con đường,
Có dấu chân tôi và người thương.
Những chiều mưa nhỏ rơi trên phố,
Tay nắm trong tay chẳng biết buồn.

Cho tôi tìm lại những hàng cây,
Tháng sáu mưa màu lá đổi thay.
Tôi đi e ấp bay tà áo,
Và mắt buồn như mong nhớ ai...

*

Hay là chỉ có những mùa hoa?
Ru lòng phượng thắm của đôi ta,
Chia tay thắm gửi lòng mong đợi,
Vọng tiếng ve sầu kêu thiết tha.

Hay là chỉ có những bồi hồi?
Chia tay người ở khúc quanh đời,
Như dòng sông nhỏ chia trăm ngã,
Đổ nhịp muôn trùng ra biển khơi.

Hay là cúi xuống ngậm ngùi thôi?
Bạn cũ, tình xưa, thất lạc rồi!
Trăm năm tiền kiếp sao không hẹn,
Để những bài thơ dang dở lời.

Nguyễn Mây Thu

(Paris, 13-05-2014)

Tiếng ho thúng thảng của người anh cả vang lên âm buồn có đoạn dài, có đoạn dứt khúc làm tiêu tụy thêm dáng vóc gầy gò lư thừa nhúm tóc bạc phơ. Khuôn mặt của ông rất giống ông Giáo, nếu không lệch tuổi tác, người ta có thể lầm tưởng là anh em song sinh. Ở chung nhà cả tuần mà hai người vẫn tránh nhau. Nhưng hôm nay là ngày giỗ ông bà nên buộc lòng anh em phải ra cúng lễ và đối thoại nhau. Trước bàn thờ gia tiên, người anh môi run run, mặt xúc động lên tiếng trước:

-Chú vẫn khỏe?

Ông Giáo bưng cặp mắt đỏ, đôi gò má run run, tiếng nói bỗng khàn xuống:

-Cám ơn anh cả tôi chưa chết!

Khuôn mặt người anh bỗng nhú lại:

-Sao chú lại nói thế? Chú còn giận anh hả? Chuyện của chú lúc trước...

Người em cau mặt, cắt ngang:

-Thôi, tôi xin anh đừng nhắc chuyện xưa!

Người anh quay mặt ra cửa, đầu giọt lệ trong khóe mắt, thôn thức giải bày:

-Chú trách tôi là phải. Nghe tin chú Út và chú bị đưa đi học tập, còn tím bị mất trên vùng kinh tế mới, tôi rất buồn! Tuy có nghề ngành và chẳng hiểu tại sao các chú lại chịu làm tay sai cho Mỹ để làm giàu?. Nhưng trong tình máu mủ gặp hoàn cảnh như thế thử hỏi làm sao mà tôi không đau lòng?!

Ông Giáo gằn giọng:

-Thôi, xin cảm ơn lòng tốt bác đảng của anh!

Người anh vẫn nhìn ra cửa trăm giọng nói:

-Mãi đến bây giờ, vào đây tôi mới vỡ lẽ, đã hiểu tất! Chú tha lỗi và thông cảm cho tôi, mấy chục năm bị bưng bít tuyên truyền, tôi đã hiểu sai! Tôi có mắt mà cũng như mù! Nhưng chú cũng chẳng hiểu Hà Nội

sau năm 1954, và người dân Hà Nội nghĩ gì? Chú đừng tưởng một giáo sư đại học lâu năm như tôi là có quyền thế? Dưới Xã Hội Chủ Nghĩa người trí thức rẻ hơn Bèo!

Người anh quay mặt lại nhìn em, giọng lên vút :

Chú tưởng những người vào đảng đều vì lý tưởng cao sao? Và cứ ở trong đảng là có quyền sao?

Ông hạ giọng nhàn nhàn :

...Đành rằng phải phấn đấu mới vô được đảng nhưng trong đảng đâu phải ai cũng nhiệt thành cả?..Cũng có người này kẻ nọ chứ! Trừ một số ít lãnh đạo, quán triệt được đường lối tư tưởng chủ nghĩa Cộng Sản, còn lại hầu hết người ta chẳng hiểu gì về Cộng sản, họ vô đảng là chỉ hòng kiếm cơm, nhắm vào tem phiếu thôi. Hơn nữa không vô mà được há? Bộ máy đảng sẽ sẵn sàng nghiền nát những đối tượng tiêu cực. Họ trì triết phê bình rồi trừ dập có nước mà tự tử! Hồi năm 46 chú mới qua Pháp, anh về, lúc ấy cả nước đang sôi sục khí thế chống thực dân thì anh cũng phải lên đường vào chiến khu như bao nhiêu người khác thôi. Chú xem bản thân gia đình ta đây: Nào địa chủ, lại còn phong kiến quan lại theo Tây, cả anh lẫn chú và em Thảo lại du học Pháp, thuở đó Hà Nội có mấy người? Làm sao mà họ không phê phán về quan điểm lập trường của gia đình ta theo Pháp, Mỹ, khi mà em Thảo thì ở lại luôn bên Pháp, còn chú mang cả gia đình di cư vào Nam, dẫn theo chú Út, chỉ có Bố là ở lại vì bệnh tình lúc đó quá nặng nên không thể theo gia đình chú được! Và lại bố muốn yên nghỉ gần ông bà, do đó mẹ phải ở lại trông nom bố thì anh có muốn vào Nam cũng không đành! Chú đi lúc ấy là phải, anh đã chứng kiến nào là chính

huân, nào là cải cách ruộng đất. Chú còn nhớ, chính anh đã khuyên vợ chồng chú và chú út nên đi, đừng bịn rịn, bố mẹ ở lại đã có anh lo?...

Ông Giáo mặt cúi xuống, hình như đang xúc động. Người anh bước lại, ngồi xuống ghé, giọng bùi ngùi kể tiếp:

-Sau khi bố mẹ qua đời, tôi nào được yên thân. Bao nhiêu năm miệt mài trong chiến khu thế mà vẫn bị dòm ngó. Tôi bị người ta nói bóng gió, xô xiên nhiec móc nào là trí thức phản động, địa chủ cường hào, quan lại bóc lột, thân nhân bám theo Mỹ Diệm. Xuýt tí nữa thì bị dính vào vụ án "Nhân Văn Giai Phẩm". Tôi bị quy tội quan hệ với những người trí thức tiểu tư sản trong nhóm Nhân Văn. Chao ôi! Những người trí thức văn nghệ sĩ đó cũng bao nhiêu năm miệt mài trong kháng chiến, thế mà chỉ vì muốn bảo vệ chút tự do tư tưởng, tiếng nói riêng tư phát từ đáy lòng khác với đảng, mà bị trừ dập, họ sống dở chết dở! Tôi thật là may, Trời thương đã che chở mới thoát qua. Chú đừng tưởng họ quên quá khứ của gia đình ta, dù tôi cũng đã đóng góp biết bao công sức trong thời gian kháng chiến! Có lẽ nhờ số ruộng đất của ông bà nội, ngoại cùng dãy nhà ở Hà Nội của bố mẹ đều dâng hiến tất cho nhà nước trước khi các cụ qua đời mà tôi mới được yên thân, nhưng họ vẫn ruồng bỏ như một thứ ghê lạnh! Kể từ ngày đó tôi quyết tâm vô đảng, tìm cái vỏ bọc che thân, và tôi đã lập gia đình, tuy muộn nhưng bớt bị dòm ngó. Mẹ cháu Ngọc là giáo viên nhỏ hơn tôi hai giáp tuổi, chị em sau bị chết trên đường sơ tán! Ngày hay tin các em bị đưa đi cải tạo, tôi có nhờ một vài người bạn thân tìm người chạy để bảo lãnh các em ra. Nhưng

họ khuyên đừng dính vào tội gián điệp và tâm lý chiến, nhất là lúc ấy nội bộ của các ông lớn đang phân hóa, người theo Tàu, kẻ theo Liên Xô, còn những ai đã từng vào công tác trong Nam đều bị nghi biến chất phục Mỹ. Do đó tôi đã ngần ngại không dám, khiến điều ấy dày vò tâm hồn tôi mãi đến hôm nay!

Nói đến đây, người anh ôm mặt nức nở gục trên đầu gối, kể tiếp:

-Năm ngoái anh có đi tàu hỏa ra Thanh Hóa, chờ ô tô vào tận huyện Như Xuân mất cả ngày đường, rồi còn băng rừng, vượt sông vượt suối suốt hơn 20 km mới đến được trại cái tạo Thanh Phong, chỗ giam chú út. Đây là khu vực thuộc biên giới Lào, hồi còn trẻ anh cũng đã đi qua, nhưng nay tuổi đã cao. Ôi thật là gian nan mới đến được. Nhưng khi đến nơi rồi mới đau lòng!...

Mọi người hoảng hốt. Người em dâu, mặt biến sắc chạy lại lay vai người anh cả hỏi giật:

-Chồng em ra sao?

Ông biết người em dâu đã làm nên vội vã nói:

-Chú ấy khỏe!

Mọi người có mặt đều thở nhẹ nhõm, ông ngâm ngùi kể tiếp:

-Anh nói là đau lòng không phải là chú út có chuyện gì, điều mà anh đau lòng là anh thân già, lặn lội đường xa đến thăm chú mà chú lại không chịu ra gặp, lấy cớ là bệnh. Anh lại quay lại huyện Như Xuân ngủ một đêm, hôm sau trở lại trại Thanh Phong nhờ đến người cán bộ trưởng trại, họ cho công an dẫn chú ra, sau đó công an rút lui để anh gặp riêng chú. Nhìn chú thiếu nảo trong bộ đồ tù mà anh đút ruột, hình ảnh

thời thơ ấu của chú bỗng hiện ra trong trí anh. Hồi đó anh em ta thường hay dắt chú đi chơi, mỗi lần như thế chú Út thường đòi ăn quà của những người bán hàng rong Bờ Hồ. Giờ, gặp mặt đứa em út thân yêu thì chú lại xem anh như kẻ thù! Dẫu xa cách mấy chục năm không gặp nhau, anh vẫn nhận ra chú vì chú út rất giống mẹ, dù lúc đó chú ấy để râu. Chú ấy cứ im lặng và quay đi không thèm nhìn mặt anh. Anh rất giận định quay về nhưng chợt nghĩ dù sao anh cũng là anh cả, lại hơn chú hai mươi mấy tuổi. Anh đắn đo chưa biết mở lời ra sao, chẳng lẽ anh em cứ ngây như tượng đá?! Anh cảm thấy sự bất hạnh cứ đeo đuổi gia đình mình mãi! Chợt anh nhớ đến bố mẹ, và anh liền hỏi:

Chú có muốn nghe chuyện bố mẹ mất ra sao không?

Quả nhiên mắt chú sáng lên và dồn dập hỏi anh. Các em có biết không, anh bật khóc. Anh khóc không phải là chú út nhắc đến bố mẹ mà anh khóc là tình anh em chưa dứt hẳn; vì còn chỗ dựa là cùng huyết thống. Anh kể cho chú nghe sơ chuyện gia đình. Anh em tâm sự cũng hằng giờ. Số quà mà anh mang theo, chú nhận hết, ngoại trừ ít sách về tư tưởng.

Chú nói:

-Anh Cà mang về những thứ này mà dùng, anh cần nó hơn em ở đây em đã dùng nó thế com hằng ngày nên phát ngấy!

-Nhìn thái độ khảng khái của chú, anh thầm cảm phục khí phách của chú. Nhưng thấy ánh mắt loé lên những tia sắc sáng quắc như muốn chọc thủng thù địch; anh bỗng phì cười và tội nghiệp chú, là sĩ quan tâm lý chiến mà chẳng hiểu gì về Cộng sản cả! Chú nào biết muốn thoát khỏi nanh vuốt Cộng sản hoặc là câm như tượng đá hoặc là phải thành

vết nhức thuộc lòng khẩu quyết của Cộng sản thì mới mong tồn tại, nhất là tránh được cái họa mồm để khỏi bị chết oan! Trước khi về, anh còn căn dặn:

-Em phải cố bảo trọng sức khỏe và cố giữ cái mồm, muốn gặp mặt vợ con thì nên vạch đầu gối ra mà than,tai vách mạch rừng cả đấy!'

Người em dâu nghe ông anh cả kể chuyện về chồng mình mà rung rung nước mắt, bà hài lòng về sự bất khuất chồng nhưng lại lo sợ cho sự an nguy của chồng. Bà bước ra tủ lấy chai rượu Whisky và nói:

-Các anh mấy chục năm mới gặp nhau cả tuần nay gặp mặt nhưng lạnh nhạt khiến căn nhà giữa mùa hè Sài Gòn mà em cảm thấy giá băng như Bắc cực Hôm nay nhờ hồn thiêng của ông bà, hai anh tha hồ hàn huyên, có khi cả tháng vẫn chưa đủ,các anh nên uống mừng ngày hợp mặt. Em mừng vì thấy anh cả dù sống trong lòng chế độ miền bắc mà tư tưởng vẫn phóng khoáng, nhất là đã hiểu được tâm tư và đời sống trong Nam!

Bà thở dài rồi nói tiếp:

-Em tiếc là chồng em bị đưa ra bắc chẳng biết ngày nào về. Nhưng mẹ con em thế nào cũng liệu. Ở lại đây ngày nào là phập phồng lo ngày đó, chẳng biết họ đến bắt khi nào. Gần cả năm nay em đã nhiều chuẩn bị..Anh cả vào đúng lúc, anh có muốn đi vượt biên với gia đình em không?

Khuôn mặt người anh thoáng xụ nét buồn, ông nhấp ly rượu, lắc đầu:

-Rượu ngon quá, mấy chục năm nay, anh mới được hớp rượu ngon như thế này!

Ông Giáo vừa nhấp rượu vừa hỏi:

-Anh Cả chưa trả lời thím Út. Sao anh có muốn đi với gia đình thím Út không?

Đôi mắt người anh cả đỏ lên vì quá xúc động. Ông méu máo hỏi như than:

-Các em không sợ anh đi tố giác à?

-Qua trực giác, em tin là anh cả không thể hại các em và các cháu!

Người anh cả gật đầu cười chua xót:

-Cảm ơn thím tin. Anh của các em nào tán tận lương tâm như thế? Nhưng em cũng nên thận trọng, chế độ này đã cướp đi tính trong sạch và lòng tốt của con người..Người Miền Nam thật hay dễ tin quá, rồi đây Miền Nam còn phải chịu nhiều thay đổi đau thương nữa !...

Ông nhích ra co ro ngồi ở mép ghế, mặt buồn xo, nói tiếp:

- Anh cũng đã từng du học Pháp, Liên Xô nhưng hình như anh giống bố phải chết ở quê nhà, các em ạ! Anh suốt đời chỉ làm kẻ tiền đưa...Anh già rồi! Ở đâu mà chẳng chết? Hơn nữa anh đang mắc chứng bệnh nan y, qua đó chỉ làm khổ các em và cháu! Nếu có thể được xin cho cháu Ngọc đi theo, cháu mới vào Đại học, tương lai thì chẳng biết ra sao! Được như thế là anh mãn nguyện vô cùng biết ơn các em. ...

Nghe anh cả trình bày tâm lòng khiến ông giáo và người em dâu đều bùi ngùi và đồng cảm. Họ tiếp tục tâm sự, kể lể cho nhau nghe những vui buồn của quãng thời gian bao năm xa cách. Bao nhiêu đắng cay phiền muộn của người anh cả chắt chứa trong mấy chục năm bỗng được xả ra, ông cảm thấy tâm hồn được nhẹ nhõm. Tuy sức khỏe đã kém, lại được rượu ngon nên ông uống quá nhiều, người đã nhũn ra nhưng môi vẫn nhấp, hòa với những giọt nước mắt lăn dài trên má. Ông nức nở nói:

-Suốt mấy chục năm,, anh ao ước gia đình anh em mình được đoàn tụ, thế mà nào có trọn ước mơ! Ôi bao cảnh náo lòng. Chiến tranh đã cướp đi bao tuổi thanh xuân và xương máu của những người vô tội chỉ vì chủ thuyết hư vô. Người chết thì oan khuất, tức tưởi, còn người sống thì lơ láo. Kẻ chiến thắng cô đơn trong vinh quang và lạc loài giữa đất nước. Kẻ bại thì người biệt xứ, kẻ ở lại lóp tù đầy, lóp đói khát căm nín như chiếc bóng trên chính quê hương trong chua xót tủi nhục!...

Ông bùi ngùi than:

-Họ tàn nhẫn lắm, các em ạ! Họ dùng người rồi vứt chanh bỏ vỏ!

Ông ngẩng đầu lên, mắt sáng quắc, mặt đanh lại, nói:

-Nếu chỉ vứt chanh bỏ vỏ thì mới chỉ là loại đểu. Đàng này nó miết lấy hết chất nước xong rồi lấy vỏ đem phơi khô tán thành thuốc bắc rồi đem bán cho người khác. Họ không bỏ thứ gì cả. Thế có úc không chứ?! Các em bằng mọi giá nên đi đi cho cháu Ngọc của anh theo với!

Dứt câu, người anh cả gục đầu trên bàn ngủ say.

Sau hai tuần lễ lênh đênh trên biển cả, vượt bao nguy hiểm sóng gió bão bùng Có lúc đoàn người rú lên tưởng cơn sóng đã nhận chìm chiếc thuyền đầy nhóc người xuống đáy đại dương. Chiếc thuyền chờ gia đình người em dâu và bao người khác cuối cùng đã đến được bờ tự do. Lên đảo Palawan, ông giáo không theo gia đình người em dâu và đưa cháu

con ông anh cả sang Mỹ. Ông thích qua Pháp vì có các con bên này. Sang đây, tuổi của ông đã gần sáu mươi, cái tuổi rất khó tìm được việc làm, cũng may nhờ người giới thiệu nên có một việc làm tạm trong thư viện nhưng cũng kéo gần được chục năm. Về sau, do sức khỏe quá kém, ông đành phải nghỉ việc và ở nhà lãnh tiền già. Ấy thế mà ông cũng dành dụm tí tiền gửi về cho bạn bè, thân nhân còn ở bên nhà. Chẳng bù cho đám con của ông ở bên này đều thành đạt cả, nhờ ngày trước, lúc còn chiến tranh ông gửi chúng đi du học. Lương chúng rất cao nhưng nào thí cho ai một xu! Đưa thì tiền đổ vào sông bạc Casino, đưa thì còn mãi dẫn cô vợ đằm đi chu du thế giới, còn cô con gái út thì thích xe đẹp, nhà sang. Thật là vô phúc! Con làm bác sĩ mà bố lại phải nhờ người khác. Cả bố chúng mà họa hoàn lắm, có khi cả năm mới tạt qua giấy lát rồi biển, thì đừng phí công đòi hỏi lòng nhân ở những tâm hồn vật chất ấy! Cô Thảo, em gái kế ông, qua Pháp du học đầu năm mười, sau khi học xong đã theo chồng sang Mỹ lập nghiệp, nhiều lần sang Pháp mời ông qua Mỹ ở nhưng ông đã từ chối. Ông có mấy người bạn thân tuy còn ít tuổi hơn ông nhưng lại rất hợp với ông về tư tưởng và quan niệm sống, nhất là ông rất thích về văn học, nghệ thuật. Thời gian còn làm ở thư viện đã giúp ông mở mang thêm trí tuệ, có thể nói ông đã đọc quá nửa số sách trong thư viện, nhờ thế ông đã khám phá nên văn học nghệ thuật của thế giới thật bao la, vĩ đại./.

Đỗ Bình
(Paris)

Tưởng Nhớ

Không có em đời là bóng tối
Mây xám giăng bầu trời lạnh băng
Hoa không nở những ngày u ám
Nắng không giăng bờ sông vắng bóng em

Ngóng em anh tương tư thao thức
Khắc khoải đêm ngày nhớ dáng xưa
Thả hồn thơ thả trên trang giấy
Bao nhiêu mộng ước chẳng thành thơ

Không có em anh người cô độc
Đếm thời gian từng phút chờ mong
Gió lạnh ngoài song hay lạnh trong lòng
Ly cà phê đắng nồng cay lắng nguội

Ngày em đến lòng anh mở hội
Hoa tươi bừng khoe sắc hồng tươi
Nắng trở về bên gót chân thoi
Anh ngây ngất hay chẳng trong mộng tưởng

Khi em về bình minh rạng rỡ
Gió thênh thang hây tóc bay ngang
Em đọc thơ anh còn bỏ dở
Nhỏn miệng cười đến xao động tim anh

Ngắm em bước dạo bên dòng suối
Lúc hoàng hôn xuống tím lừng trời
Dáng huyền ảo không gian chuyển sóng
Sóng phấn hương cho say đắm tình nồng

Này em hỡi đừng rời anh nhé
Nếu mộng vàng anh sẽ ngủ lâu
Trao tặng em tình mình bất diệt
Mộng bên em cho đến thuở bạc đầu

Diệm Trân

TIỂU SỬ TÁC GIẢ



Diệm Trân sinh trưởng tại Sài Gòn, Hòn Ngọc Viễn Đông. Nghe thì thơ mộng nhưng Diệm Trân hồi nhỏ vẫn tiếc không được sinh ở Đà Lạt như hai người anh.

Diệm Trân cùng gia đình di cư qua Hoa Kỳ năm 1975 và đã từng sống ở hai tiểu bang Illinois và Washington trước khi cư ngụ tại Virginia. Diệm Trân hiện là công chức làm về thống kê.

Diệm Trân đồng xuất bản sách song ngữ *Những Tấm Lòng Nhân Ái/Unforgettable Kindness* cuối năm 2011. (Độc giả có thể chọn mua sách in hoặc ebook trên Amazon.com. Sách in cũng có thể được mua tại TranEntertainment trong Eden Center hoặc qua liên lạc với tác giả/dịch giả).

Diệm Trân sinh hoạt với Cỏ Thơm và Văn Bút Hải Ngoại Miền Đông Bắc Hoa Kỳ và thường đăng bài viết tiếng Anh trên mạng (<http://rockingchaircorner.blogspot.com/>).

MƯỜI NĂM KHÔNG GẶP

Phương Duy TDC

(Lời tác giả: Mười năm sau khi gặp Marisa tại biển Baja California - truyện ngắn BIỂN TÌNH* đã đăng trong CỎ THƠM số 63 - Duy gặp lại Maria và cuộc tình)

1-

Đang ngồi ở quầy tính tiền cho khách, Duy thấy một người khách phụ nữ trẻ tuổi bước vào tiệm ăn, kéo ghế ngồi ở bàn gần cửa ra vào.

Duy nhắc người hầu bàn đem thực đơn ra tiếp khách. Người hầu bàn Trung Hoa tiến đến bàn số 10.

Thiếu phụ nói:

“Un café nada más, por favor.” (Cho tôi một cốc cà phê đen thôi)

Anh ta bỗng quay lại hướng Duy và nói bằng tiếng Tàu:

“Sín-sáng, cô này nói tiếng Tây Ban Nha, ngộ không hiểu được muốn ăn món gì. Sín-sáng nghe giùm ngộ...”

“OK, tôi đến ngay”. Duy nói với người hầu bàn.

Đến gần người khách, Duy trông mặt hơi quen quen, chàng hỏi bằng tiếng espanol:

“Senorita, que quiere comer o beber?” (Xin cô cho biết cô cần ăn hoặc uống gì?)

“Quería... un café nada más, por favor”(Tôi chỉ cần một cốc cà phê thôi)

Người khách nói bằng tiếng espanol sau khi trả lời Duy:

“Tôi trông ông quen quá. Ông có qua Mỹ lần nào chưa... hay có đến thành phố San José thuộc tiểu bang California chưa?”

“Xin lỗi, Marisa hay Maria đây?” Duy hỏi lại với một giọng ngạc nhiên và thích thú.

Thiếu phụ đáp:

“Maria!”

“Hola, amiga! Me llamo Duy. Cómo está usted?” (Chào cô bạn! Tôi là Duy đây. Cô mạnh khỏe chứ?)

Duy nhớ lại ngay chuyện chàng suýt chết đuối ở biển Baja California bên Mỹ khi chàng gặp Marisa, cô gái Liêu Trai “Biển Tình” (*), chị song sinh của Maria cách đây gần mười năm.

2-

Mười năm trôi qua quá nhanh. Maria bây giờ trông hơi khác trước kia, thân hình đầy đặn và sexy hơn.

Duy hồi tưởng lại quá khứ...

Sau khi đi chơi bên Mỹ về, Duy tiếp tục làm chung với Maria. Thuở đó Maria còn trẻ, vào khoảng mười bảy hay mười tám. Thân hình nàng cân đối rất đẹp. Hàng ngày Duy làm việc chung với nàng. Tuy mặt đối mặt nhưng gần cách bằng những ô cửa kính dày. Chàng biết Maria cũng có cảm tình với chàng, có thể một lúc nào đó Maria cũng yêu chàng. Chàng thấy có nhiều lúc Maria nhìn chàng đắm đuối hoặc muốn nói điều gì. Nhưng vì bản tính chàng trai Á đông, chàng vẫn nhút nhát khi thấy Maria chưa qua khỏi tuổi thành niên. Chàng e ngại dính vào “Trái Cấm” là dính “biển tình lai láng” nếu có chuyện gì trực trặc, đưa ra pháp luật thì nguy. Cho nên Duy lúc nào cũng rất thèm Maria muốn ngẫu nhiên nàng ngay dù có nhiều lúc Maria tỏ tình, ôm ấp, hôn chàng say đắm, kích thích chàng tột độ mà Duy

vẫn phải giữ mình “như nhà tu hành” vậy. Chàng đâu có hiểu gái Mễ yêu cuồng, sống vội và biết “chuyện đời” từ lúc mười hai, mười ba tuổi cơ! Chàng nhủ thầm: cứ nuôi mỗi tình đam mê xác thịt này, chờ vài năm nữa Maria bước qua tuổi hai mươi một hăng hay. Nhưng chàng không còn dịp để chờ! Ít lâu sau đó, chàng tìm việc nơi khác, nên xa cách Maria.

Gặp lại Maria tại Canada lần này, Duy nghĩ là “đúng lúc quá”, trái cây đã chín muồi, ăn rất khoái khẩu!”

Maria hỏi ngay Duy:

“Tại sao lúc trước anh đang làm chỗ chung với em, rồi duyên cớ nào anh bỏ ngang công việc và đi đâu, đi với ai? Làm em nhớ anh lắm và tìm hỏi các bạn anh, nhưng không ai rõ, họ chỉ biết anh đã sang Canada thôi.”

“Trong một chuyến đến Vancouver, B.C bên Canada nghỉ hè, tôi gặp một người bạn Hoa kiều trước kia cùng ở Chợ Lớn bên Việt Nam đang định cư tại đây. Anh nói với tôi: Anh có người bà con bên Hongkong mới di dân sang thành phố này đang cần tuyển một người làm, phụ giúp để quản lý một tiệm ăn Tàu. Điều kiện phải biết nói tiếng Pháp, tiếng Việt, tiếng Espanol, ngoài tiếng Anh dĩ nhiên, nếu biết thêm chút ít tiếng Tàu nữa thì rất tốt. Lương trả cao và việc làm cũng tương đối khỏe hơn việc đang làm bên Mỹ. Tôi nhận làm công việc này.

“Sao anh không về từ già bạn bè?” Maria hỏi.

“Khi tôi nhận công việc làm ở nhà hàng ăn vì quá cận kề ngày khai trương nên không thể về lại San José từ già bạn bè được. Tôi chỉ gửi một lá thư cho công ty, yêu cầu gửi lương sang cho tôi và để tôi nghỉ việc.”

Maria nũng nịu nói:

“Lúc đó em giận anh lắm và bây giờ... cũng chưa nguôi giận!”

“Thôi, cho anh xin lỗi. Gặp lại nhau lần này là chuyện hy hữu đáng nhớ đời. Anh sẽ đền bù những gì trong gần mười năm em đã giận anh”. Duy vừa cười vừa nói và nháy mắt, tình tứ với Maria.

Nhìn thực khách vào tiệm ăn mỗi lúc một đông, Duy nói nhỏ với Maria:

“Maria, bây giờ anh đang bận tiếp khách, em lấy taxi đi về phòng anh, chiều nay anh về đưa em dạo chơi thành phố Vancouver thơ mộng này.”

Nói xong chàng đưa chìa khóa phòng và ghi địa chỉ cho Maria.

Maria hôn chàng và bước ra khỏi tiệm ăn “Hongkong Đại Tửu Gia”.

Thành phố Vancouver là một nơi mà cộng đồng người Hoa kiều sinh sống đông nhất ở Bắc Mỹ.

Người Trung Hoa đã di dân sang Vancouver từ giữa thế kỷ thứ 19. Ngày nay thành phố nằm về miền tây nước Canada, thuộc bang British Columbia, Vancouver có khu Chinatown rộng lớn, buôn bán sầm uất là một trong những “Phố Tàu” lớn của vùng Bắc Mỹ.

Những ngôi chùa, dinh thự nhà cửa kiến trúc theo lối Trung Hoa nhan nhản tại thành phố lớn vào hàng thứ ba của nước Canada. Tiệm ăn mà Duy đang quản lý là một trong những đại tửu gia bán những món ăn nấu theo lối Trung Hoa nổi tiếng tại thành phố này.

3-

Duy miên man nhớ lại những sở thích dễ thương của Maria: Maria rất khoái ăn trái cây. Nàng thường tỏ bày với Duy là ăn trái cây

không làm cho thân thể phụ nữ mập phì, làm cho da dẻ mịn màng, xinh đẹp hơn. Duy cũng thích ăn trái cây tuy không cùng ý nghĩ như cô bạn gái của chàng.

Những ngày cuối tuần, Maria tháp tùng với Duy đi chợ trời lớn The Flea Market of San José để “săn” trái cây và ăn trong tuần.

Rồi những ngày Duy có dịp xuống San Diego thăm bạn bè, nàng đều nhắc Duy mua trái cây cho nàng. Trái cây trồng bên Mexico xuất cảng sang San Diego rất nhiều loại vừa ngon, vừa tươi mà giá lại rẻ nữa. Maria rất khoái ăn ổi, ăn nhãn, ăn xoài, ăn mía, uống nước dừa tươi.

Hôm nay gặp lại nhau tại thành phố Vancouver, một nơi “nhiều trái cây nhập cảng tại các nước bên Á châu và Thái Bình Dương” là dịp hai người bạn tay trong tay trực chỉ đến các gian hàng rất lớn bày bán trái cây trong khu Phố Tàu.

Đủ loại trái cây như chôm chôm, măng cụt, lòn bon, hồng giòn, hồng mềm, ổi xá lị, lê chỉ, lựu, xoài, mận, quýt, mít, sầu riêng, đào... bày hàng đầy đủ màu sắc trông thật hấp dẫn con mắt và nước bọt cũng ...tiết ra nhiều!

Đi một vòng quanh chợ, cốp xe của Duy không còn chỗ trống nào có thể xếp thêm trái cây mà Maria đã mua nữa. Cũng may mà nàng không thích ăn những trái cây địa phương như táo, lê, cam, nho, chuối, kiwi, dâu....

Vừa đi bên cạnh người bạn gái, Duy nhìn ngắm Maria đắm đuối. Chàng thấy Maria như lạ hẳn, rất khác xưa. Chàng liên tưởng đến thân hình Marisa mà chàng đã dày vò bên Mexico ngày xưa... Chàng cảm thấy rạo rức. Maria bây giờ, sau mười năm xa cách nay đã chín muồi. Nàng không còn những nét e thẹn, rụt rè của thiếu nữ trẻ khi

chàng mới quen. Thân hình nàng nảy nở đầy đủ và thật hấp dẫn người bạn trai bên cạnh. Mặt nàng ửng hồng, tóc búi cao, gáy tròn trịa, mắt long lanh, môi gợi cảm. Nhìn là Duy muốn hôn và cắn vào nàng ngay.

Và ngày hôm nay lần đầu tiên Duy thấy Maria mặc váy ngắn. Chiếc váy bó sát vào thân hình và bờ mông tròn nhô lên của nàng. Nàng có cặp chân dài, thon thả và khỏe mạnh.

Nhớ lại ngày xưa, mỗi khi đến chỗ làm việc, tất cả nhân viên, nam cũng như nữ đều phải mặc đồng phục với quần tây dài, áo tay dài nên những phần thân thể trẻ đẹp của các thiếu nữ ít được bộc lộ ra ngoài.

Duy nhìn mãi thân hình tròn gọn và bước đi nhún nhảy của Maria. Chàng không che dấu được tất cả sự thèm muốn ôm ấp ngay thân hình vệ nữ đó.

Thấy Duy nhìn mình không chớp mắt, Maria hỏi:

“Em lạ lắm sao mà anh nhìn kỹ vậy?”

“Bonita y Sexi!”(Em xinh đẹp và gợi tình lắm!). Duy trả lời.

“Đi bộ khá lâu, em thấy mỏi chân rồi, chúng ta nên tìm một chỗ ngồi nghỉ chân một chốc” Maria đề nghị.

“Muy bien! (Rất tốt!). Chúng ta mau đi đến quán cà phê vỉa hè đằng kia. Cung ráng bước vài bước nữa là có thể ngồi nghỉ thoải mái.”

“Si, amigo.” (Vâng)

“Em uống gì?”

“Un café con leche, por favor! (Xin cho em ly cà phê sữa).

Duy gọi một tách cà phê sữa cho Maria và một tách cà phê đen cho chàng.

Trong lúc chờ bồi mang cà phê ra, chàng hỏi Maria:

“Từ dạo anh xa em đến nay, em sống như thế nào? Vui? Buồn? Chờng ? Con?”

ANH RU EM NGỦ MỘNG LÀNH

Em ơi ...

*Anh ru em ngủ mộng lành
Mây hồng mây trắng mây xanh vòng tình
Anh ru em ngủ xiêu đình
Hoa chanh mắc cỡ hoa quỳnh ngây thơ*

*Anh ru em ngủ mộng mơ
Gió hồng gió trắng gió chờ vòng yêu
Anh ru em ngủ nâng niu
Hoa cau trong trắng ngoài trêu gót giày*

*Anh ru em ngủ mộng say
Khói hồng khói trắng khói bay lưng đôi
Anh ru em ngủ đỉnh trời
Hoa mai khoe tết đẹp đôi chim hồng*

*Anh ru em ngủ mộng bông
Lửa hồng lửa trắng lửa đồng tình ca
Anh ru em ngủ ngọc ngà
Hoa đồng cỏ nội phù sa ngọt ngào*

*Anh ru em ngủ mộng sao
Nước hồng nước trắng nước trào lệ vui
Anh ru em ngủ thôi nôi
Hoa tiên vẩy bút tuyết vời tình anh*

Anh ru em ngủ mộng lành...

Em ơi ...

**MD.08/08/11
Luân Tâm**

Với giọng trầm trầm Maria kể:

“Sau khi anh đi, em tiếp tục làm ở công ty cũ thêm một năm nữa. Tự nhiên em cảm thấy buồn chán cho công việc đang làm. Có người bạn giới thiệu em qua làm cho một công ty điện tử. Lương khá hơn và công việc cũng nhàn hơn. Ở đó em quen với người bạn trai, kỹ sư. Hai đứa thương nhau và hẹn ngày sẽ thành hôn.

Một kỳ nghỉ hè năm kế tiếp, hai đứa cùng đi du lịch ở đảo Maui, bang Hawaii. Chúng em rất vui trong chuyến du lịch “Thiên Đàng Hạ giới” đó. Nhưng có lẽ người bạn trai của em không biết “tục lệ” (hay “mê tín dị đoan”) của dân địa phương đảo Maui:

“Đừng bao giờ bạn mang một vật gì của đảo ấy về nhà, cho dù chỉ là một hòn sỏi nhỏ. Vì rất xui xẻo!”

Maria kể với giọng buồn buồn:

“Người bạn trai của em là người thích sưu tập những vật kỷ niệm tại mỗi địa phương mà anh đến viếng cảnh nên mang theo về nhà hai viên đá nhỏ có hình dạng đặc biệt và óng ánh. Nhiều người bạn đồng hành và các dân trên đảo đều khuyên anh ta nên tránh điều cấm kỵ, nhưng anh vẫn không đổi ý. Sáu tháng trôi qua, hai đứa đang yêu nhau nồng nàn, bỗng tự nhiên thấy chán nhau và sau đó đành chia tay vậy. Từ đó em chỉ còn giao thiệp với những cô bạn gái cùng làm chung việc.”

Duy hỏi:

“Thế thì bây giờ em sang Vancouver định làm gì?”

“Có mấy người đồng hương với em đã sang đây lâu rồi viết thư cho em bảo nếu ở Mỹ mà không có việc gì làm thì nên sang đây cũng dễ tìm việc làm... và cũng dễ sống hơn.

Em sang và may mắn lại gặp anh. Bây giờ em muốn hâm nóng tình cảm xa xưa giữa chúng mình, nay là dịp em tỏ bày cùng anh.”

Nói xong, Maria ôm hôn Duy và hỏi: “Está bien?” (Được chứ?)

4-

Đang nằm với Maria trên giường trong phòng ngủ, Duy nghĩ đến ước muốn ngày xưa cách đây gần mười năm “phải lột trần Maria ra để xem có giống với Marisa, người chị song sinh đã ân ái ngút ngàn với chàng khi chàng du lịch vùng biển Baja California, bên xứ Mexico ngày nào”.

Duy liên tưởng đến tiếng hát “mê-zít-cô ngân dài của danh ca Cao Thái” như trận ái ân không bao giờ dứt giữa Duy và người đẹp liêu trai Marisa ngày nào...

Mười năm trôi qua nhanh thật!

Bỗng Duy nhớ đến một tình ca nổi tiếng của nhạc sĩ Trần Quảng Nam “Mười Năm Tình Cũ” chàng hát nhỏ nhỏ để ru Maria ngủ sau khi chàng đã quần thảo cho người tình mệt một trận và nghiền nát nàng trên chiếc giường nệm rộng king size này từ tối đến gần sáng như để đền bù những ngày xa cách, thèm khát, nhớ nhung.

Và nay, Duy đã rõ:

“Marisa hay Maria... cũng vậy thôi!”

Maria vì thương yêu chàng khi còn trẻ nên khác với Marisa trong tình chăn gối. Tình cảm hơn, sâu đậm hơn là lẽ dĩ nhiên.

Và chàng tự nghĩ trong đầu :” hình như tất cả những người kiều nữ khác đã chung chăn gối với chàng từ trước đến nay thì cũng...chỉ “có thể mà thôi!”

“Mười năm không gặp tưởng tình đã cũ, Mây bay bao năm tưởng mình đã quên!...”

Maria ú ớ trong giấc ngủ, giọng nhừa nhựa:

“Anh nói gì... em vậy? Khen em hay chửi em... đấy? hời cung?”

Anh đang hát “ Tình Ca” để ru em ngủ mà.” Duy nói một cách âu yếm với người yêu.

Lần này có lẽ Maria hơi tỉnh ngủ, nàng nói rõ và lớn hơn:

“Hãy dùng tiếng espanol, por favor chứ hát tiếng Vietnamita em đâu có hiểu.”

“Ừ, anh xin lỗi! Gặp em sau mười năm xa cách, anh hát một bản tình ca nổi tiếng của một nhạc sĩ Việt Nam để ru em ngủ, anh muốn diễn tả bằng espanol như vậy:

“Diez anos sinvernos (Mười năm không gặp)

Pero no murió el amor-ao. (tưởng tình đã cũ)

Siguen volando las nubes (mây bay bao năm)

Pero no te he olvidado-ao...” (tưởng mình đã quên...)

.....

Nghe xong bài hát, Maria nói:

“Excelente! Miel! Gracias! (Tuyệt quá! Cám ơn cung!)

Rồi nàng chìm sâu trong giấc ngủ, bỏ mặc Duy nằm bên cạnh.

Duy ngắm nhìn Maria ngủ.

“Người đàn bà có hai lúc trông kém dễ thương là lúc mới thức dậy và lúc đang ngủ!”

Duy thờ dãi vì ý nghĩ không thơ mộng đó đang đến trong đầu chàng.

©PHƯƠNG-DUY TDC

Cước chú : * Truyện ngắn “ BIỂN TÌNH” cùng một tác giả.

Thi phẩm DÒNG CỎ NGUYỆT

Tác giả: Nữ sĩ TUỆ NGA

Phạm Thị Nhung

Tôi thực sự cảm động khi cầm trên tay Thi phẩm DÒNG CỎ NGUYỆT của nữ sĩ Tuệ Nga vừa gửi tặng. Đây là một tác phẩm đồ xộ, khổ lớn, in trên giấy láng mịn, dày tới 484 trang, do Cội Nguồn vừa xuất bản tại Mỹ quốc, 2013. Thi phẩm Dòng Cỏ Nguyệt đặc biệt có một hình thức quá ư là mỹ thuật, khiến ai vừa xem qua cũng phải trầm trồ khen ngợi: Từ bìa sách - Bìa ngoài nền xanh lục, mặt trước nổi bật tên thi phẩm màu xanh non, phía trên là bức tranh thủy mặc cổ kính, nền trắng, vẽ cảnh núi non trùng điệp, rừng tùng bách xum xuê, am mây thấp thoáng với nắng trong veo, với suối nguồn tuôn chảy..., khác nào chốn non Bồng. Bức tranh mang đầy ý nghĩa, vì đây là một kỷ vật của thân phụ tác giả. Mặt sau là bài thơ nữ sĩ cảm đề Thi phẩm, cũng được đóng khung trên nền trắng.- Bìa ngoài, mặt gấp, in bức họa chân dung Tuệ Nga với vài dòng sơ lược về tiểu sử. Tiếp theo, một bài thơ mang thủ bút của nữ sĩ, đi kèm thêm mấy bức hình chụp Hoa Lan để trang trí; rất dễ thương.- Bìa trong vẫn nền xanh lục, nổi chìm mấy dòng chữ tên tác giả, tên thi phẩm cùng tên nhà thư họa Vũ Hối, chơi màu kim nhũ sáng bạc, thật nhu.

Cung cách trình bày bên trong tác phẩm cũng rất thẩm mỹ - Giữa những trang thơ đánh máy là những trang thơ viết tay, gồm nhiều thư họa qua nét bút lông điêu luyện, bay bướm, sống động của danh gia Vũ Hối hay nét bút phóng khoáng, thanh thoát của Minh Phương (cậu con cả của nữ sĩ). Lại đến thủ bút của các danh sĩ Nguyễn Hữu Nhật, Vũ Hoàng Chương, Cao Tiêu, Phương Hồ (Phu quân nữ sĩ Tuệ Nga). - Đã vậy, còn được đi kèm xuyên bằng nhiều bức tranh tuyệt đẹp, gồm tranh lụa, tranh sơn dầu của họa sĩ Thanh Trí, tranh sơn mài của họa sĩ Đăng Giao, hay những bức ảnh chụp nghệ thuật của các nhiếp ảnh gia thượng thặng Trần Cao Lĩnh, Đào Hoa Nữ, Song Nhị.

- Kế tiếp là trang giới thiệu hình bìa đủ màu, đủ vẻ của 16 tác phẩm, đã được Tuệ Nga cho xuất bản từ 1974 đến nay. Gồm 11 thi tập của nữ sĩ, trong đó, Thi tập SUỐI, đoạt Giải Văn Học Nghệ Thuật VNCH năm 1974. Và Lan Hoa Thi tập in chung với Phương Hồ. Sau đó là 3 tập thơ phổ nhạc, 1 in riêng cho Tuệ Nga và 2 in chung với cậu con út, thi sĩ Vương Thanh. (người xứng đáng sẽ nối nghiệp thi gia). Tập Chót, CD Nhạc phổ thơ Tuệ Nga .

-Chương cuối, tác giả dành cho thơ phổ nhạc, với 28 bài thơ của Tuệ Nga và 7 bài

thơ của Vương Thanh được phổ nhạc từ nhiều Nhạc sĩ, như Từ Công Phụng, Ngô Càn Chiểu, Ngô Mạnh Thu, Mạnh Bích đến Mộng Lan, Trọng Nghĩa, Quý Luân, Nguyễn Tuấn, Y Vũ, Nguyễn Nhu, Công Hoán, Trần Hưng Nguyên, Nguyễn Hữu Tân và nhạc sĩ Vĩnh Điện (15 bài!)

Tóm lại, cách thức trình bày toàn diện Thi phẩm Dòng Cổ Nguyệt, có thể nói, từ xưa đến nay hiếm có một thi phẩm nào đạt được một nghệ thuật phong phú, hài hòa đến thế; đã đẹp, nổi lại trang nhã và nên thơ!

*

Nội dung thi phẩm Dòng Cổ Nguyệt thi sao? Xin thưa, trước hết nói về ý nghĩa tên thi phẩm. Khóm chữ Dòng Cổ Nguyệt đã được nữ sĩ Tuệ Nga chọn đặt tên cho thi phẩm cuối của mình, mang ý nghĩa thâm thúy. Trăng sáng trong đạo Phật chỉ sự đặc đạo; Dòng Cổ Nguyệt chính là dòng sông trăng sáng ngời, thanh khiết, vô lượng, nguyên thủy nơi thượng giới; hình ảnh này tượng trưng cho dòng “Kinh Vàng”, bao gồm những tạng kinh bậc nhất giảng về các pháp thâm diệu căn bản, cội nguồn của đạo Phật, với mục đích giúp cho chúng sinh sớm giác ngộ, xa lìa mọi khổ não.

Tác giả tha thiết tìm vào ý nghĩa thâm thúy của dòng “kinh Vàng”, là những mong đạt được mộng ước giác ngộ căn bản, cội nguồn ấy:

-Dòng Cổ Nguyệt, mộng yên nguyên
Có người ngủ gục đầu trên Kinh Vàng ...

Cái tên Dòng Cổ Nguyệt trong thi phẩm vô hình trung còn làm ta liên tưởng đến dòng thơ “hiền hòa” của nữ sĩ Tuệ Nga tuôn chảy dạt dào, là đã được khơi nguồn từ dòng sông trăng trong sáng, thanh khiết, bất tận nơi thượng giới. Nói khác đi, nữ sĩ Tuệ Nga

có khả năng làm thơ hay và thi tứ dạt dào là do thiên khiếu, được trời phú bẩm.

Sau đây, chúng tôi giới thiệu sơ lược về nội dung thi tập.- Chương đầu là phần ghi lại những cảm nhận về thơ của nữ sĩ Tuệ Nga qua dòng thời gian do các văn thi gia chấp bút, như Quỳ Hương, Hà Thượng Nhân, Song Nhi, Diên Nghi, Tiểu Đăng, Phạm Thị Nhung, Thụy Cẩm, Tạp chí Đất Đứng San Jose, Tú Uyên, Trúc Lâm, Khánh Vũ, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Hữu Nhật Vinh .

Các chương kế tiếp là cả một trời thơ của nữ sĩ Tuệ Nga được trình bày xen kẽ với những bài thơ tặng, thơ xướng họa cùng các thi hữu, nhiều nhất với nhóm Thi Đàn Quỳnh Giao, như Vân Nương, Đào Vân Khanh, Uyển Hương, Ngân Hà, Vũ Hoàng Chương, Đinh Thục Oanh (Phụ nhân thi sĩ VHC), Quỳ Hương, Linh Lan, Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Phương Hồ, Hoàng Hương Trang, Tâm Huyền, Trùng Quang, Thanh Vân Nguyễn Duy Nhường, Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền cùng các thi hữu Vũ Hối, Hà Thượng Nhân, Dương Huệ Anh, Cao Tiêu, Mai Thạch, Tâm Minh Ngô Tăng Giao, Võ Toàn Đình Việt Liên. Trong đó có mấy bài thơ của Tuệ Nga được dịch sang thơ tiếng Anh, do Hư Vân Empty Cloud, tức Minh Phương (cậu con cả của nữ sĩ) thực hiện. Đặc biệt có một chương dành riêng cho các thi tác của Phương Hồ & Tuệ Nga. Và một chương dài mấy chục trang (301-371) dành riêng cho các thi tác và mấy bài thơ tự dịch sang tiếng Anh của thi sĩ Vương Thanh.

Song ở đây, tôi chỉ xin được giới thiệu về dòng thơ chính, dòng thơ của nữ sĩ Tuệ Nga.

Nữ sĩ Tuệ Nga đến với thơ và sống với thơ bằng tất cả tâm hồn và tài hoa thiên phú của mình. Dòng thơ của nữ sĩ Tuệ Nga có 2 nguồn cảm hứng chủ yếu, chi phối toàn bộ

thi ca của tác giả, đó là 1/Tình yêu Quê hương và Mẹ 2/ Tâm Đạo và Thiên.

Qua mấy nét về tiểu sử cũng như qua những dấu mốc thời gian sáng tác thi ca, chúng ta được biết, Nữ sĩ Tuệ Nga sinh năm 1936 tại Bắc Ninh, thời niên thiếu sống ở Hà Nội, rồi lớn lên và trưởng thành trong hoàn cảnh đất nước điêu linh; bởi thế, Tuệ Nga không chỉ là chứng nhân mà phần nào còn là nạn nhân trước bao cảnh bi thương của dân tộc. Hết thực dân Pháp lại đến phát xít Nhật tranh giành ảnh hưởng, bóc lột, đẩy đọa dân ta. Tiếp theo là mười năm toàn dân thi hành chính sách tiêu khổ kháng chiến đánh đuổi xâm lăng Pháp. Vừa ngưng chiến thì cũng là lúc đất nước bị qua phân. Để tránh Cộng sản, gia đình nữ sĩ cũng như hai triệu đồng bào đã rời bỏ quê hương miền Bắc di cư vào Nam. Quốc gia độc lập, thanh bình chưa được bao lâu thì lại xảy ra cuộc chiến tranh ý thức hệ Quốc/Cộng do CS gây nên, khiến anh em Nam Bắc trở thành kẻ thù nghịch, chém giết nhau ròng rã 20 năm, gây bao tang thương cho khắp đất nước. Rồi những gì đã xảy ra sau khi mảnh đất lành miền Nam rơi nốt vào vòng thống trị của đảng CS miền Bắc? Gia đình Tuệ Nga cũng như cả triệu đồng bào khác đã liêu chết vượt biển, vượt biên, bỏ quê hương ra đi tìm tự do, chấp nhận kiếp sống lưu vong nơi xứ người. Nhiều quân dân chính kẹt lại, bị đẩy ải, chết dần mòn trong chốn lao tù cải tạo nơi rừng thiêng nước độc, và còn biết bao dân oan bị tước đoạt nhà cửa, ruộng vườn, nghèo đói trắng tay, trẻ em thất học...

Với tâm hồn nghệ sĩ dễ xúc cảm, Tuệ Nga trước hoàn cảnh “*Quê hương một chiều sớm mất/ Lưu vong nghẹn bước sầu đưa*” ... nên từ ngày di tản sang Mỹ quốc, miền đất hứa cho bao người tìm tới, xây dựng lại

trung lai; nhiều người đã hăm hở bon chen vào chốn phồn hoa để kiếm lợi danh; nhưng... nữ sĩ không màng mà tự chọn cho mình cuộc sống ẩn dật tại Portland, tại Oregon, những miền gần núi non sông biển, thiên nhiên phong phú. Nơi đây, Tuệ Nga đã sống hòa mình vào thiên nhiên, coi thiên nhiên là bạn tâm giao để chia sẻ buồn vui hay mượn thiên nhiên để dãi bày tâm sự. Thiên nhiên, vì thế, nhiều khi đã bị khoác cho cái nhìn đầy cảm xúc chủ quan bi, hoan của tác gia. Thơ lúc này trở thành tiếng nói trữ tình tha thiết.

Như trước cảnh lá rơi, tuyết phủ, sương mù, mưa lạnh ... vào mỗi độ thu về, đông tới nơi “đất lạ”, nữ sĩ lại cảm thấy nỗi buồn nặng trĩu tâm tư:

-.....lá rơi ngập hồn

Tuyết sương vây phủ một khung trời buồn.

-Mùa thu lại mùa thu

Oregon sương mù...

Ôi, mây nước nhạt nhòa

Ôi, vàng trắng cô độ

Đem tâm tình ai đó

Tìm Ngắt Cả Giang Hà.

(Tìm Ngắt Cả Giang Hà)

-Mưa ngoài trời, Mưa buốt giá trong tim.

(Lối Mòn Thiên Cổ)

Lại những khi nghe tiếng “ lá rơi ngoài hiên gió”, mà tưởng như tiếng nhạc rền rĩ:

-*Tiếng bản khoăn, tràn trở khúc lưu đầy...*

Để rồi chạnh lòng nhớ quê hương và thờ than cho bao cảnh bi thương của dân tộc:

-*Ôi! quê hương “ vết Thương sỏi đá”*

Chao ôi, cuộc chiến tranh dài khốc liệt, điêu linh

Những khúc quanh tù đầy nghiệt ngã...

Ôi! quê hương khổ đau ròng rã...

(Có Phải Mùa Xuân Đang Trở Lộc)

-*Lại ba mươi tháng tư*

Ba mươi lăm năm gió bão trùng dương...
Sài Gòn thay tên, đổi mới?
Sao dân còn xót tui... làm than!
-Ôi kiếp nạn! Dân ta còn lận đận
Đến bao giờ mới thật có bình minh?
Hết thương cho quê hương khổ nạn, lại đến
thương cho phận mình luân lạc:

-Ôi hồn luân lạc về đâu
Tháng Tư Khúc Vạn Cổ Sầu ...âm vang
Phím buồn rung rung...trường giang
Thơ đau! Bút nhỏ hàng hàng lệ sưng.
(Khúc Vạn Cổ Sầu)
-Kể từ năm ấy phong ba

Biển trời luân lạc thương ta, thương người
Dấu trong tim, những ngậm ngùi
Cát trong thơ, cả đất trời quê hương...
(Có Người Nhớ Nước)

.....
Yêu quê hương, nhớ quê hương... Bao
nhiều kỷ niệm về những nơi chốn thanh
bình, hạnh phúc xưa lại hiện về:

-Trời trở lạnh nhớ mùa thu Hà Nội
Nhớ khăn voan hồng gió đưa pháp phối
Nhớ Hồ Gươm những sớm phủ mờ sương...
-Mẫu phượng hồng chợt tươi thắm trong thơ
Giải mây xanh, chiều Cổ Ngự xanh biếc.
(Tiếng gọi rất thắm)
Chợ Đồng Xuân, Ô Cầu Giấy vẫn mơ
Phố Tràng Tiền, ngõ Hội Vũ ngày xưa...
-Mùa thu Hà Nội nắng vàng sông
Sông Hồng, sông Cầu, sông quê Mẹ
Ơi! Những dòng sông đẹp sử Hồng.
(Ơi! Những Dòng Sông)

Hay:

-Tôi nhớ quá rặng tre già kìm kịt
Đồng ruộng xanh, xanh tím tận chân trời
-Làng ta đó có hàng cau cao vút
Có đình làng, có người ra lễ Bụt
Có cây đa, có quán nhỏ bên đường...

Với:

..... tiếng chuông hòa tiếng gió
Lại trở về tản mạn khắp tỉnh không
Sông Như Nguyệt, chùa Bồ Vàng diễm tuyệt
Như mạch sông, như tiếng đời tha thiết
Ơi hương đồng cỏ nội của quê tôi!
(Lãng đãng Hương mùa xưa - Hà Bắc)
Và làm sao quên được con đường Bông
Hồng Tình Yêu thêu nào:

-Con đường Búng
Con đường về nẻo Lai Thiêu
Con đường hoa nắng vương vương
Con đường nghe nhịp tim Thương
Con đường nở thắm Bông Hồng Tình Yêu.

.....
Nhớ quê hương còn là nhớ tới những
âm thanh tiếng hát, câu hò ca dao ngọt
ngào, tình tứ, hay tiếng hát thơ ngây của bầy
trẻ cùng tiếng vi vu sáo diều...

- Quê hương ngọt tiếng ca dao
- Quê hương tiếng hát tình tang...
-Tiếng sáo diều, bầy trẻ hát thơ ngây...

Hay tiếng “dạ” thưa gửi dịu dàng của
các cô gái Việt:

- Quê hương là tiếng “dạ”, em dịu dàng.

Nhớ quê hương còn là nhớ đến các
món ăn đầy hương vị dân tộc:

-Tôi nhớ hương cau, mùa cốm mới
-Có hàng me, trái sấu nấu canh...

Hay nhớ về một thời học trò phượng
hồng, áo trắng:

- Sân trường cũ màu Phượng Hồng rực rỡ

Bạn bè vui trong áo trắng hồn nhiên

-Thương tà áo trắng Tràng Tiền ngày xưa...

Nhưng nỗi nhớ quê hương tha thiết, cảm
động nhất vẫn là niềm nhớ về ngôi nhà thời
thơ ấu:

-Tôi lại nhớ về căn nhà thân mến
Căn nhà xưa đầy ắp tiếng yêu thương
Tôi lại nhớ cây Dạ Lý đưa hương
Ơi, những đêm ảo huyền trăng mười sáu...

-Nghe ngoại ngữ kể chuyện dưới hiên trăng...
Tôi gọi Mẹ, ơi tiếng gọi rất thắm...
(Tiếng Gọi Rất Thắm)

Mỗi khi Tuệ Nga nhớ về mẹ, âm vang của tiềm thức về những tiếng hát ru êm ả, ngọt ngào, tha thiết của mẹ từng được ngân nga, lập đi lập lại suốt thời thơ ấu bên vông con, nên dù chưa hiểu gì, nhà thơ vẫn cảm nhận được tình thương yêu, trù mên vô biên mà Mẹ đã dành cho mình. Và nhà thơ đã lớn lên trong tiếng ru từ ái ấy. những kỷ niệm về mẹ lại như sóng xô bờ tràn về... Chúng đã nuôi dưỡng hồn thơ và đã ban cho thi nhân niềm hạnh phúc ngọt ngào, bất tận để trọn đời nhớ nhung, hoài niệm về Mẹ. Bởi thế, trong thi ca của Tuệ Nga, những ý niệm về mẹ hay liên quan đến tiếng ru, lời ru của Mẹ đều đã được diễn tả bằng nỗi xúc động và bằng những từ ngữ thanh cao nhất, những hình ảnh thắm hoa nhất:

- *Đẹp sao câu hát à ơi*
Nhớ sao vông mẹ một trời thương yêu.
-*Chiều nhìn mây trắng ngang trời*
Nhớ xao xuyên quá ru hời, Mẹ ru
Mẹ ru, ơi tiếng thiên thu
Tiếng dung từ thắm ngọt lừ tâm can.
(*Bài Thơ Vô Đề*)

- *Nhớ ơi niềm nhớ ngọt ngào*
Tiếng ru vông Mẹ dạt dào trong con
Thắm tươi lòng Mẹ tươi son
Trong con muôn thủa cội nguồn tình thắm.
(*Tiếng Ru Vông Mẹ*)

-*Mẹ ru con ý Dung Từ*
Mẹ là suối ngọt thiên thu Mẹ hiền
Mẹ nguồn nhân ái vô biên
Con mang tình Mẹ hồn nhiên vào đời.
(*Con Mang Tình Mẹ Hồn Nhiên vào Đời*)

-*Mẹ ru con tiếng ngọt bùi*
Như ca dao đẹp, như lời nước non
Như sông ra bể về nguồn

Con mang tình mẹ trong hồn láng láng...
Trong con núi Tản, sông Hồng
Trong con tình Mẹ mênh mông biển trời
- *Còn nghe vắng tiếng ầu ơ*
Êm đêm tiếng Mẹ bài thơ Nghĩa Tình.
Theo con bao dặm hành trình
Tiếng ru của Mẹ, tiếng Bình Minh vui
Theo con, theo mãi suốt đời
Mãi trong tâm ảnh Nụ Cười Mẹ Thương
Tương như giọt nước Nhàn Dương
Nắng lung linh chiếu...khu vườn tuổi thơ...
(*Từ Cội Hoa Đào - Xuân 2013*)

-*À ơi, tiếng mẹ ru hời*
Suối Nguồn Vi Diệu, Tiếng Đòi Yêu Thương
Trâm hương, lãng đãng ...trâm hương
Cho tôi về lại thiên đường tuổi thơ
Mùa Xuân Gọi Thắm Trong Mơ...
(*Mùa Xuân Gọi Thắm*)

Với Tuệ Nga, tiếng ru của Mẹ Hiền riêng của nhà thơ cũng là tiếng ru của tất cả các bà Mẹ Việt Nam từ ngàn xưa tới mãi ngàn sau, xuyên suốt dòng lịch sử, xuyên suốt ba miền đất nước. Như vậy, Mẹ hiền còn là biểu tượng cho Mẹ Dân Tộc, Mẹ Tổ Quốc Việt Nam. Mẹ Hiền và Mẹ Việt Nam ở đây đã được hòa nhập làm một:

-*Tiếng ru êm ả thấm vào hồn con*
Nghe từ vô thủy, vô chung...
-*À ơi ! lời ngọt Mẹ hiền*
Tiếng ru ấm cả ba miền núi non
Mẹ tươi lòng ngát như son
Tay thơm Mẹ mở ngàn trang sử vàng.
-*Mẹ hiền! ơi Mẹ Việt Nam!*
Tình Thương muôn sợi tơ đàn Mẹ rung
Dạy con nghĩa núi, tình sông
Dạy con nhớ gốc khơi dòng liệt oanh.
(*Lời ru Mẹ Việt Nam*)

Như thế, những lời ru của Mẹ hiền trong thơ Tuệ Nga không chỉ gọi ra những thanh

âm kịu kịt trầm bổng của tiếng võng đưa đều đều hòa lẫn tiếng ru êm ả, ngọt ngào vỗ về của Mẹ hiền để đưa con thơ vào giấc ngủ bình yên; mà còn hàm chứa trong đó bao tình thương yêu, bao lời nhắn nhủ, cho thấm dần vào tâm khảm con thơ những lời giáo huấn đầu đời, là làm người phải có lòng nhân ái, biết thương yêu mọi người và phải sống có tình, có nghĩa theo đúng văn hóa truyền thống của tổ tiên. Nghĩa là phải biết cội nguồn liệt oanh của nòi giống qua “những trang sử vàng” của dân tộc, từ những công khó dựng nước đến những chiến tích đánh đuổi ngoại xâm, lại đến những công nghiệp mở mang bờ cõi của ông cha, của các vị anh hùng, anh thư nước Việt. Bởi vậy, đã là con dân trong nước, thì phải có bổn phận trọn tình vẹn nghĩa đối với giang sơn tổ quốc và yêu thương đồng bào.

Trở về thực tại, người dân Việt đang đắm chìm trong khổ nạn và đau đớn nhìn quê hương bị mất dần trong tay kẻ thù truyền kiếp của dân tộc:

- *Ôi Việt Nam, Quê Mẹ, ơi Việt Nam*
Lại tháng tư! Ai đau xót bàng hoàng
Mở trang sử vọng Tiên Nhân Quốc Tổ...
 (Là Cát Bụi Giữa Hằng Sa)

Giờ đây, nơi phương trời xa, nữ sĩ Tuệ Nga chỉ còn biết nguyện cầu cho Mùa Xuân thanh bình sớm trở lại Quê Mẹ, cho dân tộc được sống trong cảnh yêu thương, an lạc :

-*Nguyện cầu Xuân Mới, Xuân Nhân Ái*
Cả Nước Mừng Xuân, Tết Lạc Hồng
Quê Mẹ, ba miền Mai Đào nở
Tiếng đời bát ngát bước thời không.
 (Có Cánh Gió Nào Lên Núi Tuyết)
 (còn tiếp)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ



Phạm Thị Nhung Sinh 1937 tại Hà Nội. Từ 1975 định cư tại Paris.

Tốt Nghiệp ĐHSP ban Việt Hán Sài Gòn (1961). Diplôme de Phonétique et de Linguistique, Sorbonne Paris III (1978).

GS Việt Văn Trung Học Gia Long và Régina Mundi Sài Gòn (1961-75).

Từ 1987 tới nay, tham gia sinh hoạt cộng đồng tại Pháp, Đức cũng như tại Mỹ, Canada, Úc bằng những bài thuyết trình văn học, văn hoá dân-tộc.

Sách xuất bản:- Sách Giáo khoa Việt Văn Tú Tài I, II, xb Sài Gòn.

-Truyện Kiều và Tuổi Trẻ, viết chung với GS Lê Hữu Mục, DS Đặng Quốc Cơ; Làng Văn xb, Canada 1998 ; tb lần đầu 2001, tb lần hai 2011(Có hiệu đính và tặng bổ)

-Tiếng Nói Đoàn Thị Điểm Trong Chinh Phụ Ngâm Khúc, viết cùng GS Lê Hữu Mục, Trung Tâm Việt Nam Học Canada xb, Montréal 2001.

Chồng Trẻ

Truyện ngắn xã hội hiện thực

Diễm Châu

Trường hợp bà Tiên trùng hợp với quý ông "già thích chơi trống bỏi" thời nay: bà dám làm đám cưới với anh chồng kém bà những mười lăm tuổi!

Khi thiệp mời được tung ra bàn dân thiên hạ thì ôi thôi, đó là một nguồn đề tài sôi động cho người ta bàn tán với nhau. Các bà trong nhóm bà Tiên hay giao thiệp, nhất là mấy bà ở nhà lo việc nội trợ rảnh rang, gọi điện thoại cho nhau ơi ới, đi ngay vào câu chuyện tình éo le và nhiều kỳ thú.

- Họ quen nhau mới có ba tháng.

Bà Lang cãi chính:

- Đâu mà ba tháng! mới có hai tháng mười ngày.

- Sao bà rành quá vậy? Có chun...

Bà Hòa đang nói chọt ngưng bật, sợ bà Lang giận!

- Bà tính nói tui chun gằm gờng nhà người ta chứ gì? Đâu cần phải tệt hại như vậy! Vì trong ngày sinh nhật của tui, thì họ mới có dịp quen nhau.

Khuôn mặt bà Hòa ngớ ra:

- Ừ nhỉ! sorry bà nha, hôm đó tui tới trễ, thành ra không chứng kiến cảnh hai anh chị trúng "tiếng sét ái tình" với nhau!

- Trúng con mẹ gì! Bữa đó bà Tiên lao vào "tổng tình" thẳng Noa hẳn hoi, ai mà không thấy?

- Vậy sao?

- Thằng đó tui còn lạ gì, trước đây nó theo con em Út của tui tồ tồ... mà con nhỏ lại thích thằng khác, nên không đi đến đâu.

Sau đó, nó lại khoái chị của bạn con Út, là con Mộng Ngọc ca sĩ cây nhà lá vườn, hai đứa nó cặp nhau một thời gian rồi bẻ, vì con này không cung cấp đủ tiền cho nó xài.

- Thằng đó không đi làm sao mà bám váy đàn bà thế?

- Không biết... nhưng nó thuộc dạng ăn chơi có hạng.

- Vậy mà bà Tiên chịu lấy à?

- Ai biết? nhưng người ta đồn thằng này miệng lưỡi ngọt như mía lùi, lại khéo chịu chuộng đàn bà, nhất là mấy người khoái nghe nịnh. Thế nên khi nó đã tán ai, thì người đó phải lung lay. Nhất là nó có cái mã cao ráo, coi cũng được, cho nên khi bà Tiên tán là nó chịu ngay.

Bà Lang tỏ ra khoái trí khi biết nhiều chuyện mà bà Hòa không biết. Từ lâu thì bà Lang chẳng ưa gì con mụ Tiên, mụ ta bằng tuổi bà Lang, nhưng về sắc vóc, thì nhất định ai mới gặp hai người, cũng cả quyết bà Tiên thua xa bà Lang về tuổi tác. Có nghĩa là họ kêu bà Lang bằng bác, bằng dì mà kêu bà Tiên bằng chị!

Đây là nỗi ám ức và tức khí của bà Lang, nhưng bà ém trong lòng, không nói ra sự bực dọc này!

Ở đời thường có những sự mà ta không ngờ! Chẳng hạn như bà Tiên và bà Lang, tuy ở chung một nhóm bạn thường hay sinh hoạt, giao hảo với nhau, nhưng có bao giờ bà Lang coi bà Tiên như bạn, mà là một người gai mắt, thù địch ngấm ngấm dưới mắt bà.

Bà Tiên thì không bao giờ biết điều đó. Bà tự hãnh diện về nhan sắc trời cho của mình. Mấy bà đang ở tuổi năm mươi lăm. Cái tuổi mà vào thời kỳ chưa có những chuyện quái dị trên thế gian xảy ra, thì đã chững chạc vào vai bà nội, bà ngoại. Có

người còn lên chức bà cố nữa, nếu con cháu ham vui sớm.

Cũng cùng lứa tuổi, nhưng da bà Tiên không bị những nếp nhăn tàn phá. Tóc bà cũng chẳng có một sợi bạc, trong lúc các bạn phải đi ra tiệm nhuộm vài tháng một lần, nếu không thì chân tóc trắng mọc nhú ra, coi rất kỳ cục! Chân tay bà Tiên cũng còn coi được, mịn màng, không bị những sợ gân nổi chằng chịt lên, hay sưng những cục u trên ngón tay mà người ta hay nói là bệnh "gao" (gout) hành hạ!

Chẳng những thế, trong lúc bà nào cũng than lên cân, ngay cả các ca sĩ tài tử nổi tiếng cũng không tránh khỏi điều đó, thì bà Tiên lại vẫn nhỏ nhắn như ngày nào. Bà hay diện những chiếc áo dài tha thướt, hay mặc đầm thì cũng thời trang như ai.

Bà Tiên thường chọn những kiểu cạo nhìn đẹp đẽ, trẻ trung, màu sắc bắt mắt, cũng như lâu lâu lại diện đầm hở đùi, hở ngực khiêu khích bọn đàn ông, như một số ít bà bạn cũng đang diện. Nhìn thì ai cũng có phần hơi quá đáng như nhau, nhưng họ vẫn quên bản thân mình và nở miệng ra phê bình kẻ khác!

Dĩ nhiên bà Tiên, cũng như đa số các bà trong nhóm vẫn là khách hàng thường xuyên của thẩm mỹ viện. Bà Tiên thì lâu lâu đến để lấy ra vài cái tàn nhang trên mặt, hay xâm thẩm mỹ cặp lông mày mà bà chưa hài lòng trong lần xâm trước.

Còn các bà khác thì thôi, bà hút mỡ bụng, bà căng da mặt, bơm ngực... có bà còn nhí nhảnh đi vá màng trinh nữa, trời ạ!

Ngày bà Tú úp úp mở mở là bà đã đi làm "cái đó", mấy bà trở mặt ra:

- Bà phí phạm quá, ở với ông cả ba chục năm rồi, giờ bà vá làm gì cho cục thân, lại tốn tiền!

- Nghe nói thằng chồng bà đối xử với bà cũng đâu có "nice" gì mà bà phải "vá" với "vú"... để phục vụ chả chi vậy?

Bà Tú người miền Nam, đâm chiêu bộc lộ:

- Hồng có, bị ngày ông hy sinh lấy tui, khi tui bị nạn hải tặc trên đảo Thái Lan nhờ có ông mà tui thoát chết... nên tui muốn làm một cái gì cho ông "biết mùi" để trả ơn.

Bà Lan thực tế:

- Xí... bà này đúng là quá lố! Mắc mớ gì bà phải làm như vậy! Người ta đi vá màng trinh là để chứng tỏ cho người chồng sắp cưới biết ta đây còn trong trắng cho dù cái ao đã đục ngầu. Còn bà, ông chồng bà đã biết bà bị nạn hải tặc, rồi chả cũng từng léng phéng với mấy em bên Việt Nam, bà vẫn chưa quên chuyện đó? tại sao bà phải làm vậy!

Bà Hòa can:

- Thôi, không biết chắc thì đừng có nói xấu người ta.

Bà Lan cãi:

- Sao không biết? tui nhìn mặt ông chồng bà, là tui biết đúng y vậy. Ông cũng đâu phải tay vừa.

- Thôi thôi... mấy bà nói một hồi rồi lời luôn cả đám ra kể xấu bây giờ. Đang chuyện bà Tiên cưới chồng trẻ, lại nhảy ra tạt đầu tạt đuôi.

- Có những chuyện bên trong, mấy bà không biết đâu.

Bà Tú biện minh nho nhỏ. Thế là các bà quay về thực tại, rồi bà nào bà nấy sau đó lo đi shopping mua sắm, chưng diện cho mình nhìn thật trẻ đẹp, để đi ăn cưới bà Tiên.

Các bà biết rằng, sẵn cái trẻ đẹp trời cho, trong dịp này bà Tiên sẽ còn đẹp hơn nữa, vì được chuyên gia "make-up" săn sóc sắc đẹp, cộng với tình yêu đang dâng cao của bà. Nếu như đứng cạnh cô dâu chụp

hình, mà mấy bà không biết o bế cho mình sáng sủa ra, thì nhìn vào sẽ thấy thua xa, xấu xí ngay.

Ngày đám cưới, thiên hạ vừa khen ngoài miệng (khi thấy cô dâu cũng khá xinh xắn, bên cạnh chú rể trẻ măng, nhưng cũng chỉ nhìn đáng em thôi, chứ không như hai mẹ con đứng cạnh nhau, là đỡ lắm rồi) vừa thì thầm với nhau:

- Không biết cặp này sống bao lâu thì rã đám?

Bà Trang bùi mồm:

- Chắc khoảng năm bữa, nửa tháng.

Bà Thủy bồi thêm:

- Vài ba năm là cùng, rồi đâu lại hoàn đó.

Ông Đình chắc chắn:

- Tôi dám cá chỉ không đầy ba tháng, sẽ có tin bất ngờ. Có khi họ chia tay nhau ngay ngày mai!

Bà Tú không đồng ý:

- Thôi thì hãy cầu cho người ta lâu bền với nhau cái đã. Mấy bà ác quá, đi đám cưới họ mà cứ mong cho người ta đổ vỡ là sao!

Câu nói của bà Tú làm cho họ cảm thấy hơi quá lỗ, nên ngừng ngay câu chuyện.

Khi cô dâu chú rể đứng trên sân khấu, giới thiệu hai bên gia đình, con gái riêng của bà Tiên nhất định không lên đứng gần mẹ, cho dù anh MC cố tình mời mọc đôi ba lần. Nghe nói nó không chịu cho mẹ lấy chàng rể này, và bắt nó gọi bằng dượng!

Bên chú rể chỉ có bà cô họ xa đại diện, vì tứ cố vô thân. Nhưng thiên hạ đâu có "care", vẫn vui chơi xả láng, rượu tuôn như nước, những câu chúc tụng ngoài mặt rất hay ho và ý nghĩa.

Tới màn trình diễn văn nghệ thì khỏi nói, xôm tụ vô cùng. Bà nào ông nấy ăn diện bắt mắt! Có người hát cặp, người thì đơn ca, nghe cũng không thua ca sĩ thú

thiệt, và ai nấy chỉ một bài tú rồi xuống để nhường sân khấu cho kẻ khác. Nhưng có bà chơi luôn hai bài, lại cố tình chọn bài dài thông lòng để đứng cho lâu trên sân khấu đặng người ta chiêm ngưỡng mình, có điều lại hát quá dở... làm cho bà con nghe mà khiếp vía, rợn cả óc!

Tới màn cô dâu chú rể đi chào bàn, bà con bèn đưa bao thư mừng cho người cao tuổi, hay ăn nói hay nhất trong bàn, đại diện đứng lên nói vài lời chúc mừng. Lúc này chú rể đã say ngà ngà, ôm cô dâu chặt cứng trong tay, rất là tình tứ!

Gần nửa đêm đám cưới mới tan. Đó là nhà hàng đã lo hồi thúc, thu dọn trước, làm như để "quan khách" nản mà đi về cho mau, để họ còn dọn dẹp đặng ra về.

Nhìn cô dâu đang diu chú rể ra xe, đến bên chiếc xe Toyota tâm thường là bà Lang thấy khinh rẻ ra mặt! Bà Tiên có thể hơn bà về sự trẻ trung, nhưng giàu có thì không thể nào bằng bà được.

Bà Tiên chỉ đi làm "nail" nhân công bình thường. Còn bà Lang, bà có hai cửa tiệm bán tạp hóa đông khách. Bà là bà chủ, bà Tiên làm sao so sánh được với bà, bằng làm sao được mà bằng!

Hôm nay bà Lang đi dự tiệc cưới một mình, chỉ vì ông Lang không chịu đi. Không phải ông mới giờ chứng đây, mà cả mấy tháng nay rồi! Bà còn tức vì câu ông nói:

- Tui đi với bà không xứng! tui già cả rồi, mệt lắm, không thích đến chỗ đông người!

Bà chẳng hiểu ý nghĩa của câu này như thế nào! Nói như thế tức là ông cho bà quá sang trọng chẳng? Hay ngược lại là ông ta có ý nghĩ bà già rồi, không còn xứng với ông?

Nhưng tự ái nổi lên, không đi thì thôi. Bà cao giọng:

- Được, ông không đi thì tui đi một mình.

Dù vậy, khi lái xe ra đường, bà vẫn còn tức. Ông biết bà lái xe xa lộ đâu có hay, sợ là khác ... nhưng ông vẫn không giúp bà, để cho bà phải tự lái một mình trong đêm hôm khuya khoắt! Rồi khi bà đang dự tiệc, ít nhất là bốn năm tiếng đồng hồ, ông sẽ làm gì ở nhà? Có như mấy thằng cha mất nét khác không?

Con ghen trong người bà bắt chợt nổi lên! Bà nghiêng rặng nhưng bà không thể quay về ngay bây giờ, để rình rập coi ông làm cái thá gì ở nhà? và đối mặt với ông đang bắt bẻ cho được! Bởi lý do quay xe lại cũng khó, mà bỏ buổi đám cưới hấp dẫn, nhiều đề tài của bà Tiên càng khó hơn.

Thôi vậy, thí cô hồn cho xong! Cứ đi chơi cái đã, chuyện ông Lang bà sẽ tính sau.

Cuối cùng thì bà cũng tới nơi. Bà dẫn lòng khi về thì nhớ chạy đường trong, không lái ra xa lộ nguy hiểm. Bà đã cố tập vài lần nhưng sao rất yếu trong vấn đề này!

Cả bàn reo lên khi bà Lang ngồi xuống ghế. Hôm nay bà bỏ ra cả ba tiếng đồng hồ để sửa soạn đi dự tiệc cưới này. Mái tóc bà cô chủ tiệm tóc đã o bế kỹ lưỡng, nhưng làm quá thì lại hoá già hơn. Bà cũng đã nhận xét vậy, nhưng cô chủ cứ khăng khăng cãi, cho là đẹp nên bà đành phải chịu! Sau đó bà ghé qua chỗ trang điểm dạ hội. Mấy cô cứ tưởng bà là mẹ chồng hay mẹ vợ, bà cũng không thềm cãi, mà chỉ nói rằng:

- Cô trang điểm cho tôi nhìn trẻ hơn một chút vì bà xui của tui trẻ đẹp lắm.

Bà nói vậy là tiện hơn cả, chứ chẳng lẽ bà lại ngôn rằng:

- Tui muốn nổi bật hơn cô dâu!

Trang điểm xong, bà khá hài lòng nhưng bà tần ngần một chút rồi hỏi:

- Cô thấy tóc của tôi như vậy có được không?

Cô ca sĩ chủ tiệm kiêm chuyên gia trang điểm nhìn bà một hồi, rồi cho ý kiến:

- Bác chải tóc duỗi thẳng xuống, nhìn sẽ tự nhiên và trông trẻ hơn là bới cao như thế này.

- Nhưng họ lỡ làm như vậy rồi, có sửa được không cô?

- Không sao ạ, nếu bác muốn thì cháu sẽ gội đầu, làm tóc lại cho bác nhưng bác có cần phải gấp rút không?

Bà Lang xua tay:

- Ô không, nếu vậy thì cô sửa ngay giùm tôi. Tôi còn cả hai tiếng nữa mới đến giờ tiệc cưới.

Thế là mái tóc bà Lang được chải lại, cắt đi một chút. Khi làm xong, trông bà có trẻ trung thật, hơn lúc ở tiệm làm tóc rất nhiều.

Không những thế, cô ca sĩ còn chỉ dẫn cho bà nên đeo loại nữ trang nào, đó là những chuỗi hạt bằng đá quý, sáng lấp lánh, hợp tông với màu áo bà sẽ bận. Chung quy là nhìn bà hôm nay có vẻ khác lạ, quyến rũ hơn mọi hôm.

Bà Lang có vẻ hài lòng về mình thật nhiều. Khi đứng cạnh cô dâu Tiên để chụp hình, bà thấy mình cũng sang trọng và hấp dẫn lắm, dù không biết là hấp dẫn với ai? Ông chồng bà không có mặt ở đây, để so sánh bà cũng đâu có thua ai khi được o bế, sửa soạn ăn diện đi ra ngoài.

Bà Tiên đã trở mặt cười thật tươi khi trông thấy bà Lang, khen chân thật:

- Trời ơi, hôm nay bà đẹp quá. Ai làm make-up cho bà mà đẹp quá vậy?

Bà Lang khoái chí, bớt ghét cô dâu một chút:

- Tôi làm ở tiệm.

- Đẹp đó, vậy những lần sau đi chơi, bà cứ đến chỗ đó họ trang điểm cho, hôm nào chỉ chỗ cho tôi, tôi cũng thử làm xem sao.

Rồi bà Tiên nắm tay bà, kéo đến đứng kế bên vợ chồng để chụp hình. Bà Lang vui, nhưng nhủ lòng:

- Không bao giờ chỉ cho bà Tiên chỗ này, bà muốn làm đẹp ở đâu thì làm.

Bữa tiệc đó ai cũng khen bà Lang trẻ đẹp, khiến cho bà vui quá, mà quên hết những bực dọc đã xảy ra với ông chồng.

Khi tiệc tàn, bà hứng chí chạy xe lên luôn trên xa lộ. Giật mình nhớ lại thì đã muộn! Vì thế, bà ôm cứng tay lái, ngồi gồng lên, chồm ra trước chăm chú nhìn con đường, kim chỉ tốc độ chỉ lên đến con số 55, mà bà cảm thấy mồ hôi tay chảy ra.

May mà trời tối cũng không nhiều xe. Cuối cùng thì khi xuống được exit về nhà, bà mới thả lỏng tay cầm lái ra, thở phào nhẹ nhõm.

ooo

Từ ngày lấy chồng, lúc đầu thì bà Tiên cảm thấy hạnh diện, hân hoan, hạnh phúc. Nhưng thời gian đó chỉ được khoảng một tháng thôi. Sau đó, không biết là bao nhiêu bực dọc phiền toái đến với bà.

Loan, con gái bà, ghét và đố kỵ ông dưỡng ghê vô cùng. Lúc nào cô bé cũng cho rằng ông ta lấy mẹ mình vì tiền! Cho dù bà Tiên không giàu, nhưng cũng đứng tên một ngôi nhà, có chiếc xe Toyota đời 2008 mới trả góp xong, và mớ vòng vàng rủng rinh, có vài chiếc nhẫn hột xoàn cũng khá lớn, là quà của mấy ông ngày trước tặng cho mẹ. Những thứ trang sức này bên đây thì mua đắt, khi bán lại rẻ rẻ! Nhưng nếu đem về Việt Nam bán, thì lại được bộn bạc!

Mà ông Noa này nghe nói rất thích du lịch Việt Nam. Khi lấy mẹ, Loan chỉ thấy ông ta xách theo một va-li, cái máy vi tính xách tay dọn vô ở chung, thế là hết!

Những khi mẹ đi làm, Loan đi học về sớm, hay thấy ông ta ở nhà ôm cái máy chăm chú "chat" với ai trong đó. Thấy Loan nhìn, ông ta giải thích rằng đang nói chuyện làm ăn.

Ông ta lúc nào cũng cố gắng dịu ngọt, lấy lòng cô con gái của vợ.

Mỗi khi Loan về nhà mà có ông ta ở nhà, cô bé thường vào phòng đóng cửa lại ở trong đó, cho đến khi mẹ về mới ra ăn cơm. Mà bà Tiên thường hay về trễ, khoảng tám giờ mới có nhà, nên đôi khi Loan đến nhà bạn chơi. Càng tránh mặt ông dưỡng được lúc nào, Loan thấy thoải mái lúc bấy giờ!

Nhiều lúc cuối tuần, bà Tiên đi chơi với Noa, cố níu kéo con gái đi chung để hai bên có cơ hội thông cảm nhau, nhưng lần nào cô bé cũng lắc đầu không hưởng ứng. Bà Tiên không biết phải làm cách nào cho Loan bỏ cái chướng này. Bà sợ có ngày con gái bất mãn, rồi bỏ nhà đi thì bà sẽ đau lòng.

Lúc nào bà cũng nghĩ cách cho bố dưỡng và con ruột hòa hoãn nhau, nhưng cũng phải từ từ, không thể muốn là được ngay. Nhiều khi nói chuyện với con, bà Tiên hỏi:

- Mẹ phải làm sao con mới vui?

Cô bé đáp ngay, nét mặt lạnh lùng:

- Mẹ cho tiền con đi shopping là được rồi.

Bà Tiên ra điều kiện:

- Vậy thì con hãy "nice" với dưỡng Noa nhé.

Bà Tiên cho tiền con, nhưng giới hạn thôi, vì bà không muốn con bé có tiền sẽ tiêu bậy. Cứ thế, dù cố gắng nhiều lần, Loan và dưỡng Noa vẫn chưa thể thông cảm nhau được.

Ngày Chủ Nhật, bà Tiên muốn cả nhà đi qua Mễ chơi. Dù ở nơi cách xa biên giới Mễ khoảng 2 tiếng lái xe, nhưng chưa bao

giờ gia đình bà du lịch tới đây. Nghe nói nếu đi vào sâu các thành phố không gần biên giới, thì giá hàng càng lúc càng rẻ, nhất là mua thuốc tây, trụ sinh tha hồ, không cần toa bác sĩ.

Mấy người bạn của bà Tiên thường qua đây để chữa răng, làm răng giả, mua sắm, sửa xe... rẻ hơn bên Mỹ nhiều. Nhưng cái gì cũng có mặt trái của nó. Mexico là một nước đang có nhiều băng đảng, ma túy, tội phạm. Không ít thanh niên Việt cũng đã nằm xuống trên đất nước này!

Marisol Valles Garcia, một phụ nữ 20 tuổi đã làm cảnh sát trưởng thị trấn Guadalupe tháng 10 năm 2010, vì không ai dám nhận chức vụ. Dễ hiểu là những ông cảnh sát lên nắm quyền đa số bị bắn giết, hay tự ý bỏ việc vì bị đe dọa! Một thời gian sau, Marisol đã hoảng sợ bỏ chạy. Cảnh sát cho hay đã hộ tống Marisol Valles tới cây cầu nối El Porvenir, Mexico với Fort Hancock, Texas, Mỹ. Từ đó đến nay, người ta không còn gặp lại nữ cảnh sát trưởng này lần nào. Marisol Valles đã nhận được nhiều lời hăm dọa, sát hại cả gia đình và bắt cóc cô.

Một nữ thị trưởng thành phố Tiquicheo, là bà mẹ có ba con Gorrostieta cũng bị tấn công khi lái xe ngang qua thị trấn El Limone cùng chồng. Bà bị thương nặng khi bị phục kích nã đạn vào xe, trong khi chồng bà thiệt mạng. Tội ác công khai và xảy ra ban ngày, đến nay vẫn chưa diệt trừ được.

Nhiều người vì ham rẻ, đi sâu vào thành phố trong xa, không nhiều thì ít, đã gặp phải cướp bóc, băng đảng ma túy thanh toán nhau, bị vạ lây. Có những thanh niên đi và không có ngày về. Gia đình không nhận được tin tức nào của họ, cũng không biết phải tìm kiếm, thưa hỏi nơi đâu!

Do biết những tin như vậy, bà Tiên chỉ định cùng gia đình qua thành phố Tijuana dạo chơi, vừa gần vừa an toàn. Cô bé Loan có vẻ thích thú khi bước xuống đường phố ở đây, cũng đông đúc và nhiều cửa tiệm, tha hồ mà shopping.

Bà Tiên vào một cửa tiệm bán mấy chậu cây kiểng thật đẹp, trong lúc con gái vào cửa hàng kể bên bán quần áo và những chiếc bóp thời trang thật đẹp. Noa đứng đằng trước hút thuốc, mắt theo dõi con gái của vợ đang lựa hàng. Khi thấy cô bé tiếc rẻ bỏ lại một số áo quần và bóp xách vì không đủ tiền, Noa bước vào trả hết cho cô rồi mang bỏ vào cốp xe, để cô không bị mẹ cản nhắc.

Do vậy, lúc đi ăn trưa, bà Tiên thấy Loan đã mời Noa đằng hoàng trước khi ăn, chứ không phớt lờ như những lần trước. Bà hết sức vui mừng.

Từ đó cho đến khi về nhà, Loan tỏ ra dễ chịu, vui vẻ thưa hỏi đằng hoàng. Còn Noa, anh ta biết rằng lấy lòng cô bé cũng dễ. Con gái nào mà không thích quà cáp, ăn diện, vậy mà lâu nay anh ta không nghĩ ra!

Tình trạng trong gia đình bà Tiên ngày càng tốt ra, ai cũng biết tin này và chúc mừng cho bà. nhất là khi nghe bà thông báo vừa chính thức làm chủ một tiệm nail ở ngoại ô thành phố, do bà chủ tiệm hiện nay sang lại.

Đã lâu họ không còn thường xuyên gặp nhau, vì ai cũng mắc thêm công chuyện này nọ. Đề tài bà Tiên lấy chồng trẻ đã đi vào quá khứ, không còn gì mới mẻ. Nhưng sáng nay, bà Lang nhận được một cú phôn, giọng nói của "bà tám" bên kia có vẻ hào hứng:

- Bà biết gì chưa?
- Biết gì là biết gì?
- Tin động trời từ nhà bà Tiên.
- Hả? tin gì?

- Trời ơi, bà chưa biết gì sao? Thằng chồng bà Tiên nó vớt con Loan, con bả rồi!

Bà Lang nghe xong, tim đập mạnh hơn, hồi hộp:

- Cái gì? Có chắc không? Hay lại đồn nhảm?

- Sao không? người ta đồn rùm. Bà Tiên mất cả chì lẫn chài!

- Sao? Nó lấy hết tiền bạc, "chơi xong xong" hả? con gái bà dính bầu rồi chứ gì?

- Không đúng, nó lấy nữ trang và cả con gái của bà, đông luôn rồi. Hai đứa ra đi không lời từ biệt!

Bà Lang không thể tin được! Dù có ghét bà Tiên, nhưng đó chỉ là lòng ganh tỵ nhau thôi. Không ngờ cảnh đời bà Tiên lại gặp khổ đau như vậy. Bà thấy chạnh lòng!

Bà tìm đến tiệm nail ở vùng ngoại ô. Từ ngày bà Tiên là chủ tiệm, bà Lang chưa đến thăm bao giờ. Bà Tiên đang ngồi đó, mặt cúi xuống đăm chiêu. Bà Lang không thể tin nổi là bà Tiên bây giờ xuống sắc, nhìn khác ngày xưa, nửa năm về trước rất nhiều.

Mặt bà Tiên khô khan, mắt thâm quầng, tóc tai lụi xụi. Chẳng bù cho bà Lang, từ ngày gặp cô ca sĩ biết cách trang điểm cho bà đẹp thêm, thì vài ngày bà lại ghé để học hỏi về cách trang điểm, chải tóc, khiến cho bà như được đưa thần biến hóa.

- Chào bà, tôi tới thăm bà, rồi mời bà đi ăn sáng.

Bà Tiên gật đầu chào lại, nhưng khuôn mặt dù cười cũng không giấu được sự buồn bã.

Bà Lang ân cần hỏi han, chia sẻ. Bà Tiên lúc đầu cũng giấu, nhưng một hồi bà khổ quá, tuôn hết!

- Đời tôi lúc này xuống tận cùng. Tôi không ngờ thằng Noa lại ăn cắp tiền của tôi để dụ khị con Loan cho đến khi con nhỏ có bầu. Bây giờ hai đứa "khốn nạn" không biết

trốn đi đâu. Tôi sợ cho con gái tôi sẽ bị thằng đó rao bán quá! Công việc ở đây khó khăn, thì ra tiệm này bị ế, mà bà chủ gạ bán cho tôi, bà ta nói với tôi tiệm đông khách, trông coi không nổi, vì thương tôi mới sang lại. Bây giờ thợ vắng khách cứ nghỉ dần, tôi phải ngồi thế. Chỉ còn một cô thợ cắt tóc, lấy ai coi tiệm cho tôi đi kiếm con gái bây giờ?

Nghe bà Tiên kể lể, bỗng dưng bà Lang thấy bao nỗi bức, ghét bà Tiên trước đó bay hết. Bà chỉ muốn dang đôi tay ôm lấy bà Tiên để chia sẻ an ủi. Bà không biết đó là do bà mũi lòng khi nghe cảnh khổ của người khác, hay bà đã tự tin với nhan sắc của mình hơn người lúc này?

Thôi thì "cứ làm tốt còn hơn không!"

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

(Họa Sĩ Cát Đơn Sa) viết tại USA)

www.hoasivietnam.com



Tranh Cát Đơn Sa

HAI NGƯỜI THẦY

Phong Thu

Thầy Khoa đã trở thành trung tâm chú ý của nhiều học trò lớp 11, 12 trong trường. Đám con gái trong lớp Thảo cứ đoán già đoán non về lai lịch của thầy. Nhỏ Linh cứ cho rằng thầy Khoa quê ở Bến Tre vì thầy hay kể cho lớp nghe những câu chuyện huyền thoại về ông Đạo Dừa. Nhỏ Hà không đồng ý, nó nói quê thầy ở Cà Mau vì thầy hay kể chuyện về thời tiết mưa nắng bốn mùa của vùng đất cuối cùng này. Nhỏ Lựu thì lanh chanh cãi bừa và bảo quê thầy ở Quảng Nam Đà Nẵng nhưng lập luận này đã bị cả nhóm xúm nhau cười vì thầy nói giọng Miền Nam chính gốc. Nhỏ Hạnh thì bĩu môi trêu chọc Lựu: “Ồ! Thầy cùng quê với mày. Quảng Nam í mà. Nhận làm bà con đi nhưng đừng có “mết” thầy nha”. Lần đó Lựu đỏ mặt và cô nàng im luôn không dám hó hé. Không có gì lạ khi đám con gái lớp Thảo bàn tán về thầy. Lần đầu tiên thầy xuất hiện cả lớp đã thì thầm với nhau. Thầy giản dị trong chiếc áo sơ mi trắng, vầng trán cao và rộng, nét mặt nghiêm nghị và giọng nói ấm áp đã làm cho mấy đứa con gái ngẩn ngơ. Thầy dạy Hoá Học nhưng yêu thích văn thơ. Mấy con nhỏ trong nhóm Thảo làm biếng học

những môn khác nhưng lại “mê học” môn thầy. Điểm tụi nó bao giờ cũng tương đối không đến nỗi ẹ như môn chính trị, toán, vật lý. Năm đó thầy Khoa lại được chọn làm giáo viên hướng dẫn lớp nên cuối tuần thường có sinh hoạt thường kỳ. Sau giờ họp là thầy hay kể chuyện, đọc thơ cho cả lớp nghe. Có một ca dao mà cả bọn quên mất tựa và không biết ai là tác giả nhưng tối ngày hết đứa này tới đứa kia ngâm nga:

*Tròng trành như nón không quai
Như thuyền không lái như gái không chồng
Gái có chồng như gông đeo cổ
Gái không chồng như phàn gõ long danh
Phàn gõ long danh anh còn chữa được
Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi
Không chồng khổ lắm chị em ơi!..**

Lắm lúc nhỏ Lựu hỏi thầy:

- Thầy ơi! Vậy ở giá tốt hơn hay lấy chồng tốt hơn hở thầy?

Thầy Khoa vui vẻ trả lời:

- Có những bài thơ như vậy mới vui. Nhưng nhớ đừng sống cô đơn! Buồn lắm!..

- Vậy tại sao thầy không có vợ? – Linh hỏi tới.

Mặt thầy Khoa đỏ rần:

- Tại thầy là đàn ông.

Thảo chiêm vô:

- Vậy là đàn ông thích ở giá hơn đàn bà và không sợ chạy ngược chạy xuôi đến bờ hơi tai mới có tấm chồng ngon lành.

Lần đó thầy Khoa cười rất lớn. Nhóm con gái cũng cười theo.

Bạn bè Thảo là một đám quỷ sứ. Các nàng mặt mày sáng sủa, ăn mặc bảnh bao, đã vậy còn điệu muốn chảy nước luôn. Các chàng trai cùng trường thường hay trêu chọc các cô nhưng đồng thời cũng sợ mấy bà chẳng nẩy lăm. Mới nhìn mặt, cô nào tưởng cũng hiền nhưng thật ra là những trái bom nổ chậm. Cứ nhìn cái mặt Lựu có ai biết nó là con “lựu đạn sét”. Tóc nó cắt Slow, đã vậy còn quần cúp cúp, khuôn mặt thon nhỏ và cái mũi dọc dừa thanh tú. Nhỏ Hạnh thì mặt tròn đầy đặn, cái miệng cười có duyên đến chết người. Nhỏ Linh còn đáo để hơn, nó có cái răng khểnh (Linh hay trêu là răng nanh) mỗi khi cười nhe ra các chàng trai đều lác mắt. Đến giờ học là các nàng làm bộ nghiêm trang lăm. Không ai biết rằng các nàng đang hoạt động ngầm. Cứ đến giờ thầy Khoa là nhỏ Hạnh táy máy tay chân. Nó tìm đủ cách để hỏi thầy:

- Thầy ơi! Tại sao nước viết tắt là H₂O mà không phải là T₂Y thầy?

Linh lém lỉnh:

- Thầy có thể cho tụi em biết công thức kết hợp của T₂Y đi.

Thầy tinh ý đáp:

- Hôm nay chúng ta chưa học công thức đó. Có thể cuối năm thầy sẽ giải thích cho các em hiểu.

Cả lớp bùm miệng cười. Lựu nhanh miệng nói:

- Thưa thầy đó là một công thức mà tụi em sáng chế ra để nói về tình yêu đó.

Thảo thụi vào lưng Lựu một cái và thì thầm:

- Thôi đừng có quậy Lựu ơi!

Lựu la lớn:

- Thầy ơi! Thảo néo em.

Thầy Khoa hiền lành lắc đầu cười và bắt đầu giảng bài tiếp. Khi ra chơi Thảo đã bị cái đám lâu la này quấy nhiễu tới bời. Hạnh vừa ăn cà rem vừa cự nự:

- Con nhỏ Thảo lấy điểm thầy quá! Nó muốn làm đệ tử ruột của thầy nên chơi lại tụi mình.

Linh thêm dầu thêm mỡ:

- Mày không thấy nó luôn chặn họng mình hay sao?

- Tao là lớp trưởng. Tao phải có nhiệm vụ nhắc nhở mỗi khi những thành viên trong lớp gây rối trong giờ học.

- Tụi tao đâu có gây rối gì đâu - Lựu liếc xéo Thảo.

- Vậy thì giải thích cho tao nghe xem cái công thức mắc dịch đó là cái gì?

Hạnh quăng cây cà rem vô thùng rác và bò lăn ra cười. Lựu nghiêng đầu qua một bên hỏi lại Thảo:

- Bà lớp trưởng ơi! Câu hỏi này là tụi này hỏi thầy. Mắc mớ gì đến cô mà cô xía vô.

- Tao thấy có cái gì không ổn.

Linh nhảy tót lên bàn ngồi và cái mặt nó vác lên trời:

- Cuối năm rồi thầy giải thích luôn.

Những câu chuyện như vậy chỉ chấm dứt khi có tiếng chuông vào lớp.

* * *

Chính trị là môn học mà hầu như tất cả học trò đều chán. Đã vậy thầy Khan lại là

người từ ngoài Bắc được điều động vào Nam giảng dạy nên giọng của thầy vừa nặng, vừa khó nghe khiến cho đám học trò cứ tha hồ ngủ gật. Thầy Khan lại khó tính và hay gắt gỏng mỗi khi học trò trả bài không thuộc. Thầy đe rằng cuối năm em nào không chịu học chính trị sẽ không đủ điểm thi tốt nghiệp. Nhỏ Lựu, nhỏ Linh thì sợ quá đi. Giờ của thầy là hai đứa bày trò đánh ca-nô. Nhỏ Lựu thường vẽ biếm họa thầy Khan trên những mảnh giấy xé từ trong tập và những tấm hình đó thường méo mó tùy theo lăng kính của nó đánh giá thầy. Sau giờ học chính trị, Lựu đem treo lên bảng làm trò cười cho cả lớp. Lựu hai lần trả bài không thuộc. Thầy Khan đã cho nó hai cái trứng ngỗng nhưng nó cóc cần. Nhỏ Linh thì điểm bài kiểm tra cũng không vượt qua khỏi con số 5, Hạnh thì cũng không hơn gì. Ba con nhỏ này được thầy Khan chiếu cố và cho là một lũ lười biếng, cứng đầu. Thảo là lớp trưởng nên bắt buộc tất cả các môn học đều phải trên năm điểm. Dù không thích môn chính trị cũng phải nhét vào đầu vài chữ để trả nợ quỷ thần.

Hôm nay thứ hai lại có môn chính trị. Môn học được nhà trường liệt vào danh sách là một trong bốn môn chính quyết định thi tốt nghiệp lớp 12. Đầu giờ là phải trả bài cũ, thầy Khan bắt đầu giở sổ điểm và rà từ trên xuống dưới, rồi đột ngột gọi lớn:

- Nguyễn thị ngọc Lựu.

Lựu chậm chạp mang tập tiến về bàn thầy rồi đứng quay mặt xuống lớp. Thầy Khan hỏi:

- Muốn xây dựng thành công Chủ Nghĩa Xã Hội thì phải có con người mới Xã Hội Chủ Nghĩa. Vậy con người đó cần phải có những đức tính gì?

Lựu không do dự đáp:

- Thưa thầy, em không hiểu về con người mới Xã Hội Chủ Nghĩa mà chỉ muốn nói đến con người thực trong đời sống hiện tại.

Khuôn mặt dài ngang dọc đầy vết nhăn của thầy Khan co dúm lại. Cái miệng của thầy bắt đầu dẩu ra, thầy hỏi vặn lại:

- Vậy con người thực trong cuộc sống bình thường là gì?

- Không được nói dối dù bất kỳ mình đang ở cương vị gì thưa thầy - Nét mặt Lựu trở nên bình thản. Cô tiếp tục nói - Thưa thầy, những gì mà thầy dạy, chúng em không tìm thấy được trong thực tiễn. Chúng em sống và lớn lên trong miền Nam nên những lý thuyết đó quá xa lạ và em xin lỗi em không thể nào tiếp thu nổi.

Nhiều tiếng xôn xao trong lớp. Thầy Khan khoát tay cho cả lớp im lặng và đứng bật dậy như một cái lò so. Ông nhìn Lựu một lúc rồi chậm rãi nói:

- Em có biết môn học này rất cần thiết cho mỗi chúng ta không? Nó sẽ giúp cho các em hiểu được sự tốt đẹp của Chủ Nghĩa Cộng Sản. Nếu các em không muốn học thì đó là một tai họa cho công cuộc xây dựng thành công Chủ Nghĩa Xã Hội của nước ta. Mọi người ai cũng nghĩ như em thì đất nước chúng ta sẽ ra sao?

Lựu bình tĩnh trả lời:

- Thừa thầy, khi chúng ta chưa biết dọn dẹp sạch sẽ căn nhà của mình thì làm sao có thể hiểu được cái học thuyết xa lạ kia.

Thầy Khan giận dữ. Hai đồng tử của ông co lại rồi giãn ra. Ông nghĩ học trò Miền Nam là những đứa chẳng ra gì. Vừa dốt lại vừa mất dạy. Chế độ cũ đã đào tạo một đám học trò không có một chút tư cách đạo đức nào. Ông quăng quyển vở của Lưu xuống đất:

- Đi về chỗ. Tôi sẽ nói chuyện với em sau.

Lưu lĩnh bơ cú xuống lượm quyển tập và khẽ nhếch mép cười. Thầy Khan bỏ cả giờ học, ông bắt đầu hăng hái giảng dạy cho cả lớp nghe về đời sống tốt đẹp của nhân dân Miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Đảng, ông thao thao bất tuyệt nói về thiên đường CNCS. Thế là sau giờ ra chơi, Lưu bị mời lên văn phòng làm kiểm điểm. Khi nó trở về lớp, đôi mắt đỏ hoe. Cả lớp nhìn nó ái ngại và cũng từ ngày đó nó đã thực sự ngoan ngoãn trong giờ học chính trị.

Một buổi sáng cũng vào giờ thầy Khan, cả lớp im phăng phắc. Thầy Khan ngồi xuống ghế được năm phút thì đột nhiên thầy đứng dậy mặt hầm hầm không nói gì. Sau đó thầy rời khỏi lớp độ 20 phút rồi trở lại. Thầy Khan đã bỏ hẳn việc kiểm tra bài và suốt buổi học thầy lại gân cổ giảng cho cả lớp nghe về đạo đức của con người mới XHCN. Cuối buổi học, một số bạn đã hỏi Thảo:

- Ai bỏ mìn mìn trên ghế thầy? Thảo có biết không?

Thảo tròn mắt đáp:

- Làm gì có chuyện đó.

- Vậy mà có đó Thảo. Bỏ là lớp trưởng bỏ phải biết.

Thảo nhún vai cười tỏ vẻ không tin. Nàng đem chuyện đó nói cho cả nhóm nghe thì cả bọn hình mũi lên cười. Hạnh bĩu môi:

- Ông ta chỉ bịa chuyện mà thôi. Ai mà dám đụng tới cán bộ.

- Tao nghe mấy đứa nam sinh lớp 12C2 nói rằng ông ta chạy vào cầu, rồi đứng chửi đổng một mình. Ông chửi bậy lắm! – Linh nhăn mặt tỏ dấu khinh bỉ.

- Tại sao tụi nó biết? – Lưu hỏi tới.

- Mày còn phải hỏi – Thảo khoanh tay đứng nhìn các bạn rồi bất giác lắc đầu – Vậy là khổ cho thầy Khoa rồi.

Lưu đột ngột thay đổi nét mặt. Cô nàng hỏi liên tục:

- Sao lại khổ cho thầy. Lớp mình làm thì mình chịu. Có liên can gì đến thầy.

- Mày ngốc quá đi. Nếu có chuyện gì thì họ cứ moi thầy hưởng dẫn lớp ra mà bỏ lên đầu. Cũng như chuyện vừa rồi của mày. Thầy Khoa đã bị khiển trách là không theo dõi chặt chẽ học trò. Biết chưa.

Giọng Lưu run run:

- Thảo à! Tao đâu có muốn thầy bị vạ lây.

Thảo dịu giọng:

- Thôi bỏ đi Lưu. Chuyện đã qua. Có nhắc cũng không ích lợi gì mà chỉ làm cho mi buồn. Tao lo vụ mất mìn thầy Khan sẽ làm lớn chuyện.

- Nhưng ông ta làm sao tìm ra được người đã chơi xỏ lá ông ta chứ. Chẳng lẽ đem cả lớp ra làm kiểm điểm – Lưu trề môi.

* * *

Thầy Khoa có vẻ buồn buồn. Thầy không còn kể chuyện vào những giờ cuối cùng của buổi học. Thầy thường trầm ngâm mỗi khi đến lớp. Một ngày cuối tuần, sau khi mọi người ra về, thầy đã gọi Thảo đến hỏi nhỏ:

- Thảo à! Thầy rất cảm ơn em đã giúp đỡ thầy suốt gần nửa năm học. Nhìn chung lớp mình mọi thành viên đều chăm chỉ, ngoan và ham học. Chỉ có một điều thầy lo là có một số bạn rất nghịch. Tuần vừa qua, thầy Khan báo cáo lên Ban Giám Hiệu và giáo viên toàn trường về việc lớp mình có người đã bỏ mất mào trên ghế của thầy. Sau đó còn dán giấy 35 trong cuốn giáo án của thầy Khan.

Thảo giật nảy mình:

- Thật sao thầy?

- Ông ta đổ trách nhiệm cho thầy quá dễ dãi với các em nên đã để các em làm chuyện đó để bịt mắt ông ta. Thầy rất buồn nhưng thầy không dám lên tiếng bênh vực gì cho các em. Thảo nhìn cử chỉ nhũn nhặn của thầy và ái ngại nói:

- Thưa thầy, nếu có chuyện gì thì các em chịu hoàn toàn trách nhiệm không phải do thầy.

- Thầy không lo bị phê bình, chê trách mà thầy lo vì thầy Khan bắt buộc thầy tìm cho ra thủ phạm. Thầy lo ngại sẽ có em bị câu lưu hoặc bị phê trong học bạ về đạo đức.

- Không bao giờ tìm ra được thủ phạm đâu thầy. Thật ra bạn bè em cũng chỉ nghịch ngợm thôi.

- Thầy vẫn mong muốn tất cả các em không có những hành động như vậy – Đôi mắt thầy Khoa vừa nghiêm nghị vừa buồn, thầy tiếp – Thầy đã trải qua những năm tháng của tuổi học trò nên thầy hiểu các em nhiều lắm. Có một điều thời học sinh của thầy không như các em bây giờ. Khi đất nước đổi thay, con người cũng chịu chung số phận và hoàn cảnh.

Thảo như hiểu được một phần ẩn khúc trong câu nói của thầy. Nàng thành thật nói:

- Thưa thầy, hầu như tất cả mọi người trong lớp đều thương mến thầy, gần gũi và kính trọng thầy. Em không hiểu tại sao không ai thích giờ thầy Khan?

- Thật ra thầy Khan không phải là người xấu. Ai cũng muốn người khác nể trọng mình không phải vì nhân cách, kiến thức, tài năng của họ mà vì họ muốn thỏa mãn tính kiêu căng cũng như tiếng tăm và địa vị mà họ muốn đạt được. Hôm nay thầy nói chuyện với em hơi lâu. Có dịp thầy trò mình sẽ nói chuyện nhiều hơn. Bây giờ thầy phải đi họp đây. Nếu thầy có bỏ trường, bỏ lớp mà đi thì bảo các bạn đừng buồn.

Bóng thầy khuất bên dải hành lang cuối lớp học.

* * *

Mùa hè đã trở về, năm học đã sắp chấm dứt. Trời trở nên oi bức và cơn mưa đầu mùa đã đổ xuống sân trường. Những cơn mưa hạ thường kéo dài trong nhiều ngày rồi chấm dứt. Sân trường đầy đó những vũng nước lầy lội, đục ngầu. Mấy

tuần sau hàng phượng vĩ trong sân trường những chiếc lá non li ti bé nhỏ đã nhú ra. Và sau đó những nhánh phượng cũng đã ôm ấp những đài hoa tròn trịa, xinh xinh đã xuất hiện xen kẽ giữa những chiếc lá xanh non mơn mớn. Trong những ngày này, lòng Thảo nôn nao buồn. Nhỏ Hạnh, Linh, Lựu, cũng nói với nàng rằng một thời hoa mộng sẽ trôi mất vào thời gian. Những trang sách học trò xếp lại sau lưng để chuẩn bị cho mình hành trang vào đời. Có bao nhiêu mùa hạ trong đời học trò là có bấy nhiêu kỷ niệm đáng yêu. Có lẽ nàng sẽ không bao giờ yêu một loài hoa nào hơn những cánh phượng sân trường. Hoa phượng là biểu tượng cho tuổi học trò và mỗi độ hè về tiếng ve sầu ngân nga trên những vòm lá trên cao đã in sâu vào tiềm thức nàng một nỗi nhớ thương.

Gần đến ngày thi tốt nghiệp, cả trường nhận được tin thầy Khan bị bệnh nặng phải đưa vào bệnh viện. Tin tức về thầy mỗi ngày một xấu đi. Các bạn trong lớp dù không thích thầy nhưng cũng lo ngại nên đi thăm hỏi tin tức hàng ngày và cho biết trước kia thầy bị lao phổi nên phải cắt bỏ nửa lá phổi. Thầy đã sống bằng nửa lá phổi còn lại đã hơn mười năm. Lần này thầy đã hôn mê hơn một tuần không tỉnh dậy. Thầy sống rất khổ sở, trong căn nhà tập thể nhỏ như một cái hộp chỉ có một kệ sách, một cái giường ộp ẹp, một chiếc xe đạp tèm, mấy bộ quần áo đã cũ mèn mà thầy thường mặc đến trường cho tươm tất. Ngày hôm qua, bạn bè thầy đã mang cái xe đạp, tài sản cuối cùng của

thầy đem bán để thuốc thang cho thầy nhưng không có hiệu quả. Cả trường quyên góp tiền để cố gắng mua một loại thuốc đặc biệt chích cho thầy. Thầy chỉ mở mắt được một lần duy nhất và không nói được gì rồi sau đó thầy đã ra đi vào lúc nửa đêm về sáng.

Đám tang thầy rất đơn sơ. Gia đình thầy hầu như không có ai vì tất cả đã chết trong chiến tranh. Những giọt nước mắt khóc người quá cố bây giờ là bạn bè, đồng nghiệp và lũ học trò. Lúc sinh thời thầy oai quyền, hống hách ai cũng sợ. Lúc thầy chết khuôn mặt khắc khổ, đen xạm, đôi mắt vẫn mở to như còn luyến tiếc nhân gian hay muốn gởi lại một lời uỷ thác sau cùng mà chưa kịp nói. Ông hiệu trưởng người cùng quê với thầy cũng là một Đảng viên lâu năm đã khóc mù mẫn bên nấm mồ và than rằng:

- Một đời theo Đảng, để rồi chết trong đói khổ như vậy sao Khan. Tao bất lực khi thấy mày chết lần mòn mà không cứu được

Lúc đó tất cả mọi người đều rơi lệ. Thảo thấy thầy Khoa cúi đầu, chốc chốc lại gỡ kính ra lau đôi mắt nhòa lệ. Nhỏ Lựu đột ngột nói bên tai Thảo: "Tao có lỗi với thầy Thảo ơi!" - Rồi nó khóc thút thít như đứa con nít mới lên ba. Thảo nói nhỏ: "Mày đâu có làm gì xấu đâu mà lo". Lựu cứ khóc rầm rức: "Tại tại mình không hiểu rõ cuộc sống đau khổ của thầy. Tao đã khinh thầy và đã làm những điều sai quấy". Thảo thấy Lựu quá buồn nên không hỏi tiếp.

Mấy tuần sau, cả trường lại nhốn nháo lên khi hay tin thầy Khoa đã vượt biên. Lớp Thảo sững sờ. Đám con gái vây quanh Thảo hỏi rằng tại sao thầy đi mà không từ già. Nhìn mặt đứa nào cũng y chang như đám ma của thầy Khan. Linh mấy ngày liên tục không nói với ai một lời. Hạnh thì lạnh chanh bảo rằng thầy còn nợ nó một câu hỏi mà không chịu trả lời.

Rồi tiếp theo đó Lựu đột ngột bỏ học và thông báo với bạn bè rằng nó không còn mơ ước gì cả. Cho đến một hôm Thảo nhận được thư của Lựu:

Sài gòn, ngày tháng năm 1978

Các bạn thân thương,

Đừng ngạc nhiên khi ta đột ngột bỏ trường ra đi. Ta đã chọn cho mình một cuộc sống khác. Sau cái chết của thầy Khan, tao tự hỏi: "Học để làm gì? Và sau khi mất thầy Khoa vĩnh viễn, tao có cảm giác đất nước mình không cần những người có tri thức". Đói khổ, đau đớn như thầy Khan làm sao đứng vững trên bục giảng. Cuộc đời hai người thầy quá trái ngược, cũng như phong cách của hai người làm tao suy nghĩ rất nhiều. Tao mãi mãi là con nhỏ không bao giờ có thể hiểu nổi cái lý thuyết cao siêu của Chủ Nghĩa Cộng Sản và tao cũng không hiểu vì sao thầy Khan lại ôm ấp giấc mộng thiên đường của Chủ Nghĩa Cộng Sản cho đến chết. Thầy Khoa - một thần tượng của đa số học sinh toàn trường lại từ bỏ quê hương. Tuổi trẻ của chúng mình có còn là hàng phượng đỏ chói chang, là niềm kiêu hãnh vô biên về tuổi mộng mơ

đẹp nhất đời không? Đã có nhiều đêm ta suy tư về số phận của tất cả bọn mình.

Các bạn ơi! Ta vẫn còn ôm trong lòng một niềm ăn năn là đã đối xử với thầy Khan không tốt. Ta là một đứa học trò ngổ ngáo nên ta không kịp hiểu rằng chế độ Miền Bắc đã đào tạo ra thầy và nhào nặn thầy thành một mẫu số chung. Ta chính là người đã chế giễu thầy trong hầu hết các giờ học. Ta là thủ phạm trét mắt mèo trên ghế thầy và cũng chính ta đã viết giấy dán trong giáo án của thầy số 35. Khi thầy chết ta không kịp xin thầy tha thứ.

Hôm nay viết những dòng chữ này để tâm hồn ta thanh thản đôi chút và phần nào vơi đi những nỗi buồn. Xin tạm biệt những người bạn thân yêu. Ta xin gởi lại khung trời mùa hạ những nụ hôn sau cùng của tuổi học trò và hãy nói giùm ta với những chùm phượng đỏ rằng ta yêu màu hoa ấy. Chúc các bạn thành công và hạnh phúc trong tương lai.

Thân thương

Ngọc Lựu

Bạn bè chuyển tay nhau đọc lá thư của Lựu đến nhàu nát.

* * *

Mùa thi đã chấm dứt. Một ngày trong tháng bảy, Thảo trở lại trường xem kết quả thi tốt nghiệp. Hai giờ chiều mà sân trường vắng hoe. Cây phượng trong sân trường đã nở đầy hoa. Những cánh hoa phượng đỏ thắm trông giống như những đóm lửa rực sáng đốt cháy cả bầu trời. Nắng hạ oi ả, chói chang và cả sân trường bừng lên hàng ngàn tiếng ve ngân. Tiếng

ve năm nay Thảo nghe buồn kỳ lạ. Nó không còn là tiếng ve của mùa hè những năm xa xưa. Bạn bè đâu rồi? Thảo nhìn quanh chỉ thấy những lớp học trống trơn. Người gác cổng đang quét những cánh phượng rơi trên mặt đất, thấy Thảo ông ngừng lại chào và khẽ mỉm cười. Thảo chào đáp lễ rồi quay sang nhìn những chùm phượng đang rung rinh trong nắng. Màu phượng rưng rưng làm lòng Thảo xao xuyến buồn man mác. Chưa có năm nào buồn như năm nay. Đời học trò vô tư, hồn nhiên đã vụt chấp cánh bay xa. Thảo đã nhận ra những thay đổi đột ngột trong tâm tư nàng từ khi thầy Khan chết, thầy Khoa bỏ ra đi và Lưu bỏ trường, bỏ lớp. Hôm nay là ngày cuối cùng Thảo đến trường. Nàng nhìn tên của từng người bạn và hiểu rằng tất cả đã chuẩn hành trang lên đường. Nàng sẽ không còn những ngày nô đùa với bạn bè, không còn những ngày ngồi yên lặng trong lớp học uống từng lời của thầy, cô, nghe giọng nói, tiếng cười đùa nghịch ngợm của đám bạn bè hay phá phách. Còn đâu những mùa hè chuyển tay nhau những quyển lưu bút viết đầy những dòng chữ thân thương. Còn đâu những ngày bạn bè ngồi bên nhau nhặt từng cánh phượng rơi ép vào trang sách và những ngày rong chơi



dưới cơn mưa hè mát lạnh làm ướt mềm mái tóc. Trường lớp sẽ ngủ yên. Từ đây, đời học trò đầy hoa bướm mộng mơ đã khép lại sau lưng Thảo. Tương lai đang mở ra trước mắt hay chỉ là một giấc mơ đầy ảo tưởng. Thảo quay ra cổng và đứng nhìn ngôi trường lần cuối cùng. Người gác cổng đã trở lại. Ông ta gọi:

- Cô Thảo, cô có thư. Tôi chờ cô lâu lắm và hy vọng cô trở lại.

- Thư ai đó chú Năm.

Ông già trao cho Thảo bọc giấy nhỏ, rồi mỉm cười có vẻ bí mật:

- Về nhà mở ra xem.

Thảo đón lấy và nhét vội vào giỏ xách:

- Cám ơn bác nhiều. Đây là địa chỉ của con. Hôm nào bác rảnh ghé nhà con chơi.

Đẩy chiếc xe đạp ra khỏi cổng. Thảo không nén được sự tò mò. Nàng mở gói giấy ra xem và tìm nàng đập rộ lên một niềm vui khôn tả. Thảo bất giác hét lên vui sướng: “Ôi! Thư của thầy Khoa. Thầy còn sống. Cám ơn trời phật. Thầy ơi! Thầy ơi! Mong một ngày hạnh ngộ”

Bình Dương,

những ngày vào hạ 6- 1984

Viết lại 6-2000 tại Maryland

(Trích trong tập truyện «Đóa Phù Dung»)

Phong Thu

SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT: PARIS, VUI XUÂN HỌP MẶT

Cứ vào đầu xuân Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris tổ chức họp mặt Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật thường niên, năm nay vào ngày 19-04-2014, tại Conflans Sainte-Honorine, khách mời vẫn là những khuôn mặt quen thuộc trong giới sinh hoạt Văn Hóa và Cộng Đồng người Việt ở Paris như : GSTS Hàn Lâm Viện Sĩ Lê Mộng Nguyên và phu nhân Nicole, GSTS Phạm Đình Liên, Giáo sư Trịnh Khải và phu nhân, Bác sĩ Nguyễn Bá Hậu và phu nhân Kiều Hạnh, Bác sĩ Phan Khắc Tường, Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng, Nhà thơ Quỳnh Liên Cao Văn Chiêu, Nhà thơ Đỗ Bình, Nhà biên khảo Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Nghệ sĩ Minh Cẩm, Nghệ sĩ Thúy Hằng, Ca sĩ Kim Thu và phu quân , Bà Trần Bạch Suong đại diện tạp chí Nguồn, Mây Thu đại diện Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm .v.v.

Mở đầu chương trình vào khoảng 15 giờ, Chủ tịch CLB VH Paris, bác sĩ Phan Khắc Tường sau ba năm mang trọng trách điều hành CLB, hướng dẫn tổ chức các buổi sinh hoạt, nay đã mãn nhiệm kỳ. Ông phát biểu : *“Hôm nay nhân dịp xuân về chúng ta cùng nhau họp mặt, trong ba năm qua, tôi được giao phó trách nhiệm trông coi CLB VH Paris, đến nay đã chấm dứt nhiệm kỳ, và trở lại là một thành viên của CLB VH”*. Sau đó việc bầu ban chấp hành được tiến hành, bác sĩ Phan Khắc Tường đề

ngợi nhà thơ Đỗ Bình ra đảm trách CLB, mọi người đều đồng ý, sau đó cùng quyết định bầu nhà thơ Đỗ Bình vào đảm nhận chức chủ tịch CLB VHVN Paris. Nhà thơ Đỗ Bình lên máy ghi âm ngỏ lời cảm ơn tất cả mọi người đã tin nhiệm ông và phát biểu: *“Chúng ta vừa mất đi một người bạn là một nhà thần học, một nhà thơ và cũng là một dịch giả, đó là anh Nguyễn Tấn Phước đã từ giã chúng ta về cõi vĩnh hằng. Hiện nay có một số người không thể đến đây được vì già yếu như nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, nhà thơ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, nhà báo Tô Vũ... Và hôm nay, vì trở ngại xe cộ, tuyến đường RER đình công, có một số các anh chị không đến được như Gs Nguyễn Bảo Hưng, Gs Quỳnh Hạnh, Gs Nguyễn Ngọc Chân, nhà thơ Hà Lan Phương... Bác sĩ Nguyễn Bá Linh đã đi Lyon, nhà văn Nguyễn Thùy, nhà văn Kim Long vừa chuyển về miền Nam nước Pháp, các bạn đều có gọi điện thoại hoặc gửi e-mail về... Trải dài hơn mấy chục năm qua, CLB của chúng ta đã góp phần trong việc phát huy và bảo tồn văn hóa VN ở hải ngoại, CLB còn là sợi giây kết tình giữa các văn nghệ sĩ ở hải ngoại, đây cũng là một mái nhà chung của những tâm hồn đồng điệu. Có rất nhiều văn nghệ sĩ ở hải ngoại đã tin nhiệm CLB, khi qua Paris trình bày tác phẩm hay tổ chức những buổi*

diễn thuyết về văn học nghệ thuật, họ muốn được CLB giới thiệu vì chúng ta làm việc đúng đắn, mặc dù họ là thành viên các đoàn thể lớn như hội văn bút quốc tế, các hội đoàn ở các nơi v.v. Những người đã từng làm chủ tịch của CLB như Bác sĩ Nguyễn Bá Hậu, Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng và tôi, sau đó đến Bác sĩ Phan Khắc Tường. Dù là một thành viên sáng lập nhưng ngày trước ở trong hội, có lẽ tôi là một trong những người trẻ nhất, sau này đã có nhiều người khác trẻ hơn, nhưng những người trẻ đó hiện nay chưa có ý định muốn nhận trách nhiệm trong CLB”.

Nhìn lại tiến trình trong khoảng thời gian qua, cùng sinh hoạt với cựu Chủ tịch CLB VH Paris, Bác sĩ Phan Khắc Tường, đã có những buổi sinh hoạt đáng kể như : Sinh hoạt VHNT Hương Thu Paris, để tiếp đón nhà thơ Miên Du Đà Lạt và nhà thơ Chúc Anh đến từ Cali, tiếp đón nhà văn Song Nhị chủ bút tập san văn học Nguồn đến từ Mỹ, và các bạn văn ở Úc; Ra mắt CD nhạc Tình Khúc Tha Hương với ba tác giả Lê Mộng Nguyên, Phạm Đình Liên, Đỗ Bình; Ngoài ra còn có các buổi hội thảo tổ chức tại Montrouge, Antony, với các đề tài: Ý Nghĩa Cuộc Sống Của Loài Người, Niềm Vui Và Nỗi Buồn Của Đời Người, Sự Sống Của Con Người Và Mọi Vật Trong Vũ Trụ v.v. Tóm lại, tuy CLB VH Paris không làm những buổi văn học lớn như, Thu Đất Khách, Xuân Tha Hương, Bên Trời Tưởng Nhớ, Thu Tao Ngộ v.v. nhưng gói ghém và thu gọn lại. Trong sinh hoạt cộng đồng

không thể thiếu vắng sinh hoạt văn hóa, vai trò của văn hóa là vai trò rất quan trọng.

Với tầm mức quan trọng ấy, nhà thơ Đỗ Bình liền thảo luận ngay về các dự định tổ chức trong tương lai, ông phác họa về những diễn tiến của CLB : Nên gặp nhau họp mặt thường xuyên hơn, sẽ mở rộng tầm mức hoạt động để mỗi ngày mỗi thêm phát triển, có thêm sự cộng tác của giới trẻ v.v. Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng giữ trách nhiệm lo liệu về nơi chôn, phòng ốc để họp mặt. Cuộc bàn luận rất sôi nổi, mỗi người đều chăm chú góp ý.

Tiếp nối chương trình, Giáo sư Trịnh Khải giới thiệu tác phẩm: La Science du Dharma, trong đó có ba đề tài:

La Science du Dharma (Khoa học của Dharma)

La Métaphysique de Nâgârjuna (Siêu hình học của Nâgârjuna)

La Méditation Bouddhiste (Thiền Phật giáo)

Các đề tài này không nói hẳn về tôn giáo mà chỉ khai thác về khía cạnh hoàn toàn khoa học của Phật giáo, tiếp đến là khía cạnh siêu hình học của Nâgârjuna, rồi tới phương pháp thiền Yoga của đạo Phật, luôn chú trọng về cách thở. Giáo sư Trịnh Khải dẫn chứng: “Theo thuyết này thì quan trọng nhất của con người là hơi thở. Phương pháp thở quan trọng như mỗi bộ phận của cơ thể con người: mắt, tai, mũi... là một nhân vật. Ví dụ như trong phòng họp này, khi các nhân- vật- mắt, nhân- vật- tai... đi ra khỏi phòng họp thì người mù, người điếc... vẫn sống, nhưng khi nhân- vật- thở đi ra khỏi phòng họp lúc ấy mọi người đều xao

động vì không hơi thở cái gì cũng phải chết”. Tác phẩm này được Giáo sư Trịnh Khải trao tặng cho nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, và một số người hiện diện.

Tiếp theo Giáo sư Trịnh Khải thuyết trình về đề tài: Văn Hóa Và Chính Trị, ông đã phát biểu: “*Điều kiện cơ bản của văn hóa chưa được hoàn toàn tôn vinh đúng mức, đó là tự do tư tưởng, độc lập hành động. Khi quốc gia hữu sự thì sĩ phu phải hữu trách, tham luận về liên hệ giữa Chính Trị và Văn Hóa đã trở nên tối cần thiết. Và ngày nay thế giới đang trên đà phát triển qua mọi lãnh vực: kinh tế, giáo dục, xã hội, cách mạng trí tuệ: máy tính điện tử, internet, robots v.v. Văn Hóa và Chính Trị phải xem như chim liền cánh, như cây liền cành*”.

Kế tiếp Bà Trần Bạch Sương đã giới thiệu Tạp chí Nguồn số 54 vừa

mới phát hành.

Sau đó chương trình được chuyển đổi qua phần văn nghệ, giới thiệu những sáng tác của những tác giả hiện diện. Những bài thơ và nhạc phẩm lần lượt được trình bày. Ca sĩ Kim Thu diễn ngâm bài thơ Nhớ Người Bạn Xưa của nhà thơ Quỳnh Liên. Ca sĩ Kim Thu trình bày thêm nhạc phẩm Đường Xưa Lối Cũ của Hoàng Thi Thơ và một bản nhạc Pháp, L'Amour en Héritage, nhạc phẩm này thường do ca sĩ lừng danh Nana Mouskouri trình bày với giọng ca nhẹ như gió thoảng.

Với tiếng đàn Tây ban cầm của Nhạc sĩ Phạm Đình Liên, thơ Phương Du, bài Thu Tình Thương được Nghệ sĩ Minh Cầm trình bày. Đây là bài thơ phổ nhạc rất thành công của tác giả nhân dịp Thu Tao Ngô. Nhạc phẩm Quê Tôi của Nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên



cũng được nghệ sĩ Minh Cẩm trình bày.

Bác sĩ Phan Khắc Tường đọc bài thơ của chính tác giả, Cho Tôi Nhấn, được nghệ sĩ Thúy Hằng diễn ngâm, lời thơ thật ngâm ngùi làm nhớ lại những hình ảnh đau thương của mùa xuân Mậu Thân 1968 ở Huế :

“Xin nhấn anh về thăm cố đô,

Nhờ anh đếm thừ, bao nhiêu mồ.

Hương Giang, An Cựu còn trôi xác,

Vỹ Dạ, bao đường loang máu khô”.

Tiếp theo, nghệ sĩ Thúy Hằng trình bày nhạc phẩm Tiếng Sáo Chiều Quê, nhạc và lời của Nhạc sĩ Thu Hồ. Giọng ca nhẹ nhàng truyền cảm cùng với tiếng đàn diu dặt của nhà thơ Đỗ Bình gợi nhớ quê hương thiết tha, khách tham dự cùng yên lặng lắng nghe: “*Sáo ơi! Lòng tôi thêm nhớ thương. Tình quê hương vẫn vương. Còn ở quê người. Bao tình lưu luyến. Nghe sáo mơ hồ hòa gió sương...*”. Ca sĩ Kim Thu trở lại chương trình với hai nhạc phẩm Cô Đơn của Nguyễn Ánh 9 và Thao Thức Vì Em của Nhạc sĩ Lam Phương.

Mây Thu đọc bài thơ Tình Xuân của chính tác giả để tiếp nối chương trình và bài này do nghệ sĩ Thúy Hằng diễn ngâm. Nhà thơ Quỳnh Liên cũng đọc bài thơ của mình, Nhớ Người Xưa, lời thơ buồn da diết được Họa sĩ Nguyễn Đức Tăng diễn ngâm:

Gió vàng thổi lạnh tằm lòng,

Bâng khuâng nhưng nhớ bóng hình năm xưa

Đêm nay trừ tịch giao thừa,

Trầm hương khói quỳên như mưa trong lòng”...

Tới đây Bác sĩ Nguyễn Bá Hậu, Nhà thơ Phương Du, yêu cầu ca sĩ Kim Thu

trình bày nhạc phẩm Mexico. Không khí trở nên vui nhộn với những nhịp chân và tiếng vỗ tay theo điệu nhạc. Đây là nhạc phẩm nổi tiếng với giọng ca bắt hủ của Luis Mariano. Nhạc phẩm này do danh ca Cao Thái và cố danh ca Thanh Hùng trình bày, và đã đưa tên tuổi của hai danh ca này lên hàng đầu về chất giọng Têno vào đầu thập niên 60 của thế kỷ trước ở miền Nam.

Chiều dần tàn, trước khi giã biệt, Nhà thơ Đỗ Bình nói thêm: “*Chúng ta đến với nhau để giữ cái tình với nhau, và để giữ kỷ niệm với nhau, chứ tình lúc này mới quan trọng. Chúng ta cũng có thể ăn uống, nhưng mục đích là bàn về văn học nghệ thuật, nói những điều liên quan đến quê hương. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Đăng Trình ở Canada, họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật và nhà văn Nguyễn Thị Vinh ở Norvège có điện thoại cho tôi gửi lời chào đến quý bác và anh chị”.*

Như thế, qua một mùa đông dài lạnh giá, hôm nay mùa xuân lại trở về, cùng nhau vui xuân hợp mặt, với muôn hoa thom nghìn cỏ lạ, khoe sắc thắm tươi trên các nẻo đường. Các văn thi hữu lại đến với nhau để cùng hội thảo về một số vấn đề liên quan đến các sinh hoạt của CLB VH Paris, đồng thời cũng để chia sẻ niềm vui, nỗi buồn hay những ưu tư thường nhật.

Chương trình chấm dứt vào lúc 19 giờ, mọi người cùng vui vẻ chia tay, hẹn gặp nhau trong một ngày rất gần.

Nguyễn Mây Thu

(Paris, 22-04-2014)

TÔI LÀM BÁO VĂN HỌC

(Tâm sự 17 năm làm Báo Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm)

(Tiếp theo)

Nghỉ vài ngày làm báo, chủ nhiệm Cỏ Thơm lại lo làm sổ sách. Chăm lắm thì mỗi tháng một lần, có khi hơn hai tháng, đọc giả gọi, hỏi sao ngân phiếu của họ chưa được tiêu thụ, tôi mới vội vàng làm công việc của một thư ký kế toán: làm bản in các check, ghim từng cái với thư từ và phiếu mua báo, phiếu ủng hộ của từng người; gõ một cái danh sách với số check và số tiền của họ; làm tổng cộng và viết biên lai đem đi bỏ *bank*. Việc này cũng như việc gõ máy chữ, tôi lành nghề lắm vì đã làm sổ Mỹ ở Sài Gòn và Virginia tổng cộng gần 20 năm.

Vì phải lo thanh toán hóa đơn và làm sổ sách cho cả gia đình từ ngày ông xã tôi đau nên đôi khi tôi cũng chậm trễ trả hóa đơn của chính mình và bị phạt đau lắm, nhất là cái *bill* có \$150 mà bị phạt \$35. Nếu Tổng Thư Ký Cỏ Thơm hay một độc giả, một hội viên đàn bà nào ở gần, tôi đã mời đến văn phòng tòa soạn để làm giúp việc này. Nhưng Nhà Thơ Ý Anh ở tận bên Maryland, cách nhà tôi cả giờ mà còn phải đi làm *full time*, nên tôi chẳng dám làm phiền cô tổng.

Tôi quen một bà không chồng, không con, có nhà, có xe hơi, có việc làm, nghĩa là bà ta cũng rủng rỉnh, chẳng thiếu thốn gì. Tôi hồ hởi, nhiều lần mời bà ta đến họp mặt với Cỏ Thơm và biếu báo để quảng cáo, mong mời được bà ít nhất là ủng hộ mua

báo dài hạn, rồi mời bà cùng làm báo cho vui. Nhưng từ cái thuở giá báo có \$5, bà đó chưa mua cho Cỏ Thơm một tập nào. Trong khi đó, mỗi lần đi chợ, bà lượm đầy gói này, bịch kia những báo nhật dưới đất đem về đọc. Thế có chán không?! Tôi cũng kén chọn người, không là tác giả Cỏ Thơm, cũng không mua báo Cỏ Thơm, nghĩa là không “có tình” với Cỏ Thơm, không là người Cỏ Thơm, tôi không muốn nhờ làm gì cho Cỏ Thơm cả.

Khi báo được in xong, tôi đến lấy 3/5 về để gửi cho các đại diện Âu Châu, Canada, các đại diện tiểu bang, các nhà quảng cáo trong vùng. Tôi để lại 1/5 báo cho Phó Chủ Nhiệm Phan Khâm gửi các hội viên và tác giả. Số báo còn lại để cho Tổng Thư Ký Đỗ Tràng Mỹ Hạnh gửi các độc giả mua báo dài hạn trong Hoa Kỳ. Lẽ dĩ nhiên chúng tôi tính tiền vào quỹ Cỏ Thơm, vì chi phí này rất cao. \$2.53 một tập báo gửi trong nội địa Hoa Kỳ, Canada \$19.95/4 tập, Germany \$23.95/4 tập, France \$59.95/12 tập. Tôi phải ghi ra đây để bà con hiểu rằng tại sao Cỏ Thơm phải xin ủng hộ tiền gửi báo từ các tác giả nữa.

Thường thường Cô Tổng Thư Ký lười đòi tiền gửi. Tôi sợ để lâu, Cỏ Thơm phải chi một món lớn hơn ngân quỹ nên phải nhắc nhở cô Tổng mới chịu tính tiền. Phó Chủ Nhiệm và Tổng Thư Ký đã sát cánh với Ngọc Dung và nhiệt thành gánh vác

việc lao động với tinh thần thật cao quý, yêu mến Cổ Thơm.

Vì nhỏ con, nhẹ ký, tôi gói báo gửi đi các nơi ngay trong *garage*, để không phải mang 200 tập báo lên phòng làm việc trên lầu, rồi lại mang xuống xe đem đi nhà bưu điện. Mùa hè, nhà để xe không có máy lạnh, nóng như sa mạc. Tôi phải làm việc thật sớm, quạt máy chạy vù vù, mặc áo phong phanh. Mùa đông lạnh cứng chân tay, tôi mặc áo khoác như người ta đi chơi ngoài tuyết với mũ, vợ và ủng dây cộp. Máy nóng một cái dưới chân, một cái sau lưng. Cuối cùng thì cậu con trai nhất định gọi thợ làm trần, làm tường cho *garage* với vật liệu chống nóng, chống lạnh, thêm quạt trần, đèn mấy bóng sáng choang, kệ sách báo hai mặt tường, cho bà mẹ chủ nhiệm báo.

Ở bưu điện gần nhà tôi thường đến gửi báo, có một cô nhân viên người Việt. Tôi thường đợi đến lượt cô không có khách mới đến nhờ gửi báo và tặng cô một tập Cổ Thơm vì cô thành thực thích đọc. Cô bưu điện viên vui vẻ, không quản ngại mỗi lần tôi đến gửi cả mấy chục tập báo nặng. Chúng tôi lại có dịp nói tiếng Việt với người đồng hương. Các nhân viên của bưu điện khác cũng nhìn cái mặt tôi và tươi cười khi gặp tôi.

Từ \$285, cái quỹ Cổ Thơm dần dần tăng. Chủ Nhiệm chỉ phải ủng hộ có một năm đầu. Những năm sau, Cổ Thơm in được số này thì lại mừng quỹ còn đủ tiền để in số sau. Vì nhờ trời Cổ Thơm được mến mộ, mời mọc thêm được nhiều độc giả mua báo dài hạn. Giá báo một năm đã

tăng lên US\$35. Niên liễm hội viên ủng hộ vẫn là \$50. Các tác giả cũng nhìn thấy giá trị hình thức và nội dung Cổ Thơm nên không những gửi sáng tác mà còn ủng hộ in ấn, cước phí gửi báo nữa. Từ 150 trang Cổ Thơm tăng lên 200 có khi lên tới 210 trang chữ nhỏ và chỉ giữ 6 thân chủ quảng cáo trực tiếp ủng hộ mà thôi. Từ bìa hai màu lên bìa bốn màu. Vì nhiều người nhắc nhở rằng tờ báo này bán \$6, tờ báo kia bán \$7 mà sao báo Cổ Thơm nội dung phong phú và hình thức mỹ thuật như vậy lại bán rẻ thế, nên giá báo được lên \$7. Cổ Thơm là một tờ báo khiêm nhường, bất vụ lợi chỉ có mục đích phụng sự văn học Việt Nam hải ngoại và độc giả yêu văn chương nghệ thuật.

Nhiều năm về trước, tôi thường theo Nhà Văn Trương Anh Thụy và Biên Khảo Gia Nguyễn Ngọc Bích đem sách báo ra bán ở Chợ Tết của Hội Cao Niên và Cộng Đồng. Tết Việt Nam ở vùng Hoa Thịnh Đốn vào mùa đông lạnh giá, rét mướt. Dù mưa rơi, tuyết đổ tôi cũng kéo lê một *suitcase* nhỏ với báo và sách của các tác giả Cổ Thơm vào chợ bày bán bên cạnh bàn của Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ và Cành Nam. Bán chẳng được bao nhiêu, vì báo Cổ Thơm không có khổ lớn và bìa báo không màu mè hấp dẫn để trang hoàng nhà cửa ngày Tết. Các tác giả Cổ Thơm cũng ít có sách mới. Nhưng tôi vui với không khí chợ Tết ồn ào, náo nhiệt, chào hỏi ông đi qua bà đi lại, người quen, kẻ thuộc, và tìm một chút hương vị quê hương. Năm nào Ngọc Dung cũng có một tấm hình kỷ niệm bên bàn bán sách

báo với chị Trương Anh Thụy và anh chị Nguyễn Ngọc Bích. Nhưng mấy năm gần đây Ngọc Dung đã đầu hàng việc bán sách báo chợ Tết, nhưng vẫn đưa con cháu đi để giữ phong tục quê hương.

May mắn thay, vài năm nay có Tiệm Washington Music trong Trung Tâm Thương Mại Eden nhận bán sách báo cũng khá cho Cơ Sở Cổ Thơm. Hầu hết các tác giả quanh đây, các nhà xuất bản như Cành Nam, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ, Tiếng Quê Hương ở Virginia đều gửi sách bán tại Tiệm Washington Music. Cảm ơn Ông Bà chủ tiệm sách báo duy nhất trong vùng Hoa Thịnh Đốn. Phải là người có máu văn nghệ mới làm dịch vụ này không lợi lộc là bao.

Xem như thế, gánh vác một tạp chí văn học, trước tiên phải có tâm hồn yêu văn chương, phải có đầu óc và con mắt nghệ thuật, tự điều khiển tờ báo. Sau đó là sự kiên nhẫn, hy sinh cả thời giờ và đôi khi cả tiền bạc. Tờ báo bất vụ lợi, ít quảng cáo, không nuôi được ban trị sự mà trái lại ban trị sự phải tìm cách nuôi tờ báo. Đã có nhiều tờ báo phải đình bản vì đã bị computer, internet, website cướp mất độc giả. Chỉ một số ít độc giả trên 5, 6 chục tuổi còn đọc sách báo Việt. Vì vậy làm báo không phải là chuyện mua danh chủ nhiệm, chủ bút để làm dáng, mà là một trách nhiệm sống còn.

Để có dịp gặp gỡ gây tình thân thiết và cảm ơn các tác giả, mỗi lần có báo, Cổ Thơm lại họp nhau ăn uống giản dị, chuyện trò thân mật, phân phối báo, khi ở nhà này, lúc sang nhà khác. Mỗi dịp Tết

tôi lại mời bà con ta đến họp tại toà soạn để vừa chúc tụng nhau vừa xin tiền lì xì (tiền ủng hộ hằng năm), để có đủ ngân quỹ in ấn và gửi báo cho năm mới. Khi còn sinh tiền, Nhạc sĩ Nhật Bằng, Nhạc sĩ Nguyễn Túc bao giờ cũng có mặt giúp vui với phím dương cầm hào hứng cho các ca sĩ Cổ Thơm tại tư gia Chủ Nhiệm. Tôi mua cái đàn cũ và cho “tune up” cũng chỉ vì những cuộc hội họp Cổ Thơm.

Dân số gia đình tôi cũng sinh sôi nảy nở mới đầu có sáu mạng. Sau thêm một rể, hai dâu, sau thêm hai cháu ngoại, hai cháu nội. Cái phòng ăn nhà tôi trở nên chật chội. Phòng khách cũng thành nhỏ hẹp với những buổi hội họp Cổ Thơm. Tôi đã nảy ra ý định làm một phòng kiếng nơi rộng phòng khách và cũng là phòng chứa cây mùa đông. Một kiến trúc sư đã vẽ kiểu phòng có kiếng trên trần và ba mặt tường rồi gọi thợ thực hiện mục đích một công đôi ba chuyện của Chủ Nhiệm.

Mỗi năm Cổ Thơm vẫn giữ truyền thống tổ chức một buổi kỷ niệm sinh hoạt văn học tại nhà hàng vào mùa hoa anh đào Hoa Thịnh Đốn, trước là để cảm ơn các độc giả, tác giả, các vị ân nhân quảng cáo hội viên, sau là gây quỹ thêm chút đỉnh. Nhiều thân hữu lo ngại những buổi họp mặt Cổ Thơm ở nhà hàng bị lỗ lỗ vì giá vé rất khiêm nhượng, chỉ mời trong vòng thân mật và chỉ có “ca sĩ Cổ Thơm” và thân hữu trong trong vùng. Số bàn và quan khách có chừng mực để giữ không khí thoải mái, nhẹ nhàng. Nhưng mọi người đều ngạc nhiên, Cổ Thơm không có lời

bao nhiêu, nhưng chưa bao giờ thiếu hụt chi thu cả. Hên thật là hên!

Vì cái chuyện làm báo mà vài bà đã “sịt” Ngọc Dung ra ngoài nhóm bạn. Có gì đâu, trước kia Ngọc Dung thường mời mọc bạn bè đến nhà ăn uống, ca hát, nhảy nhót đều đều. Nhưng từ khi có hai tác phẩm, Ngọc Dung được gọi là nhà văn, rồi lại làm Chủ Nhiệm Cỏ Thơm mới đáng ghét chứ! Nhưng Ngọc Dung vẫn phải lo việc nội trợ *full time*, vừa là vú bà coi hai cháu nội mỗi tuần 2 ngày từ lúc chúng sơ sinh cho đến khi chúng 10 tuổi. Sức lực có hạn, và nhà cửa dù không nhỏ, cũng chẳng lớn gì, Chủ Nhiệm chỉ mời được các thân chủ quảng cáo, các độc giả, các tác giả để cảm tạ sự ủng hộ của họ. Nên Ngọc Dung không thể mời hết những người không là độc giả Cỏ Thơm. Nên quý bà lấy cớ rằng bây giờ Ngọc Dung chỉ thích “chơi” với nhà văn, nhà thơ thôi, nên nghỉ chơi Ngọc Dung ra.

Nhưng rồi thời gian trôi qua, người thì ly dị, người thì chồng đau ốm, người thì chính bản thân lết bết ốm đau. Có người bỏ bạn bè, mặc áo cà sa, không biết có thực sự bỏ được tham sân si không? Các cụ cao niên hết cả rồi, cũng không làm được cái việc đái đàng ở nhà, không kết bè kết đảng được nữa, thỉnh thoảng lôi nhau ra tiệm, ai ăn trả tiền người đó. Cũng như Cỏ Thơm không mời được tất cả tác giả, độc giả và thân hữu ở toà soạn nên mỗi năm một lần tổ chức họp mặt ở nhà hàng và bán vé mời tham dự mà thôi.

Việc Cỏ Thơm tổ chức tiệc sinh nhật hằng năm ở nhà hàng Trung Hoa cũng có người nói rằng không thích ăn cơm tàu nên không thích dự. Vợ vẫn thật! Ai cũng hiểu

đó không phải là lý do chính để người ta từ chối. Hội họp dăm ba người, ngồi lê đôi mách, nói chuyện tào lao và ăn cho sướng miệng, cho phì nộn, mông tròn, bụng bự, thì tha hồ chọn tiệm ăn nào cũng được. Trong vùng Thủ Đô Hoa Kỳ này có nhà hàng Việt Nam nào lớn chứa nổi 300 người trở lên không? Các hội đoàn lớn mượn tổ chức tiệc tùng hội họp, gây quỹ làm việc thiện, hoạt động chính trị chống cộng, đòi hỏi nhân quyền cho Việt Nam đều phải kiếm nhà hàng Trung Hoa! Người Cỏ Thơm không tổ chức hội họp lớn chỉ để ăn. Báo Cỏ Thơm không là một hội đoàn lớn, nhưng cũng cần một nhà hàng rộng rãi, thoải mái để gặp gỡ, cảm tạ đồng đảo tác giả, độc giả, thân hữu đã và đang ủng hộ mục đích bảo tồn văn học Việt Nam ở hải ngoại của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Tôi viết ra chuyện trên để vui cười thôi, nhưng có một chuyện thật đáng buồn cũng muốn nói ra cho hết buồn. Nguyễn Thị Ngọc Dung làm báo được vài năm thì trong vùng bỗng xuất hiện một nhà thơ nữ cùng tên không thừa, không thiếu một chữ nào. Nếu bà ta ở tiểu bang khác xa xôi thì không nói làm gì. Nhưng đây bà ta ở ngay cùng một County, cùng trong một nhóm văn, thơ quen biết tôi. Người ta nói, *tên cha mẹ đặt ra thì có quyền dùng chứ*. Vẫn biết thế, nhưng thiếu gì người không dùng tên thật của mình mà lấy bút hiệu như các nhà thơ Vi Khuê, Quỳnh Anh, Ý Anh... Các nhà văn tiền bối Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo đâu có dùng tên thật, những nhà văn nổi tiếng Mai Thảo, Thanh Nam,

Uyên Thao, Hồ Trường An... đều dùng bút hiệu mà họ vẫn nổi tiếng đó!

Thử hỏi nếu có cô ca sĩ nào mới ra lò mà lấy tên Ý Lan, Lệ Thu, Khánh Hà thì những ca sĩ nổi danh này và các thính giả nghĩ sao?

Vài lần tôi nhận được thư cảm ơn của những người được bà nhà thơ mới NTND đó tặng sách. Tôi phải lôi cả tiểu sử của tôi ra và viết thư cải chính. Bạn của bà nhà thơ trùng tên với tôi, không khuyên bà ta đổi bút hiệu mà bảo tôi kèm theo tên ông chồng tôi vào tên tôi làm bút hiệu. Giai thoại này có thể viết thành một truyện ngắn, nhưng tôi kèm ngón tay chỉ viết vài dòng nhẹ nhàng vì chuyện hãn hữu này đã xảy ra trong thời gian làm báo của tôi. Đôi khi thư từ với những nhân vật ở xa và lạ, tôi phải như khoe điều mà tôi không muốn, ký tên kèm với tiêu đề một trong mấy tác phẩm của tôi hay tên Báo Cỏ Thơm để người ta biết tôi không phải là nhà thơ mới NTND kia.

Một hôm đi tham dự một buổi sinh hoạt trong cộng đồng, tôi dừng lại chào hỏi vài người quen, tôi chợt nhận ra bà nhà thơ kia ngồi cùng bàn. Tôi cũng chào hỏi bà ta cho đủ phép lịch sự. Bà ta chào lại tôi và nói thêm rằng:

- “Nhiều lần em muốn chào chị, nhưng em thấy chị nghiêm quá, em không dám.”

Tôi cười nhẹ, nhìn người đàn bà trông có vẻ hiền lành, khả ái và cùng tên với mình:

- “Hai cô ca sĩ cùng tên trong một vùng thì làm sao coi nhau bình thường được. Tôi rất tiếc.”

- “Em không muốn, nhưng người ta xúi em đó chị ạ.”

Tôi không ngạc nhiên về câu trả lời của bà ta, nhưng ngạc nhiên bà ta tự nói ra câu đó. Tôi nén tiếng thở dài và bắt tay bà ta:

- “Đời là thế mà. Thôi chuyện đã lỡ rồi, lần sau gặp lại, mình cứ chào hỏi nhau nhé.”

Nhưng tôi không còn gặp lại người đàn bà cùng tên với tôi. Vì chỉ ít lâu sau một người bạn điện thoại cho tôi hay bà NTND đó đã qua đời rồi. Tôi giật nảy mình, choáng váng, lạnh toát người, như mình vừa rớt xuống vực thẳm chết đi sống lại. Vì cái cảm tưởng sợ hãi này, tôi không dám đi thăm viếng tang lễ bà NTND như thường vẫn đi chào vĩnh biệt các văn thi thân hữu qua đời. Vài người quen biết ở xa đọc tin chia buồn, phân ưu này cũng đều nói họ “hết hồn”, “hú vía” cho Nguyễn Thị Ngọc Dung tôi... Thôi thì một lần viết vài dòng về chuyện buồn này và cũng là vĩnh biệt người cùng tên, cùng làm thơ trong vùng.

Bây giờ xin chuyển sang chuyện vui. Có độc giả ở xa xôi lắm, chủ nhiệm chẳng quen biết gặp gỡ bao giờ, đã gửi cho Cỏ Thơm một cái thư khen ngợi thật nhiệt tình kèm theo cái check lớn. Chủ nhiệm lo quá, không biết báo có sống được 3 năm không đây! Nhưng Cỏ Thơm đã gửi biểu vị độc giả này hơn 15 năm báo vẫn chưa hết số tiền đó.

Một độc giả khác đau ốm kinh niên, sinh sống bằng tiền trợ cấp xã hội, nhưng vẫn chất chiu mua Báo Cỏ Thơm và ủng hộ vài báo khác. Cỏ Thơm từ chối nhận tiền và gửi báo biểu, con một sách yêu văn chương

đó vẫn nhất định gửi tiền mua báo Cỏ Thơm dài hạn từ bao nhiêu năm nay.

Có những vị độc giả chỉ chờ đến ngày nhận được Báo Cỏ Thơm và đọc đi đọc lại chậm rãi đủ chiều dài ba tháng để đợi báo mới. Thỉnh thoảng Cỏ Thơm lại nhận được chi phiếu mua báo cũ vì độc giả cho mượn báo và bị mất. Cỏ Thơm cũng nhận không ít những thư từ, những *email* khen ngợi. Đó cũng là cái công của các tác giả đã đóng góp bài vở làm nên nội dung Cỏ Thơm giá trị và được độc giả mến chuộng. Nguyễn Thị Ngọc Dung hứng khởi tiếp tục làm báo Cỏ Thơm cũng vì những phần thưởng quý báu này.

Người Cỏ Thơm không những yêu văn học, nghệ thuật, cũng yêu cả ca nhạc và văn nghệ. Qua sự giới thiệu của Thái Phượng một con chim họa mi của gia đình cụ nữ sinh Trường Trưng Vương cũ của tôi, Báo Cỏ Thơm mời được Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng làm trưởng ban văn nghệ cho những buổi họp mặt lớn ở nhà hàng. Hiền thê của anh là Tâm Hảo cũng là một cây ca hát, cộng thêm các nghệ sĩ đã cộng tác từ trước là Thái Phượng, Bạch Mai, Loan Phượng, Kiều Nga... Sau đó Phan Anh Dũng mời được Nhạc Sĩ Vĩ Cầm Đàm Xuân Linh, Nhạc Sĩ Hoàng Cung Fa, con trai của cố Nhạc Sĩ Hoàng Trọng với cây keyboard gỗ ghê nhất Thủ Đô. Hoàng Cung Fa đã phổ nhạc bài thơ “*Mùa Thu Xưa*” của Nguyễn Thị Ngọc Dung và tự ca, tự đàn CD thật tuyệt vời. Người đẹp Danh Ca Thái Ninh và giọng ca vàng Hoàng Tiếp đến từ Richmond, Thủ Phủ của Virginia, cũng tham gia văn nghệ trong những buổi

họp mặt lớn của Cỏ Thơm tại nhà hàng. Gần đây, đôi uyên ương Ca Sĩ Đèo Văn Sách và Kim Phụng cũng đến với Cỏ Thơm với tinh thần ủng hộ viên. Quý vị nghệ sĩ rất có công trong những sinh hoạt văn học lớn nhỏ của Cỏ Thơm.

Hằng năm trong buổi kỷ niệm sinh nhật Cỏ Thơm được tổ chức tại nhà hàng, Nhạc Sĩ Phan Anh Dũng mời thêm được nhiều nghệ sĩ thân hữu trong vùng tham gia. Anh xếp đặt chương trình văn nghệ và tập dượt ca hát rất cẩn thận cho các ca sĩ mà Phan Anh Dũng cũng trong số đó. Ngoài ra, anh cũng viết lời giới thiệu từng bản nhạc cho Ca Sĩ MC Thái Phượng và Đàm Xuân Linh, một cây vĩ cầm điêu luyện của Cỏ Thơm.

Từ bao năm nay, Nhà Thơ Phan Khâm vừa là người bán vé nhiều nhất vừa giữ nhiệm vụ làm nghi lễ chào cờ mặc niệm khai mạc những buổi sinh nhật Cỏ Thơm. Khi anh vừa cất giọng sang sảng như lệnh võ, hô quân, cả hội trường đứng lên cái rụp và phăng phắc nghiêm chỉnh hướng về hai lá cờ Hiệp Chúng Quốc và lá cờ vàng ba sọc đỏ của Việt Nam Cộng Hòa. Tôi vẫn tự hào, tôi chỉ định đứng nhiệm vụ cho Nhà Thơ Phan Khâm, không ai thay thế được.

Nhà Thơ Ý Anh Đỗ Tràng Mỹ Hạnh là thân ngân viên ngồi bàn ngoài cửa thu tiền vé và ghi tên quan khách trả. Có một lần tôi quên không mang theo quyển *check* riêng của mình. Nhà hàng không muốn lấy *Credit Card* vì họ phải trả thêm mấy phần trăm nữa cho *Credit Card*. Check book của Cỏ Thơm thì làm sao đủ để chi nhà hàng được. Mỹ Hạnh và tôi phải vừa đếm tiền giấy vừa đếm checks của quan khách và của Cỏ Thơm để

trả nhà hàng. Tôi ít khi phải tính một món tiền lớn nên lưỡng cuống, đếm không được. Mỹ Hạnh đứng cạnh và bình tĩnh lo giùm tôi việc này. Từ đó, Tổng Thư Ký làm luôn nhiệm vụ kế toán, thủ quỹ cho các buổi tiệc của Cổ Thơm.

Người nhạc sĩ Trưởng Ban Văn Nghệ của Cổ Thơm, ngoài tài năng ca hát, âm nhạc, đàn guitar, Phan Anh Dũng rất giỏi về Microsoft Word. Các tác giả gửi bài tới Cổ Thơm đủ các dạng chữ, bộ chữ. Chị Trương Anh Thụy và tôi cứ phải hỏi Phan Anh Dũng đổi chữ từ DOS, VNU, VPS sang VNI và ngược lại. Học mãi mà làm vẫn không xong, có khi phải nhờ ông nhạc sĩ Cổ Thơm đổi giùm luôn cả bài viết. Thế là Phan Anh Dũng bị Cổ Thơm động

viên thành Cố Vấn Kỹ Thuật từ số báo 33, mùa đông 2005.


May mắn, từ vài năm nay VNI có program tự động đổi chữ, người trình bày chỉ việc bấm con chuột vào tên chữ muốn đổi, trong nháy mắt toàn bài từ VPS biến thành VNI hay Unicode và ngược lại. Tôi vẫn trình bày báo Cổ Thơm với chữ VNI, vì bộ chữ này có nhiều kiểu chữ đẹp. Nhưng khi muốn gửi bài thơ, bài viết vào email tôi phải in sang PDF hay đổi sang Unicode, nhưng cũng rất dễ dàng, nhanh chóng. Cảm ơn các siêu kỹ thuật gia đã biến chế ra cách đổi chữ tài tình này.

(Còn tiếp)

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB
NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

CELL: (703) 598-6374

“Hoàng Sa, Trường Sa Quần Đảo Quê Ta” và “Trường Sa, Lương Tri Thế Giới”

Phan Anh Dũng

Đầu tháng 5, 2014 Biển Đông lại dậy sóng! Những tin tức nóng bỏng hầu như mỗi ngày đã gây phẫn nộ và quan tâm lớn cho người Việt Nam trong nước cũng như khắp nơi trên thế giới khi Trung Quốc đã ngang nhiên đưa giàn khoan dầu HD-981 đến gần quần đảo Hoàng Sa (hiện tại trực thuộc về phương diện hành chính của thành phố Đà Nẵng), cách đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi khoảng 120 hải lý. Hải quân của Trung Quốc cũng dùng nhiều tàu chiến tiếp tục đàn áp ngư dân và tàu bè của Việt Nam trong khu vực này. Trong vòng vài năm nay, ngoài Việt Nam, Trung Quốc đã có những tranh chấp không hòa nhã với các quốc gia lân cận về biển đảo như: Nhật Bản, Đài Loan, Phi Luật Tân, Mã Lai, Nam Dương ...

Ngược dòng thời gian, ngày 19 tháng 1 năm 1974, Trung Quốc đã dùng sức mạnh quân sự để tấn công và chiếm giữ quần đảo Hoàng Sa. Các chiến sĩ Hải Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa kiên cường nối tiếp truyền thống của cha ông nhất định chống giặc ngoại xâm dù ở thế yếu. 74 chiến sĩ đã anh dũng hy sinh cùng Hạm trưởng Ngụy Văn Thà và Hạm phó Nguyễn Thành Trí.

Trận hải chiến này gợi nhớ đến những chiến tích oai hùng như trận Hàm Tử diệt Toa Đô (1285), trận Bạch Đằng nhấn chìm Ô Mã (1288) ... mà tiền nhân đã hiển hách đạt được qua bao triều đại sáng ngời đến nghìn thu. Ngày xưa, vua Lê Thánh Tôn truyền xuống lời thề giữ nước ghi trong Đại Việt sử ký rằng: “*Một tấc đất biên cương*

của Thái tổ để lọt vào tay giặc là có tội muôn đời với tổ tiên”. Qua bao triều đại Lý, Lê, Trần, Nguyễn, xã tắc có lúc cường, lúc nhược, song hào kiệt nước Nam đời nào cũng có trang tuấn kiệt, anh thư ra gánh vác giang sơn. Cho nên từ xa xưa, thế nước lòng dân chưa bao giờ đánh mất nền tự chủ cùng sự toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải.

Vào những ngày đầu năm 2014, một người bạn gởi tặng tôi ca khúc “Trường Sa, Lương Tri Thế Giới” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông, sáng tác từ Sài Gòn, do Ban Hợp Ca Xuân Diễm ở California, Hoa Kỳ thực hiện. Đây cũng là thời điểm Cộng đồng Việt Nam ở khắp nơi trên thế giới lên tiếng phản đối mạnh mẽ chống quân xâm lược, nhất loạt cử hành lễ tưởng niệm anh linh của các tử sĩ trong trận hải chiến Hoàng Sa, làm dậy lên tinh thần quật khởi từ hải ngoại đến nhân dân trong nước, với quyết tâm lấy lại Hoàng Sa, kêu gọi lương tri thế giới cho sự bảo toàn biển đảo Trường Sa của Việt Nam nói riêng và vùng biển Đông nói chung của những quốc gia thuộc Đông Nam Á, trước mưu đồ xâm chiếm của Trung Quốc.

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông (cựu Đại Tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cũng là tác giả của các ca khúc nổi tiếng trước 1975 như: Chiều Mưa Biên Giới, Sắc Hoa Màu Nhớ, Hàng Hàng Lốp Lốp, Nhớ Một Chiều Xuân, Mây Dặm Sơn Khê...) không thể đứng đưng trước hoàn cảnh hiểm nguy của đất nước và ông đã sáng tác bản “Trường Sa, lương tri thế giới”, kêu gọi toàn dân đứng lên đáp lời sông núi:

“Tiếng sóng biển Đông lương tri thế giới.
 Tiếng hát Trường Sa tuôn qua sóng gió.
 Dân nước ta dòng hùng anh, sóng núi ta từ
 ngàn năm,
 trang sử xanh oai hùng anh dũng diệt ngoại xâm.
 Còn nghe sóng Bạch Đằng reo vang, còn
 nghe vó ngựa dồn Chi Lăng,
 Trang sử vàng nghìn thu ngợi sáng hồn quân Nam.
 Còn nghe trống Ngọc Hồi Quang Trung, còn
 hương phấn Nhị Hà Trưng Vương,
 Luôn nâng đầu đập sóng dữ cho an nhà Nam.
 Trường Sa ơi! Đường ta đi chân lý rạng ngời
 trong tim.
 Hoàng Sa ơi! Tiền nhân ta vun đắp bằng bao
 xương máu.
 Biển đảo ấy là trái tim ta, tác đất ấy nhuộm
 máu ông cha,
 cho biển trời Tổ quốc vươn xa tươi đẹp quá.
 Hãy thấp sáng bằng lửa tim ta. Hãy đánh
 thức lời lẽ điêu ngoa,
 cho thấy lại đạo lý lương tri đường ta đi.
 Hồn sóng núi dáng đứng đất nước bên bờ
 biển Đông.
 Thuyền ra khơi ta đi mang theo hồn thiêng
 sông núi.
 Trong phong ba bão táp sấm sét tiến lên
 không lui.
 Cát cao ngọn cờ Tổ quốc Trường Sa yêu.
 Đã thấy rồi lòng dân hôm nay, đã thấy ngày
 bàn tay trong tay,
 Tiếp bước đường tiền nhân chung xây nhà
 Nam ta.
 Tổ quốc ơi! Uy linh xưa trong tim ta.
 Trường Sa ơi!”

Nhạc sĩ Trần Chí Phúc, cư ngụ ở San Jose, California, xúc động vì công an đã đàn áp, bắt bớ người dân ở Sài Gòn và Hà Nội trong buổi biểu tình đầu tiên ngày 9 tháng 12 năm 2007, phản đối Trung Quốc thành lập cơ quan hành chính để quản lý Hoàng Sa và Trường Sa. Anh tâm sự:

"Trước sức mạnh của Trung Quốc về mọi mặt: dân số, kỹ thuật, kinh tế, quân sự và với tư tưởng Đại Hán lúc nào cũng muốn xâm chiếm và đồng hóa các nước lân cận thì số phận của Việt Nam thật nguy hiểm. Và xét cho cùng thì chỉ có toàn dân đoàn kết một lòng, quyết tâm gìn giữ đất đai, biển đảo và cả vùng trời thân yêu thì may ra sống sót! Biển và đảo không thể tách rời tổ quốc Việt Nam. Nếu để mất biển và đảo trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa thì dân tộc Việt Nam sẽ dần dần bị diệt vong."



Từ lúc đó, anh đã sáng tác một số ca khúc về Biển Đông như: “Trường Sa, Hoàng Sa Quần Đảo Quê Ta” (2007), “Ngụy Văn Thà, Lỗi Thề Chiếm Lại Hoàng Sa”, “Nếu Tổ Quốc Mai Nay Không Còn Biển”, “Biển Một Bên Và Em Một Bên”... và mới nhất là bài “Ngư Dân Bám Biển (2013).

Nhạc và lời bản “Trường Sa, Hoàng Sa Quần Đảo Quê Ta” Trần Chí Phúc soạn ngắn, gọn nhưng hào hùng để hát đồng ca trong các cuộc biểu tình:

*“Trường Sa, Hoàng Sa là quần đảo quê ta
Trường Sa, Hoàng Sa: còn dấu vết ông cha
Trường Sa, Hoàng Sa: vùng biển lớn bao la
Lời Tổ Quốc thiết tha: con cháu giữ gìn!*

*Này anh em ơi, này đồng bào ơi
Cùng nhau hiên ngang, ta đứng lên bảo vệ
biển đảo*

*Này anh em ơi, này đồng bào ơi
Ta đứng lên, dành lại quần đảo thân yêu*

*Ta quyết giữ Hoàng Sa
Ta quyết giữ Trường Sa
Đập tan quân xâm lấn*

*Ta quyết giữ Hoàng Sa
Ta quyết giữ Trường Sa
Quần đảo quê hương Việt Nam”*

Tổ quốc là trên hết, qua bao triều đại hay chánh thể, dù chính kiến có khác nhưng muôn đời trách nhiệm bảo toàn chủ quyền đất nước vẫn là sứ mạng thiêng liêng chung của toàn dân tộc. Mời quý vị thưởng thức hai bản nhạc:

1/ “Trường Sa, Lương Tri Thế Giới” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông
Link để nghe nhạc do ban hợp ca Xuân Diêm trình bày:

<http://cothommagazine.com/nhac1/NguyenVanDong/TruongSaLuongTriTheGioi-NVDong-BanHopCaXuanDiem.mp3>

2/ "Trường Sa, Hoàng Sa, Quần Đảo Quê Ta" của nhạc sĩ Trần Chí Phúc
Link để nghe nhạc do ban hợp ca vùng Hoa Thịnh Đốn trình bày:

<http://cothommagazine.com/nhac1/TranChiPhuc/HoangSaTruongSaQuanDaoQueTa-TCP-HopCaHTD.mp3>

Phan Anh Dũng

Richmond, Virginia USA – 2 tháng 6, 2014



Phan Anh Dũng

- Phó Chủ Nhiệm đặc trách Ngoại Vụ, trong Ban Biên Tập của Cơ Sở Cỏ Thơm
- Chủ biên website Cỏ Thơm:
www.cothommagazine.com
- Sinh quán: Sài Gòn, Việt Nam.
- Cựu học sinh Trường Trung Học Petrus Trương Vĩnh Ký, Sài Gòn
- Tốt nghiệp Kỹ Sư Điện Tử tại Đại Học State University of New York at Buffalo.
- Làm việc trên 30 năm cho công ty Philip Morris USA.
- Đã tham dự nhiều hoạt động thiện nguyện có tính cách văn hóa và từ thiện từ lúc còn sinh viên.
- Trong ban tổ chức các buổi trình diễn âm nhạc trong vùng Hoa Thịnh Đốn như: buổi hòa nhạc Ode To Freedom với Nhà Soạn Nhạc Lê Văn Khoa và ban nhạc giao hưởng Kiev Symphony Orchestra; buổi nhạc thánh phòng mùa Thu với nhạc sĩ Thanh Trang và Ngô Thụy Miên; buổi chiều nhạc “Vũ Đức Nghiêm, nửa thế kỷ viết ca khúc”; và gần đây nhất: giới thiệu dòng nhạc của nhạc sĩ Trần Chí Phúc tại buổi họp mặt sinh nhật lần thứ 19 của Cỏ Thơm ...
- Sở thích: Sáng tác nhạc, thơ, văn, biên khảo và tiếp xúc các nghệ sĩ Việt Nam bốn phương.
- Hiện cư ngụ tại Richmond, Virginia USA
- Email: dathphan1@gmail.com

Trường Sa, lương tri thế giới

Nhạc và Lời : NGUYỄN VĂN DÔNG

Nhịp di hùng mạnh

The musical score is written on ten staves of a grand staff (treble and bass clefs). The tempo is marked 'Nhịp di hùng mạnh'. The lyrics are in Vietnamese and describe the significance of Trường Sa (Spratly Islands) and Hoàng Sa (Prata Islands) as symbols of justice and national sovereignty. The lyrics are: 'Tiếng sóng biển Đông lương tri thế giới, tiếng hát Trường Sa tuôn qua sóng gió. Dân nước ta dòng hùng anh, sông núi ta từ ngàn năm trang sử xanh oai hùng anh dũng diệt ngoại xâm. Còn nghe sóng Bạch Đằng reo vang còn nghe vó ngựa đồn Chi Lăng, trang sử vàng nghìn thu ngợi sáng hồn quân Nam. Còn nghe trống Ngọc Hồi Quang Trung, còn hương phấn Nhị Hà Trưng Vương, luôn ngân đầu đập sóng dữ cho an nhà Nam. Trường Sa ơi! Đường ta đi chân lý rạng ngời trong tim. Hoàng Sa ơi! Tiên nhân ta vun đắp bằng bao xương máu. Biển đảo'.

Hịch Lý Thường Kiệt:

2

"Nam Quốc sơn hà nam đế cư
"Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
"Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
"Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Ấy là trái tim ta, tấc đất ấy nhuộm máu ông cha cho biển
...sáng bằng lửa tim ta. Hãy đánh thức lời lẽ điều ngoa, cho thấy

trời Tổ quốc vươn xa tươi đẹp quá Hãy thấp...
lại đạo lý lương tri đường ta...

...đi. Hồn sông núi dâng đứng đất nước bên bờ biển Đông.

Thuyền ra khơi ta đi mang theo hồn thiêng sông núi. Trong phong

ba bão táp sấm sét tiến lên không lui. Cất cao ngọn cờ Tổ

quốc Trường Sa yêu. Đã thấy rồi lòng dân hôm nay, đã thấy

ngày bàn tay trong tay, tiếp bước đường tiền nhân chung xây nhà Nam

ta. Tổ quốc ơi! uy linh xưa

trong tim ta, Trường Sa ơi!

Hoàng Sa, Trường Sa quần đảo quê ta

Lời & Nhạc: Trần Chí Phúc

The musical score is written in G minor (one flat) and 4/4 time. It consists of seven staves of music with lyrics underneath. The first staff begins with a Gm chord and a triplet of eighth notes. The lyrics are: "Hoàng Sa, Trường Sa là quần đảo quê ta Hoàng Sa, Trường Sa còn dấu vết Ông Cha. Hoàng Sa Trường Sa vùng biển lớn bao la, lời tổ quốc thiết tha con cháu giữ gìn. Đây anh em ơi, này đồng bào ơi, cùng nhau hiên ngang ta đứng lên bảo vệ biển đảo. Đây anh em ơi, này đồng bào ơi, ta đứng lên đánh lại quần đảo thân yêu. Ta quyết giữ Hoàng Sa, ta quyết giữ Trường Sa, đập tan quân xâm lấn. Ta quyết giữ Hoàng Sa, ta quyết giữ Trường Sa, quần đảo quê hương Việt Nam". The score includes various musical notations such as triplets, slurs, and rests.

Hoàng Sa, Trường Sa là quần đảo quê ta Hoàng Sa, Trường Sa còn dấu vết Ông
Cha. Hoàng Sa Trường Sa vùng biển lớn bao la, lời tổ quốc thiết tha con cháu giữ
gìn Đây anh em ơi, này đồng bào ơi, cùng nhau hiên ngang ta đứng
lên bảo vệ biển đảo Đây anh em ơi, này đồng bào ơi, ta đứng
lên đánh lại quần đảo thân yêu Ta quyết giữ Hoàng Sa, ta quyết giữ Trường Sa, đập
tan quân xâm lấn Ta quyết giữ Hoàng Sa, ta quyết giữ Trường Sa, quần đảo quê hương Việt
Nam

DÒNG NHẠC TRẦN CHÍ PHÚC NÔNG NÀN BUỔI HỌP MẶT CỔ THƠM MÙA HÒA ANH ĐÀO 2014

Nguyễn Hoa

Buổi trưa chủ nhật 30-3-2014 tại nhà hàng Harvest Moon khoảng 300 quan khách đã đến dự buổi tiệc họp mặt hàng năm lần thứ 19 của tam cá nguyệt san Cỏ Thơm, một cơ sở văn học nghệ thuật có sự cộng tác của nhiều nghệ sĩ thuộc lãnh vực: văn, thơ, nhạc, họa, nhiếp ảnh... Đặc biệt năm nay Cỏ Thơm giới thiệu dòng nhạc đa dạng của nhạc sĩ Trần Chí Phúc gồm 12 ca khúc với những tiếng hát đặc sắc của vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Nhà thơ Phan Khâm, Phó Chủ Nhiệm đặc trách nội vụ của Cỏ Thơm, mở đầu chương trình với phần nghi lễ chào quốc kỳ Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa và một phút mặc niệm. Kể đến nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, Chủ nhiệm Cỏ Thơm cảm ơn quan khách tham dự, các văn nghệ sĩ đã đóng góp bài vở từ 19 năm qua và tưởng nhớ đến những văn nghệ sĩ đã khuất bóng. Nhà văn Nguyễn Lân đặc biệt tặng chị Ngọc Dung một bó hoa thật đẹp để ghi nhận những đóng góp vô vụ lợi và lèo lái con thuyền Cỏ Thơm với nhiều kết quả tốt đẹp trong nhiều năm qua.

Sau khi quan khách xong buổi tiệc trưa, giọng ngâm thơ Bạch Mai, tiếng sáo Vũ Phương, tiếng hát Loan Phượng, Hiếu Thuận và Như Hương đã trình bày một số bài thơ và nhạc phổ thơ của “người Cỏ Thơm”.

Phần trình diễn những bài hát mang chủ đề quê hương và tình yêu của Trần Chí Phúc gây ấn tượng với 3 bản hợp ca gồm: *Cám On Tấm Lòng Thế Giới*, nói lên sự biết ơn của thuyền nhân Việt Nam về lòng nhân ái của những quốc gia, tổ chức và cá nhân đã nhận định cư và giúp đỡ trong những bước đầu trên xứ người; bản *Cờ Vàng Bay Trên Thành Phố Lưu Vong*, ca ngợi lá cờ vàng ba sọc đỏ, biểu tượng của cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại và bản *Hoàng Sa, Trường Sa Quân Đảo Quê Ta* (Xướng ngôn viên Thanh Trúc được mời giới thiệu ca khúc này mà cô thường cho phát thanh trên đài Á Châu Tự Do – RFA - khẳng định chủ quyền biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa của dân tộc Việt Nam).

Xen kẽ là những bài hát tình yêu nhẹ nhàng gồm: *Hoa Ngọc Anh Nở Chưa Em* (tiếng hát Như Hương); *Thu Tiên Người* (tiếng hát Tâm Hào); *Tà Áo Dài Quê Hương* (tiếng hát Xuân Thương) có phụ diễn các tà áo dài cùng chiếc nón lá của thiếu nữ Jennifer Nguyễn và bằng hữu; *Tuy Hòa Quê Anh* (tiếng hát Hiếu Thuận) ca ngợi vùng đất sinh trưởng của người nhạc sĩ; *Chiều Winnipeg* (tiếng hát Thái Ninh) nơi tác giả đặt bước chân định cư đầu tiên năm 1979 ở Canada; *Mời Em Khiêu Vũ* (tiếng hát Sĩ Tuấn) với phần phụ diễn bước nhảy Tango của vũ sư Tuệ và Trúc Mai; *Mai Em Đi* (song ca Sĩ Tuấn và Thái Ninh); *Sài Gòn Một Thoáng 30 Năm* (song ca Trần Chí Phúc và Phan Anh Dũng với tiếng

đàn guitar của hai người và tiếng đàn vĩ cầm của nhạc sĩ Đàm Xuân Linh).

Trần Chí Phúc ôm đàn guitar hát tặng khán giả một bản nhạc mới nhất - *Tango Nhớ* - có mấy câu đáng ghi lại: "*Anh nhớ em như điên cuồng, giữa đêm khuya lái xe nhanh, chỉ có anh trên xa lộ buồn, đường thênh thang không biết đi đâu, đường nhà em đi không tới nơi.*"

Hai MC Thái Phụng và Đàm Xuân Linh giới thiệu các ca khúc với nhiều chi tiết thú vị như tác giả đã mời một người con gái đi vũ trường nghe nhạc mà bị từ chối nên buồn và viết bản *Mời Em Khiêu Vũ*. Phần

nhạc đệm cho chương trình văn nghệ do các nhạc sĩ: Nguyễn Bằng (Keyboard), Đinh Minh Tiến (kèn Saxo và lo âm thanh), tiếng vĩ cầm của Phạm Dương Hiền và Đàm Xuân Linh.

Với 300 quan khách tham dự gồm nhiều người trong giới văn nghệ sĩ và trí thức của cộng đồng Việt Nam tại thủ đô nước Mỹ đã nói lên uy tín và cảm tình được dành cho cơ sở Cỏ Thơm. Phần giới thiệu ca khúc của Trần Chí Phúc từ San Jose, California tạo thêm nét nghệ thuật cho buổi họp mặt hàng năm lần thứ 19 này.

Một điều cần ghi nhận là trời bỗng đổ



NS Trần Chí Phúc và nhóm bảo trợ "chuyến Đông du": Phan Anh Dũng & Tâm Hào, Nghiêm Thái Phụng, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Minh Châu, Ngọc Trinh, Phạm Văn Tuấn

tuyệt bất ngờ - tin thời tiết không dự báo - làm cho một số quan khách phải ra về sớm vì lo ngại lái xe đường xá khó khăn. Nhạc sĩ Phan Anh Dũng nói đùa rằng khi bản *Chiều Winnipeg* đang hát có câu "*Winnipeg lạnh lùng tuyết trắng xóa mênh mông*" thì tác giả đã mời gọi tuyết từ Canada đến vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, mặc dù đang bắt đầu mùa hoa anh đào nở!

Mười hai ca khúc của một tác giả được trình diễn trong một buổi tiệc họp mặt là một điều hiếm thấy. Nhạc sĩ Trần Chí Phúc cho biết lấy làm vinh dự và cảm động khi ngồi thưởng thức những bài hát của chính mình do

những tiếng hát, tiếng đàn đặc sắc tại vùng Thủ đô nước Mỹ trình diễn. Anh bày tỏ sự cảm ơn chân thành đến cơ sở Cỏ Thơm, những thân hữu và đặc biệt nhạc sĩ Phan Anh Dũng, Phó Chủ Nhiệm đặc trách ngoại vụ cũng là người đã ân cần chăm sóc và tổ chức chương trình ca nhạc đáng nhớ này.

Một số sách "*Một Thoáng 26 Năm*" của Trần Cung Sơn - bút hiệu của Trần Chí Phúc - và CD nhạc tuyển của tác giả được giới thiệu trong buổi họp mặt âm cúng đầy tình nghệ sĩ này.

Nguyễn Hoa



Thái Phượng, Phan Anh Dũng, Sỹ Tuấn, Trần Chí Phúc

LỜI CHÀO MỪNG QUAN KHÁCH

(Trong ngày kỷ niệm Sinh Hoạt Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm thứ 19, 03/30/2014)

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Xin kính chào quý vị quan khách, quý văn, thi, nghệ sĩ, báo chí, truyền thông.

Thật hân hạnh cho chúng tôi lại được đón tiếp và chào mừng quý vị trong ngày kỷ niệm sinh nhật thứ 19 của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Và, đây cũng là lần đầu tiên chúng tôi tổ chức vào buổi trưa vì nhiều độc giả và tác giả không lái xe ban đêm được nữa. Chúng tôi đã hội họp, theo dõi thời tiết và tình hình bán vé. Nhưng thật cảm động thời tiết mấy ngày nay mưa xuân râm rề, giá lạnh mà vẫn được quý vị chiếu cố tham dự đông đảo hơn cả chỉ số mà chúng tôi mong muốn. Việc xếp chỗ thật là một điều khó khăn với tất cả các tổ chức. Anh chị em Cỏ Thơm chúng tôi đều ngồi gác cửa dưới kia. Các bàn còn lại nếu không được hài lòng cũng xin quý vị lượng tình tha thứ cho. Xin cảm ơn sự hiện diện của quý vị.

Như quý vị đã biết 18 năm qua là một thời gian dài đối với một giai phẩm văn học nghệ thuật biên khảo. Báo Cỏ Thơm đứng vững được là nhờ sự ủng hộ và quý mến của tất cả quý vị hiện diện và các độc giả, tác giả khắp bốn phương. Báo cần phải có độc giả để trường tồn. Nhưng khởi nguồn thành hình một tạp chí vẫn là các nhà thơ đã rút ruột tâm tình như tầm nhả kén tơ vào những dòng thơ đẹp, là tài năng sáng tác của các nhà văn đã tạo nên những trang truyện lý thú, ý nghĩa sâu xa, lý tưởng cao

cả. Một tạp chí được nâng lên hàng văn học nghệ thuật cũng là nhờ công phu nghiên cứu văn chương thơ phú giá trị của các biên khảo gia. Không có các vị đó, không thể thành một tạp chí có địa vị. Cỏ Thơm đã đạt được những điều kiện đó nên đã được độc giả chú ý và tìm đọc trong 18 năm qua và đem lại không ngừng nguồn cảm hứng viết văn, làm thơ, biên khảo của các tác giả. Nghĩa là báo cần tác giả cũng như cần độc giả.

Nhân dịp sinh nhật Cỏ Thơm ở tuổi teen ager cuối cùng này, chúng tôi xin phép quý vị quan khách được ghi ơn và vinh danh các tác giả đã cộng tác bền bỉ với Cỏ Thơm từ số 1, từ lúc tạp chí mới sơ sinh và vẫn tiếp tục ở lại với Cỏ Thơm, đó là đó là Học Giả Nguyễn Ngọc Bích. Tiếc rằng anh chị Nguyễn Ngọc Bích đi chơi xa nên không có mặt ở đây.

Cũng đồng thời từ thuở ban đầu là Văn Thi Sĩ Hồ Trường An bên Pháp, Nhà Văn Trương Anh Thụy, Thư Họa Sĩ Vũ Hối, Biên Khảo Gia đương kim Chủ Bút Trần Bích San. Anh Trần Bích San ở New Orleans, nhưng chưa năm nào anh không về đây tham dự Ngày Cỏ Thơm dù rằng anh rất bận công việc.

Nữ sĩ Vi Khuê cũng cộng tác với Cỏ Thơm từ số 1 và tiếp tục thường xuyên, nhưng gần đây phải ngưng vì lý do sức khoẻ. Cỏ Thơm xin gửi lời tri ơn và chúc Nữ Sĩ Vi Khuê được nhiều sự an lành.

Cũng hợp tác với Cỏ Thơm từ số đầu và vẫn có thơ văn đăng trong số báo 66 mới nhất phải kể đến Nhà Thơ Ngô Tăng Giao, Nhà Văn Hồng Thủy, Thi Sĩ Kim Vũ và Thanh Thanh Lê Xuân Nhuận ở California, Tổng Thư Ký Cỏ Thơm Nhà Thơ Ý Anh và lẽ dĩ nhiên là cả bản nữ Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Quý vị và chúng tôi cũng không quên tên người sáng lập Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm là Nhà Thơ Lưu Nguyễn Đạt, nhưng rất tiếc ông không có mặt tại đây.

Một nhà văn có tên trong những số báo đầu của Cỏ Thơm và đã vắng bóng từ lâu trong các sinh hoạt của Cỏ Thơm, nhưng đã đến với Cỏ Thơm hôm nay đó là Nhà Văn Bác Sĩ Trần Long Hồ.

Chúng tôi cũng không quên các tên tuổi kỳ cựu đã cộng tác với Cỏ Thơm từ số báo đầu nhưng nay đã thành người thiên cổ là Nữ Sĩ Kim Y Phạm Lệ Oanh, thân mẫu của Nhà Văn Trương Anh Thụy, Nhà Thơ Anh Độ Đỗ Cẩm Khê, thân phụ của Nhà Thơ Ý Anh, Nhà Thơ Thanh Tâm là thân phụ của Nhà Văn Nguyễn Thị Thanh Bình, Thi Sĩ Nguyễn Đức Vinh là anh của Nhà Văn Hồng Thủy, Văn Thi Sĩ Hà Bình Trung và Nhà Thơ Quỳnh Anh.

Những vị không cộng tác từ số đầu, nhưng nếu còn tại thế, thì sẽ còn sinh hoạt với Cỏ Thơm như Nhà văn Xuân Vũ, Nhà Thơ Vương Đức Lệ, Nhạc Sĩ Nhật Bằng, Nhạc Sĩ Nguyễn Túc, Thi Họa Nhạc Sĩ Vũ Thái Hòa, Nhà Thơ Hoàng Trùng Dương, Nhà Thơ Lam Điền Nguyễn Hữu Thứ, Biên Khảo Gia Lê Thương. Xin nguyện cầu tới các vị Cỏ Thơm đã về cõi vĩnh hằng.

Hiện nay Cỏ Thơm có trên 60 văn, thi, nhạc, họa sĩ hội viên cộng tác trực tiếp thường xuyên với Cỏ Thơm, nhưng thời giờ

có hạn, chúng tôi không thể nêu tên tất cả các vị. Tuy nhiên chúng tôi cũng xin xướng danh hội viên tác giả cao niên nhất có mặt ngày hôm nay đó là Biên Khảo Gia Nguyễn Văn Thành, xin có lời chào mừng và chúc sức khỏe đến anh chị Nguyễn Văn Thành. Hội viên tác giả trẻ nhất là Nhà Văn Phong Thu và Nhà Văn Diễm Trân. Chúng tôi luôn luôn chào mời và đón tiếp các tên tuổi kỳ cựu cũng như trẻ trung muốn cộng tác với Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Chúng tôi mong mỗi lớp đàn em, đàn cháu có tài năng sáng tác văn, thơ giỏi hơn, hay hơn, cao cường hơn chúng tôi và sẽ thay chúng tôi gánh vác vai trò phục vụ văn học Việt Nam hải ngoại.

Chúng tôi cũng rất lấy làm vui mừng một vị độc giả hội viên mới nhất ở vùng này đã đem cả một tiểu đội cựu Sĩ quan Trù Bị Thủ Đức Khóa 22 tới tham dự ngày Cỏ Thơm. Xin chào mừng quý vị chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa có mặt nơi đây.

Sau hết chúng tôi xin cảm ơn quý văn nghệ sĩ sẽ giúp vui trong chương trình văn nghệ đặc biệt chiều nay, do Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ kiêm Chủ Biên Website Phan Anh Dũng giới thiệu Nhạc Sĩ Trần Chí Phúc đến từ California. Xin cảm quý thân hữu đã giúp Cỏ Thơm đón tiếp quan khách, xin cảm ơn Nhà Hàng Harvest Moon đã dành cho chúng tôi những điều kiện dễ dàng nhất để phục vụ quan khách trong ngày quan trọng này. Chúc quý vị một bữa trưa ngon miệng và một mùa xuân vui vẻ hạnh phúc.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

LỜI GIỚI THIỆU CHỦ NHIÊN CỎ THƠM

Nguyễn Thị Ngọc Dung

CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN LÂN

(nhân ngày sinh nhật Cỏ Thơm 19 tuổi (30/3/2014))

Xin kính chào

toàn thể quý vị hiện diện nơi đây.

Thay mặt ACE Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm trân trọng và ưu ái trao tặng chị Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung những đóa hoa đầy ân tình ân nghĩa của vườn CT chúng ta. Chân thành mong ước chị khỏe mạnh tươi vui mãi để chăm bón vườn Cỏ Thơm được lâu dài.

Mười lăm năm trước, tôi chưa biết chị là ai?! Tình cờ một hôm lật tờ báo Sóng Thần, ngay trang giữa giòng chữ “Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội” đập vào mắt tôi. Nhan đề trích đoạn truyện dài của nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung đã kích thích trí tò mò. Tôi vội vã đọc. Một đoạn văn ngắn nhưng trong sáng, dễ thương và cuốn hút người xem. Tôi cảm thấy thích thú. Truyện đã làm tôi sống lại một quãng đời hoa niên thơ mộng trong khung cảnh lãng mạn trữ tình của Hà Nội vẫn còn bàng bạc trong tâm não. Vì tôi đã ra đời và lớn lên ở đó cho mãi đến năm mười bảy tuổi khi đất nước chia đôi, năm 1954 mới theo gia đình di cư vào nam.

Tôi băn khoăn: Nguyễn Thị Ngọc Dung là ai? Từ ngày đó tôi để ý tìm biết nhà văn của “Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội”.

Mấy năm sau, cũng lại tình cờ, tôi gửi truyện ngắn đầu tay Giác Mơ viết về cha tôi – nhà văn, nhà cách mạng Nguyễn Tường Long Hoàng Đạo trong Tự Lực Văn Đoàn. Người tiếp nhận bài viết là chủ bút CT, Nguyễn Thị Ngọc Dung, người tôi mong mỗi gặp. Thế là chúng ta có cơ duyên với nhau, gặp nhau trên văn đàn VN hải ngoại vùng đông bắc Hoa Kỳ. Thế là chị và tôi trao nhau những tư tưởng về văn chương văn hoá VN. Thế là tôi biết nhiều về Nguyễn Thị Ngọc Dung, người không những có năng khiếu về văn chương thi phú, còn có năng khiếu về bếp núc khéo léo, nội trợ đảm đang. Tôi cũng không ngờ nhạc sĩ Thẩm Oánh - thầy của chúng ta lại khám phá giọng oanh vàng của chị.



Vài năm sau nữa, chị phải đảm trách chức vụ Chủ Nhiệm. Bây giờ thì chị còn vất vả hơn. Nào kêu gọi người viết, nhận bài, sửa bài, layout trang trong trang ngoài cả hình thức lẫn nội dung. Nhưng chị có cơ hội học thêm computer mà đa phần những người ở tuổi chúng ta rất yếu! Chưa hết, bài vở nhận rồi, đánh máy rồi phải mang đi in ấn. Chạy tới chạy lui đến nhà in mấy lần rồi mới lấy được báo về. Còn nữa, mang báo đi gửi khắp nơi, cũng lại chị kiêm nhiệm! Thật tội nghiệp con người bé nhỏ xinh xắn mà tràn đầy nghị lực.

Lý do gì mà chị đam mê công việc không hái ra tiền này?

Tôi chỉ thấy sự hy sinh khá nhiều: thời gian đôi khi cả tiền bạc cho Cỏ Thơm vì chị

quá yêu văn chương VN. Có phải không, chị Ngọc Dung? Thêm vào đây, lý tưởng bảo tồn văn chương văn hóa cho người Việt hải ngoại, nhất là cho tuổi trẻ VN mai hậu.

Con cháu chúng ta sống tại đây sẽ không thiếu gì những em nói được tiếng Việt, đọc được tiếng Việt, viết được tiếng Việt – nhiều em còn có khả năng làm thơ, viết văn thì vườn Cỏ Thơm của chúng ta chính là người dẫn lộ cho các em. Tôi tin như vậy. Tôi nghĩ lý tưởng của chị là đây, phải không chị Ngọc Dung?

Xin thành thật ngợi khen và xin quý vị một tràng pháo tay thật vang âm hưởng cho Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung của vườn Cỏ Thơm chúng tôi.

NGUYỄN LÂN

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

HÌNH ẢNH TRONG NGÀY KỶ NIỆM SINH NHẬT 19
Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm
(HENRY VIỆT, PHẠM VĂN TUẤN, NGUYỄN QUỐC KHẢI & PHẠM BÁ)



Phan Anh Dũng, Trần Chí Phúc, Trương Minh Châu,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Đàm xuân Linh.



NAG Nguyễn Quốc Khải, NS Phan Anh Dũng, NgS Tâm Hảo, NS Trần Chí Phúc,
PV Bé Bảy, PV Bùi Dương Liêm



Hoàng Bạch Mai, Diễm Trân, Ý Nguyễn, Ý Anh, Nguyễn Thị Ngọc Dung.



NS Trần Chí Phúc, NAG Trương Minh Châu, NT Ngô Tăng Giao, BKG Phạm Văn Tuấn, Ô. Trần Văn Công.



Ban Trị Sự Cơ Sở Cỏ Thơm: Nguyễn Văn Bá, Đỗ Trang Mỹ Hạnh, Phan Khâm,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trần Bích San, Phan Anh Dũng.



Văn Thi Họa Nhạc Sĩ Cổ Thơm: Hàng 1: Phạm Văn Tuấn, Phong Thu, Ý Anh, Hồng Thủy, Ý Nguyên, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trương Anh Thụy, Diễm Trân, Trương Minh Châu. Hàng 2: Nguyễn Lân, Cao Nguyên, Đăng Nguyên, Nguyễn Văn Thành, Phan Khâm, Nguyễn Phú Long, Cung thị Lan, Trần chí Phúc, Phan Anh Dũng. Hàng 3: Hoàng Song Liêm, Phạm Luân, Nguyễn Văn Bá, Trần bích San, Huy Lãm, Lý Hiểu. Hàng 4: Vũ Hối, Phạm Hữu Bính, Đỗ Phú, Nguyễn Quốc Khải, Ngô Tăng Giao, Phạm Xuân Thái.





Nghệ sĩ - Từ trái- Hàng đầu từ trái: Thái Ninh, Hiếu Thuận, Jennifer Nguyễn, Tâm Hảo, Như Hương, Bạch Mai, Thái Phương, Loan Phượng, Trúc Mai.
Hàng hai: Phạm Dương Hiến, Bằng Nguyễn, Đàm Xuân Linh, Sĩ Tuấn, Sĩ Tuấn, Xuân Thường, Trần Chí Phúc, Đinh Minh Tiến, Vũ Sư Tuệ, Phan Anh Dũng.







Như Hương



Thái Ninh



Thái Phượng



Tâm Hảo



Loan Phượng



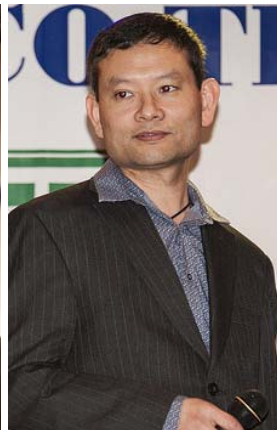
Hiếu Thuận



Vũ Phương



Bạch Mai



Xuân Thường



Tà Áo Dài Quê Hương



“Cờ Vàng Bay Trên Thành Phố Ta Lưu Vong”



Mời Em Khiêu Vũ (Tango).
Trúc Mai và VS Tuệ





Từ trái: NT Ban Sơ, NAG Trương Minh Châu, NS Trần Chí Phúc,
GS Trương Thiệu Long, NS Phan Anh Dũng.



NT Ngô Tăng Giao, BKG Trần Bích San, NV Nguyễn Thị Thanh Bình,
NT Đăng Nguyên, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung.



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

.....

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 [] - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ
ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.

Giá báo: US\$7.00